NHỮ ĐÌNH HÒA

Digitally signed by NHỮ ĐÌNH HÒA
DN: c=VN, st=HÀ NỘI, l=Hoàn Kiếm, o=Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Bảo Việt, ou=BAN GĐ, cn=NHỮ ĐÌNH HÒA, 0.9.2342.19200300.100.1.1=CMND:030072002440
Date: 2018.04.19 21:27:26 +07'00'

BAOVIET Securities

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2017

DẤU ẤN 2017

DỊCH CHUYỂN VỮNG VÀNG

BỨT PHÁ NGOẠN MỤC

TĂNG TRƯỞNG VỮNG BỀN

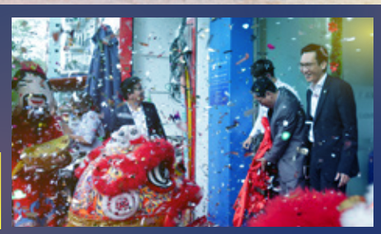

MỤC LỤC

Chương 01

GIỚI THIỆU CHUNG

08 Thông điệp của Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị
10 Thông tin chung về công ty

Chương 02

QUẢN TRỊ CÔNG TY

28 Cơ cấu tổ chức
30 Nhân sự chủ chốt
34 Thông tin dành cho Cổ đông
36 Quan hệ Cổ đông (IR) năm 2017
42 Hội đồng quản trị
50 Ban kiểm soát
54 Kiểm toán nội bộ
56 Quản trị rủi ro
62 Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích
64 Đánh giá quản trị công ty tham chiếu thẻ điểm quản trị Asean

Chương 03

BÁO CÁO TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2017

74 Tổng quan nền kinh tế thị trường chứng khoán năm 2017
78 Báo cáo của Hội đồng quản trị
80 Báo cáo của Ban Tổng giám đốc

Chương 04

KẾ HOẠCH KINH DOANH TRONG NĂM 2018

114 Chiến lược phát triển giai đoạn 2016 – 2020
116 Mục tiêu và cam kết hành động năm 2018

Chương 05

PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

129 Thông điệp của Tổng giám đốc về phát triển bền vững
132 GRI 101 - Tổng quan về phát triển bền vững tại BVSC
144 GRI 200 - Hiệu quả hoạt động kinh tế
145 GRI 300 - Môi trường
148 GRI 400 - Xã hội
162 Một số chỉ tiêu cơ bản đánh giá Phát triển bền vững tại BVSC (theo GRI)

PHỤ LỤC

164 Phụ lục I – bảng chỉ tiêu quản trị theo quy chế Camel
166 Phụ lục II - bảng chỉ tiêu tài chính theo quy chế Camel
167 Phụ lục III - bảng tuân thủ báo cáo theo GRI

Chương 06

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

172 Thông tin chung
173 Báo cáo của Hội đồng quản trị
174 Báo cáo kiểm toán độc lập
176 Báo cáo tình hình tài chính tổng hợp
182 Báo cáo kết quả hoạt động tổng hợp
184 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp
188 Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu tổng hợp
190 Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp
252 Thông tin chung
253 Báo cáo của ban Tổng giám đốc
254 Báo cáo kiểm toán độc lập
256 Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính
258 Thuyết minh báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính

01

GIỚI THIỆU CHUNG

08 Thông điệp của Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị
10 Thông tin chung về công ty

THÔNG ĐIỆP
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

> “Chúng tôi sẽ tiếp tục nỗ lực và quyết tâm cao nhất vì mục tiêu phát triển bền vững cho BVSC.

Kính gửi quý cổ đông, khách hàng và các đối tác của BVSC !

Năm 2017, Thị trường chứng khoán Việt Nam đã có những bước phát triển ngoạn mục cả về điểm số lẫn giá trị giao dịch. Chỉ số VNINDEX và HNXINDEX tăng lần lượt 48% và 46% so với năm 2016, trong khi đó thanh khoản thị trường cải thiện mạnh mẽ với sự tăng trưởng tại cả HSX lẫn HNX lần lượt là 72,3% và 25,8%. Những thuận lợi này mở ra các cơ hội lớn cho các công ty chứng khoán trên thị trường, trong đó có BVSC.

Năm 2017 cũng là năm thứ 2 trong lộ trình thực hiện chiến lược 5 năm giai đoạn 2016-2020 đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên 2016 thông qua ngày 12/5/2016, với mục tiêu giữ vững vị trí công ty chứng khoán hàng đầu, cung cấp các dịch vụ chứng khoán đa dạng và tốt nhất cho khách hàng, mang đến sự hài lòng nhất cho cổ đông. Với định hướng kinh doanh tập trung vào 3 trụ cột chính vốn là thế mạnh của BVSC, bao gồm Môi giới và dịch vụ tài chính, Tư vấn và Đầu tư, trong năm 2017, nắm bắt những cơ hội thị trường, bằng định hướng đúng đắn, những nỗ lực và quyết tâm cao của HĐQT, Ban điều hành cùng toàn thể CBNV, BVSC đã có sự bứt phá mạnh mẽ khi về đích với việc hoàn thành tốt các chỉ tiêu kinh doanh được ĐHCĐ 2017 thông qua, doanh thu thực hiện tăng trưởng lần lượt là 33,7% và 47,2% so với kế hoạch và so với 2016; lợi nhuận sau thuế thực hiện tăng trưởng lần lượt là 10,7% và 27,1% so với kế hoạch và so với 2016. Không những thế, thương hiệu BVSC tiếp tục được củng cố khi hoàn tất thương vụ thoái vốn Sabeco – thương vụ được đánh giá là lớn nhất khu vực châu Á trong năm 2017, trong đó BVSC đảm nhiệm vai trò là nhà tư vấn chính. Bên cạnh đó, với việc quản trị tài chính và quản trị rủi ro tốt nên các chỉ tiêu về năng lực hoạt động, khả năng sinh lời, chỉ tiêu về vốn khả dụng của BVSC đều đạt mức cao và nằm trong TOP đầu các CTCK đạt hiệu quả kinh doanh cao trên thị trường.

Doanh thu tăng trưởng

47,2% so với 2016

Lợi nhuận sau thuế tăng trưởng

27,1% so với 2016

Có thể khẳng định, kết quả kinh doanh năm 2017 tiếp tục đặt nền móng vững chắc cho việc thực thi các mục tiêu trung hạn đặt ra trong giai đoạn 2016-2020, góp phần củng cố những định hướng chiến lược có tính bền vững của Công ty trong bối cảnh môi trường kinh doanh liên tục biến động. Đạt được kết quả này, BVSC hiểu rằng chúng tôi đã nhận được sự quan tâm, đồng hành và tín nhiệm của các Quý vị cổ đông, Khách hàng và các Đối tác trong năm 2017 cũng như trong suốt 18 năm hình thành và phát triển của Công ty. Chúng tôi cũng hiểu rằng, kết quả đạt được trong năm 2017 là thành quả của sự nỗ lực không ngừng nghỉ với tinh thần quyết tâm cao của tập thể ban lãnh đạo và cán bộ nhân viên Công ty. Thay mặt HĐQT, tôi xin gửi lời tri ân tới các quý vị.

Bước sang năm 2018, BVSC có niềm tin vào những định hướng chính sách tiền tệ của Chính phủ trong việc điều hành cung tiền, tăng trưởng tín dụng, triển vọng nâng hạng trên TTCK Việt Nam... sẽ tiếp tục mở ra những cơ hội cho TTCK nói chung cũng là cơ hội cho BVSC nói riêng. Chúng tôi sẽ tiếp tục nỗ lực và quyết tâm cao nhất vì mục tiêu phát triển bền vững cho BVSC.

Một lần nữa, thay mặt HĐQT, tôi xin gửi lời cảm ơn chân thành và sâu sắc tới các quý vị cổ đông, khách hàng và toàn thể cán bộ nhân viên đã luôn đồng hành với Công ty.

TRẦN TRỌNG
Thay mặt HĐQT
Chủ tịch

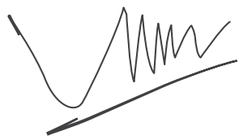

Đậu Minh Lâm

THÔNG TIN CHUNG VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt (BVSC) là công ty chứng khoán hàng đầu và uy tín trên thị trường chứng khoán Việt Nam, chuyên cung cấp các dịch vụ tài chính và đầu tư chuyên nghiệp cho các nhà đầu tư tổ chức và cá nhân, các quỹ và ngân hàng đầu tư danh tiếng trong nước và nước ngoài.

Được thành lập từ năm 1999 với cổ đông sáng lập là Tổng Công ty Bảo hiểm Việt Nam (nay là Tập đoàn Bảo Việt), trực thuộc Bộ Tài chính, BVSC kế thừa thương hiệu uy tín và thế mạnh tài chính của một Tập đoàn tài chính bảo hiểm hàng đầu Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢO VIỆT

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh
Số 01/GPHĐKD do Ủy ban chứng khoán Nhà nước cấp ngày 26/11/1999

Vốn điều lệ

722.339.370.000 đồng

Mã cổ phiếu

BVS, được niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX)

Vốn chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2017

1.698.103.606.710 đồng

Địa chỉ
Tầng 2 và 3, tòa nhà số 72 Trần Hưng Đạo, phường Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

Điện thoại
(84-24) 39288080

Fax
(84-24) 39289888

Website
www.bvsc.com.vn

TẦM NHÌN

Giữ vững vị trí là Công ty chứng khoán hàng đầu, mang đến những dịch vụ tốt nhất cho khách hàng và sự hài lòng nhất cho cổ đông.

SỨ MỆNH

Trao "Niềm tin vững chắc" cho Nhà đầu tư, Doanh nghiệp bằng "Cam kết vững bền".

GIÁ TRỊ CỐT LÕI

- Uy tín là tài sản quan trọng nhất của Công ty;
- Đạo đức nghề nghiệp là phẩm chất quan trọng nhất của nhân viên;
- Tuân thủ và kiểm soát rủi ro.

LỊCH SỬ HÌNH THÀNH PHÁT TRIỂN

1999

Chính thức được thành lập với cổ đông sáng lập là Tổng Công ty Bảo hiểm Việt Nam, nay là Tập đoàn Tài chính – Bảo hiểm Bảo Việt, trực thuộc Bộ Tài chính

2000

Thành lập Chi nhánh và khai trương phòng Giao dịch tại Thành phố Hồ Chí Minh

2006

- Tăng vốn điều lệ từ 49,45 tỷ đồng lên 150 tỷ đồng
- Cổ phiếu BVSC (Mã CK: BVS) chính thức niêm yết trên Trung tâm Giao dịch chứng khoán Hà Nội, nay là Sở GDCK Hà Nội (HNX)

2008

- Tăng vốn điều lệ từ 150 tỷ đồng lên 450 tỷ đồng
- Khai trương Trụ sở chính và sàn giao dịch mới tại số 8, Lê Thái Tổ, quận Hoàn Kiếm – Hà Nội
- Khai trương phòng Giao dịch số 1 tại 94 Bà Triệu, Hoàn Kiếm, Hà Nội

2009

- Tăng vốn điều lệ từ 450 tỷ đồng lên 722,3 tỷ đồng
- Khai trương phòng Giao dịch 146 Nguyễn Văn Cừ, Quận 5, TpHCM
- Kỷ niệm 10 năm ngày thành lập Công ty

2010

- Thay đổi logo và hệ thống nhận diện thương hiệu mới
- Chuyển trụ sở Chi nhánh về địa chỉ 233 Đồng Khởi, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh đồng thời thành lập phòng Giao dịch 11 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, Tp HCM

2011

Khai trương phòng Giao dịch Mỹ Đình tại số 8 Nguyễn Cơ Thạch – Từ Liêm – Hà Nội

2012

Cổ phiếu BVS được lựa chọn nằm trong bộ chỉ số HNX 30 – IDX

2014

Kỷ niệm 15 năm ngày thành lập Công ty

2015

- Thành lập Phòng Giao dịch Láng Hạ tại 14 Láng Hạ, Quận Ba Đình, Hà Nội
- Thành lập Phòng Giao dịch 233 Đồng Khởi tại 233 Đồng Khởi, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
- Chuyển PGD Mỹ Đình về 519 Kim Mã, Ba Đình, Hà Nội và đổi tên thành Phòng Giao dịch Kim Mã

2016

Chuyển PGD 146 Nguyễn Văn Cừ về 90 Cao Thắng và đổi tên thành Phòng Giao dịch 90 Cao Thắng trực thuộc chi nhánh TP. Hồ Chí Minh

2017

- Chuyển trụ sở sang tầng 2 và 3, tòa nhà số 72 Trần Hưng Đạo, phường Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội
- Thành lập phòng giao dịch 174 Lê Hồng Phong trực thuộc chi nhánh TP. Hồ Chí Minh.

CÁC LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG

01
Môi giới chứng khoán

Môi giới khách hàng cá nhân

Là Công ty chứng khoán đầu tiên được thành lập tại Việt Nam, trong hơn 18 năm hình thành và phát triển, BVSC luôn giữ vững vị thế là một trong những Công ty chứng khoán uy tín hàng đầu trên thị trường. Hiện có trên 55 ngàn khách hàng mở tài khoản giao dịch chứng khoán tại BVSC. Công ty luôn nằm trong TOP 3 công ty chứng khoán có thị phần môi giới Trái phiếu lớn nhất; đồng thời liên tục nằm trong TOP 10 công ty chứng khoán có thị phần môi giới CP&CCQ lớn nhất trên thị trường.

Môi giới khách hàng tổ chức

Trong nhiều năm qua BVSC là đối tác tin cậy của các tổ chức tài chính chuyên nghiệp trong và ngoài nước như Merrill Lynch, UBS, JP Morgan, NOMURA, Dragon Capital, Vina Capital, East Spring....

Với cam kết "Lấy khách hàng làm trọng tâm" trong chiến lược phát triển của mình, BVSC đã và đang thực hiện đầu tư đồng bộ về công nghệ thông tin, nguồn nhân lực, nghiên cứu phát triển sản phẩm nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ, đa dạng hóa sản phẩm nhằm đáp ứng nhu cầu đầu của các tổ chức.

02
Lưu ký

BVSC cung cấp các dịch vụ lưu ký chứng khoán cho người đầu tư bao gồm ký gửi chứng khoán, thực hiện quyền, chuyển khoản, cầm cố chứng khoán, cho tặng, thừa kế chứng khoán cũng như các giao dịch chứng khoán lô lẻ. Dịch vụ lưu ký do BVSC cung cấp được thực hiện một cách nhanh chóng, thuận tiện và cẩn trọng trên nguyên tắc tuân thủ các quy định của Ủy ban chứng khoán Nhà nước và Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD).

03
Tự doanh

BVSC sử dụng nguồn vốn của mình thực hiện đầu tư vì mục tiêu lợi nhuận. BVSC thực hiện hoạt động tự doanh trên cơ sở tuân thủ triệt để nguyên tắc không xung đột với lợi ích của khách hàng.

04
Tư vấn doanh nghiệp và Ngân hàng đầu tư

Là tổ chức tư vấn chuyên nghiệp, BVSC cung cấp cho khách hàng các sản phẩm và dịch vụ bao gồm Dịch vụ thị trường vốn; Dịch vụ thị trường nợ; Tái cấu trúc, Mua bán và Sáp nhập doanh nghiệp (M&A) và các nghiệp vụ tư vấn tài chính khác.

Hoạt động Ngân hàng Đầu tư của BVSC với hệ thống sản phẩm và dịch vụ đa dạng luôn mang đến cho khách hàng những dịch vụ tài chính tốt nhất. Với phương châm "Chất lượng - Tiến độ - Hiệu quả", và Mục tiêu "Tối đa hóa lợi ích của khách hàng", các chuyên gia của BVSC luôn cố gắng đáp ứng tối đa yêu cầu cho từng nhóm đối tượng khách hàng.

05
Phân tích và tư vấn đầu tư

Với đội ngũ chuyên gia phân tích có trình độ chuyên môn cao và giàu kinh nghiệm, nhạy bén và thường xuyên bám sát diễn biến thị trường, hoạt động Phân tích và Tư vấn đầu tư của BVSC những năm qua được đánh giá cao không chỉ ở tính đa dạng của các sản phẩm phân tích mà còn là chất lượng sản phẩm đáp ứng được nhu cầu của khách hàng đầu tư, thể hiện ở tính chính xác, khách quan và cập nhật.

Hiện nay, BVSC cung cấp một chuỗi các sản phẩm phân tích khá đa dạng và toàn diện từ các sản phẩm phân tích vĩ mô, nhận định thị trường, báo cáo trái phiếu, báo cáo chiến lược đầu tư, phân tích ngành và doanh nghiệp.....Đặc biệt, các sản phẩm phân tích tư vấn đầu tư theo danh mục của BVSC luôn được các Nhà đầu tư đón nhận và đánh giá cao về chất lượng báo cáo.

MẠNG LƯỚI HOẠT ĐỘNG

HỘI SỞ

Địa chỉ Tầng 2 và 3, tòa nhà số 72 Trần Hưng Đạo, phường Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội
Điện thoại (84-24) 3.928 8080
Fax (84-24) 3.928 9888
Email info-bvsc@baoviet.com.vn
Website www.bvsc.com.vn

SÀN GIAO DỊCH HỘI SỞ

Địa chỉ Tầng 2, tòa nhà số 72 Trần Hưng Đạo, phường Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội
Điện thoại (84-24) 3.928 8080 / Ext 804
Fax (84-24) 3.9288999

PHÒNG GIAO DỊCH SỐ 1

Địa chỉ 94 Bà Triệu, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
Điện thoại (84-24) 3.928 9950
Fax (84-24) 3.943 3012

PHÒNG GIAO DỊCH KIM MÃ

Địa chỉ Tầng 2, tòa nhà 519 Kim Mã, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại (84-24) 3.928 8080/ Ext: 887
Fax (84-24) 3.237 3135

PHÒNG GIAO DỊCH LÁNG HẠ

Địa chỉ Tầng 12, tòa nhà 14 Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại (84-24) 3.928 8888/ Ext: 873
Fax (84-24) 3.772 8682

CHI NHÁNH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ Lầu 8, Tòa nhà Tập đoàn Bảo Việt, 233 Đồng Khởi, Quận 1, Tp.HCM
Điện thoại (84-28) 3.914 6888
Fax (84-28) 3.914 7999
Email info.hcm@baoviet.com.vn

PHÒNG GIAO DỊCH CHI NHÁNH

Địa chỉ 11 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại (84-28) 3.821 8564 / Ext 320 - 327
Fax (84-28) 3.821 8566 / 3.914 1435
Eamail Brokerage.hcm@baoviet.com.vn

PHÒNG GIAO DỊCH 90 CAO THẮNG

Địa chỉ 90 Cao Thắng, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại (84-28) 3.837 7799
Fax (84-28) 3.837 11005

PHÒNG GIAO DỊCH 233 ĐỒNG KHỞI

Địa chỉ Lầu G, Tòa nhà Bảo Việt, 233 Đồng Khởi, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại (84-28) 3.914 6888
Fax (84-28) 3.914 7999

PHÒNG GIAO DỊCH 174 LÊ HỒNG PHONG

Địa chỉ 174 Lê Hồng Phong, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại (84-28) 3 914 6888
Fax (84-28) 3.914 7999

GIẢI THƯỞNG

Do các cơ quan quản lý vinh danh

Chính phủ

Đơn vị dẫn đầu phong trào thi đua năm 2013

Bộ Tài chính

- Tập thể lao động xuất sắc 2016
- Bằng khen về thành tích xây dựng và phát triển TTCK Việt Nam giai đoạn 2000 – 2005
- Bằng khen về thành tích xây dựng và phát triển TTCK Việt Nam giai đoạn 2009 – 2014

Ủy ban chứng khoán nhà nước

Bằng khen về thành tích xuất sắc trong hoạt động của Thị trường Trái phiếu thứ cấp năm 2012

Sở giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HSX)

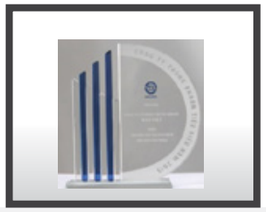

Công ty chứng khoán tiêu biểu: Top 5 thị phần giá trị giao dịch môi giới trái phiếu năm 2015

Công ty chứng khoán tiêu biểu: Top 10 thị phần giá trị giao dịch môi giới cổ phiếu và CCQ năm 2016

Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX)

Bằng khen về những đóng góp tích cực vào sự phát triển thị trường Trái phiếu Chính phủ từ năm 2009 tới năm 2014

- Công ty chứng khoán thành viên tiêu biểu giai đoạn 2005 - 2017
- Thành viên tiêu biểu trong 5 năm liên tiếp 2013 – 2014 – 2015 - 2016 - 2017

Top 30 Doanh nghiệp niêm yết minh bạch nhất trong 4 năm liên tiếp 2013 - 2014 – 2015 - 2016

Công ty chứng khoán thành viên có dịch vụ Tư vấn tốt nhất giai đoạn 2005 – 2015

Trung tâm lưu ký chứng khoán (VSD)

Top 10 Thành Viên Tiêu Biểu Trong Hoạt Động Thanh Toán Tiền Chứng Khoán Năm 2017

GIẢI THƯỞNG (TIẾP THEO)

Khác & quốc tế

Trung tâm sách kỷ lục Việt Nam

Chứng nhận Công ty chứng khoán đầu tiên tại Việt Nam

Ủy ban Trung ương Hội doanh nhân trẻ Việt Nam

Sao vàng đất Việt 2015

Thời báo kinh tế Việt Nam

Thương hiệu mạnh Việt Nam 4 năm liên tiếp 2013 – 2014 – 2015 -2016

Diễn đàn M&A thường niên

Nhà tư vấn M&A tiêu biểu nhất giai đoạn 2009 - 2014

Tổ chức tư vấn Cổ phần hóa tiêu biểu nhất 2013 - 2014

Công ty Chứng khoán tiêu biểu nhất – hạng mục Cổ phần hóa/ Thoái vốn DNNN 2015

Giải báo cáo thường niên (ARA)

- Top 10 Báo cáo thường niên tốt nhất 3 năm liên tiếp 2013 – 2014 -2015
- Top 30 Báo cáo thường niên tốt nhất năm 2012 & 2016

Giải thương hiệu phát triển bền vững

Top 20 thương hiệu phát triển bền vững

"Công ty chứng khoán tiêu biểu Việt Nam năm 2016 – 2017 hạng mục tư vấn hợp nhất"

GLOBAL BANKING AND FINANCE REVIEW

- Nhà môi giới tốt nhất Việt Nam 2015 – 2016 - 2017
- Nhà tư vấn tốt nhất Việt Nam 2016 – 2017

FINANCE ASIA

Công ty tư vấn tốt nhất Việt Nam 2008

CÁC CHỈ SỐ CƠ BẢN (KPIs)

(Đơn vị: đồng)

CÁC CHỈ TIÊU CƠ BẢN	2013	2014	2015	2016 (Trình bày lại)	2017
Tổng doanh thu và thu nhập khác	207.377.427.815	305.820.310.237	287.614.818.547	327.322.475.623	483.792.424.443
Doanh thu môi giới	44.720.895.335	108.679.704.730	84.023.709.261	99.886.761.357	207.668.059.443
Doanh thu tư vấn	6.180.753.634	5.537.945.455	9.490.733.596	9.547.5560.363	8.401.798.160
Lãi đầu tư các tài sản tài chính	50.138.398.752	61.025.574.026	53.174.893.673	90.687.047.076	115.357.684.679
Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	97.048.143.328	116.689.868.993	120.095.391.995	98.486.397.721	122.540.135.817
Doanh thu bảo lãnh, đại lý phát hành CK, ủy thác đấu giá	1.851.646. 735	139.862.699	1.028.025.755	272.264.577	925.710.277
Doanh thu nghiệp vụ lưu ký CK	2.952.805.849	3.278.191.104	3.694.319.217	4.377.884.402	5.986.672.222
Doanh thu hoạt động tài chính và doanh thu khác	4.457.966.000	9.992.652.105	15.672. 382.454	24.055.000.490	22.800.501.118
Thu nhập khác	26.818.182	476.511.125	435.363.636	9.563.637	111.862.727
Lợi nhuận trước thuế	85.817.719.866	131.642.224.052	120.324.624.019	121.486.939.130	152.423.491.629
Lợi nhuận sau thuế	85.817.719.866	131.642.224.052	116.105.180.030	102.173.934.708	122.444.616.421
Tổng tài sản	1.792.694.852.348	1.883.734.671.165	1.667.826.874.024	1.879.658.673.415	2.198.954.446.672
Nguồn vốn chủ sở hữu	1.212.053.905.365	1.341.205.921.867	1.450.739.880.694	1.567.684.885.495	1.698.103.606.710

CHỈ TIÊU ĐẶC THÙ	2013	2014	2015	2016	2017
Tỷ lệ an toàn vốn khả dụng	553%	773%	735%	678%	702%
Hệ số thanh toán hiện hành (TS ngắn hạn/Nợ ngắn hạn)	2,83	3,11	6,38	4,44	3,55
Hệ số thanh toán nhanh (Tiền & các khoản tương đương tiền/Nợ ngắn hạn)	0,92	3,11	2,07	4,22	3,48
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1,188	1,732	1,552	1,339	1,626

Tổng doanh thu (Đơn vị: tỷ đồng)

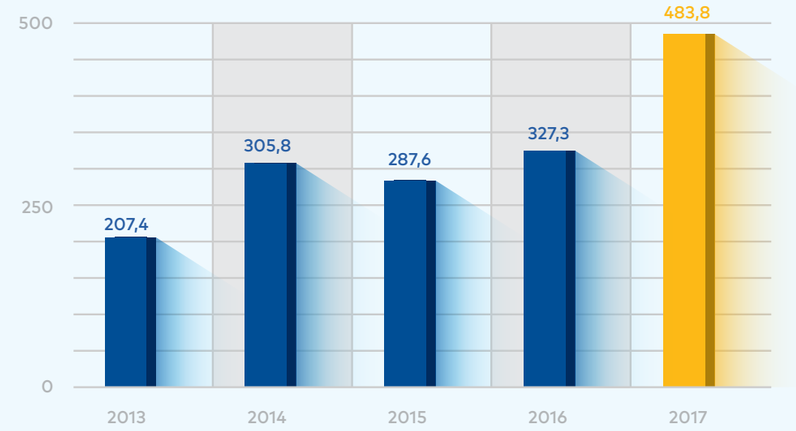

Lợi nhuận trước thuế (Đơn vị: tỷ đồng)

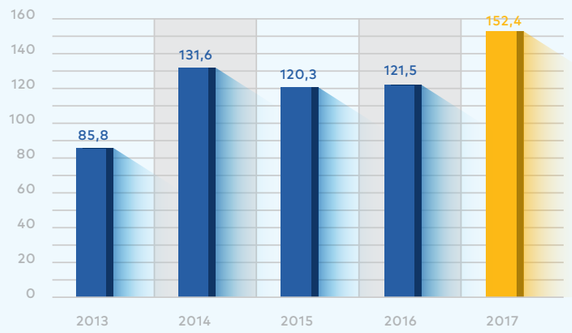

Lợi nhuận sau thuế (Đơn vị: tỷ đồng)

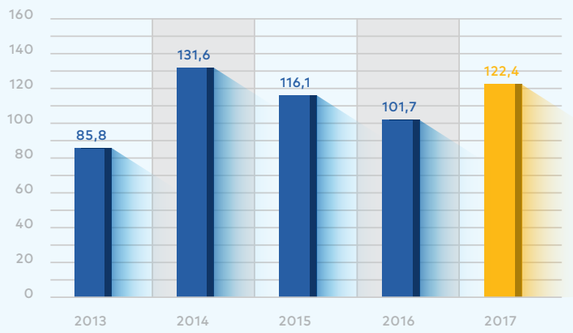

DỊCH CHUYỂN VỮNG VÀNG

Kinh doanh tăng trưởng trong một môi trường luôn biến động đặt ra thách thức lớn trong công tác quản trị. Chúng tôi hiểu rằng, xây dựng hệ thống quản trị công ty hiệu quả là xây dựng một môi trường của lòng tin, tính minh bạch, sự ổn định về tài chính và đạo đức kinh doanh. Luôn tự đặt ra cho mình những yêu cầu khắt khe để hướng tới sự chuẩn mực trên thị trường, đó là cách để BVSC xây dựng nền móng vững chắc cho sự phát triển lâu dài.

02

QUẢN TRỊ CÔNG TY

28 Cơ cấu tổ chức
30 Nhân sự chủ chốt
34 Thông tin dành cho Cổ đông
36 Quan hệ Cổ đông (IR) năm 2017
42 Hội đồng quản trị
50 Ban kiểm soát
54 Kiểm toán nội bộ
56 Quản trị rủi ro
62 Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích
64 Đánh giá quản trị công ty tham chiếu thẻ điểm quản trị Asean

CƠ CẤU TỔ CHỨC

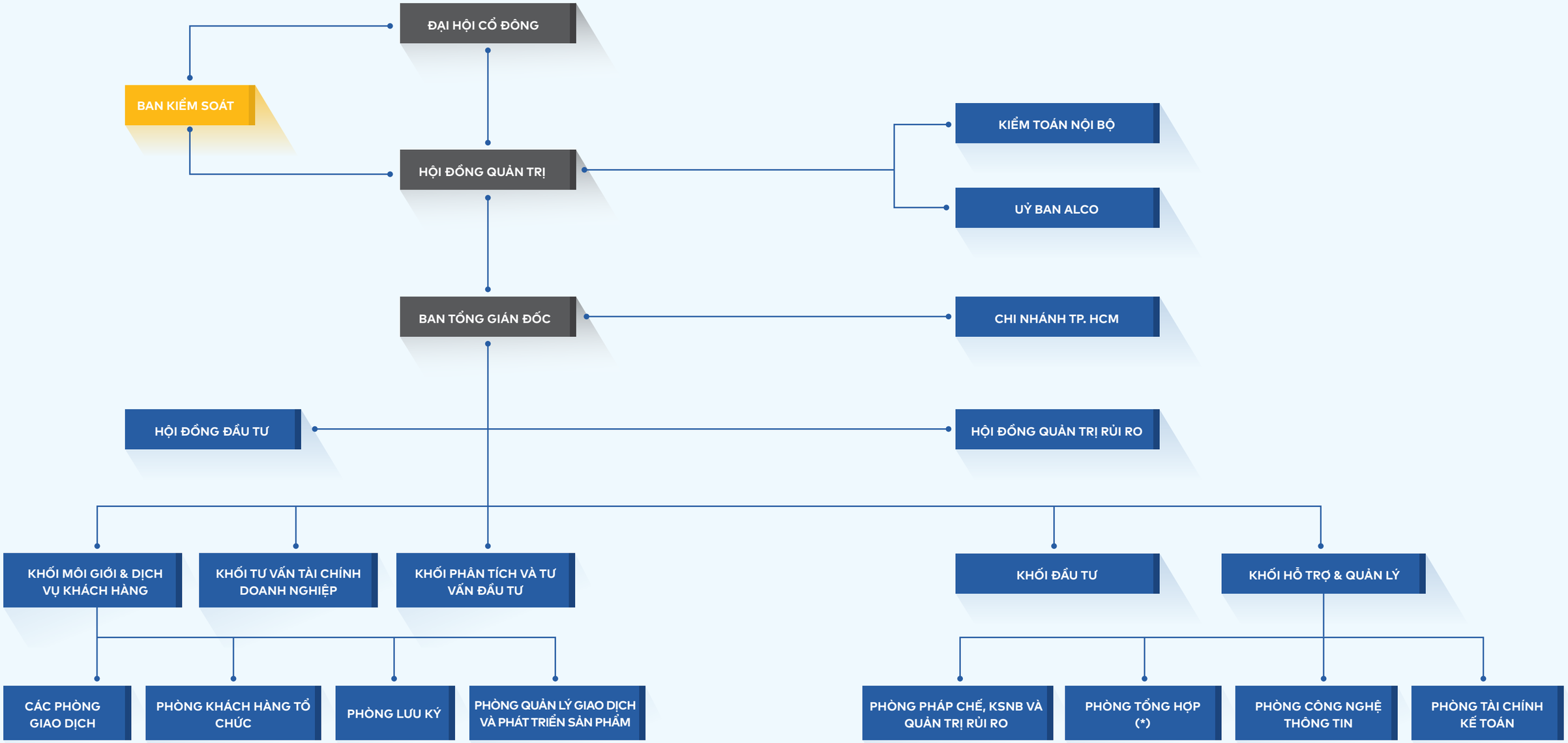

(*) Phòng Tổng hợp thực hiện các chức năng quản trị nhân sự (HR), quan hệ nhà đầu tư (IR), truyền thông (PR), kế hoạch tổng hợp và công tác hành chính

***** Các công ty con, công ty liên kết: không có**

NHÂN SỰ CHỦ CHỐT

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

ÔNG ĐẬU MINH LÂM
Chủ tịch HĐQT (Không điều hành)

- Ngày bổ nhiệm TV. HĐQT BVSC đầu tiên: 12/05/2016
- Ngày tháng năm sinh: 25/10/1978
- Học vấn: Thạc sĩ chuyên ngành Ngân hàng tài chính

Kinh nghiệm làm việc:

- 05/2016 – nay: Chủ tịch HĐQT BVSC.
- 12/2014 – nay: Thành viên HĐQT Tập đoàn Bảo Việt.
- 04/2015 – nay: Chủ tịch HĐTV Công ty Quản lý Quỹ Bảo Việt.
- 12/2014 – 04/2015: Giám đốc Khối Đầu tư – Tập đoàn Bảo Việt.
- 04/2015 – 01/2017: Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ Bảo Việt.
- 01/2006 – 12/2014: Phó phòng phụ trách phòng Kế toán tổng hợp; Trưởng phòng Đầu tư cổ phiếu chưa niêm yết; Phó Tổng giám đốc; Giám đốc Đầu tư Công ty Quản lý Quỹ Bảo Việt.
- 11/2001 – 12/2005: KTV phòng Quản lý Dự án; Phó phòng Đầu tư trực tiếp Trung tâm Đầu tư, Tổng công ty Bảo hiểm Việt Nam.
- 02/2001 – 11/2001: Chuyên viên Công ty Xây dựng 17, Tổng công ty Xây dựng Trường Sơn

Các chức vụ khác hiện nay:

- Thành viên HĐQT Tập đoàn Bảo Việt;
- Chủ tịch HĐTV Công ty Quản lý Quỹ Bảo Việt;
- Thành viên HĐQT CTCP Du lịch Lâm Đồng.

ÔNG NGUYỄN QUANG HƯNG
Thành viên HĐQT (Không điều hành)

- Ngày bổ nhiệm TV. HĐQT BVSC đầu tiên: 27/06/2017
- Ngày tháng năm sinh: 02/04/1974
- Học vấn: Cử nhân Kinh tế, Cử nhân Tiếng Anh Thạc sĩ quản trị kinh doanh

Kinh nghiệm làm việc:

- 06/2017 – nay: Thành viên HĐQT BVSC.
- 01/2015 - nay: Phó TGĐ Tổng công ty Bảo hiểm Bảo Việt;
- 03/2014 – 12/2014: Giám đốc Ban Tái Bảo hiểm Tổng công ty Bảo hiểm Bảo Việt;
- 03/2009 – 03/2014: Trưởng phòng Tái Bảo hiểm Tổng công ty Bảo hiểm Bảo Việt;
- 04/2004 – 03/2009: Phó Phòng Tái Bảo hiểm Tổng công ty Bảo hiểm Bảo Việt.
- 09/2001 – 05/2003: Chuyên viên Công ty môi giới tái bảo hiểm Aon Re Singapore;
- 08/1995 – 09/2001: Chuyên viên Phòng tái bảo hiểm Tổng công ty Bảo hiểm Bảo Việt

Các chức vụ khác hiện nay:

- Phó TGĐ Tổng công ty Bảo hiểm Bảo Việt.

ÔNG NGUYỄN HỒNG TUẤN
Thành viên HĐQT (Không điều hành)

- Ngày bổ nhiệm TV. HĐQT BVSC đầu tiên: 27/06/2017
- Ngày tháng năm sinh: 31/03/1969
- Học vấn: Cử nhân Tiếng Anh, Cử nhân Luật, Thạc sĩ quản trị kinh doanh

Kinh nghiệm làm việc:

- 06/2017 – nay: Thành viên HĐQT BVSC.
- 05/2014 – nay: Phó Chủ tịch HĐQT Ngân hàng TMCP Bảo Việt;
- 12/2011 – T9/2017: Quyền TGĐ, TGĐ Ngân hàng TMCP Bảo Việt;
- 01/2009 – 12/2011: Phó TGĐ kiêm GĐ Sở GD, Giám đốc khối ngân hàng bán lẻ Ngân hàng TMCP Bảo Việt;
- 12/2006 – 11/2006: Trưởng ban Dự án Ngân hàng Bảo Việt, Thành viên ban trù bị thành lập Ngân hàng Bảo Việt.
- 01/2006 – 11/2006: Phó trưởng ban phụ trách Ban đầu tư Bảo Việt;
- 4/1998 – 11/2005: Phó trưởng phòng P. Đầu tư vốn, Phó GĐ Trung tâm Đầu tư Bảo Việt;
- 12/1994 – 4/1998: Cán bộ phòng Đầu tư vốn Tổng công ty Bảo hiểm Việt Nam

Các chức vụ khác hiện nay:

- Phó Chủ tịch HĐQT Ngân hàng TMCP Bảo Việt.

ÔNG NGUYỄN ANH TUẤN
Thành viên HĐQT (Không điều hành)

- Ngày bổ nhiệm TV. HĐQT BVSC: 12/05/2016
- Ngày tháng năm sinh: 05/09/1977
- Học vấn: Thạc sỹ Tài chính - Ngân hàng

Kinh nghiệm làm việc:

- 05/2016 – nay: TV. HĐQT BVSC.
- 11/2016 – nay: Giám đốc Khối Quản lý Hoạt động Tập đoàn Bảo Việt.
- 5/2016 – 11/2016: Quyền Giám đốc Khối Quản lý Hoạt động Tập đoàn Bảo Việt.
- 04/2015 – 5/2016: Phó Giám đốc Khối Quản lý Hoạt động Tập đoàn Bảo Việt.
- 09/2014 – 04/2015: Phó trưởng ban – Ban Thư ký – Tổng hợp – Khối Quản lý hoạt động Tập đoàn Bảo Việt.
- 12/2012 – 09/2014: Phó trưởng ban – Ban Đầu tư Dự án – Khối Đầu tư Tập đoàn Bảo Việt.
- 04/2011 – 12/2012: Phó trưởng ban – Ban Đầu tư chiến lược – Khối đầu tư Tập đoàn Bảo Việt.
- 01/2006 – 04/2011: Chuyên viên chính Quản lý và thẩm định dự án đầu tư – Ban đầu tư chiến lược Tập đoàn Bảo Việt.
- 11/2001 – 01/2006: Chuyên viên Quản lý dự án – Phòng Quản lý Dự án – Trung tâm Đầu tư Tổng công ty Bảo hiểm Việt Nam.

Các chức vụ khác hiện nay:

- Thành viên HĐTV Công ty TNHH Bảo hiểm Bảo Việt – Tokio Marine;
- Phó chủ tịch HĐQT CTCP Du lịch Khách sạn Sài Gòn – Hạ Long.
- Chủ tịch Ban đại diện Quỹ BVFED.

ÔNG LÊ VĂN BÌNH
Thành viên HĐQT (Không điều hành)

- Ngày bổ nhiệm TV. HĐQT lần đầu tiên: 2001
- Ngày bổ nhiệm lại TV. HĐQT: 15/04/2015
- Ngày tháng năm sinh: 02/01/1955
- Học vấn: Thạc sĩ quản trị kinh doanh

Kinh nghiệm làm việc:

- 2001 - nay: Thành viên HĐQT BVSC
- 10/2007 – 01/2015: Thường trực Ủy ban Kiểm toán, Giám đốc Kiểm toán nội bộ - Tập đoàn Bảo Việt
- Năm 1994 – 10/2007: Phó Trưởng Phòng, Trưởng Phòng Tài chính Kế toán, Ủy viên HĐQT kiêm Kế toán trưởng – Tcty Bảo hiểm Việt Nam
- Năm 1983 – 1994: Giảng viên ĐH Tài chính Kế toán Hà Nội

Các chức vụ khác hiện nay: không có

ÔNG NHỮ ĐÌNH HÒA
Thành viên HĐQT (Điều hành)

- Ngày bổ nhiệm TV. HĐQT lần đầu tiên: 03/04/2010
- Ngày tái bổ nhiệm TV. HĐQT BVSC: 15/04/2015
- Ngày tháng năm sinh: 12/04/1972
- Học vấn: Thạc sỹ kế toán, Cử nhân Quản trị Kinh doanh

Kinh nghiệm làm việc:

- 04/2010 đến nay: Thành viên HĐQT BVSC
- 02/2010 – nay: Tổng Giám đốc BVSC
- Năm 2005 – 02/2010: Phó Tổng Giám đốc BVSC
- Năm 2000 – 2005: Trưởng Phòng Giao dịch, Trưởng Phòng tư vấn và tự doanh chứng khoán – BVSC
- 1995 – 1999: TCT Bảo hiểm Việt Nam (nay là Tập đoàn Bảo Việt)

Các chức vụ khác hiện nay: không có

Thành phần HĐQT và tỷ lệ nắm giữ cổ phần trên Vốn điều lệ tính đến ngày 30/03/2018:

- Ông Đậu Minh Lâm: Chủ tịch HĐQT, đại diện quản lý và nắm giữ 25% vốn điều lệ
- Ông Nhữ Đình Hòa: Thành viên HĐQT điều hành, đại diện quản lý và nắm giữ 10,15% Vốn Điều lệ (Trong đó, đại diện quản lý 10% là phần vốn của Tập đoàn Bảo Việt tại BVSC, sở hữu 0,15%)
- Ông Nguyễn Anh Tuấn: Thành viên HĐQT không điều hành, đại diện quản lý và nắm giữ 10% vốn điều lệ
- Ông Nguyễn Hồng Tuấn: Thành viên HĐQT không điều hành, đại diện quản lý và nắm giữ 10% vốn điều lệ của BVSC
- Ông Nguyễn Quang Hưng: Thành viên HĐQT không điều hành, sở hữu 0% cổ phần
- Ông Lê Văn Bình: Thành viên HĐQT không điều hành: sở hữu 0% cổ phần

BAN KIỂM SOÁT

ÔNG NGUYỄN XUÂN HÒA
Trưởng Ban Kiểm soát

- Ngày bổ nhiệm TV. BKS: 15/04/2015
- Ngày tháng năm sinh: 11/03/1977
- Học vấn: Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh thương mại

Kinh nghiệm làm việc:

- 04/2015 - nay: Trưởng Ban Kiểm soát BVSC
- 01/2008 – nay: Trưởng nhóm kế hoạch và thông tin Quản trị, Phó Trưởng ban, Trưởng ban – Ban Kế hoạch Tài chính; Phó Giám đốc Khối Quản lý Tài chính; Kế toán trưởng kiêm Trưởng Ban Kế toán, Trưởng Ban Kế toán Quốc tế - Tập đoàn Bảo Việt
- 11/2001 – 01/2008: Kế toán viên, Phó trưởng phòng Kế toán Hội sở - Tcty Bảo hiểm Bảo Việt
- 08/1999 – 10/2001: Phụ trách Kế toán – Cty Tin học Duy Hùng

Các chức vụ khác hiện nay:

- Kế toán trưởng, Trưởng Ban Kế toán, Trưởng Ban Kế toán Quốc tế – Tập đoàn Bảo Việt
- Thành viên HĐTV – Tổng công ty Bảo hiểm Bảo Việt
- Chủ tịch HĐQT – Công ty Bảo Việt Âu Lạc

ÔNG HOÀNG GIANG BÌNH
Thành viên Ban Kiểm soát

- Ngày bổ nhiệm TV. BKS: 15/04/2015
- Ngày tháng năm sinh: 14/12/1986
- Học vấn: Thạc sỹ Kế toán – Tài chính

Kinh nghiệm làm việc:

- 04/2015 - nay: Thành viên Ban Kiểm soát BVSC
- 09/2015 – nay: Ban Đầu tư – Tập đoàn Bảo Việt
- 08/2012 – 09/2015: Ban Đầu tư Dự án – Tập đoàn Bảo Việt
- 12/2011 – 05/2012: Chi nhánh Hoàn Kiếm - Ngân hàng TMCP Quân đội
- 03/2009 – 09/2009: Phòng Kế toán – Đài TH Việt Nam

Các chức vụ khác hiện nay:

- Chuyên viên– Ban Đầu tư, Khối Chiến lược và Đầu tư – Tập đoàn Bảo Việt.

BÀ NGUYỄN THỊ THANH VÂN
Thành viên Ban Kiểm soát

- Ngày bổ nhiệm TV. BKS: 15/04/2015
- Ngày tháng năm sinh: 16/07/1982
- Học vấn: Cử nhân Tài chính Ngân hàng

Kinh nghiệm làm việc:

- 04/2015 - nay: Thành viên Ban Kiểm soát BVSC
- 01/2005 – nay: Kế toán viên, Phó Trưởng Ban – Ban Kế toán, Tập đoàn Bảo Việt

Các chức vụ khác hiện nay:

- Phó trưởng ban – Ban Kế toán, Khối Quản lý Tài chính – Tập đoàn Bảo Việt
- 12/2014 – nay: Kiểm soát viên – Tcty Bảo Việt Nhân Thọ

BAN ĐIỀU HÀNH

ÔNG NHỮ ĐÌNH HÒA
Tổng Giám đốc

- Ngày bổ nhiệm đầu tiên: 02/2010
- Thời gian giữ chức vụ Tổng Giám đốc: 07 năm, 10 tháng
- Tuổi: 45
- Học vấn: Thạc sỹ kế toán, Cử nhân quản trị kinh doanh.

Kinh nghiệm làm việc:

- 02/2010 – nay: Tổng Giám đốc BVSC
- Từ 2005 – 02/2010: Phó Tổng Giám đốc BVSC
- Từ 2000 – 2005: Trưởng phòng Giao dịch, Trưởng phòng Tư vấn và tự doanh chứng khoán BVSC
- Từ 1995 – 1999: TCT Bảo hiểm Việt Nam (nay là Tập đoàn Bảo Việt)

Các chức vụ khác hiện nay: không có

ÔNG VÕ HỮU TUẤN
Phó Tổng Giám đốc Kiêm Giám đốc Chi nhánh TP HCM

- Ngày bổ nhiệm đầu tiên: 04/02/2008
- Thời gian giữ chức vụ Phó Tổng giám đốc kiêm Giám đốc Chi nhánh Tp. HCM: 09 năm
- Tuổi: 43
- Học vấn: Thạc sỹ Tài chính Ngân hàng

Kinh nghiệm làm việc:

- Từ 04/02/2008 - nay: Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Chi nhánh TP.HCM - BVSC
- Từ 08/2007 - 02/2008: Giám đốc Chi nhánh TP.HCM
- Từ 10/2005 - 08/2007: Phó Giám đốc Chi nhánh TP.HCM
- Từ 07/2002 - 09/2005: Trưởng phòng Giao dịch Chi nhánh TP.HCM

Các chức vụ khác hiện nay:

- Thành viên HĐQT của Công ty CP Dược phẩm Imexpharm, Công ty CP Nosafood; Thành viên HĐTV của Quỹ BVIF

BÀ NGUYỄN THỊ THANH THỦY
Phó Tổng Giám đốc

- Ngày bổ nhiệm đầu tiên: 15/07/2010
- Thời gian giữ chức vụ Phó tổng giám đốc: 07 năm 05 tháng.
- Tuổi: 41
- Học vấn: Thạc sỹ Kinh tế

Kinh nghiệm làm việc tại BVSC:

- Từ 07/2010 - nay: Phó Tổng Giám đốc BVSC
- Từ 09/2009 - 07/2010: Trưởng phòng Tư vấn
- Từ 09/2006 - 08/2009: Trưởng phòng Giao dịch
- Từ 10/2003 - 08/2006: Phó Trưởng phòng Giao dịch

Các chức vụ khác hiện nay: không có

Thành phần Ban Kiểm soát và tỷ lệ nắm giữ cổ phần trên Vốn điều lệ tính đến ngày 30/03/2018:

- Ông Nguyễn Xuân Hòa: Trưởng Ban Kiểm soát, đại diện quản lý và nắm giữ 05% vốn điều lệ của BVSC
- Ông Hoàng Giang Bình: Thành viên Ban Kiểm soát, sở hữu 0% vốn điều lệ của BVSC
- Bà Nguyễn Thị Thanh Vân: Thành viên Ban Kiểm soát, sở hữu 0% vốn điều lệ của BVSC

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết của Ban Điều hành tính đến ngày 30/03/2018:

- Ông Nhữ Đình Hòa: Uỷ viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty – đại diện quản lý và nắm giữ 10,15% Vốn Điều lệ (Trong đó, đại diện quản lý 10% là phần vốn của Tập đoàn Bảo Việt tại BVSC, sở hữu 0,15%)
- Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy: Phó Tổng Giám đốc Công ty - nắm giữ 0,006% Vốn Điều lệ.
- Ông Võ Hữu Tuấn: Phó Tổng Giám đốc Công ty kiêm Giám đốc Chi nhánh - nắm giữ 0,023% Vốn Điều lệ.

THÔNG TIN DÀNH CHO CỔ ĐÔNG

CỔ PHẦN

Tổng số cổ phiếu phát hành
72.233.937 Cổ phần

Cổ phiếu quỹ
33.792 Cổ phần

Cổ phiếu đang lưu hành
72.200.145 Cổ phần

Cổ phiếu phổ thông
72.200.145 Cổ phần

Cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng
0 Cổ phần

Trong đó

Cơ cấu cổ đông theo tỷ lệ nắm giữ

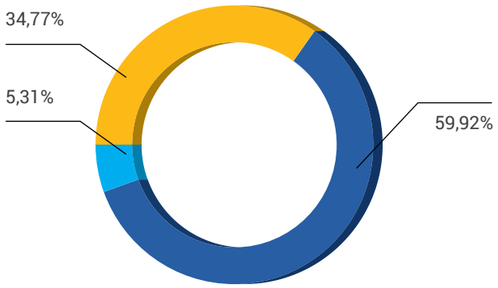

Tập đoàn Bảo Việt

Cổ đông khác

Yurie Vietnam Securities Investment Trust (Stock)

Cơ cấu cổ đông theo địa lý

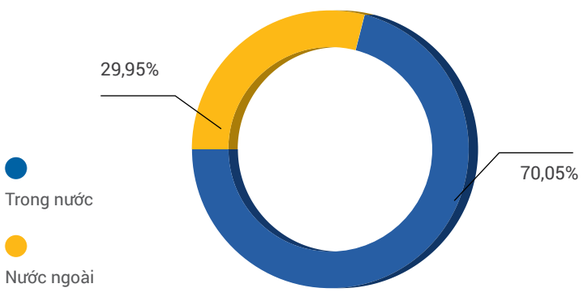

CỔ ĐÔNG	TỶ LỆ (%)
Trong nước	70,05
Cá nhân	9,27
Tổ chức	60,79
Nước ngoài	29,95
Cá nhân	2,35
Tổ chức	27,60
Tổng cộng	100,00

Cơ cấu cổ đông theo tỷ lệ sở hữu của cổ đông lớn, cổ đông nhỏ

CỔ ĐÔNG	SỐ LƯỢNG CỔ ĐÔNG	SỐ LƯỢNG CỔ PHẦN	TỶ LỆ %
Cổ đông nắm giữ dưới 1%	2.725	11.857.564	16,42
Cổ đông nắm giữ từ 1% đến 5%	9	13.256.380	18,35
Cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên	2	47.119.993	65,23
Tổng cộng	2.736	72.233.937	100

Cổ đông nắm giữ dưới 1%

Cổ đông nắm giữ từ 1% đến 5%

Tập đoàn Bảo Việt & Yurie Vietnam Securities Investment Trust (Stock)

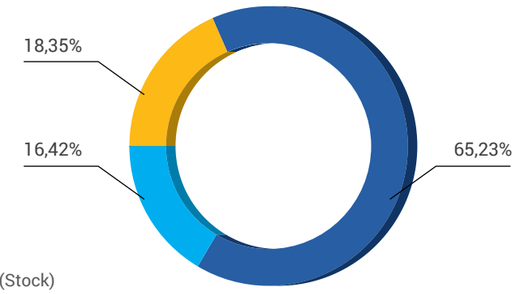

Tỉ lệ nắm giữ của cổ đông nước ngoài 2015 - 2017

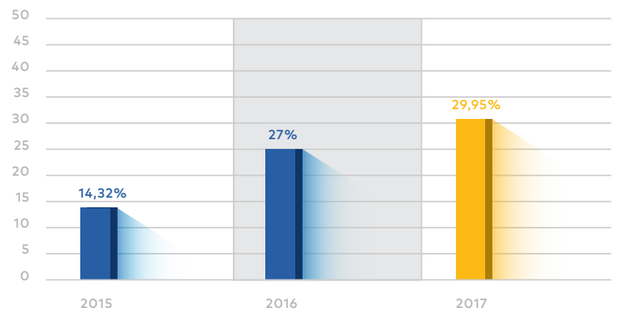

Thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

- Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu trong năm 2017: Không có
- Giao dịch cổ phiếu quỹ thực hiện trong năm 2017: Không có.
- Các chứng khoán khác: Không có

QUAN HỆ CỔ ĐÔNG (IR) NĂM 2017

ĐẢM BẢO QUYỀN VÀ LỢI ÍCH HỢP PHÁP CỦA CỔ ĐÔNG, ĐỐI XỬ CÔNG BẰNG VỚI CỔ ĐÔNG

Là công ty chứng khoán tiêu biểu trên thị trường, bên cạnh đó còn là một doanh nghiệp niêm yết, BVSC đặc biệt chú trọng việc đảm bảo thực hiện quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông, đối xử bình đẳng với cổ đông. Trên nền tảng nguyên tắc cốt lõi này, BVSC đảm bảo tất cả các cổ đông của Công ty, bao gồm cổ đông trong nước và cổ đông nước ngoài, cổ đông cá nhân và cổ đông tổ chức, cổ đông lớn và cổ đông nhỏ, cổ đông giữ chức vụ quản lý điều hành trong Công ty và cổ đông không điều hành, phải được đối xử bình đẳng và công bằng. Quyền của cổ đông được quy định cụ thể tại Điều 20, Điều lệ sửa đổi bổ sung lần thứ 9 của BVSC. Trong đó quyền của cổ đông quy định cụ thể theo từng loại cổ phần sở hữu, gồm có: quyền của cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông (gọi là cổ đông phổ thông), quyền của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi biểu quyết, quyền của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi cổ tức, quyền của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi hoàn lại. Hiện tại, tất cả các cổ đông tại BVSC là cổ đông phổ thông. Quyền của cổ đông được BVSC thực hiện đầy đủ, nghiêm túc trong suốt năm 2017 và được thể hiện rõ nhất trong kỳ họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2017.

ĐHĐCĐ thường niên 2017

Quyền tiếp cận thông tin của cổ đông

Ngày 27/06/2017, BVSC tổ chức ĐHĐCĐ thường niên 2017. Thư mời dự họp, chương trình nghị sự, các báo cáo, tài liệu dự kiến tại cuộc họp được BVSC gửi trực tiếp tới từng cổ đông qua đường thư có bảo đảm và công bố trên website Công ty 15 ngày trước ngày tổ chức Đại hội. Ngoài ra, thư mời họp được công ty công bố trên 01 trang báo có kênh phát hành toàn quốc. Thư mời họp ĐHĐCĐ được Công ty công bố đồng thời cả bản tiếng Anh và tiếng Việt nhằm tạo thuận lợi cho các cổ đông nước ngoài. Tại phiên họp ĐHĐCĐ 2017, Công ty bố trí phiên dịch trực tiếp phục vụ cổ đông nước ngoài để cổ đông tiếp cận, nắm bắt tối đa thông tin tại phiên họp.

Toàn bộ biên bản và nghị quyết họp ĐHĐCĐ đều được đọc toàn văn công khai tại Đại hội trước khi lấy ý kiến biểu quyết thông qua. Biên bản và nghị quyết đại hội được công bố thông tin ngay sau khi kết thúc đại hội và được đăng tải tại trang điện tử công ty.

Quy trình và thủ tục tổ chức đại hội, quy chế bầu cử tại đại hội đảm bảo đối xử bình đẳng với cổ đông:

Điều lệ và Quy chế tổ chức họp ĐHĐCĐ hiện hành của Công ty đã đưa ra những nguyên tắc, trình tự đảm bảo đối xử công bằng giữa các cổ đông khi thực hiện quyền của cổ đông. Quy chế tổ chức đại hội cổ đông 2017 quy định về việc trong trường hợp cổ đông không tham dự trực tiếp có thể ủy quyền cho người khác thay mặt mình tham dự và biểu quyết tại Đại hội.

Quy chế bầu cử thành viên HĐQT tại ĐHĐCĐ 2017 quy định tất cả các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông của Công ty liên tục trong 06 tháng tính đến thời điểm chốt danh sách cổ đông dự họp, trong đó bao gồm cả cổ đông nhỏ, có quyền cùng nhau lập nhóm (trên 5%) để đề cử ứng viên và bầu dồn phiếu cho người do họ đề cử. Các Quy chế tổ chức đại hội và quy chế bầu cử được thông qua ngay tại đại hội và hiện được đăng tải trên chuyên mục Quan hệ cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty.

Thảo luận và chất vấn tại Đại hội:

Tại ĐHĐCĐ 2017, cổ đông đã biểu quyết thông qua Đoàn chủ tịch bao gồm Chủ tịch HĐQT, các thành viên HĐQT và Tổng Giám đốc. Cũng tại Đại hội 2017, cổ đông đã trực tiếp chất vấn đoàn chủ tịch về các nội dung quan trọng như kế hoạch kinh doanh 2017, về vấn đề cổ tức của BVSC, về kết quả kinh doanh quý I/2017, về hoạt động cho vay Margin... Các nội dung chất vấn trực tiếp tại Đại hội đều được Đoàn chủ tịch trực tiếp trả lời, nội dung chất vấn cũng được lưu giữ tại Biên bản đại hội và được lưu trữ trên trang điện tử của Công ty.

Để đảm bảo quyền lợi của cổ đông, Công ty đã mời đại diện đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính trực tiếp tham dự đại hội 2017 để trả lời các chất vấn của cổ đông.

Biểu quyết tại Đại hội:

Tại ĐHĐCĐ ngày 27/06/2017, các cổ đông tham dự đã trực tiếp biểu quyết các nội dung quan trọng liên quan tới hoạt động kinh doanh của Công ty, cụ thể như sau:

NỘI DUNG	ĐHĐCĐ 2017 BVSC ĐÃ BIỂU QUYẾT THÔNG QUA
Chiến lược kinh doanh 2016-2020	▶ Thông qua đề xuất thay đổi nội dung Chiến lược đầu tư tự doanh linh hoạt và phù hợp với từng giai đoạn
Hoạt động kinh doanh	▶ Thông qua kết quả hoạt động kinh doanh năm 2016 và Báo cáo tài chính đã kiểm toán của Công ty ▶ Thông qua kế hoạch hoạt động kinh doanh năm 2017
Các báo cáo	▶ Thông qua báo cáo hoạt động năm 2016 và định hướng hoạt động năm 2017 của Hội đồng Quản trị ▶ Thông qua báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát, kết quả thẩm định Báo cáo tài chính năm 2016 đã được kiểm toán của Ban Kiểm soát Công ty ▶ Thông qua báo cáo của Ban Tổng Giám đốc về kết quả hoạt động năm 2016 và kế hoạch năm 2017
Phương án sử dụng lợi nhuận và chi trả thù lao cho HĐQT, BKS, Thư ký công ty	▶ Thông qua phương án sử dụng lợi nhuận năm 2016, kế hoạch sử dụng lợi nhuận năm 2017 ▶ Thông qua việc thực hiện chi trả thù lao 2016 và kế hoạch trả thù lao năm 2017 cho HĐQT, Ban Kiểm soát, Thư ký Công ty
Sửa đổi Điều lệ	▶ Thông qua phê duyệt sửa đổi Điều lệ Công ty lần thứ 9
Bầu bổ sung, thay thế thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2015 – 2020	▶ Thông qua số lượng cần bổ sung, thay thế thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2015 - 2020 ▶ Bầu và thông qua kết quả bầu bổ sung, thay thế Hội đồng Quản trị Công ty nhiệm kỳ 2015 – 2020
Các tờ trình về tăng vốn điều lệ, tham gia thị trường Phái sinh, phát hành chứng quyền có đảm bảo, chuyển trụ sở, lựa chọn đơn vị kiểm toán	▶ Thông qua việc phát hành tăng vốn điều lệ của Công ty. ▶ Thông qua việc tham gia Thị trường chứng khoán Phái sinh ▶ Thông qua việc phát hành Chứng quyền có đảm bảo và sửa đổi Điều lệ liên quan tới phát hành chứng quyền có đảm bảo của Công ty ▶ Thông qua việc thay đổi địa điểm Trụ sở chính ▶ Thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán 03 năm: 2018 – 2019 - 2020

Biên bản và nghị quyết ĐHĐCĐ 2017 ghi nhận chi tiết từng nội dung biểu quyết, số phiếu và tỷ lệ biểu quyết tán thành/không tán thành/không có ý kiến tương ứng với từng nội dung và được trình bày công khai tại Đại hội cũng như công bố thông tin trong vòng 24 giờ và hiện đang lưu trữ trên trang tin điện tử của Công ty.

Bộ phận Quan hệ cổ đông (IR)

Trong những năm qua bộ phận quan hệ cổ đông của BVSC đã làm tốt chức năng là cầu nối gắn kết các cổ đông, nhà đầu tư. Không chỉ tại Đại hội đồng cổ đông thường niên các cổ đông mới có điều kiện đối thoại trực tiếp với Công ty, mà BVSC luôn chủ động tổ chức các cuộc gặp gỡ, trao đổi với các nhà đầu tư, các Quỹ, các tổ chức tài chính trong và ngoài nước nhằm tiếp cận và giải đáp những thắc mắc cũng như cung cấp những thông tin về tình hình kinh doanh, chiến lược phát triển của BVSC.

Thông tin và số điện thoại liên hệ trực tiếp của bộ phận IR được đăng tải trực tiếp tại chuyên mục "Quan hệ cổ đông" trên trang tin điện tử của Công ty. Điều này tạo sự chủ động và tương tác kịp thời trong trường hợp cổ đông có nhu cầu liên hệ và tìm hiểu về hoạt động của Công ty.

Trong năm 2017, ngoài việc tiếp xúc trực tiếp cổ đông tại ĐHCĐ thường niên cũng như tiếp xúc cổ đông thông qua các kênh liên lạc khác (email, điện thoại), BVSC đã tổ chức các đợt tiếp xúc cổ đông, Nhà Đầu tư quan tâm như sau:

Ngày:

08/06/2017 Tokai Tokyo Securities

10/07/2017 Quỹ PYN

18/09/2017 Ký Biên bản ghi nhớ với Tokai Tokyo Finance

BỘ PHẬN QUAN HỆ CỔ ĐÔNG

Địa chỉ Trụ sở chính Công ty, tầng 2 và 3, tòa nhà số 72 Trần Hưng Đạo, phường Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội

Hotline (84-24)3.928 8080 (máy lẻ: 604)
Email info-bvsc@baoviet.com.vn

Website www.bvsc.com.vn

CÔNG BỐ THÔNG TIN VÀ TÍNH MINH BẠCH

Tại BVSC, Công ty xây dựng một quy trình công bố thông tin chuẩn mực trên cơ sở tuân thủ quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC của Bộ Tài chính về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và Quy chế tại các Sở giao dịch. Trang thông tin điện tử của Công ty là phương tiện công bố thông tin chính thống và hiệu quả, hỗ trợ đắc lực trong việc thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin của Công ty theo quy định. Để tạo điều kiện cho các cổ đông trong và ngoài nước tiếp cận các thông tin quan trọng của Công ty, Công ty xây dựng một chuyên mục riêng về Quan hệ cổ đông trên trang tin điện tử và được trình bày bằng cả tiếng Việt và tiếng Anh. Tại chuyên mục Quan hệ cổ đông, bên cạnh những thông tin và tài liệu căn bản như Điều lệ, quy chế quản trị, quy chế tổ chức ĐHĐCĐ, các báo cáo thường niên, báo cáo tài chính kiểm toán, thông tin về cổ đông và cổ phiếu... Công ty còn thiết kế chuyên mục "Công bố thông tin" để cập nhật thường xuyên và kịp thời thông tin liên quan tới hoạt động của Công ty. Thư mời, các tài liệu liên quan tới họp ĐHĐCĐ, thông báo đề cử ứng cử, dự thảo nghị quyết, biên bản họp ĐHĐCĐ... đều được Công ty cập nhật lên chuyên mục Thông tin họp ĐHĐCĐ tối thiểu 10 ngày trước ngày tổ chức ĐHĐCĐ.

Lịch các hoạt động CBTT định kỳ trong năm 2017

Tháng 01

20/01/2017
Báo cáo tài chính quý IV năm 2016
24/01/2017
Báo cáo quản trị Công ty năm 2016

Tháng 03

30/03/2017
Báo cáo tài chính và Báo cáo Tỷ lệ ATTC năm 2016

Tháng 04

19/04/2017
Báo cáo thường niên năm 2016
19/04/2017
Báo cáo Tài chính quý I năm 2017

Tháng 07

20/07/2017
Báo cáo Tài chính quý II năm 2017
26/07/2017
Báo cáo quản trị Công ty bán niên năm 2017

Tháng 08

09/08/2017
Báo cáo tài chính bán niên và Báo cáo Tỷ lệ ATTC bán niên 2017 (đã soát xét)

Tháng 10

18/10/2017
Báo cáo Tài chính quý III năm 2017

Lịch các hoạt động CBTT khác trong năm 2017

*Toàn bộ các nội dung công bố thông tin được đăng tải tại chuyên mục Quan hệ cổ đông trên website của Công ty và qua các hệ thống CBTT tại các Sở Giao dịch và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

Tháng 05

05/05/2017
- CBTT bổ nhiệm lại chức danh Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc chi nhánh
- CBTT bổ nhiệm lại chức danh Tổng Giám đốc Công ty

26/05/2017
CBTT kế hoạch kinh doanh năm 2017

Tháng 06

13/06/2017
CBTT chấp thuận thành lập PGD Trần Hưng Đạo
27/06/2017
- CBTT thay đổi thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2015-2020
- CBTT về Biên bản và NQ ĐHĐCĐ thường niên năm 2017

29/06/2017
CBTT quyết định của HĐQT về việc đóng cửa PGD Trần Hưng Đạo để chuyển đổi thành sàn GD Trụ sở chính Công ty

Tháng 07

05/07/2017
CBTT đơn vị kiểm toán năm 2017
12/07/2017 & 24/07/2017
CBTT về việc chấp thuận đóng cửa PGD Trần Hưng Đạo và thu hồi quyết định thành lập PGD Trần Hưng Đạo để chuyển đổi thành sàn GD Trụ sở chính của Ủy ban chứng khoán Nhà nước

Tháng 08

02/08/2017
CBTT về việc điều chỉnh giấy phép thành lập và hoạt động Công ty chứng khoán
10/08/2017
CBTT quyết định của HĐQT về việc thành lập PGD Lê Hồng Phong
31/08/2017
CBTT quyết định số 59136/QĐ-CT-KTT2 của Cục thuế TP Hà Nội

Tháng 12

22/12/2017
CBTT quyết định của UBCKNN về việc thành lập PGD Lê Hồng Phong

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

THÀNH VIÊN VÀ CƠ CẤU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị của BVSC bao gồm 06 thành viên. Trong năm 2017, ĐHĐCĐ thường niên 2017 đã tiến hành miễn nhiệm 01 thành viên HĐQT và bầu bổ sung 02 Thành viên HĐQT của nhiệm kỳ 2015-2020, sự thay đổi HĐQT đã diễn ra trong năm 2016 như sau:

STT	THÀNH VIÊN HĐQT	CHỨC VỤ	NGÀY BẮT ĐẦU/KHÔNG CÒN LÀ THÀNH VIÊN HĐQT	LÝ DO MIỄN NHIỆM/ BỔ NHIỆM
1	Ông Đậu Minh Lâm	Chủ tịch	Kể từ ngày 12/5/2016	
2	Ông Nguyễn Anh Tuấn	Thành viên	Kể từ ngày 12/5/2016	
3	Ông Nhữ Đình Hòa	Thành viên	Kể từ ngày 15/4/2015	
4	Ông Lê Văn Bình	Thành viên	Kể từ ngày 15/4/2015	
5	Ông Phạm Ngọc Tú	Thành viên	Đến ngày 27/6/2017	Có đơn từ nhiệm
6	Ông Nguyễn Hồng Tuấn	Thành viên	Kể từ ngày 27/6/2017	ĐHĐCĐ bầu bổ sung TV. HĐQT
7	Ông Nguyễn Quang Hưng	Thành viên	Kể từ ngày 27/6/2017	ĐHĐCĐ bầu bổ sung TV. HĐQT

Vui lòng xem thêm thông tin chi tiết về Hội đồng Quản trị Công ty tại chương 2 mục 2 phần "Nhân sự chủ chốt – Hội đồng Quản trị" từ trang 30 tới trang 31 của báo cáo này.

Chứng chỉ đào tạo về Quản trị Công ty

Danh sách thành viên HĐQT BVSC có chứng chỉ về Quản trị công ty như sau:

- Ông Đậu Minh Lâm - Thành viên HĐQT — Chứng chỉ số 17/QTCT216-TTNC ngày 26/10/2015
- Ông Lê Văn Bình - Thành viên HĐQT — Chứng chỉ số 06/QĐ229-TTNC ngày 05/09/2013
- Ông Nhữ Đình Hòa - Thành viên HĐQT — Chứng chỉ số 10/QĐ193-TTNC ngày 31/07/2013

CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

HĐQT hiện chưa thành lập các tiểu ban tuy nhiên để tăng cường hiệu quả công tác quản trị và giám sát hoạt động của Công ty, HĐQT đã có Nghị quyết phân công nhiệm vụ đối với từng thành viên trong việc thực hiện giám sát, theo dõi từng mảng hoạt động của Công ty. Trong năm 2017, các thành viên HĐQT của nhiệm kỳ 2015-2020 đã thực hiện cập nhật và phân công nhiệm vụ cụ thể như sau:

- Ông Đậu Minh Lâm – Chủ tịch HĐQT: Phụ trách chung, điều phối hoạt động của HĐQT, phụ trách mảng chính sách và chiến lược phát triển, nhân sự và lương thưởng; thực hiện các quyền hạn và nhiệm vụ của Chủ tịch HĐQT theo quy định của Điều lệ Công ty và của Pháp luật.
- Ông Nhữ Đình Hòa – Thành viên HĐQT - TGĐ: Trực tiếp và là người đứng đầu phụ trách hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty, chịu trách nhiệm về kết quả kinh doanh của Công ty; Phụ trách mảng kiểm soát nội bộ theo thẩm quyền của Tổng Giám đốc, đề xuất các kế hoạch kinh doanh, chiến lược kinh doanh của Công ty báo cáo HĐQT; thực hiện các quyền hạn và nhiệm vụ của thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc theo quy định của Điều lệ Công ty và của pháp luật.
- Ông Nguyễn Anh Tuấn – Thành viên HĐQT: Phụ trách mảng đầu tư mua sắm TSCĐ, truyền thông, thương hiệu của Công ty; hỗ trợ việc phối hợp giữa BVSC với các đơn vị thành viên của Tập đoàn Bảo Việt; thực hiện các quyền hạn và nhiệm vụ của thành viên HĐQT theo quy định của Điều lệ Công ty và của pháp luật.
- Ông Nguyễn Hồng Tuấn – Thành viên HĐQT: Phụ trách mảng đầu tư tài chính, quản lý tài chính; thực hiện các quyền hạn và nhiệm vụ của thành viên HĐQT theo quy định của Điều lệ Công ty và của pháp luật
- Ông Nguyễn Quang Hưng – Thành viên HĐQT: Phụ trách theo dõi cân đối tài sản nợ - có của Công ty (ủy ban ALCO); Quản lý rủi ro, Pháp chế; thực hiện các quyền hạn và nhiệm vụ của thành viên HĐQT theo quy định của Điều lệ Công ty và của pháp luật.
- Ông Lê Văn Bình – Thành viên HĐQT: Phụ trách mảng kiểm toán nội bộ và kiểm toán độc lập; thực hiện các quyền hạn và nhiệm vụ của thành viên HĐQT theo quy định của Điều lệ Công ty và của pháp luật.

Trong cơ cấu HĐQT nhiệm kỳ 2015-2020, hiện có 5/6 thành viên không tham gia công tác điều hành, thông qua việc phân công nhiệm vụ phụ trách từng mảng hoạt động của Công ty, nên các chỉ đạo của HĐQT luôn đảm bảo tính khách quan, kịp thời, bám sát tình hình hoạt động của Công ty đảm bảo lợi ích của cổ đông và sự phát triển của BVSC.

THƯ KÝ CÔNG TY

Để giúp việc cho HĐQT, HĐQT đã bổ nhiệm Ban thư ký Công ty bao gồm các cá nhân như sau:

BÀ BÙI THỊ MAI HIÊN

Bằng cấp, chứng chỉ hành nghề
- Cử nhân Luật
- Thạc sỹ QTKD
- Chứng chỉ hành nghề Quản lý Quỹ số 00197/ QLQ do UBCKNN cấp
- Chứng chỉ quản trị Công ty số 18/ QTCT 229/ QĐ-TTNC do UBCKNN cấp ngày 5/9/2013

Kinh nghiệm tại BVSC
13 năm làm việc tại BVSC

Ngày được bổ nhiệm
26/09/2013

ÔNG PHAN ĐÌNH HIỆU

Bằng cấp, chứng chỉ hành nghề
- Cử nhân Kế toán tổng hợp
- Thạc sỹ Kinh doanh và Quản lý
- Chứng chỉ hành nghề Quản lý Quỹ số 001170/QLQ do UBCKNN cấp
- Chứng chỉ quản trị Công ty số 16QTCT 76/QĐ-TTNC do UBCKNN cấp ngày 15/5/2017

Kinh nghiệm tại BVSC
08 năm làm việc tại BVSC

Ngày được bổ nhiệm
23/8/2016

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2017

Trong năm 2017, HĐQT đã thực hiện các chức năng nhiệm vụ theo quy định pháp luật, điều lệ công ty và trên cơ sở phân công nhiệm vụ đối với từng thành viên và bản kế hoạch công tác của HĐQT trong năm 2017. HDQT đã phát huy mạnh mẽ vai trò lãnh đạo, chỉ đạo công ty một cách toàn diện bao gồm việc xem xét và định hướng triển khai kế hoạch chiến lược giai đoạn 2016 – 2020 đã được ĐHĐCĐ 2016 thông qua, mô hình tổ chức hoạt động, thông qua chính sách và hạn mức rủi ro năm 2017, phê duyệt các mục tiêu kinh doanh và ngân sách năm 2017 và theo dõi giám sát việc thực hiện. HĐQT cũng trực tiếp xem xét và phê duyệt kế hoạch tiền lương, kế hoạch đầu tư tài sản cố định cũng như công tác bổ nhiệm các chức danh quản lý cấp cao.

Không chỉ giới hạn ở việc thực hiện các chức năng nhiệm vụ theo phân công, thông qua các kỳ họp HĐQT và các cuộc họp nội bộ của Công ty có sự tham gia của các thành viên HĐQT như cuộc họp đánh giá rủi ro định kỳ của Hội đồng quản trị rủi ro (RMC), cuộc họp của ủy ban ALCO hay cuộc họp của hội đồng đầu tư, các thành viên HĐQT đã trực tiếp tham gia đóng góp ý kiến về mặt chuyên môn, chia sẻ những kinh nghiệm quý báu trên thị trường cũng như đưa ra những định hướng chỉ đạo nhằm giúp Công ty hoàn thiện hệ thống quản trị phù hợp với quy định hiện hành và theo thông lệ quốc tế.

Các kỳ họp của Hội đồng Quản trị trong năm 2017

Thực hiện theo quy định tại Điều lệ và Quy chế hoạt động của HĐQT cũng như chương trình công tác năm 2017, HĐQT đã tổ chức tốt hoạt động trong năm. Trong năm 2017, HĐQT đã tổ chức 05 (năm) cuộc họp, tất cả các cuộc họp HĐQT BVSC đều mời Ban Kiểm soát với tư cách quan sát viên và Ban điều hành tham dự.

Báo cáo ghi nhận sự tham gia của thành viên HĐQT tại các cuộc họp HĐQT cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 như sau:

STT	THÀNH VIÊN HĐQT	CHỨC VỤ	NGÀY BẮT ĐẦU/ KHÔNG CÒN LÀ THÀNH VIÊN HĐQT	SỐ BUỔI HỌP HĐQT THAM DỰ	TỶ LỆ THAM DỰ HỌP	LÝ DO KHÔNG THAM DỰ HỌP
1	Ông Đậu Minh Lâm	Chủ tịch	Kể từ ngày 12/5/2016	05	5/5	
2	Ông Nguyễn Anh Tuấn	Thành viên	Kể từ ngày 12/5/2016	04	4/5	Lý do cá nhân
3	Ông Nhữ Đình Hòa	Thành viên	Kể từ ngày 15/4/2015	05	5/5	
4	Ông Lê Văn Bình	Thành viên	Kể từ ngày 15/4/2015	04	4/5	Lý do cá nhân
5	Ông Phạm Ngọc Tú	Thành viên	Đến ngày 27/6/2017	03	3/3	
6	Ông Nguyễn Hồng Tuấn	Thành viên	ĐHĐCĐ mới bổ nhiệm kể từ ngày 27/6/2017	02	2/2	
7	Ông Nguyễn Quang Hưng	Thành viên	ĐHĐCĐ mới bổ nhiệm kể từ ngày 27/6/2017	02	2/2	

Các nội dung đã được HĐQT thông qua trong năm 2017

Trong năm 2017 HĐQT đã ban hành nhiều Nghị quyết và Quyết định quan trọng, tập trung vào giải quyết và chỉ đạo các nội dung liên quan tới công tác triển khai kế hoạch kinh doanh 2017; tổ chức ĐHCĐ thường niên, chuyển trụ sở, mở rộng mạng lưới hoạt động, bổ nhiệm các nhân sự chủ chốt, thông qua các quy chế hoạt động nhằm củng cố hệ thống quản trị của Công ty. Cụ thể như sau:

STT	SỐ NGHỊ QUYẾT	NGÀY	NỘI DUNG
1	01/2017/NQ-HĐQT/BVSC	24/02/2017	Phê duyệt kế hoạch tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2017
2	03/2017/NQ-HĐQT/BVSC	30/03/2017	Nghị quyết về kế hoạch kinh doanh Quý II / 2017
3	05/2017/NQ-HĐQT/BVSC	20/04/2017	Nghị quyết điều chỉnh kế hoạch tổ chức ĐHĐCĐ thường niên 2017
4	09/2017/NQ-HĐQT/BVSC	26/05/2017	Nghị quyết phê duyệt các nội dung trình ĐHĐCĐ thường niên 2017
5	10/2017/NQ-HĐQT/BVSC	26/05/2017	Nghị quyết phê duyệt kế hoạch kinh doanh năm 2017 BVSC để trình ĐHĐCĐ phê duyệt
6	11/2017/NQ-HĐQT/BVSC	26/05/2017	Nghị quyết phê duyệt thời gian và các tài liệu tổ chức ĐHĐCĐ 2017
7	12/2017/NQ-HĐQT/BVSC	02/06/2017	Nghị quyết về việc điều chỉnh thời gian tổ chức ĐHĐCĐ thường niên 2017
8	15/2017/NQ-HĐQT/BVSC	26/06/2017	Nghị quyết về ước kết quả HĐKD 6 tháng đầu năm & công tác chuẩn bị tổ chức ĐHĐCĐ năm 2017
9	16/2017/NQ-HĐQT/BVSC	27/06/2017	Nghị quyết về nhân sự HĐQT trong thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2015-2020
10	17A/2017/NQ-HĐQT/BKS	07/07/2017	Nghị quyết về phê duyệt kế hoạch đầu tư tự doanh, hạn mức rủi ro, kế hoạch trang bị tài sản cố định, đầu tư cơ bản năm 2017
11	23/2017/NQ-HĐQT/BVSC	05/12/2017	Nghị quyết về kết quả hoạt động kinh doanh 9 tháng đầu năm 2017

STT	SỐ QUYẾT ĐỊNH	NGÀY	NỘI DUNG
1	02/2017/QĐ/HĐQT-BVSC	17/03/2017	Quyết định ban hành phụ lục thay thế phụ lục 01 và phụ lục 02 tại Quy chế Đầu tư
2	04/2017/QĐ-HĐQT/BVSC	10/04/2017	Quyết định thoái vốn tại CTCP Thuỷ điện Bắc Hà
3	06/2017/QĐ-HĐQT/BVSC	21/04/2017	Quyết định về lùi thời điểm thoái vốn tại CTCP Thuỷ điện Bắc Hà
4	07/2017/QĐ/HĐQT-BVSC	05/05/2017	Quyết định về việc bổ nhiệm lại Tổng Giám đốc BVSC
5	08/2017/QĐ/HĐQT-BVSC	05/05/2017	Quyết định về việc bổ nhiệm lại Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh của BVSC
6	13/2017/QĐ-HĐQT	02/06/2017	Quyết định về việc thành lập Ban kiểm tra tư cách cổ đông tại ĐHĐCĐ thường niên 2017
7	14/2017/QĐ-HĐQT	02/06/2017	Quyết định về việc thành lập Ban Tổ chức phục vụ cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên 2017
8	17/2017/QĐ-HĐQT	29/06/2017	Quyết định về việc đóng cửa Phòng Giao dịch Trần Hưng Đạo để chuyển đổi thành Sàn Giao dịch Trụ sở chính
9	18/2017/QĐ-HĐQT/BVSC	19/07/2017	Quyết định về việc lùi thời điểm thực hiện chào bán cổ phiếu CTCP Thủy điện Bắc Hà
10	20/2017/QĐ-HĐQT	10/08/2017	Quyết định về việc thành lập Phòng Giao dịch Lê Hồng Phong
11	21/2017/QĐ-HĐQT	16/10/2017	Quyết định về việc phân công công việc các thành viên HĐQT
12	22/2017/QĐ-HĐQT	28/11/2017	Quyết định về việc cử cán bộ đi công tác nước ngoài

Các cuộc họp ủy ban ALCO và RMC

Trong phân công nhiệm vụ của HĐQT, ông Nguyễn Quang Hưng – Thành viên HĐQT phụ trách theo dõi cân đối tài sản nợ - có của Công ty (ủy ban ALCO); Quản lý rủi ro. Trong năm 2017, ông Nguyễn Quang Hưng đã trực tiếp tham dự và chỉ đạo tại các cuộc họp của Hội đồng quản lý rủi ro (RMC) và ủy ban ALCO với các nội dung cụ thể như sau:

Hội đồng quản lý rủi ro (RMC)

HỌP RMC QUÝ I

25/02/2017

1. Báo cáo kết quả và cập nhật tiến độ thực hiện các giải pháp quản trị rủi ro theo kết luận của Hội đồng tại kỳ họp lần thứ 4 năm 2016
2. Đánh giá mức độ của các rủi ro chính đã ảnh hưởng tới hoạt động trong quý IV/2016 và nhận diện xu hướng rủi ro quý I/2017.
3. Thảo luận để đưa ra giải pháp quản trị rủi ro cần thực hiện trong quý I/2017
4. Lịch họp Hội Đồng Quản Lý Rủi Ro năm 2017

HỌP RMC QUÝ II

31/05/2017

1. Báo cáo kết quả cập nhật tiến độ thực hiện các giải pháp quản trị rủi ro theo kết luận của Hội đồng tại kỳ họp ngày 25/02/2017
2. Đánh giá mức độ của các rủi ro chính đã ảnh hưởng tới hoạt động trong quý I/2017 và nhận diện xu hướng rủi ro quý II và quý III/2017
3. Thảo luận để đưa ra giải pháp quản trị rủi ro cần thực hiện trog quý II và quý III/2017
4. Lập kế hoạch thực hiện kỳ rà soát, nhận diện, cập nhật và đăng ký rủi ro tại tất cả các phòng nghiệp vụ trong công ty vào tháng 6 và tháng 7/2017
5. Lập kế hoạch thực hiện đợt khảo sát về quản trị rủi ro tới từng cán bộ nhận viên trong công ty để đánh giá về ý thức và văn hoá của CBNV sau nhiều năm triển khai công tác QTRR

HỌP RMC QUÝ III

22/09/2017

1. Báo cáo kết quả và cập nhật tiến độ thực hiện các giải pháp quản trị rủi ro theo kết luận của Hội đồng tại kỳ họp ngày 31/05/2017
2. Đánh giá mức độ của các rủi ro chính đã ảnh hưởng tới hoạt động trong quý II/2017 và cập nhật tới giữa quý III/2017. Nhận diện xu hướng rủi ro nửa cuối quý III và quý IV/2017
3. Báo cáo kết quả kỳ Rà soát, nhận diện, cập nhật và đăng ký rủi ro tại tất cả các phòng nghiệp vụ trong công ty
4. Báo cáo kết quả kỳ khảo sát về QTRR
5. Thảo luận để đưa ra giải pháp quản trị rủi ro cần thực hiện trong quý IV/2017

HỌP RMC QUÝ IV

06/11/2017

1. Báo cáo kết quả và cập nhật tiến độ thực hiện các giải pháp quản trị rủi ro theo kết luận của Hội đồng tại kỳ họp ngày 20/09/2017.
2. Đánh giá mức độ của các rủi ro chính đã ảnh hưởng tới hoạt động trong quý III/2017 và cập nhật tới giữa quý IV/2017. Nhận diện xu hướng rủi ro nửa cuối quý IV/2017 và quý I/2018.
3. Báo cáo kết quả đợt truyền thông và đào tạo nội bộ về Nhận diện và cách phòng ngừa rủi ro pháp lý, rủi ro tín dụng trong hoạt động Môi giới.
4. Thảo luận về các giải pháp cho quản trị rủi ro hoạt động công nghệ thông tin
5. Lập kế hoạch rà soát, cập nhật Chính sách rủi ro 2018 và Hạn mức rủi ro 2018 để trình HĐQT phê duyệt và báo cáo về QTRR gửi cơ quan quản lý Nhà nước

Báo cáo rủi ro các tháng — 12/2016 · 01/2017 · 02/2017 · 03/2017 · 04/2017 · 05/2017 · 06/2017 · 07/2017 · 08/2017 · 09/2017 · 10/2017 · 11/2017

RÀ SOÁT VÀ ĐĂNG KÝ RỦI RO 2017

20/06/2017 - 10/08/2017

- Thực hiện kỳ rà soát, nhận diện và đăng ký rủi ro tại mỗi phòng nghiệp vụ trong toàn công ty
- Thực hiện khảo sát về văn hoá QTRR, ý thức QTRR, nhận thức cơ bản về RR hoạt động và RR nghiệp vụ trên phạm vi toàn cán bộ nhân viên công ty

Ủy ban ALCO

11/10/2017

- Báo cáo về tình hình thực hiện khuyến nghị của Ủy ban ALCO Tập đoàn Bảo Việt tại kỳ họp ngày 08/08/2016
- Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và các chỉ số KPIs 9 tháng đầu năm 2017; Phân tích các chỉ tiêu về Tài sản nợ - Tài sản có của BVSC

BAN KIỂM SOÁT

THÀNH VIÊN VÀ CƠ CẤU CỦA BAN KIỂM SOÁT

Cơ cấu Ban Kiểm soát BVSC gồm 3 người được bầu từ ĐHĐCĐ thường niên 2015 với các thành viên như sau:

ÔNG NGUYỄN XUÂN HÒA Trưởng Ban Kiểm soát	**Ngày bắt đầu là thành viên BKS** Kể từ ngày 15/04/2015	**Lý do bổ nhiệm** Bầu nhiệm kỳ mới 2015-2020
BÀ NGUYỄN THỊ THANH VÂN Thành viên	**Ngày bắt đầu là thành viên BKS** Kể từ ngày 15/04/2015	**Lý do bổ nhiệm** Bầu nhiệm kỳ mới 2015-2020
ÔNG HOÀNG GIANG BÌNH Thành viên	**Ngày bắt đầu là thành viên BKS** Kể từ ngày 15/04/2015	**Lý do bổ nhiệm** Bầu nhiệm kỳ mới 2015-2020

Thông tin về các thành viên BKS nhiệm kỳ 2015 - 2020 vui lòng xem thêm tại Phần Nhân sự chủ chốt – chương 02 mục 02 tại trang 32 báo cáo này

HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT TRONG NĂM 2017

Căn cứ theo quy định tại Điều lệ Công ty về vai trò chức năng của Ban kiểm soát, trong năm 2017, Ban Kiểm soát đã có các hoạt động giám sát đối với Công ty như sau:

- Thực hiện giám sát việc tuân thủ pháp luật, chấp hành Điều lệ Công ty và thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ:
  - Thực hiện giám sát, kiểm tra, kiểm soát theo định kỳ việc tuân thủ các quy định của Pháp luật, chấp hành Điều lệ Công ty, thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ, các Nghị quyết của HĐQT, việc tuân thủ các quy trình, quy chế nội bộ của Công ty trong công tác quản trị và điều hành Công ty của Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành;
  - Tham dự đầy đủ các phiên họp thường kỳ của Hội đồng Quản trị, nắm bắt và giám sát tình hình quản trị, điều hành hoạt động của Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành, kiến nghị Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành một số biện pháp trong tổ chức, quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty;
  - Thực hiện đánh giá, kiểm tra tình hình hoạt động của Công ty và thực hiện báo cáo kết quả đánh giá, kiểm tra tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên hàng năm.
- Thực hiện giám sát về mặt tài chính:
  - Thực hiện giám sát việc công bố các báo cáo tài chính năm 2016 và các quý năm 2017 của Công ty phù hợp với các quy định của pháp luật về công bố thông tin.
  - Thực hiện rà soát và đưa ra một số khuyến nghị đối với việc một số nội dung trình Đại hội đồng Cổ đông năm 2017, hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của Công ty.
- Thực hiện giám sát đối với Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc: giám sát vai trò quản lý, điều hành Công ty của các thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc.
- Thực hiện giải quyết các kiến nghị của Cổ đông đối với Công ty: trong năm 2017, Ban Kiểm soát không nhận được kiến nghị hoặc khiếu nại nào của Cổ đông theo quy định tại Điều lệ sửa đổi, bổ sung lần thứ 9 của Công ty.
- Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác:
- Trong năm 2017, giữa BKS, HĐQT, Ban điều hành và các cán bộ quản lý khác đã duy trì được mối quan hệ công tác, phối hợp chặt chẽ trên nguyên tắc vì lợi ích của BVSC, của cổ đông và tuân thủ các quy định của Pháp luật, Điều lệ BVSC và các Quy chế nội bộ.
- Hoạt động khác của BKS: Không.

ĐÁNH GIÁ CỦA BAN KIỂM SOÁT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY TRONG NĂM 2017

Kết quả giám sát tình hình hoạt động, kết quả kinh doanh của Công ty

Trong năm 2017, mặc dù nền kinh tế Việt Nam duy trì đà hồi phục nhưng vẫn còn nhiều khó khăn, thách thức; hoạt động kinh doanh của BVSC chịu tác động từ các chính sách của Nhà nước về việc thắt chặt quản lý hoạt động cho vay ký quỹ cũng như sự cạnh tranh ngày các khốc liệt giữa các doanh nghiệp. Trong bối cảnh đó, BVSC đã chủ động, linh hoạt bám sát diễn biến thị trường để đặt ra những mục tiêu chiến lược và đề ra những giải pháp, quyết sách kịp thời, đúng đắn nhằm duy trì hoạt động kinh doanh ổn định, bền vững, hướng tới thực hiện những mục tiêu hoạt động năm 2017 đã được ĐHĐCĐ giao, cụ thể như sau:

Tổng doanh thu năm 2017 đạt

483,8 tỷ đồng

Trong đó, doanh thu đã thực hiện là 433,08 tỷ đồng, vượt 33,67% so với mức kế hoạch 324 tỷ đồng; doanh thu hoạt động môi giới và doanh thu từ cho vay margin có sự tăng trưởng đáng kể.

Lợi nhuận sau thuế năm 2017 đạt

122,4 tỷ đồng

Trong đó, lợi nhuận sau thuế đã thực hiện là 112,88 tỷ đồng vượt 10,67% so với mức kế hoạch 102 tỷ đồng.

Tổng tài sản tại 31/12/2017 đạt

2.198,9 tỷ đồng

Tăng 319,2 tỷ đồng (tương đương 16,9%) so với tại 31/12/2016.

- Cơ cấu tài sản tài chính/tổng tài sản ở mức 84,2%, giảm nhẹ so với mức 88,4% cuối năm 2016.
- Cơ cấu tài sản ngắn hạn/tổng tài sản ở mức 79,2%, trong đó có sự dịch chuyển từ dài hạn sang ngắn hạn của các tài sản tài chính.

Kết quả giám sát việc thực hiện chế độ kế toán, báo cáo tài chính

Các BCTC bán niên và cả năm 2017 đã được lập trên cơ sở lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán, thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý, thận trọng, tuân thủ các quy định, các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam.

Các BCTC bán niên và cả năm 2017 đã được trình bày đầy đủ, rõ ràng các thông tin về các sự kiện trong năm tài chính 2017 theo đúng Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam nói chung và đối với các công ty chứng khoán nói riêng. Các BCTC nói trên đã được soát xét/kiểm toán bởi E&Y và không có ý kiến ngoại trừ của kiểm toán.

Các chính sách kế toán, tài chính, thuế có sự thay đổi trong năm 2017 của Nhà nước đã được Công ty áp dụng, thực hiện nhất quán theo quy định và được thuyết minh cụ thể trên BCTC năm 2017 của Công ty.

Ban Kiểm soát thống nhất ý kiến với các kiểm toán viên độc lập là BCTC năm 2017 của Công ty đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các quy định và hướng dẫn về kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán, các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày BCTC.

Kết quả giám sát đối với HĐQT, Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác

Về hoạt động của Hội đồng Quản trị

Qua công tác giám sát, Ban Kiểm soát nhận thấy:

- Hội đồng Quản trị Công ty đã tiến hành các cuộc họp định kỳ hoặc đột xuất theo quy định để triển khai các nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông, phù hợp với tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty. Các cuộc họp của HĐQT đều tuân thủ quy định tại quy chế làm việc của HĐQT. HĐQT đã bám sát thực tế hoạt động của Công ty để ban hành các Nghị quyết định hướng cho hoạt động điều hành.
- Ban Kiểm soát đã được HĐQT cung cấp đồng thời các tài liệu và nội dung xin ý kiến HĐQT; các Nghị quyết, Biên bản của các cuộc họp HĐQT.
- HĐQT đã tổ chức và duy trì đều đặn các phiên họp định kỳ hàng quý. Ngoài ra, HĐQT còn tổ chức xin ý kiến các TV HĐQT bằng văn bản để kịp thời phê duyệt, quyết định và chỉ đạo hoạt động kinh doanh của Công ty, các ý kiến của các TV HĐQT đều được Thư ký Công ty tổng hợp làm căn cứ phê duyệt của HĐQT.
- Trong các phiên họp HĐQT nói riêng và hoạt động của HĐQT nói chung, các TV HĐQT tham gia đầy đủ, làm việc với tinh thần trách nhiệm cao với phương châm tuân thủ luật pháp và đặt lợi ích của Công ty lên hàng đầu nhằm đưa ra các quyết định kịp thời phục vụ hoạt động kinh doanh theo đúng các Nghị quyết của ĐHĐCĐ và quy định của Pháp luật.
- Các cuộc họp của HĐQT có đủ tỷ lệ các TV HĐQT tham dự. Các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT đã đạt được sự nhất trí cao của các TV HĐQT với mục tiêu đảm bảo lợi ích của Cổ đông và sự phát triển của Công ty.
- Các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT tuân thủ đúng các quy định tại Điều lệ Công ty và các quy định của Pháp luật có liên quan. HĐQT đã hoàn thành nhiệm vụ quản lý Công ty.
- HĐQT Công ty đã thực hiện việc công bố thông tin định kỳ, đột xuất (nếu có) theo đúng quy định của Ủy ban chứng khoán Nhà nước và của Pháp luật.
- Qua quá trình giám sát, Ban Kiểm soát không nhận thấy điều gì bất thường trong các hoạt động quản trị, điều hành của HĐQT.

Về hoạt động của Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác

Qua Công tác giám sát, Ban Kiểm soát nhận thấy:

- Các thành viên Ban Điều hành Công ty (Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc) đã có nhiều cố gắng trong việc triển khai thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT Công ty. Trong quá trình điều hành hoạt động kinh doanh, định kỳ hàng tháng Ban Điều hành Công ty đã có các báo cáo về tình hình hoạt động kinh doanh trong tháng và kế hoạch, định hướng dự kiến của tháng tiếp theo báo cáo HĐQT.
- Ban Điều hành đã thực hiện cung cấp đầy đủ các tài liệu theo yêu cầu của BKS để phục vụ công tác kiểm tra, giám sát.
- Ban Điều hành đã thực hiện việc công bố định kỳ, đột xuất các thông tin quản trị, thông tin tài chính và các thông tin khác trong việc điều hành, quản lý Công ty theo đúng quy định của Ủy ban chứng khoán Nhà nước và của Pháp luật.
- Qua quá trình giám sát, Ban Kiểm soát không nhận thấy điều gì bất thường trong các hoạt động quản trị, điều hành của Ban Điều hành Công ty.

Đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát với HĐQT, Ban Điều hành và cổ đông

Giữa BKS, HĐQT và Ban Điều hành Công ty đã duy trì được mối quan hệ công tác, phối hợp chặt chẽ trên nguyên tắc vì lợi ích của cổ đông, Công ty, đảm bảo tuân thủ các quy định của Pháp luật, Điều lệ Công ty và các quy chế nội bộ.

Đối với cổ đông: Giữa hai kỳ ĐHĐCĐ 2017 – 2018, BKS chưa nhận được đơn thư yêu cầu, khiếu nại của cổ đông hoặc nhóm cổ đông có tỷ lệ sở hữu và thời gian nắm giữ theo quy định của Pháp luật và Điều lệ BVSC

THÙ LAO VÀ CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG CỦA BKS VÀ TỪNG KIỂM SOÁT VIÊN NĂM 2017

Thù lao của BKS năm 2017: Trong năm 2017, BKS nhận thù lao cho từng thành viên (trước thuế TNCN) với chi tiết như sau:

- Trưởng BKS: 5 triệu đồng/ người/ tháng
- Các Kiểm soát viên: 4 triệu đồng/ người/tháng

Chi phí hoạt động của BKS năm 2017: Tuân thủ quy định và quy chế chi tiêu nội bộ của Công ty Cổ phần chứng khoán Bảo Việt.

CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC CỦA BKS (NẾU CÓ): KHÔNG CÓ

KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT GIỮA HAI KỲ ĐHĐCĐ THƯỜNG NIÊN 2017 – 2018

Căn cứ chức năng, nhiệm cụ vủa Ban Kiểm soát được quy định tại Điều lệ sửa đổi, bổ sung lần thứ 9 của BVSC và các quy định có liên quan đến hoạt động của Ban Kiểm soát, Ban Kiểm soát dự kiến kế hoạch hoạt động giữa 2 kỳ ĐHĐCĐ thường niên 2017 – 2018 như sau:

- Thực hiện kiểm soát định kỳ, tham dự đầy đủ các phiên họp của HĐQT để nắm bắt tình hình hoạt động của Công ty, thực hiện chức năng giám sát công tác quản trị, điều hành của HĐQT và Ban Điều hành;
- Tổ chức xem xét thư quản lý của Kiểm toán độc lập và theo dõi ý kiến phản hồi của HĐQT, Tổng Giám đốc;
- Nghiên cứu, cập nhật kịp thời các cơ chế chính sách mới ban hành, giám sát, kiến nghị sửa đổi bổ sung những vấn đề còn chưa phù hợp để đảm bảo tuân thủ đầy đủ, kịp thời các quy định của pháp luật;
- Thực hiện các công việc khác theo quy định.

KIỂM TOÁN NỘI BỘ

Là tuyến phòng thủ thứ 3 trong hệ thống quản trị rủi ro tại BVSC, Kiểm toán nội bộ có nhiệm vụ đánh giá độc lập về sự phù hợp và tuân thủ các chính sách pháp luật, điều lệ, các quyết định của Hội đồng quản trị, đánh giá việc tuân thủ của hoạt động kinh doanh đối với các chính sách và quy trình nội bộ Công ty.

Nhằm giảm thiểu rủi ro trong hoạt động kinh doanh cũng như nâng cao hiệu quả trong quản trị doanh nghiệp, dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Hội đồng quản trị trong năm 2017 bộ phận kiểm toán bộ bộ đã hoàn thành 6/6 cuộc kiểm toán theo kế hoạch đã đề ra. Cụ thể:

STT	ĐỐI TƯỢNG KIỂM TOÁN	NỘI DUNG ĐƯỢC KIỂM TOÁN
1	Phòng Tổng hợp, Phòng Tài chính Kế toán, các phòng Giao dịch	Kiểm toán tuân thủ theo quy trình, quy định về tính toán và chi trả thu nhập của nhân viên môi giới.
2	Phòng Đầu Tư	Kiểm toán tuân thủ hoạt động tự doanh theo quy chế đầu tư.
3	Phòng Lưu ký, Phòng Tài chính Kế toán	Kiểm toán tuân thủ quy trình Lưu ký liên quan giao dịch về tiền của khách hàng.
4	Phòng Công Nghệ Thông Tin	Kiểm toán tuân thủ quy trình và quy định về hoạt động CNTT.
5	Phòng Tổng hợp, Phòng Tài chính Kế toán	Kiểm toán tuân thủ quy chế mua sắm và quản lý tài sản.
6	Phòng Tài chính Kế toán	Kiểm toán tuân thủ quy chế chi tiêu nội bộ theo quy định.

Kết quả năm 2017 không ghi nhận các sai phạm trọng yếu đối với các hoạt động đã được kiểm toán. Các sai sót trong quá trình tính toán đều được các phòng ban nghiệp vụ chỉnh sửa sau khi có ý kiến của Kiểm toán nội bộ.

Trong năm 2018, nghiên cứu và đề xuất triển khai các hoạt động còn chưa được kiểm toán, phối hợp Bộ phận Kiểm soát nội bộ để xây dựng kế hoạch kiểm toán cho các năm tiếp theo, hoàn thành các công việc mà Hội đồng quản trị đã giao theo đúng kế hoạch.

QUẢN TRỊ RỦI RO

CÁC RỦI RO VÀ BIỆN PHÁP QUẢN TRỊ RỦI RO TẠI BVSC

Có 6 rủi ro chính được nhận diện và quản trị bao gồm: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản, rủi ro thị trường, rủi ro hoạt động, rủi ro danh tiếng và rủi ro pháp lý.

01
Rủi ro tín dụng

Đây là rủi ro được nhận diện có nguyên nhân gây ra những tổn thất/thiệt hại nếu đối tác của BVSC không thực hiện nghĩa vụ thanh toán, chi trả hoặc thực hiện những nghĩa vụ này chậm so với thời gian đã quy định. Tại BVSC, rủi ro tín dụng có khả năng gây ảnh hưởng tới các hoạt động: đầu tư tiền gửi có kỳ hạn, đầu tư trái phiếu và hoạt động giao dịch ký quỹ.

Để phòng ngừa, đối với hoạt động tiền gửi có kỳ hạn, BVSC tuân thủ theo Hạn mức tiền gửi/ hạn mức rủi ro tín dụng mà HĐQT phê duyệt hàng năm. Bên cạnh đó, BVSC cũng lựa chọn các ngân hàng đối tác được xếp hạng tín dụng tốt theo đánh giá xếp hạng của Tập đoàn Bảo Việt.

Đối với hoạt động đầu tư trái phiếu bao gồm cả trái phiếu Chính phủ và trái phiếu Doanh nghiệp, BVSC thực hiện quản trị rủi ro trên nguyên tắc tuân thủ các hạn mức đầu tư do Hội đồng quản trị quy định. Mỗi quyết định đầu tư đều được đưa ra sau khi thực hiện đánh giá cẩn trọng và kỹ lưỡng về mức độ tín nhiệm và rủi ro về khả năng thanh toán của Tổ chức phát hành. Đối với trái phiếu doanh nghiệp, ngoài đánh giá về khả năng và tín nhiệm về tài chính, trái phiếu doanh nghiệp được đảm bảo bằng tài sản bảo đảm và công ty đã có chính sách cụ thể về việc xử lý tài sản đảm bảo trong trường hợp phải đối diện với rủi ro thanh toán của Tổ chức phát hành (trái chủ).

Đối với hoạt động giao dịch ký quỹ, Công ty tiếp tục duy trì các chính sách quản trị đã được chứng minh là hiệu quả sau một thời gian dài áp dụng. Đó là:

- Đánh giá tín nhiệm và xếp loại khách hàng để cấp hạn mức ký quỹ phù hợp với khả năng tài chính, tài sản ký quỹ của khách hàng.
- Lựa chọn Danh mục chứng khoán được vay ký quỹ tuân thủ Quyết định 87/2017/QĐ-UBCK ngày 25/01/2017 của Ủy ban chứng khoán Nhà nước về Giao dịch ký quỹ và danh sách các cổ phiếu được giao dịch ký quỹ theo thông báo của Ủy ban chứng khoán Nhà nước và các Sở Giao dịch chứng khoán.
- Xây dựng bộ tỷ lệ ký quỹ an toàn và tuân thủ công tác gọi bổ sung ký quỹ.

02
Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro xảy ra khi BVSC không thể thanh toán các nghĩa vụ tài chính đến hạn hoặc không thể chuyển đổi các công cụ tài chính thành tiền mặt với mức giá hợp lý trong ngắn hạn do thiếu hụt thanh khoản trên thị trường hay thiếu tài sản để thực hiện các nghĩa vụ thanh toán, chi trả cho khách hàng.

Với BVSC thì đây là rủi ro được đánh giá ở mức độ rất thấp do Công ty thực hiện việc quản lý tách bạch tiền gửi của nhà đầu tư.

Nếu tiêu chí An toàn tài chính là một phong vũ biểu cho khả năng thanh khoản của Công ty chứng khoán thì tại BVSC trong năm 2017, tỷ lệ này đạt 702% tại thời điểm 31/12/2017, vượt xa tỷ lệ quy định 180% của UBCK Nhà nước.

03
Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro làm thay đổi các giá trị tài sản hay trách nhiệm của BVSC theo chiều hướng bất lợi. Rủi ro thị trường xuất phát từ những khoản đầu tư mà lợi nhuận từ khoản đầu tư đó không được như kỳ vọng ban đầu do những biến động của thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm rủi ro liên quan đến biến động về giá cổ phiếu, lãi suất tiền gửi.

Rủi ro giá cổ phiếu
Rủi ro này ảnh hưởng trực tiếp tới kết quả kinh doanh của Công ty thông qua việc trích lập dự phòng danh mục đầu tư cổ phiếu. Bên cạnh tuân thủ chặt chẽ theo hạn mức rủi ro áp dụng với hoạt động đầu tư do HĐQT phê duyệt thì Công ty còn chú trọng vào phân tích các yếu tố cơ bản và kỹ thuật khác khi lựa chọn cổ phiếu đầu tư.
Công cụ đánh giá rủi ro mà BVSC sử dụng là phân tích kịch bản (scenario analysis) và tính toán VAR. Bằng việc đưa ra các kịch bản điều kiện thị trường khác nhau, danh mục đầu tư cổ phiếu được đánh giá, lượng hóa những mức độ của rủi ro thị trường cũng như sự tác động của những rủi ro này tới kết quả kinh doanh của công ty một cách chủ động định kỳ.

Rủi ro lãi suất
Rủi ro lãi suất là rủi ro được nhận diện có ảnh hưởng trực tiếp tới hoạt động đầu tư tiền gửi có kỳ hạn và đầu tư trái phiếu của BVSC. Với đầu tư trái phiếu, rủi ro lãi suất được đánh giá ở mức thấp do trái phiếu của Công ty được nắm giữ tới khi đáo hạn. Với đầu tư tiền gửi, để nhằm giảm tác động của biến động lãi suất lên danh mục tiền gửi thì trong năm 2017 Công ty đã chủ động cơ cấu lại thời hạn tiền gửi cho các khoản đầu tư này. Kết quả là năm 2017, công ty không gặp phải sự kiện rủi ro lãi suất nào có ảnh hưởng tới kế hoạch cũng như kết quả đầu tư.

04
Rủi ro hoạt động

Rủi ro hoạt động là rủi ro gây ra tổn thất có nguyên nhân từ quy trình, hệ thống hay nhân viên trong nội bộ Công ty vận hành không đúng, cố tình làm sai hoặc do các nguyên nhân khách quan từ bên ngoài đem lại.

Tại BVSC, rủi ro hoạt động được đánh giá ở mức độ thấp và được quản trị theo 4 loại rủi ro bao gồm rủi ro báo cáo và kiểm soát tài chính; rủi ro con người; rủi ro quy trình/thủ tục và rủi ro hệ thống công nghệ thông tin.

Rủi ro báo cáo và kiểm soát tài chính
Đây là rủi ro phát sinh từ lập báo cáo tài chính sai và chậm trễ trong việc gửi báo cáo tới Ban lãnh đạo công ty, cơ quan quản lý Nhà nước hay công bố thông tin ra bên ngoài... Là một công ty đại chúng, BVSC có ý thức trách nhiệm và hành động để các báo cáo tài chính luôn được công bố kịp thời, đảm bảo tính chính xác và minh bạch trong thông tin cung cấp.
Ngoài việc lựa chọn công ty kiểm toán độc lập là một trong 4 công ty kiểm toán lớn, uy tín hàng đầu tại Việt Nam, Công ty còn đưa ra quy định về thời gian lập báo cáo, tổ chức hậu kiểm báo cáo thông qua hoạt động kiểm soát nội bộ đảm bảo tính tuân thủ với các quy định pháp luật, quy chế nội bộ cũng như các chế độ tài chính - kế toán tại BVSC. Công ty đã áp dụng công nghệ thông tin, sử dụng và phát huy hiệu quả hệ thống phần mềm lõi chứng khoán (FLEX); phần mềm kế toán để lập các báo cáo, hạn chế sai sót thủ công và đảm bảo tính kịp thời.

Rủi ro con người
Rủi ro này tại BVSC được đánh giá là ở mức thấp do Công ty đã có một quá trình hoạt động lâu dài và xây dựng được một quy trình đồng bộ từ khâu tuyển chọn – đào tạo – huấn luyện và kiểm soát đánh giá công việc chặt chẽ. Bên cạnh đó, từ năm 2008 Công ty đã xây dựng và ban hành Bộ quy tắc đạo đức nghề nghiệp tuân thủ theo chuẩn mực quy định tại Bộ quy tắc đạo đức nghề nghiệp mẫu do Hiệp hội kinh doanh chứng khoán ban hành. Do đó, cán bộ làm việc tại BVSC ngoài việc phải đáp ứng yêu cầu cao về chuyên môn nghiệp vụ, kỹ năng làm việc thì việc tuân thủ nguyên tắc đạo đức nghề nghiệp được ưu tiên hàng đầu.

04
Rủi ro hoạt động (Tiếp theo)

Rủi ro quy trình/ thủ tục

Rủi ro quy trình/ thủ tục là một trong những rủi ro mà công ty phải thường xuyên đối mặt trong quá trình hoạt động. Nhận diện rủi ro này nên khi bắt đầu triển khai bất kỳ một hoạt động mới nào, BVSC luôn ban hành quy trình hướng dẫn tác nghiệp, xây dựng hệ thống công nghệ hỗ trợ và đào tạo nhân sự vận hành đúng theo quy trình đề ra. Song song với hoạt động của khối nghiệp vụ, bộ phận Kiểm soát nội bộ của công ty tổ chức các cuộc rà soát, kiểm tra tuân thủ định kỳ để đảm bảo tính đúng đắn, sự phù hợp và hiệu quả của quy trình với thực tiễn công việc, đồng thời phân tích khả năng xảy ra rủi ro từ đó có thể hoàn thiện quy trình tốt hơn, phù hợp với các quy định của Pháp luật và quy chế, chính sách của Công ty.

Rủi ro hệ thống công nghệ

Rủi ro hệ thống công nghệ là một trong những rủi ro lớn mà các công ty chứng khoán nói chung đều phải đối diện. Tại BVSC, rủi ro này được đánh giá ở mức độ trung bình thấp bởi được quản trị qua những chính sách cụ thể như quy trình vận hành hệ thống và xử lý sự cố. Thêm vào đó, BVSC còn xây dựng hệ thống dự phòng, đảm bảo tính tiên lục và thông suốt 24h/7 ngày của hệ thống. Hệ thống máy chủ, cơ sở dữ liệu của BVSC được đặt tại trung tâm dữ liệu của Tập đoàn Bảo Việt, đạt chuẩn TIER2 của quốc tế. Ngoài ra, định kỳ công ty thực hiện đánh giá các sự kiện để phân tích, dự đoán các rủi ro tiềm ẩn có thể xảy ra, từ đó có phương án quản trị rủi ro những tiềm ẩn đó.

Ở cấp độ là người sử dụng các phần mềm nghiệp vụ, công ty ban hành chính sách phân quyền chặt chẽ và phù hợp theo nhiệm vụ của từng phòng, cá nhân sử dụng với mục tiêu giảm thiểu các rủi ro gây nên bởi sai sót trong tác nghiệp hoặc vượt quyền sử dụng một cách vô tình hoặc cố ý.

05
Rủi ro danh tiếng

Rủi ro danh tiếng là rủi ro xảy ra khi Công ty gặp phải những tác động bên ngoài hoặc bên trong gây tổn hại đến hình ảnh, thương hiệu. Rủi ro danh tiếng được đánh giá ở mức độ thấp tại BVSC. Mặc dù vậy, Công ty luôn chủ động trong việc phòng ngừa rủi ro này thông qua việc không ngừng nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng, hoàn thiện bộ máy tổ chức, môi trường làm việc chuyên nghiệp, xây dựng mối quan hệ tốt với khách hàng, cổ đông và đối tác. Công ty xây dựng chiến lược phát triển bền vững như một cách thức phòng ngừa những rủi ro tiềm ẩn cho danh tiếng của Công ty.

Rủi ro danh tiếng được đánh giá ở mức độ thấp tại BVSC

06
Rủi ro pháp lý

Rủi ro pháp lý được nhận diện là rủi ro phát sinh từ việc không tuân thủ các quy định pháp lý liên quan đến hoạt động kinh doanh, và từ việc hủy bỏ hợp đồng do hợp đồng bất hợp pháp, vượt quá quyền hạn, thiếu sót các điều khoản hoặc chưa hoàn thiện các tiêu chuẩn, hoặc do các nguyên nhân khác.

Rủi ro pháp lý tại BVSC được đánh giá ở mức độ trung bình thấp. BVSC triển khai công tác kiểm soát rủi ro pháp lý được thực hiện đồng bộ từ việc cơ cấu tổ chức khoa học, phân quyền và trách nhiệm rõ ràng từ vị trí từ lãnh đạo cấp cao tới các vị trí cấp trung và cấp nhân viên thực hiện. Công ty đã thành lập Phòng Pháp chế với nhân sự có bằng cấp luật sư thực hiện chức năng tư vấn pháp luật, trợ giúp pháp lý cho Ban Tổng Giám đốc và các phòng ban nghiệp vụ.

Mọi quy trình hướng dẫn tác nghiệp nội bộ trong công ty hay các hợp đồng/thỏa thuận với khách hàng, đối tác đều được Phòng Pháp chế xem xét để đảm bảo tính tuân thủ pháp luật hiện hành nhằm giảm thiểu rủi ro pháp lý khi thực hiện. Ngoài ra, Phòng Pháp chế còn thực hiện công tác cập nhật văn bản pháp luật thường xuyên với mục đích đảm bảo kiến thức pháp luật được truyền tải tới từng thành viên trong công ty, từ đó mọi thành viên có nhận thức và ý thức hơn về tuân thủ pháp luật trong các hoạt động thường ngày.

Quy trình QTRR tại BVSC được tóm lược như mô hình sau:

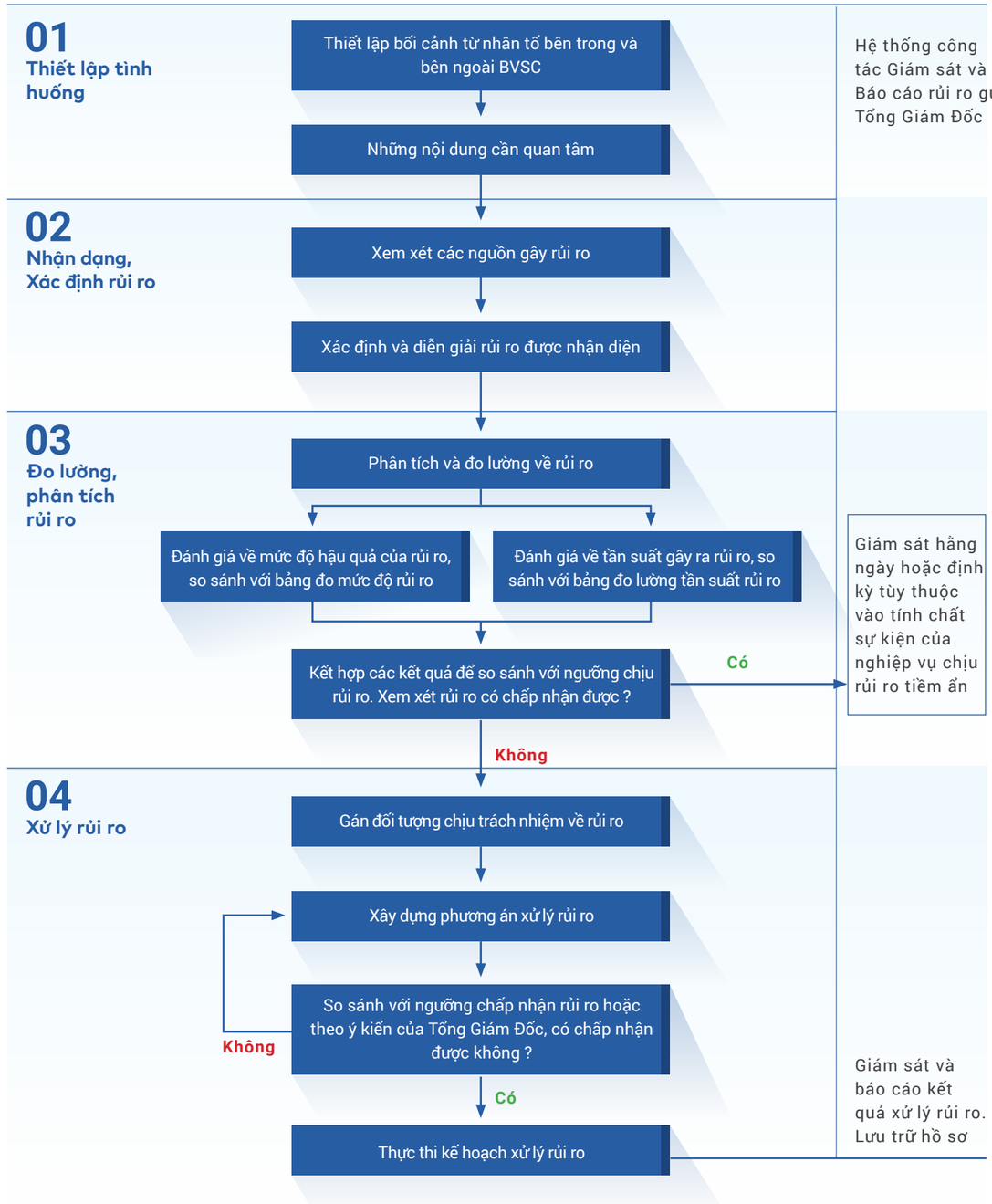

Tóm lược 4 bước của Quy trình quản trị rủi ro:

Thiết lập tình huống — Được xây dựng nhằm xác định các thông số cơ bản cho việc quản trị rủi ro, thiết lập phạm vi cũng như tiêu chuẩn phục vụ cho quá trình đánh giá, đo lường rủi ro. Các tình huống được thiết lập thông qua các nguồn dữ liệu khác nhau, ví dụ như: Khi có thay đổi chiến lược kinh doanh, thay đổi chính sách của cơ quan quản lý, khi xây dựng nghiệp vụ/sản phẩm dịch vụ mới hoặc dựa trên các khuyến nghị của kiểm toán độc lập, kiểm toán- kiểm soát nội bộ hay các cơ quan quản lý nhà nước…

Xác định rủi ro — Là hoạt động nhận diện và ghi lại rủi ro, trong đó phải nêu được tối thiểu 3 nội dung chính: *Nguồn gốc rủi ro; Diễn giải rủi ro; Đối tượng bị tác động bởi rủi ro và Chủ sở hữu rủi ro.*

Đo lường rủi ro — Được thực hiện thông qua các phương pháp định tính hoặc định lượng, hoặc kết hợp cả hai phương pháp nhằm xác định tần suất sảy ra và mức độ của rủi ro. Hạn mức rủi ro được HĐQT phê duyệt hàng năm còn là một tiêu chí để kết hợp đánh giá về cấp độ rủi ro của sự kiện. *(tại BVSC áp dụng 3 cấp độ rủi ro: Rủi ro cao; Rủi ro ở ngưỡng cảnh báo; Rủi ro chấp nhận được).*

Xử lý rủi ro — Việc xử lý rủi ro được thực hiện theo các phương án chính gồm: Chấp nhận rủi ro; Tránh rủi ro; Giảm thiểu rủi ro hoặc Chia sẻ rủi ro. Việc áp dụng biện pháp nào phụ thuộc và mức độ của sự kiện rủi ro đã được đo lường ở bước trên cũng như cân nhắc giữa chi phí và hiệu quả của các biện pháp xử lý rủi ro đó.

Công tác giám sát hạn mức rủi ro và báo cáo rủi ro được thực hiện hàng ngày hoặc định kỳ tháng, quý tùy thuộc vào tính chất của mỗi loại sự kiện rủi ro của từng nghiệp vụ trong công ty. Mục tiêu của giám sát và báo cáo nhằm đảm bảo trạng thái của rủi ro luôn nằm trong ngưỡng chấp nhận. Mỗi khi có sự kiện rơi vào ngưỡng cảnh báo, bộ phận QTRR phối hợp với phòng nghiệp vụ hoặc chủ sở hữu rủi ro đó đưa ra kế hoạch hành động để đưa trạng thái rủi ro về ngưỡng an toàn.

ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG QUẢN TRỊ RỦI RO TRONG NĂM 2017 VÀ ĐỊNH HƯỚNG 2018

Với nền tảng hệ thống chính sách, quy trình QTRR đã được chuẩn hóa, công tác QTRR tại BVSC trong năm 2017 tiếp tục được thực hiện nghiêm túc, mang lại hiệu quả tốt trong việc nhận diện, phòng ngừa rủi ro tại các phòng ban nghiệp vụ của công ty. Các hoạt động được triển khai bao gồm:

Thực hiện các báo cáo QTRR

HOẠT ĐỘNG	MÔ TẢ
Báo cáo Tháng	▶ Báo cáo được gửi tới Ban TGĐ để báo cáo về 6 loại rủi ro được nhận diện, đo lường, đánh giá trong tháng. Đồng thời báo cáo còn cập nhật tiến độ thực hiện biện pháp quản trị đã được Hội đồng QLRR chỉ đạo trong các kỳ họp quý trước đó, đảm bảo các rủi ro đã được hướng dẫn xử lý phù hợp và kịp thời. ▶ Báo cáo chuyên biệt về rủi ro tích tụ trong dịch vụ ký quỹ. Báo cáo đưa ra các thông tin hỗ trợ ban TGĐ đánh giá về tính chất tập trung trên phương diện dư nợ và room ký quỹ đang sử dụng cũng như làm tiền đề đánh giá và điều chỉnh danh mục cho vay ký quỹ tháng tiếp theo.
Báo cáo Quý	▶ Báo cáo toàn diện về các rủi ro trọng yếu diễn ra trong Quý. Báo cáo Quý được trình bày trước Hội Đồng QLRR của BVSC để trao đổi, phân tích và đưa ra các biện pháp quản trị kịp thời hiệu quả.

Nhận diện, đánh giá và rà soát rủi ro

HOẠT ĐỘNG	MÔ TẢ
Đăng ký rủi ro và cập nhật hồ sơ rủi ro.	▶ Các phòng nghiệp vụ phối hợp với BP QTRR thực hiện rà soát, đánh giá mức độ rủi ro và cập nhật sự kiện rủi ro định kỳ. Từ đó làm cơ sở để cập nhật hồ sơ rủi ro và đưa ra các biện pháp quản trị cũng như phương án xử lý rủi ro. Hoạt động được làm định kỳ hàng năm nên giúp BVSC giảm đáng kể rủi ro mang tính hệ thống.
Khảo sát rủi ro	▶ Khảo sát rủi ro được thực hiện qua việc trả lời câu hỏi khảo sát trên phạm toàn công ty. Câu hỏi khảo sát được thiết kế để đánh giá ý thức và văn hóa về QTRR của cán bộ nhân viên BVSC sau nhiều năm thực hiện công tác QTRR. Bản khảo sát cũng đã phần nào đưa ra các tình huống nhận diện những sự kiện rủi ro hoạt động cũng như rủi ro liên quan nghiệp vụ hàng ngày của các phòng ban. Đây là hoạt động lần đầu thực hiện và đã cho những kết quả tích cực và cái nhìn toàn diện về công tác QTRR tại BVSC.

Đào tạo nội bộ về quản trị rủi ro

HOẠT ĐỘNG	MÔ TẢ
Thảo luận về công tác QTRR trong nghiệp vụ Môi Giới.	▶ BP QTRR đã tổ chức buổi thảo luận nhằm giúp các cán bộ Môi Giới hiểu sâu hơn về các rủi ro tiềm ẩn trong nghiệp vụ hàng ngày của mình cũng như đưa ra các tình huống và giải pháp để cán bộ MG chủ động phối hợp trong quản trị rủi ro.
Đào tạo nội bộ về nhận diện và phòng ngừa rủi ro pháp lý trong công tác thụ lý hồ sơ giao dịch CK của Khách hàng.	▶ Dựa trên các kịch bản về sự kiện rủi ro giả định và sự kiện thực tế đã xảy ra trên thị trường CK thời gian qua, BP QTRR đã truyền thông sâu sắc hơn tới cán bộ môi giới về các quy định của pháp luật, quy định tại BVSC trong công tác thụ lý hồ sơ giao dịch chứng khoán của khách hàng. Bên cạnh đó BP cũng đưa ra cách nhận diện và phương án xử lý để giúp cán bộ môi giới có thêm thông tin để chủ động ứng phó với tình huống trên thực tế.

Rà soát, cập nhật văn bản chính sách rủi ro

HOẠT ĐỘNG	MÔ TẢ
Cập nhật HMRR 2018	▶ HMRR 2018 được cập nhật phù hợp với những thay đổi trong Quy chế đầu tư được HĐQT thông qua và những hạn mức trong luật định. ▶ HMRR 2018 cập nhật thêm các loại hình đầu tư trái phiếu, hạn mức đầu tư tiền gửi và hạn mức về giá trị cho vay ký quỹ đối với một khách hàng.
Kế hoạch dự phòng cho các tình huống khẩn cấp (BCP)	▶ Bổ sung thông tin về các rủi ro dẫn tới tình huống khẩn cấp và tác động tới hoạt động của BVSC. ▶ Cập nhật thông tin về địa điểm và số điện thoại liên lạc trong các trường hợp khẩn cấp của hệ thống các Phòng giao dịch trên toàn quốc.

Định hướng hoạt động QTRR năm 2018

Triển khai Chính sách rủi ro và Hạn mức rủi ro đã được HĐQT phê duyệt cho năm hoạt động 2018. Tiếp tục thực hiện các hoạt động định kỳ thường xuyên phục vụ công tác điều hành của Ban TGĐ.
Tham gia các khóa đào tạo và nghiên cứu sản phẩm dịch vụ mới để sớm đánh giá và nhận diện các rủi ro tiềm ẩn, đề xuất xây dựng chốt chặn rủi ro, hạn mức rủi ro cho sản phẩm dịch vụ mới này khi công ty triển khai.

CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH

CỦA HĐQT, BAN KIỂM SOÁT, VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Lương, Thưởng, Thù lao của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát, Thư ký Công ty và các cán bộ quản lý trong năm 2017

Nguyên tắc chi trả lương, thưởng, thù lao:

1. Đối với Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Thư ký Công ty:

- Việc chi trả thù lao cho các Thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát và Thư ký Công ty tuân thủ theo quy định tại Điều 7 Nghị quyết số 01/2017/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27/06/2017 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017.
- Việc chi thưởng cho các Thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát và Thư ký Công ty được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 phê duyệt tại Điều 6 Nghị quyết số 01/2017/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27/06/2017 với tỷ lệ 1% Lợi nhuận sau thuế được phép phân phối.

2. Đối với Ban Tổng Giám đốc & các cán bộ quản lý khác:

- Việc chi trả lương thưởng được thực hiện theo quy chế tiền lương của Công ty và dựa trên kết quả kinh doanh và đánh giá hiệu quả làm việc trong năm.

Mức lương, thưởng, thù lao đã thực hiện trong năm 2017:

1. Đối với Thu nhập của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Thư ký Công ty:

- Mức chi trả thù lao:

STT	CHỨC DANH	MỨC THÙ LAO
1	Chủ tịch HĐQT	7.000.000đ/người/tháng
2	Thành viên HĐQT	5.000.000đ/người/tháng
3	Trưởng Ban kiểm soát	5.000.000đ/người/tháng
4	Thành viên Ban kiểm soát	4.000.000đ/người/tháng
5	Thư ký Công ty	4.000.000đ/người/tháng

- Tổng mức thù lao đã chi trả trong năm 2017: 606.000.000 đồng
- Thưởng hiệu quả năm 2016 từ nguồn lợi nhuận sau thuế theo phê duyệt của ĐHCĐ thường niên 2017 và các khoản phúc lợi từ nguồn quỹ phúc lợi của Công ty: 976.110.002 đồng
- Tổng thu nhập của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và thư ký Công ty: 1.582.110.002 đồng

2. Đối với Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc & các cán bộ quản lý khác:

- Tổng thu nhập của Ban Tổng Giám đốc trong năm 2017: 5.245.825.000 đồng
- Tổng thu nhập của các cán bộ quản lý khác (không bao gồm ban TGĐ): 31.029.851.240 đồng

(Ghi chú: Tổng thu nhập bao gồm lương chi trả trong năm, tiền thưởng dựa trên kết quả kinh doanh và hiệu quả làm việc của các năm 2016&2017 và một số khoản phúc lợi từ nguồn quỹ phúc lợi của Công ty).

Các khoản lợi ích khác của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát và Thư ký Công ty

Chế độ bảo hiểm:

- Các thành viên HĐQT không điều hành và Ban Kiểm soát: Hiện nay, các thành viên đều làm việc theo hình thức kiêm nhiệm nên hưởng các chế độ bảo hiểm tại đơn vị công tác.
- Thành viên HĐQT điều hành, Ban Tổng Giám đốc, cán bộ quản lý khác và Thư ký Công ty: được tham gia các chế độ bảo hiểm theo chính sách của Công ty bao gồm:
  - Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp: Thực hiện theo quy định của pháp luật và theo mức lương tại thang bảng lương của Công ty.
  - Bảo hiểm sức khỏe toàn diện (HealthCare): Đối với các chức danh HĐQT điều hành, Ban Tổng Giám đốc được áp dụng theo chương trình cao nhất với mức bảo hiểm tối đa là 5,2 tỷ đồng/ người và phạm vi bảo hiểm toàn cầu, đối với các cán bộ quản lý khác được bảo hiểm sức khỏe với mức bảo hiểm tối đa là 1,05 tỷ đồng/người và phạm vi bảo hiểm trong khu vực châu Á – Thái Bình Dương.
  - Bảo hiểm nhân thọ: Công ty thực hiện chính sách bảo hiểm nhân thọ An hưởng điền viên.
  - Bảo hiểm các bệnh ung thư (K-Care): Đối với Ban Tổng Giám đốc được áp dụng theo chương trình cao nhất với mức bảo hiểm tối đa là 1.17 tỷ đồng, đối với cán bộ quản lý khác mức bảo hiểm là 585 triệu đồng.

Chế độ khám sức khỏe định kỳ hàng năm:

- Các thành viên HĐQT và Ban Kiểm soát: Thực hiện theo chương trình khám sức khỏe định kỳ hàng năm tại đơn vị công tác.
- Thành viên HĐQT điều hành, Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác: Thực hiện khám sức khỏe định kỳ hàng năm tại bệnh viện chất lượng cao, uy tín tại Việt Nam và được thanh toán toàn bộ chi phí khám phát sinh thực tế.

Chế độ sử dụng ô tô:

- Các thành viên HĐQT, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát và Thư ký Công ty được sử dụng xe ô tô của Công ty để thực hiện công tác quản lý, điều hành, kiểm tra, giám sát hoạt động của Công ty.
- Trong trường hợp Công ty không thể bố trí được xe ô tô, các thành viên HĐQT, Ban Tổng Giám đốc, BKS, Thư ký Công ty có thể sử dụng thẻ taxi và được thanh toán toàn bộ chi phí theo phát sinh thực tế và hạn mức quy định.
- Các thành viên Ban Tổng Giám đốc không sử dụng xe ô tô của Công ty mà sử dụng xe ô tô cá nhân sẽ được hỗ trợ chi phí xăng xe theo thực tế với hạn mức tối đa 3.000.000 đồng/ tháng đối với Tổng Giám đốc và 2.500.000 đồng/ tháng đối với Phó Tổng Giám đốc.

Chế độ sử dụng điện thoại:

- Các thành viên HĐQT không điều hành và Ban Kiểm soát: Được hưởng các chế độ sử dụng điện thoại tại đơn vị công tác.
- Thành viên HĐQT điều hành và Ban Tổng Giám đốc: được thanh toán cước phí điện thoại hàng tháng theo hạn mức tối đa 1.500.000 đồng/ tháng đối với Tổng Giám đốc và 1.200.000 đồng/ tháng đối với Phó Tổng Giám đốc. Trong trường hợp đi công tác nước ngoài, cước phí điện thoại sẽ được thanh toán theo phát sinh thực tế được Tổng Giám đốc phê duyệt.
- Thư ký Công ty: được thanh toán cước phí điện thoại hàng tháng theo mức tối đa 300.000 đồng/ tháng. Nếu thư ký Công ty kiêm nhiệm các chức danh quản lý khác có hỗ trợ cước phí điện thoại thì được nhận hạn mức hỗ trợ của chức danh cao nhất.

Chế độ công tác phí:

- Các thành viên HĐQT và Ban Tổng Giám đốc: được thanh toán các chi phí vé máy bay, khách sạn theo thực tế phát sinh; công tác phí thanh toán theo quy định tại quy chế chi tiêu của Công ty. Trường hợp đi công tác nước ngoài sẽ thanh toán chi phí theo quy định của Bộ Tài chính.
- Ban Kiểm soát và Thư ký Công ty: được thanh toán theo hạn mức chung quy định tại quy chế chi tiêu của Công ty. Trường hợp đi công tác nước ngoài sẽ thanh toán chi phí theo quy định của Bộ Tài chính.

Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: không có

Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Vui lòng tham khảo tại Phần Thuyết minh Báo cáo tài chính – trang 239, tại Báo cáo này.

Căn cứ quy định về Báo cáo tình hình quản trị công ty tại điều 11 Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015, Công ty đã thực hiện công bố thông tin về Báo cáo tình hình quản trị công ty niêm yết trên trang tin điện tử Công ty ngày 29/01/2018. Đồng thời, Công ty gửi báo cáo tới UBCKNN, Sở GDCK Hà Nội và Sở GDCK TP. Hồ Chí Minh để đăng tải lên trang tin điện tử của các cơ quan này. Trong Báo cáo bao gồm cả Danh sách người có liên quan của BVSC và giao dịch giữa BVSC với cổ đông lớn, cổ đông nội bộ, người có liên quan của người nội bộ; danh sách được cập nhật và bổ sung đầy đủ cho tới thời điểm 31/12/2017. Hiện các báo cáo và danh sách này đang được lưu trữ trên Trang tin điện tử Công ty tại đường link:
http://www.bvsc.com.vn/News/2018129/558697/bvsc-cbtt-bao-cao-quan-tri-cong-ty-nam-2017.aspx

Việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty:
Trong năm 2017, Công ty tiếp tục tuân thủ tốt các quy định về quản trị theo đúng Thông tư 121/2012/TT-BTC của Bộ Tài chính quy định về quản trị công ty áp dụng cho các công ty đại chúng, Thông tư số 210/2012/TT-BTC và Thông tư 07/2016/TT-BTC sửa đổi, bổ sung một số điều của TT210/2012/TT-BTC của Bộ Tài chính quy định về tổ chức, hoạt động của công ty chứng khoán và các văn bản pháp luật có liên quan khác.

Trong năm 2017, các cơ quan quản lý nhà nước ban hành các văn bản sửa đổi và bổ sung quy định về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng gồm có: Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và Thông tư 95/2017/TT-BTC ngày 22/09/2017 hướng dẫn một số điều của Nghị định 71/2017/NĐ-CP về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng. Trên cơ sở đó, Công ty đã thực hiện rà soát sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty và dự thảo Quy chế nội bộ về quản trị công ty nhằm đảm bảo tuân thủ các quy định của Nghị định 71/2017/NĐ-CP và Thông tư 95/2017/TT-BTC, dự kiến các văn bản này sẽ được trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2018 thông qua và chỉnh sửa các quy trình, quy chế nghiệp vụ có liên quan để phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành.

Đánh giá Quản trị công ty theo quy chế Camel

Khi thực hiện phân tích các tiêu chí dưới góc độ quản trị Công ty tham khảo theo các tiêu chí của hệ thống đánh giá CAMEL (là hệ thống đánh giá tình trạng vững mạnh của một tổ chức tài chính dựa trên 05 yếu tố Vốn – Chất lượng tài sản – Quản lý – Doanh thu – Mức thanh khoản do Cục Quản lý các tổ hợp tín dụng Hoa Kỳ xây dựng và được Quỹ Tiền tệ quốc tế và Ngân hàng Thế giới khuyến nghị sử dụng. Đồng thời, ngày 09/10/2013, Ủy ban chứng khoán Nhà nước Việt Nam cũng đã ban hành quyết định số 617/QĐ-UBCK để ban hành quy chế CAMEL hướng dẫn xếp loại các Công ty Chứng khoán), nhóm chỉ tiêu quản trị của BVSC đạt 94,6/100 điểm, tăng 6 điểm so với 2016 cho thấy nỗ lực không ngừng hoàn thiện hệ thống quản trị Công ty hướng tới mục tiêu phát triển bền vững.

(Tham khảo Phụ lục I – Các tiêu chí quản trị theo CAMEL)

Nhóm chỉ tiêu quản trị của BVSC đạt

94,6/100 điểm

▲ 6 điểm so với 2016

ĐÁNH GIÁ QUẢN TRỊ CÔNG TY THAM CHIẾU THẺ ĐIỂM QUẢN TRỊ ASEAN

Tại Báo cáo thường niên năm 2016, với mục tiêu hoàn thiện hệ thống quản trị công ty theo chuẩn mực thị trường khu vực và quốc tế, BVSC đã thực hiện một số nội dung trình bày, tự đánh giá về hệ thống quản trị của BVSC tham chiếu theo các tiêu chí tại Thẻ điểm quản trị công ty khu vực Asean. Qua đó, BVSC đã đặt mục tiêu cải thiện một số tiêu chí trong năm 2017. Dưới đây là kết quả đạt được trong năm vừa qua, nội dung trình bày giới hạn trong phạm vi những tiêu chí cần cải thiện được đặt ra trong năm 2017.

		ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH TUÂN THỦ CỦA BVSC				Thuyết minh thêm	Kế hoạch đặt ra trong năm 2017	Kết quả thực hiện trong năm 2017
		Công ty có chính sách này (Đánh dấu nếu có)	Chính sách được thực hiện (Đánh dấu nếu có)	Việc thực hiện được công bố (Đánh dấu nếu có)	Việc thực hiện được công bố bằng tiếng Anh (Đánh dấu nếu có)			
A	**QUYỀN CỦA CỔ ĐÔNG**							
A.3.1	Cổ đông có cơ hội, thể hiện bởi nội dung chương trình nghị sự, thông qua thù lao (phí, trợ cấp bằng hiện vật và các khoản thù lao khác) hoặc mọi khoản tăng thù lao cho thành viên/ủy viên HĐQT không điều hành	√	√	√	√	Các biên bản nghị quyết đều được công bố thông tin và lưu trữ trên website	Ưu tiên trong ngắn hạn về việc CBTT bằng tiếng Anh	Công ty đã thực hiện công bố thông tin các nội dung này bằng Tiếng Anh tại các biên bản, nghị quyết họp ĐHCĐ thường niên. Thông tin công bố trên website công ty, chuyên mục quan hệ cổ đông, tại đường link http://www.bvsc.com.vn/News/2017627/561595/bvsc-press-release-minutes-and-resolutions-of-annual-general-meeting-2017.aspx
A.3.5	Biên bản họp ĐHĐCĐ mới nhất có ghi nhận rằng cổ đông có cơ hội đặt câu hỏi hoặc kiến nghị các vấn đề	√	√	√	√	Các biên bản nghị quyết đều được công bố thông tin và lưu trữ trên website	Ưu tiên trong ngắn hạn về việc CBTT bằng tiếng Anh	
A.3.6	Biên bản họp ĐHĐCĐ mới nhất ghi nhận các câu hỏi hoặc trả lời	√	√	√	√	Các biên bản nghị quyết đều được công bố thông tin và lưu trữ trên website	Ưu tiên trong ngắn hạn về việc CBTT bằng tiếng Anh	
A.3.7	Việc công bố kết quả của ĐHĐCĐ mới nhất có bao gồm (các) Nghị quyết Đại hội	√	√	√	√	Các biên bản nghị quyết đều được công bố thông tin và lưu trữ trên website	Ưu tiên trong ngắn hạn về việc CBTT bằng tiếng Anh	
A.3.8	Công ty có công bố kết quả bầu chọn bao gồm số phiếu thông qua, phản đối, và phiếu trống cho mỗi nội dung dự thảo lấy ý kiến của ĐHĐCĐ gần nhất	√	√	√	√	Các thành viên HĐQT tham dự ĐHCĐ 2016 đầy đủ và được giới thiệu công khai tại ĐH	Ưu tiên trong ngắn hạn về việc CBTT bằng tiếng Anh	
A.3.9	Công ty có công bố danh sách thành viên HĐQT tham dự ĐHĐCĐ gần nhất	√	√	√	√	Tại ĐHCĐ 2017, Chủ tịch đồng thời làm chủ tọa điều hành cuộc họp	Ưu tiên trong ngắn hạn về việc CBTT bằng tiếng Anh	
A.3.10	Chủ tịch HĐQT có tham dự ĐHĐCĐ gần nhất	√	√	√	√	Tại ĐHCĐ 2017, Tổng Giám đốc là thành viên đoàn chủ tịch	Ưu tiên trong ngắn hạn về việc CBTT bằng tiếng Anh	
A.3.11	TGĐ/Giám đốc điều hành/Chủ tịch có tham dự ĐHĐCĐ gần nhất	√	√	√	√	Được công bố trong vòng 24h	Ưu tiên trong ngắn hạn về việc CBTT bằng tiếng Anh	
A.3.17	Công ty có công bố công khai vào ngày làm việc tiếp theo kết quả biểu quyết đối với tất cả nghị quyết trong ĐHĐCĐ gần nhất	√	√	√	√		Ưu tiên trong ngắn hạn về việc CBTT bằng tiếng Anh	
A.3.19	Công ty có cung cấp cơ sở, thông tin và giải trình cho mỗi mục trong dự thảo nghị quyết cần được cổ đông thông qua trong thông báo về ĐHĐCĐ/tài liệu ĐHĐCĐ/Dự thảo và/hoặc các báo cáo đính kèm	√	√	√				

		ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH TUÂN THỦ CỦA BVSC				Thuyết minh thêm	Kế hoạch đặt ra trong năm 2017	Kết quả thực hiện trong năm 2017
		Công ty có chính sách này (Đánh dấu nếu có)	Chính sách được thực hiện (Đánh dấu nếu có)	Việc thực hiện được công bố (Đánh dấu nếu có)	Việc thực hiện được công bố bằng tiếng Anh (Đánh dấu nếu có)			
B	**ĐỐI XỬ BÌNH ĐẲNG VỚI CỔ ĐÔNG**							
B.2.2	Thông báo và tài liệu ĐHĐCĐ gần nhất có được dịch đầy đủ sang tiếng Anh và công bố vào cùng ngày với tài liệu theo ngôn ngữ địa phương?	√	√	√	√	Công ty có dịch sang Tiếng Anh một phần tài liệu. Tại ĐH công ty bố trì phiên dịch trực tiếp, phục vụ cổ đông nước ngoài	Ưu tiên trong ngắn hạn về việc CBTT bằng tiếng Anh	Công ty đã thực hiện công bố thông tin các nội dung này bằng Tiếng Anh tại các biên bản, nghị quyết họp ĐHCĐ thường niên. Thông tin công bố trên website công ty, chuyên mục quan hệ cổ đông, tại đường link http://www.bvsc.com.vn/News/2017627/561595/bvsc-press-release-minutes-and-resolutions-of-annual-general-meeting-2017.aspx
B.2.4	Kiểm toán viên chuẩn bị được bầu chọn/bầu chọn lại có được xác định rõ ràng?	√	√	√	√		Ưu tiên trong ngắn hạn về việc CBTT bằng tiếng Anh	
B.2.5	Có giải thích về chính sách cổ tức không?	√	√	√			Ưu tiên trong ngắn hạn về việc CBTT bằng tiếng Anh	
B.2.6	Khoản phải trả cho cổ tức cuối cùng có được công bố công khai?	√	√	√			Ưu tiên trong ngắn hạn về việc CBTT bằng tiếng Anh	
B.3.2	Thành viên HĐQT có được yêu cầu phải báo cáo giao dịch cổ phiếu công ty trong vòng 3 ngày làm việc?	√	√	√	√		Ưu tiên trong ngắn hạn về việc CBTT bằng tiếng Anh	Đã thực hiện CBTT bằng Tiếng Anh & lưu trữ trên website tại đường link http://www.bvsc.com.vn/News/2018129/561135/bvsc-press-release-corporate-governance-report-2017.aspx
C	**VAI TRÒ CỦA CÁC BÊN CÓ QUYỀN LỢI LIÊN QUAN**							
C.1.10	Tương tác với cộng đồng	√	√	√	√	Công ty chủ động tham gia các chương trình phát triển cộng đồng như hiến máu, từ thiện tại bệnh viện, trường học miền núi, hải đảo xa xôi..... Và phát động toàn thể CBNV công ty tham gia	Ưu tiên trong ngắn hạn về việc CBTT bằng tiếng Anh	Thực hiện CBTT bằng tiếng Anh tại Báo cáo thường niên Công ty phiên bản tiếng Anh, đang thực hiện lưu trữ tại website phiên bản tiếng Anh, tại đường link http://www.bvsc.com.vn/InformationRelease.aspx
C.3.1	Công ty có công bố rõ ràng chính sách về sức khỏe, an toàn và bảo vệ cho nhân viên	√	√	√	√	Công bố nội bộ trong công ty (mà không phải đăng trên website công ty) tại các văn bản như: Nội quy lao động, Thỏa ước lao động tập thể, Chính sách bảo hiểm Healthcare	Ưu tiên trong ngắn hạn về việc CBTT bằng tiếng Anh và trên website	
C.3.2	Công ty có công bố thông tin có liên quan về các chương trình sức khỏe, an toàn và bảo vệ cho nhân viên	√	√	√	√	Công bố nội bộ trong công ty (mà không phải đăng trên website công ty) tại các văn bản như: Nội quy lao động, Thỏa ước lao động tập thể, Chính sách bảo hiểm Healthcare...	Ưu tiên trong ngắn hạn về việc CBTT bằng tiếng Anh và trên website	Thực hiện CBTT bằng tiếng Anh tại Báo cáo thường niên Công ty phiên bản tiếng Anh, đang thực hiện lưu trữ tại website phiên bản tiếng Anh, tại đường dẫn http://www.bvsc.com.vn/InformationRelease.aspx
C.3.4	Công ty có công bố thông tin có liên quan về chương trình đào tạo và phát triển cho nhân viên	√	√	√	√	Công bố nội bộ công ty, đầu mối là bộ phận nhân sự phòng Tổng hợp	Ưu tiên trong ngắn hạn về việc CBTT bằng tiếng Anh và trên website	

		ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH TUÂN THỦ CỦA BVSC				Thuyết minh thêm	Kế hoạch đặt ra trong năm 2017	Kết quả thực hiện trong năm 2017
		Công ty có chính sách này (Đánh dấu nếu có)	Chính sách được thực hiện (Đánh dấu nếu có)	Việc thực hiện được công bố (Đánh dấu nếu có)	Việc thực hiện được công bố bằng tiếng Anh (Đánh dấu nếu có)			
D	**CÔNG BỐ THÔNG TIN VÀ MINH BẠCH**							
D.2.5	Chính sách chia cổ tức	√	√	√			Ưu tiên trong ngắn hạn về việc CBTT bằng tiếng Anh	
D.5.1	Phí dịch vụ kiểm toán có được công bố công khai						Có kế hoạch cải thiện	
D.5.2	Phí dịch vụ phi kiểm toán có được công bố công khai						Có kế hoạch cải thiện	
D.5.3	Phí dịch vụ phi kiểm toán có cao hơn phí dịch vụ kiểm toán						Có kế hoạch cải thiện	
D.6.4	Thông tin trên phương tiện truyền thông /họp báo	√	√	√			Có kế hoạch cải thiện	
D.8.3	Tài liệu được cung cấp trong các báo cáo gửi chuyên gia phân tích và cơ quan truyền thông	√	√	√			Có kế hoạch cải thiện	
D.8.8	Biên bản họp ĐHĐCD và/hoặc ĐHĐCĐ bất thường	√	√	√	√		Ưu tiên trong ngắn hạn về việc CBTT bằng tiếng Anh	Đã thực hiện CBTT bằng Tiếng Anh & lưu trữ trên website tại đường link http://www.bvsc.com.vn/News/2017627/561595/bvsc-press-release-minutes-and-resolutions-of-annual-general-meeting-2017.aspx
D.8.9	Thể chế của Công ty (Văn bản quy định nội bộ, bản ghi nhớ và điều lệ thành lập của Công ty)	√	√	√			Có kế hoạch cải thiện	
E	**TRÁCH NHIỆM CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**							
E.1.1	Công ty có công bố chiính sách quản trị công ty/ điều lệ hoạt động của HĐQT	√	√	√		Tài liệu được lưu trữ tại website công ty	Có kế hoạch cải thiện	
E1.6	Thành viên HĐQT có giám sát/theo dõi việc thực hiện chiến lược của công ty?	√	√	√		Có theo dõi và đánh giá thực hiện hàng năm	Có kế hoạch cải thiện	
E.2.1	Chi tiết của Bộ quy tắc đạo đức hoặc ứng xử có được công bố công khai	√	√				Có kế hoạch cải thiện	
E.2.2	Công ty có công bố về việc tất cả thành viên HĐQT, lãnh đạo cấp cao và nhân viên phải tuân thủ bộ quy tắc						Có kế hoạch cải thiện	
E.3.1	Họp HĐQT có được lập kế hoạch trước khi bắt đầu năm tài chính?	√	√	√			Có kế hoạch cải thiện	
E.3.2	Thành viên HĐQT có họp tối thiểu sáu lần trong năm?					Hiện tại, họp tối thiểu 4 lần trong năm	Có kế hoạch cải thiện	
E.3.6	Văn bản cho các cuộc họp HĐQT có được cung cấp cho HĐQT tối thiểu năm ngày làm việc trước cuộc họp HĐQT	√	√		√		Có kế hoạch cải thiện	
E.4.4	Vai trò và trách nhiệm của chủ tịch có được công bố công khai	√	√	√		Được công bố tại Điều lệ và Nghị quyết của HĐQT về phân công nhiệm vụ	Có kế hoạch cải thiện	

BỨT PHÁ NGOẠN MỤC

Không chỉ là nỗ lực chinh phục thị phần môi giới, khẳng định thương hiệu tư vấn hàng đầu với những thương vụ mang tầm vóc châu lục, nỗ lực bứt phá để vươn lên một tầm cao mới đặt ra thách thức cho toàn bộ đội ngũ BVSC. Thận trọng trong công tác quản trị rủi ro, đổi mới và linh hoạt trong chính sách quản trị nhân sự, tính kịp thời của thông tin,chất lượng của hoạt động tư vấn đầu tư, sự chuẩn mực của công tác kế toán... từng mảnh ghép được hoàn thiện dần để tạo nên một bức tranh tổng thể đẹp trong năm 2017.

03

BÁO CÁO TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2017

74 Tổng quan nền kinh tế và thị trường chứng khoán năm 2017
78 Báo cáo của Hội đồng quản trị
80 Báo cáo của Ban Tổng giám đốc

TỔNG QUAN NỀN KINH TẾ VÀ THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN NĂM 2017

NỀN KINH TẾ

Thuận lợi trong năm 2017

Tăng trưởng GDP vượt dự báo. Tổng sản phẩm trong nước (GDP) năm 2017 tăng 6,81% so với năm 2016, trong đó quý I tăng 5,15%; quý II tăng 6,28%; quý III tăng 7,46%; quý IV tăng 7,65%. Mức tăng trưởng này vượt mục tiêu đề ra 6,7% và cao hơn mức tăng của các năm từ 2011-2016. Những động lực chính của nền kinh tế như sản xuất công nghiệp, xuất khẩu và tiêu dùng nội địa đều tăng trưởng tốt trong năm 2017.

Chỉ số lạm phát cả năm tăng thấp và dưới mức mục tiêu của Quốc hội đề ra. Lạm phát YoY tính đến thời điểm cuối tháng 12/2017 có mức tăng 2,6% và CPI bình quân cả năm 2017 cũng chỉ tăng 3,53%. Trong khi đó, chỉ số lạm phát cơ bản (CPI sau khi loại trừ lương thực, thực phẩm tươi sống; năng lượng và mặt hàng do Nhà nước quản lý bao gồm dịch vụ y tế và dịch vụ giáo dục) chỉ tăng 1,29% so với cùng kỳ năm trước, cho thấy mức tăng giá của các nhóm hàng tiêu dùng chung vẫn duy trì ở mức ổn định.

Mặt bằng lãi suất cho vay tương đối ổn định và thanh khoản hệ thống ngân hàng dồi dào trong nửa cuối năm 2017. Mặt bằng lãi suất cho vay diễn biến tương đối ổn định trong cả năm 2017 và một số thời điểm có sự điều chỉnh giảm nhẹ. Thanh khoản hệ thống ngân hàng ở trạng thái khá dồi dào trong hai quý cuối năm 2017. Biểu hiện rõ nhất của hiện tượng này là lãi suất liên ngân hàng liên tục giảm và duy trì ở mức rất thấp (1,2-1,5%/năm cho các kỳ hạn qua đêm, 1 tuần và 2 tuần). Nợ xấu trong toàn hệ thống tiếp tục xu hướng giảm, chỉ còn 2,34% vào thời điểm cuối tháng 9/2017 so với mức 2,46% vào cuối năm 2016.

Tỷ giá tương đối ổn định. Trong phần lớn thời gian của năm 2017, tỷ giá USD/VND có diễn biến tương đối ổn định, thậm chí tại một số thời điểm, VND còn lên giá nhẹ so với USD. Số liệu vào thời điểm 31/12/2017 cho thấy tỷ giá liên ngân hàng gần như không có sự thay đổi đáng kể nào so với cuối năm 2016.

Thách thức trong năm 2017

Động lực tăng trưởng và hoạt động xuất khẩu phụ thuộc nhiều vào khu vực FDI. Từ năm 2014 trở lại đây, khi khai thác dầu thô bắt đầu sụt giảm thì tăng trưởng kinh tế của Việt Nam đã chuyển sang phụ thuộc khá nhiều vào ngành công nghiệp chế biến chế tạo mà đầu tàu chính là các doanh nghiệp FDI. Năm 2017, ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 14,4% so với năm 2016 và là mức tăng trưởng cao nhất trong vòng 6 năm trở lại đây. Trong đó, hai doanh nghiệp Samsung và Formosa chiếm tỷ trọng lớn. Đặc biệt là Samsung đã đóng góp 5,43% vào mức tăng trưởng 14,4% của ngành công nghiệp chế biến chế tạo và 3,8% của toàn ngành công nghiệp, tương đương mức đóng góp vào GDP chung khoảng 1%.

Lĩnh vực công nghiệp khai khoáng tiếp tục sụt giảm. Năm 2017, ngành khai khoáng tiếp tục sụt giảm năm thứ hai liên tiếp với mức giảm 7,1% (mạnh nhất kể từ năm 2011). Diễn biến này chủ yếu do sản lượng dầu thô khai thác giảm hơn 1,6 triệu tấn so với năm 2016. Cùng với đó, sản lượng khai thác than cũng chỉ đạt 38 triệu tấn, giảm hơn 180 nghìn tấn.

GDP NĂM 2017 TĂNG

▲ 6,81%

so với năm 2016

Diễn biến tăng trưởng GDP trong năm 2017

Đơn vị: %

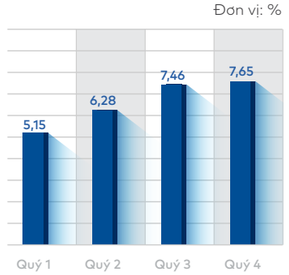

THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN

Thuận lợi trong năm 2017

TTCK Việt Nam tăng trưởng ngoạn mục cả về điểm số lẫn giá trị giao dịch trong năm 2017. Tính cho cả năm, **chỉ số Vnindex và Hnxindex lần lượt đạt mức tăng trưởng 48% và 45,9%** về điểm số, trong khi giá trị giao dịch tăng 72,3% tại HSX và 25,8% tại HNX so với năm 2016. Giá trị giao dịch trung bình đạt trên 5.000 tỷ đồng/phiên. Quy mô vốn hóa đạt 3,5 triệu tỷ đồng, tương đương 70,2% GDP.

Xét về diễn biến các nhóm ngành (theo phân ngành ICB) trong năm 2017, nhóm ngành dẫn đầu có mức tăng trưởng vượt bậc. Trong đó, 3 ngành có mức tăng trưởng mạnh trong top 5 là bán lẻ (+77,25%), đầu tư đa ngành (+68,81%) và du lịch (+66%) chủ yếu nhờ 3 mã đầu ngành là PNJ, MSN và VJC có mức tăng trưởng đột biến về giá, lần lượt ở mức +106%; +77% và +96%. Hai ngành còn lại trong top 5 là ngân hàng (+66%) và thép (+65%) có diễn biến tăng trên diện rộng ở số đông các mã trong ngành.

Khối ngoại có động thái mua ròng kỷ lục trên TTCK Việt Nam trong năm 2017, đóng góp lớn vào mức tăng của chỉ số Vnindex. Cụ thể, trên sàn HSX, khối ngoại trong năm qua đã thực hiện mua vào 166.883 tỷ đồng, bán ra 142.454 tỷ đồng, qua đó giá trị mua ròng đạt 24.429 tỷ đồng. Đây được ghi nhận là mức mua ròng cao nhất từ trước đến nay của khối ngoại tính theo năm trên sàn HSX. Giá trị danh mục của nhà đầu tư nước ngoài đạt 32,9 tỷ USD, tăng 90% so với cuối năm 2016.

Chỉ số Vnindex và Hnxindex lần lượt đạt mức tăng trưởng

▲ 48%

▲ 45,9%

Giá trị danh mục của nhà đầu tư nước ngoài đạt

32,9 tỷ USD

▲ 90%

so với năm 2016

Tốc độ tăng trưởng của các TTCK trong khu vực

(Đơn vị: %)

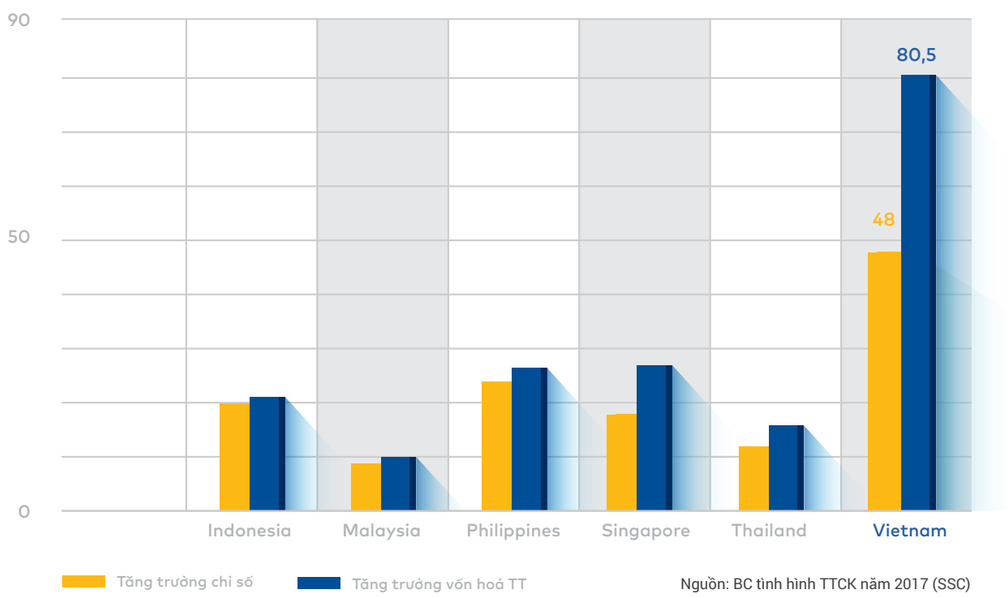

Nguồn: BC tình hình TTCK năm 2017 (SSC)

Quy mô vốn hóa thị trường

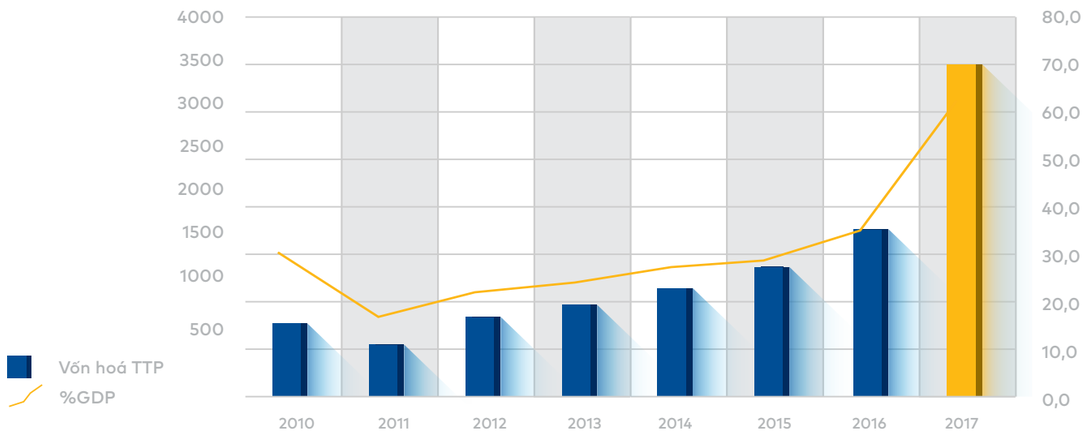

Nguồn: BC tình hình TTCK năm 2017 (SSC)

> "Năm 2017, TTCK Việt Nam tăng trưởng mạnh mẽ, quy mô và thanh khoản trên thị tường cổ phiếu đã có sự phát triển vượt bậc. Quy mô vốn hóa thị trường đạt 70,02% GDP, vượt chỉ tiêu Chính phủ đề ra đến năm 2020"

- **Năm 2017, hệ thống các văn bản pháp luật trong linh vực chứng khoán và TTCK tiếp tục được hoàn thiện.** Việc ban hành Nghị định số 71/NĐ-CP ngày 6/6/2017 và Thông tư số 95/2017/TT-BTC hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng góp phần nâng cao chất lượng hàng hóa trên thị trường cổ phiếu. Chính phủ cũng đã ban hành Nghị định số 126/2017/NĐ-CP nhằm thúc đẩy cổ phần hóa gắn với niêm yết, đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán nhằm tăng số lượng các công ty niêm yết có quy mô lớn. Cùng với một loạt các văn bản khác ra đời như Thông tư 29/2017/TT-BTC sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 202/2015/TT-BTC hướng dẫn về niêm yết chứng khoán trên sở giao dịch, Thông tư số 87/2017/TT-BTC thay thế thông tư số 226 và thông tư số 165 quy định chỉ tiêu an toàn tài chính... cho thấy nỗ lực của các cơ quan quản lý thị trường trong việc hoàn thiện khung pháp lý tạo hành lang đồng bộ, ổn định cho hoạt động của thị trường, nỗ lực cải cách thị trường theo xu hướng và thông lệ quốc tế nhằm thúc đẩy thị trường phát triển ổn định, bền vững.

Thách thức trong năm 2017

Thị trường có diễn biến phân hóa cao và vẫn có một số nhóm ngành chịu áp lực sụt giảm, bất chấp xu hướng tăng của thị trường chung. Đà tăng trưởng chủ yếu tập trung ở nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn khi tính riêng 5 mã cổ phiếu có tác động nhất nhất đến chỉ số Vnindex (VNM, VIC, GAS, VCB, BID...) đã giúp VNINDEX tăng gần 160 điểm trong năm. Trong khi đó, tốp các ngành có diễn biến kém tích cực nhất nhìn chung đều thuộc nhóm ngành có vốn hóa nhỏ. Trong đó, các ngành săm lốp, đa tiện ích giảm điểm sâu nhất, lần lượt ở mức -23,9% và -7,05%. Nhóm cổ phiếu săm lốp giảm điểm trên diện rộng ở cả 3 mã trong ngành do kết quả kinh doanh 2017 ở mức kém khả quan, với nguyên nhân đến từ diễn biến hồi phục của giá cao su tự nhiên, cũng như sự gia tăng mức độ cạnh tranh trong ngành. Các nhóm ngành đa tiện ích, công nghiệp phụ trợ, khai khoáng đều có diễn biến điều chỉnh nhẹ trên diện rộng.

Lộ trình mở room ngoại diễn ra chậm hơn so với kỳ vọng. Kể từ khi nghị định 60/2015/NĐ-CP với tâm điểm liên quan đến vấn đề nới room ngoại được ban hành giữa năm 2015 cho đến nay, mới chỉ có một số các doanh nghiệp chính thức nới room lên mức 100%. Mặc dù các doanh nghiệp, đang hoạt động ở những lĩnh vực không thuộc diện ngành nghề kinh doanh có điều kiện, được trao quyền tự quyết, nhưng quá trình thực hiện vẫn diễn ra khá chậm chạp vì những rào cản về mặt pháp lý và ngay bản thân các doanh nghiệp cũng lo ngại việc bị mất quyền kiểm soát. Điều này làm giảm mức độ ghi nhận trong việc đánh giá chuyển biến của TTCK Việt Nam từ tổ chức xếp hạng và ảnh hưởng đến triển vọng được nâng hạng của chúng ta.

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY NĂM 2017

Về triển khai nhiệm vụ kinh doanh theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2017

Tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên ngày 27/6/2017, ĐHĐCĐ BVSC đã thông qua các chỉ tiêu kinh doanh cho Công ty với tổng doanh thu mục tiêu là 324 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế 102 tỷ đồng, dự báo thanh khoản thị trường trung bình là 3.250 tỷ đồng/phiên và chỉ số VNIndex dao động trong khoảng từ 680 - 700 điểm. Với nhiệm vụ này, Hội đồng quản trị đã chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc chủ động và tích cực nắm bắt cơ hội thị trường, nỗ lực triển khai đồng bộ các giải pháp kinh doanh.

CHỈ TIÊU	Thực hiện 2017 (Tỷ đồng)	% so với kế hoạch (%)
Tổng doanh thu & thu nhập khác	483,8	149,3
Tổng chi phí	331,4	169,1
Lợi nhuận trước thuế	152,4	119,1
Lợi nhuận thực hiện trước thuế	140,3	109,6
Lợi nhuận sau thuế	122,4	120
Lợi nhuận thực hiện sau thuế	112,9	110,7

Như vậy, trong điều kiện thị trường tích cực, với kết quả này, HĐQT đánh giá Ban lãnh đạo Công ty đã hoàn thành tốt nhiệm vụ kinh doanh 2017, chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận vượt kế hoạch ĐHĐCĐ giao.

Nâng cao năng lực và sức cạnh tranh của Công ty thông qua việc chỉ đạo Công ty tập trung triển khai các mảng hoạt động sau:

- **Rà soát và hoàn thiện Quy chế Đầu tư.** HĐQT đã nghiên cứu và thông qua các đề xuất của Công ty về sửa đổi Quy chế Đầu tư trong năm 2017 nhằm phù hợp với nhu cầu của Công ty, diễn biến của thị trường và các quy định có liên quan.

- **Tăng cường công tác phòng ngừa rủi ro.** HĐQT đã rà soát và thông qua các Chính sách Rủi ro, Hạn mức rủi ro và Kế hoạch dự phòng trong các tình huống khẩn cấp năm 2017 của BVSC theo đề xuất của Công ty. Ngoài ra, HĐQT đề nghị Công ty tiếp tục chủ động phòng ngừa rủi ro trong quá trình hoạt động, bảo mật và an toàn thông tin đối với hệ thống giao dịch của BVSC, tăng cường công tác quản lý và thu hồi các khoản nợ khó đòi.

- **Chuẩn bị cho thị trường chứng khoán phái sinh**. HĐQT đã trình ĐHĐCĐ phê duyệt việc tăng vốn điều lệ, sửa đổi Điều lệ để tham gia Thị trường chứng khoán phái sinh và phát hành chứng quyền có đảm bảo.

- **Hoàn thiện công tác quản trị và điều hành.** HĐQT đã xem xét và thông qua kế hoạch trang bị tài sản cố định và đầu tư xây dựng cơ bản năm 2017, kế hoạch tiền lương năm 2017, kế hoạch đầu tư tự doanh năm 2017 nhằm định hướng các hoạt động của BVSC để hoàn thành mục tiêu ĐHĐCĐ đề ra. Về kiện toàn công tác nhân sự, trong năm 2017, HĐQT đã có quyết định tái bổ nhiệm các nhân sự chủ chốt là TGĐ và Phó TGĐ kiêm GĐ Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh. Cũng trong năm 2017, HĐQT đã yêu cầu Ban điều hành Công ty xây dựng các giải pháp lớn, cụ thể và mạnh mẽ để gia tăng hiệu quả, tiếp tục rà soát chiến lược phát triển giai đoạn 2016 – 2020 của BVSC, xác định cụ thể mục tiêu và chiến lược phát triển năm 2018, phân tích chi tiết đối thủ cạnh tranh và về các mảng hoạt động của BVSC để nâng cao hiệu quả hoạt động.

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG ĐIỀU HÀNH CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Trong năm 2017, HĐQT đã giám sát hoạt động của Ban Tổng Giám đốc dựa trên các mặt hoạt động sau:

- **Thông qua cơ chế báo cáo định kỳ**. Trong quá trình hoạt động, Ban TGĐ đã tuân thủ chế độ báo cáo định kỳ hàng tháng, hàng quý, bán niên và thường niên về tình hình hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Công ty gửi HĐQT. Ngoài ra, công tác giám sát còn được HĐQT triển khai gián tiếp thông qua các chỉ đạo Công ty rà soát lại các quy chế, quy trình nhằm củng cố tổ chức hoạt động đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật, hoạt động minh bạch.

- **Thông qua các chỉ đạo, nghị quyết của HĐQT tại các cuộc họp của HĐQT trong năm 2017** *(Chi tiết các nghị quyết và văn bản chỉ đạo xem thêm tại mục Các biên bản, nghị quyết HĐQT trong năm 2017 từ trang 46 đến trang 47 báo cáo này.)*

- **Thông qua vai trò của Kiểm toán nội bộ.** Thông qua vai trò và chức năng nhiệm vụ của kiểm toán nội bộ, HĐQT đã nắm bắt và đánh giá hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ trực thuộc ban Tổng Giám đốc, giám sát tính tuân thủ quy định pháp luật, các chính sách và quy trình nội bộ trong quá trình triển khai hoạt động kinh doanh tại Công ty.

- **Thông qua công tác kiểm tra, giám sát của Ban Kiểm soát.** Trong năm 2017, Ban Kiểm soát đã tiến hành thực hiện 2 lần kiểm soát toàn bộ các hoạt động của Công ty nhằm đảm bảo tính tuân thủ các quy định của pháp luật và phân công của HĐQT.

  HĐQT đã cùng phối hợp với Ban Kiểm soát kiểm tra và rà soát BCTC kiểm toán năm và BCTC soát xét 6 tháng đầu năm của BVSC. Cùng với sự giám sát này của Ban kiểm soát, HĐQT đã duy trì được sự an toàn và hoàn thiện cơ chế hoạt động của BVSC.

  Thông qua các mặt hoạt động trên, trong năm 2017, HĐQT ghi nhận và đánh giá cao những nỗ lực của Ban TGĐ trong quá trình điều hành, Công ty hoàn thành tốt nhiệm vụ kinh doanh được ĐHCĐ giao, nhiều chỉ tiêu vượt kế hoạch. Bên cạnh đó, trong quá trình điều hành, Ban Tổng Giám đốc đã tuân thủ theo đúng phân cấp quản trị tại Điều lệ và Quy chế quản trị Công ty cũng như các Nghị quyết và chỉ đạo của HĐQT.

Về thù lao của HĐQT

Trong năm 2017, HĐQT đã nhận thù lao tuân thủ theo đúng quy định tại Điều 7 Nghị quyết số 01/2017NQ-ĐHĐCĐ tại Đại hội đồng cổ đông thường niên 2017. (*Chi tiết việc chi trả thù lao HĐQT vui lòng xem thêm tại mục 7, chương II, trang 62 - 63 của báo cáo này).*

KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2018

Trên cơ sở dự báo điều kiện kinh tế và TTCK năm 2018 *(vui lòng tham khảo tại mục 2 chương IV trang 116 báo cáo này)*, HĐQT đã thống nhất định hướng hoạt động và những nhiệm vụ trọng tâm trong năm 2018 như sau:

Tập trung định hướng và chỉ đạo Công ty xây dựng kế hoạch kinh doanh 2018 để trình ĐHĐCĐ thông qua với các chỉ tiêu sau:

Tổng doanh thu

504 tỷ đồng

tương đương 104,18% so với năm 2017

Lợi nhuận sau thuế

134 tỷ đồng

tương đương 109,44% so với năm 2017

Định hướng kinh doanh trong năm 2018 tiếp tục triển khai tất cả các nghiệp vụ kinh doanh, trong đó tập trung đẩy mạnh hoạt động môi giới, tư vấn, hoạt động tự doanh và tăng cường quản trị rủi ro, chuẩn bị các điều kiện cần thiết để triển khai hiệu quả các sản phẩm phái sinh.

Tiếp tục nâng cao năng lực và sức cạnh tranh của Công ty thông qua việc định hướng và chỉ đạo đối với các hoạt động sau:

- Chỉ đạo Công ty tiếp tục bám sát những thay đổi từ thị trường, quy định pháp luật để chủ động trong hoạt động kinh doanh, đầu tư và định hướng phát triển của Công ty trong từng thời kỳ.

- Tập trung chỉ đạo Công ty nghiên cứu, xây dựng và triển khai các phương án huy động vốn khác nhau như cổ phiếu, trái phiếu... nhằm mục tiêu đáp ứng được nhu cầu vốn cho hoạt động kinh doanh cũng như đáp ứng quy mô vốn tham gia thị trường phái sinh để tăng doanh thu và lợi nhuận.

- Chỉ đạo Công ty và Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh tiếp tục hoàn thiện dự thảo mô hình tổ chức, tập trung xây dựng và triển khai các giải pháp phát triển Chi nhánh đã được Hội đồng Quản trị phê duyệt.

- Đẩy mạnh triển khai các dự án hợp lực trong khuôn khổ các đề án hợp lực giữa Tập đoàn Bảo Việt và các đơn vị thành viên nhằm thúc đẩy tăng trưởng kinh doanh, nâng cao hiệu quả hoạt động.

- Tăng cường vai trò giám sát của HĐQT đối với hoạt động của Công ty thông qua việc rà soát, sửa đổi và ban hành mới các quy chế hoạt động, phân cấp quản trị, chế độ báo cáo, thông qua việc phát huy vai trò của Kiểm toán nội bộ cũng như công tác phối hợp với Ban kiểm soát Công ty.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2017

Cơ hội và thách thức trong năm 2017

Những nhân tố tích cực từ nền kinh tế và thị trường chứng khoán cùng với những thách thức đặt ra trong năm như đã phân tích tại phần 1, chương III Báo cáo này vừa là cơ hội, vừa là thách thức đối với BVSC trong năm 2017. Đặc biệt, sự tăng mạnh về thanh khoản thị trường năm 2017 đã tạo cơ hội để Công ty đẩy mạnh hoạt động môi giới và các dịch vụ gắn với môi giới như margin, ứng trước, lưu ký. Tuy nhiên, cơ hội thị trường cũng đồng nghĩa với áp lực đối với BVSC trong điều kiện năng lực tài chính còn hạn chế, kế hoạch tăng vốn điều lệ chưa thực hiện được trong năm 2017 là thách thức lớn đối với BVSC trong việc đáp ứng nhu cầu khách hàng đối với các dịch vụ margin và ứng trước.

Thuận lợi và khó khăn đối với BVSC

Là công ty chứng khoán uy tín, hoạt động ổn định, am hiểu thị trường, đội ngũ nhân sự giàu kinh nghiệm và tuân thủ đạo đức nghề nghiệp được xem là những thế mạnh của BVSC liên tục trong nhiều năm qua. Bên cạnh đó, hệ thống công nghệ thông tin được đầu tư mạnh mẽ trong những năm qua đã góp phần lớn trong việc cải thiện chất lượng dịch vụ khách hàng giúp nâng cao vị thế cạnh tranh của BVSC trên thị trường, là tiền đề tốt để Công ty đẩy mạnh hoạt động kinh doanh trong năm 2017.
Mặc dù vậy, thách thức đối với BVSC trong năm 2017 là năng lực tài chính còn kém cạnh tranh nên hạn chế khả năng đẩy mạnh hoạt động môi giới và các dịch vụ tài chính phục vụ khách hàng cũng như là rào cản đối với việc tham gia vào thị trường chứng khoán phái sinh trong năm 2017.

Tổng doanh thu

483,8 tỷ đồng

tương đương 147,8%
so với 2016

BVSV là công ty chứng khoán uy tín, hoạt động ổn định, am hiểu thị trường, đội ngũ nhân sự giàu kinh nghiệm và tuân thủ đạo đức nghề nghiệp được xem là những thế mạnh của BVSC liên tục trong nhiều năm qua.

Đánh giá chung về kết quả kinh doanh của BVSC trong năm 2017

Nắm bắt các cơ hội thị trường, trong năm 2017 Công ty đã nỗ lực triển khai đồng bộ các giải pháp kinh doanh, kết quả đạt được như sau:

Đơn vị tính: tỷ đồng

STT	CHỈ TIÊU	Kết quả 2017	Kế hoạch 2017	Tỷ lệ so với KH (%)	Tỷ lệ so với cùng kì (*)
1	**Tổng doanh thu & thu nhập khác**	**483,79**	**324**	**149,32**	**147,80**
	Doanh thu đã thực hiện	433,08	324	133,67	147,22
	Doanh thu chưa thực hiện	50,71			
2	**Tổng chi phí**	**331,37**	**196**	**169,07**	**160,99**
	Chi phí đã thực hiện	292,78	196	149,38	155,96
	Chi phí chưa thực hiện	38,59			
3	**LN trước thuế**	**152,42**	**128**	**119,08**	**125,46**
	LN đã thực hiện	140,3	128	109,61	131,82
	LN chưa thực hiện	12,12			
4	**LN sau thuế**	**122,44**	**102**	**120,04**	**119,84**
	LN đã thực hiện	112,88	102	110,67	127,10
	LN chưa thực hiện	9,56			

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2017 (TIẾP)

Đánh giá tình hình thực hiện so với kế hoạch

Đơn vị tính: triệu đồng

CHỈ TIÊU	Thực hiện cùng kỳ năm trước	Thực hiện năm 2017	Kế hoạch năm 2017	So sánh %	
				Tỷ lệ thực hiện lũy kế so với KH năm	Tỷ lệ thực hiện so với thực hiện kỳ trước
I. Tổng Doanh thu. trong đó:	**327.313**	**483.681**	**324.000**	**149,3**	**147,8**
1. Doanh thu hoạt động	**308.897**	**462.044**	**311.850**	**148,2**	**149,6**
1.1. Lãi từ các tài sản tài chính	90.687	115.358	84.500	136,5	127,2
1.2. Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	98.486	122.540	102.750	119,3	124,4
1.3. Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	99.887	207.668	110.000	188,8	207,9
1.4. Doanh thu nghiệp vụ bảo lãnh. đại lý phát hành chứng khoán	272	926	100	925,7	340,0
1.5. Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	4.378	5.987	3.100	193,1	136,7
1.6. Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	9.548	8.402	11.200	75,0	88,0
1.7. Thu nhập hoạt động khác	5.639	1.164	200	582,1	20,6
2. Doanh thu hoạt động tài chính	**18.416**	**21.636**	**12.150**	**178,1**	**117,5**
III. Chi phí hoạt động kinh doanh và chi phí tài chính	**(140.222)**	**(248.894)**	**(110.660)**	**224,9**	**177,5**
IV. Chi phí quản lý doanh nghiệp	**(64.844)**	**(81.579)**	**(85.340)**	**95,6**	**125,8**
V. Kết quả hoạt động kinh doanh	**122.247**	**153.208**	**128.000**	**119,7**	**125,3**
VI. Lợi nhuận/(lỗ) khác	(760)	(784)	-		103,1
VII. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	**121.487**	**152.423**	**128.000**	**119,1**	**125,5**
Trong đó: Lợi nhuận kế toán thực hiện trước thuế	106.435	140.300	128.000	109,6	131,8
VIII. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN)	**(19.313)**	**(29.979)**	**(26.000)**	**115,3**	**155,2**
IX. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	**102.174**	**122.445**	**-**		
Trong đó: Lợi nhuận kế toán thực hiện sau thuế	88.844	112.880	102.000	110,7	127,1
X. Thu nhập toàn diện khác sau thuế TNDN	**6.254**	**13.467**	**-**		

Về Doanh thu

Năm 2017, BVSC với nhiều cố gắng nỗ lực ở các hoạt động kinh doanh đã đạt lợi nhuận trước thuế cả năm là 152,4 tỷ đồng, trong đó, lợi nhuận thực hiện trước thuế là 140,3 tỷ đồng bằng 109,6% so với kế hoạch và bằng 131,8% so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận sau thuế của Công ty đạt 122,4 tỷ đồng trong đó Lợi nhuận thực hiện sau thuế đạt 112,9 tỷ đồng, bằng 110,7% kế hoạch và bằng 127,1% so với cùng kỳ năm trước.

Tổng doanh thu 2017 của Công ty đạt 483,7 tỷ đồng, bằng 149,3% so với kế hoạch và tăng 47,8% so với cùng kỳ năm trước. Hầu hết các chỉ tiêu doanh thu của hoạt động kinh doanh chính đều tăng trưởng, trong đó tăng trưởng mạnh nhất là doanh thu hoạt động môi giới và cho vay, phải thu cụ thể:

- Doanh thu hoạt động môi giới đạt 207,7 tỷ đồng, bằng 188,8% so với kế hoạch và tăng 107,9% so với cùng kỳ năm trước. Mức tăng trưởng này đạt được một phần từ cơ hội thị trường thuận lợi trong năm, mặt khác đến từ nỗ lực vượt bậc của toàn bộ Lãnh đạo và đội ngũ nhân viên Công ty. Với định hướng tập trung phát triển nghiệp vụ môi giới, BVSC đã đầu tư về công nghệ, nâng cao trình độ nhân sự và các chính sách kinh doanh hợp lý để tìm kiếm các kênh bán hàng chuyên nghiệp, hiệu quả, khai thác được nhiều khách hàng mới và thu hút được kênh đầu tư của nhiều khách hàng lớn để nâng cao giá trị giao dịch chứng khoán. Nếu trong năm 2017 giá trị giao dịch toàn thị trường tăng 165,5% thì giá trị giao dịch của BVSC tăng đến 226,2%. Điều này cho thấy sự tăng trưởng về giá trị giao dịch và thị phần của BVSC đã vượt trội hơn so với sự tăng trưởng của thị trường đã mang lại kết quả doanh thu tăng trưởng mạnh trong năm 2017.

- Đi cùng với hoạt động môi giới, lãi từ hoạt động cho vay và phải thu cũng đạt 122,5 tỷ đồng, bằng 119,3% so với kế hoạch và tăng 24,4% so với cùng kỳ năm trước. Mặc dù nguồn lực của Công ty có hạn, Công ty chưa được tăng vốn điều lệ để đáp ứng nhu cầu kinh doanh nhưng với biện pháp quản trị nguồn vốn hợp lý, Công ty chủ động cơ cấu lại nguồn vốn tự có như giảm bớt danh mục đầu tư tự doanh, giảm bớt khoản đầu tư tiền gửi có kỳ hạn để dồn nguồn lực cho hoạt động cho vay margin và ứng trước tiền bán chứng khoán. Ngoài ra, Công ty cũng huy động vốn ngắn hạn bằng repo trái phiếu sẵn có của BVSC, vay ngắn hạn tại các ngân hàng với lãi suất hợp lý để đáp ứng nhu cầu sử dụng vốn ngắn hạn, hỗ trợ khách hàng vay giao dịch ký quỹ với lãi suất cạnh tranh nhằm thu hút khách hàng giao dịch chứng khoán tại Công ty.

- Doanh thu từ đầu tư tài sản tài chính (bao gồm lãi từ đầu tư từ chứng khoán tự doanh và tiền gửi có kỳ hạn) đạt 115,4 tỷ đồng bằng 136,5% so với kế hoạch và tăng 27,2% so với cùng kỳ năm trước. Đối với đầu tư chứng khoán, phương thức hoạt động của BVSC là thiết lập tỷ trọng đầu tư của Danh mục linh hoạt và phù hợp với từng giai đoạn diễn biến của thị trường trên nguyên tắc thận trọng. Các giao dịch tự doanh năm 2017 chủ yếu tập trung vào cổ phiếu một số ngành như Bất động sản, Dầu khí, Ngân hàng. Đối với hoạt động đầu tư tiền gửi có kỳ hạn, mặc dù nguồn lực không nhiều nhưng BVSC luôn chủ động đầu tư tại các ngân hàng TMCP với chỉ số an toàn cao và mức lãi suất cạnh tranh. Cũng vì vậy hoạt động đầu tư của Công ty đã đạt được kết quả tốt, đóng góp 23,8% tổng doanh thu toàn công ty và kết quả hoạt động chỉ xếp sau hoạt động môi giới và các dịch vụ tiện ích cho khách hàng của Công ty.

- Doanh thu hoạt động vấn tài chính năm 2017 đạt 8,4 tỷ đồng, hoàn thành 75% kế hoạch và giảm 22% so cới cùng kỳ năm 2016. Mặc dù không đạt kế hoạch doanh thu, tuy nhiên, năm qua, Công ty đã thực hiện thành công nhiều hợp đồng tư vấn sát nhập (M&A), tư vấn cổ phần hóa doanh nghiệp, tư vấn đấu giá quy mô lớn trên thị trường, điển hình là hoàn tất hợp đồng sáp nhập BHS vào SBT và nổi bật là thương vụ Sabeco – một trong những thương vụ thoái vốn Nhà nước lớn nhất trong lịch sử TTCK Việt Nam.

Doanh thu môi giới

Đơn vị: tỷ đồng

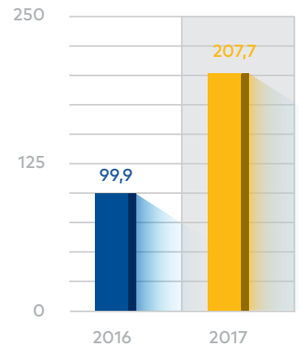

Doanh thu đầu tư tài sản tài chính

Đơn vị: tỷ đồng

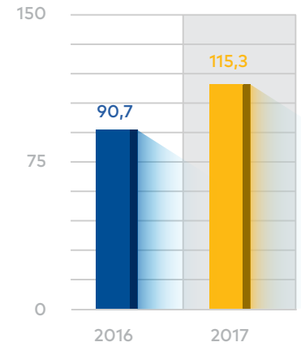

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2017 (TIẾP)

Đánh giá tình hình thực hiện so với kế hoạch (Tiếp)

- Doanh thu hoạt động lưu ký đạt xấp xỉ 6 tỷ đồng, đạt 193,1% so với kế hoạch và tăng 36,7% so với cùng kỳ năm trước. Sự tăng trưởng về doanh thu lưu ký chủ yếu xuất phát từ sự tăng trưởng từ hoạt động môi giới, chứng khoán giao dịch và lưu ký tại BVSC tăng so với năm trước; tiếp đó là do BVSC đẩy mạnh khai thác hoạt động quản lý sổ cổ đông, lưu ký chứng khoán chưa niêm yết.
- Doanh thu từ hoạt động tài chính đạt 21,6 tỷ, bằng 178,1% với kế hoạch và tăng 17,5% so với cùng kỳ năm trước.

Về Chi phí

Doanh thu tăng mạnh trong năm do đó các hạng mục chi phí của Công ty cũng tăng theo, tuy nhiên sự tăng trưởng này để thúc đẩy hoạt động kinh doanh một cách hiệu quả. Nhìn chung, chi phí của Công ty vẫn được kiểm soát tốt để đạt hiệu quả Lợi nhuận tăng trưởng chung của Công ty, cụ thể:

- Chi phí kinh doanh và chi phí quản lý doanh nghiệp thực hiện trong năm là 330,5 tỷ đồng, bằng 168,6% so với kế hoạch và tăng 61,2% so với cùng kỳ năm trước. Mặc dù chi phí tăng với tỷ lệ cao, nhưng chủ yếu là tăng từ chi phí kinh doanh và mức tăng tương ứng với sự tăng trưởng các động kinh doanh như môi giới, cho vay và phải thu, lưu ký và các hoạt động khác. Mức tăng chi phí của các hoạt động như sau:
  - Chi phí hoạt động kinh doanh thực hiện 248,9 tỷ đồng tương ứng 224,9% so với kế hoạch và tăng 77,5% so với cùng kỳ năm trước, chủ yếu là tăng khoản chi phí cho hoạt động môi giới, cho vay margin và ứng trước như: chi phí giao dịch trả sở, chi phí lưu ký, chi phí lãi vay, chi phí lương cho hoạt động môi giới...
  - Chi phí quản lý thực hiện 81,6 tỷ đồng, bằng 95,6% so với số kế hoạch và tăng 25,8% so với cùng kỳ năm trước.
  - Chi phí quản lý có tăng so với cùng kỳ năm trước, phát sinh chủ yếu tăng từ chi phí lương nhân viên, chi phí thuê nhà 6 tháng đầu năm tăng thêm trong thời gian sửa chữa chờ chuyển trụ sở mới của Công ty, tuy nhiên nhìn chung, chi phí quản lý vẫn thấp hơn so với kế hoạch và chỉ chiếm 25% tổng chi phí cho thấy Công ty đã kiểm soát chi phí một cách hiệu quả. Chi phí quản lý chủ yếu là các khoản chi phí thực sự cần để thúc đẩy, hỗ trợ phát triển cho các hoạt động kinh doanh chính của Công ty.

Phân tích cơ cấu, tỷ trọng doanh thu

Doanh thu của Công ty đến từ doanh thu hoạt động (các hoạt động chính được phép hoạt động như đầu tư tài sản tài chính, môi giới, cho vay và phải thu, lưu ký, tư vấn và doanh thu khác) chiếm 95,5% tổng doanh thu và doanh thu hoạt động tài chính (lãi tiền gửi không kỳ hạn) chỉ chiếm khoảng 4,5% tổng doanh thu.

- Thu lãi từ đầu tư tài sản tài chính, gồm lãi từ hoạt động kinh doanh chứng khoán, vốn góp, đầu tư tiền gửi có kỳ hạn đạt 115,4 tỷ đồng, tăng 27,2% so với cùng kỳ năm trước, chiếm 23,8% trong tổng doanh thu.
- Doanh thu từ cho vay, phải thu: bao gồm thu lãi tiền hoạt động vay margin, ứng trước của khách hàng giao dịch chứng khoán, đạt 122,5 tỷ đồng, tăng 24,4% so với cùng kỳ năm trước, chiếm 25,3 % tổng doanh thu cả năm.
- Doanh thu hoạt động môi giới đạt 207,7 tỷ đồng, tăng 107,9% so với cùng kỳ năm trước. Đây là hoạt động quan trọng, đóng góp doanh thu lớn nhất trong tổng doanh số của công ty, chiếm 42,9% trong tổng doanh thu..
- Doanh thu tư vấn hoạt động tài chính đạt 8,4 tỷ đồng, giảm 12% so với cùng kỳ năm trước, chiếm 1,7% trong tổng doanh thu.
- Doanh thu hoạt động còn lại là lưu ký chứng khoán, bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán, doanh thu khác đạt 8 tỷ đồng và chỉ chiếm 1,7% trong tổng doanh thu.

Doanh thu lưu ký

Đơn vị: tỷ đồng

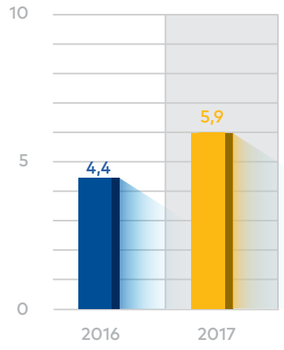

Thương vụ Sabeco do BVSC thực hiện là thương vụ có giá trị lớn nhất Châu Á trong năm 2017

Đơn vị: triệu đồng

CHỈ TIÊU DOANH THU	Thực hiện 2016	Tỷ trọng	Thực hiện 2017	Tỷ trọng	% thay đổi
1. Doanh thu hoạt động	**308.897**	**94,4%**	**462.044**	**95,5%**	**49,6%**
1.1. Lãi từ các tài sản tài chính	90.687	27,7%	115.358	23,8%	27,2%
1.2. Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	98.486	30,1%	122.540	25,3%	24,4%
1.3. Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	99.887	30,5%	207.668	42,9%	107,9%
1.4. Doanh thu nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	272	0,1%	926	0,2%	240,0%
1.5. Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	4.378	1,3%	5.987	1,2%	36,7%
1.6. Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	9.548	2,9%	8.402	1,7%	-12,0%
1.7. Thu nhập hoạt động khác	5.639	1,7%	1.164	0,2%	-79,4%
2. Doanh thu hoạt động tài chính	**18.416**	**5,6%**	**21.636**	**4,5%**	**17,5%**
Tổng Doanh thu (1) + (2)	**327.313**	**100%**	**483.681**	**100%**	**47,8%**

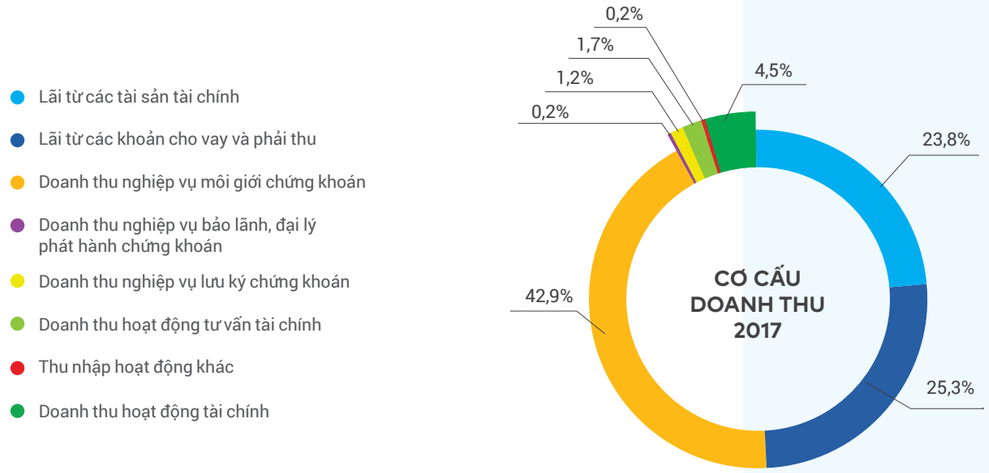

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2017 (TIẾP)

Đánh giá tình hình thực hiện so với kế hoạch (Tiếp)

Phân tích cơ cấu, tỷ trọng chi phí

Đơn vị: triệu đồng

CHỈ TIÊU CHI PHÍ	Thực hiện 2016	Tỷ trọng (%)	Thực hiện 2017	Tỷ trọng (%)	% thay đổi
Chi phí hoạt động kinh doanh và chi phí tài chính	(140.222)	68,4	(248.894)	75,3	77,5%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	(64.844)	31,6	(81.579)	24,7	25,8%
Tổng chi phí cho hoạt động kinh doanh	**(205.066)**	**100**	**(330.473)**	**100**	**61,2%**

Tỷ trọng chi phí 2017

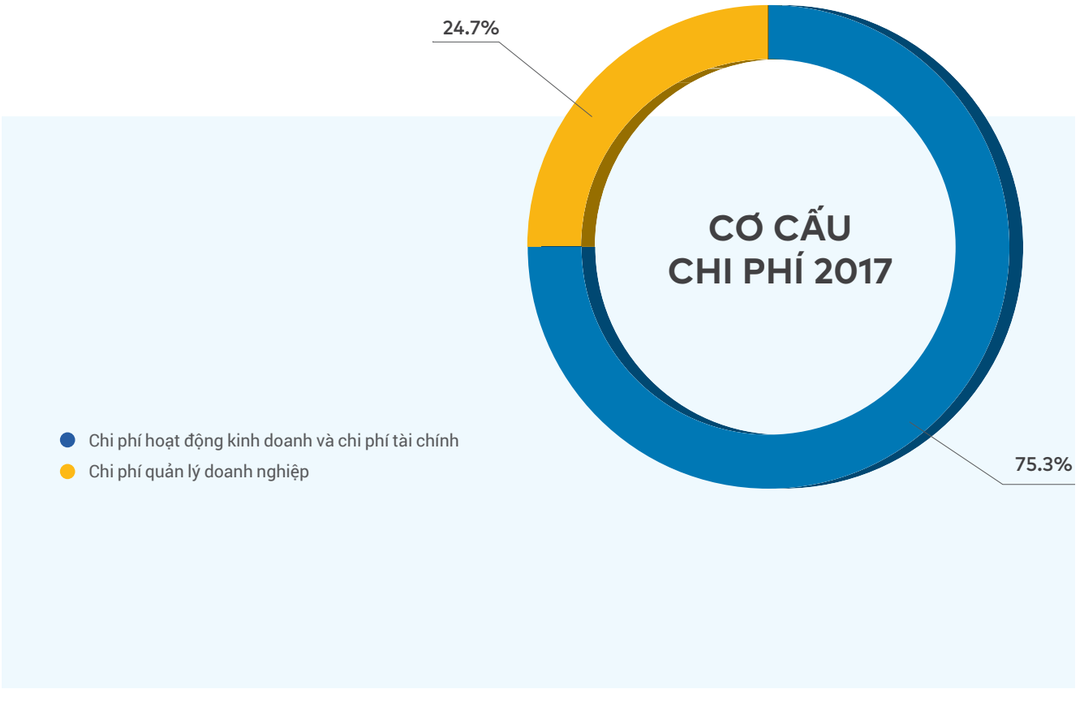

Chi phí hoạt động kinh doanh của Công ty gồm có (i) chi phí hoạt động kính doanh và chi phí tài chính, (ii) chi phí quản lý doanh nghiệp.

- Trong đó chiếm tỷ trọng lớn là chi phí kính doanh và chi phí tài chính. Hạng mục chi phí này bao gồm chi phí trực tiếp cho hoạt động kinh doanh chính như: phí giao dịch trả sở, phí lưu ký, lãi vay... và chi phí hoạt động cho khối kinh doanh như chi phí thuê nhà, chi phí khấu hao TSCĐ, chi phí dịch vụ mua ngoài. Chi phí cho khối kinh doanh thực hiện 248,9 tỷ đồng, chiếm 75,3% tổng chi phí và tăng 77,5% so với cùng kỳ năm trước.

- Chi phí quản lý doanh nghiệp thực hiện 81,6 tỷ đồng, chỉ chiếm 24,7% tổng chi phí và tăng 25,8 % so với cùng kỳ năm trước.

Đây là cơ cấu chi phí hợp lý, các khoản chi phí được tập trung cho hoạt động kinh doanh, nhất là các hoạt động kinh doanh tạo ra doanh thu chính cho Công ty như môi giới và các dịch vụ khách hàng từ đó thúc đẩy được các hoạt động kinh doanh chính, chi phí quản lý được kiểm soát chặt chẽ nhằm tạo sự tăng trưởng lợi nhuận cho công ty.

ĐÁNH GIÁ CÁC LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2017

Môi giới

Trong năm 2017, môi giới tiếp tục là hoạt động trọng tâm và chiếm tỷ trọng lớn thứ nhất trong cơ cấu doanh thu của BVSC. Với tỷ trọng doanh thu môi giới chiếm xấp xỉ 43% tổng doanh thu, BVSC đã đạt mục tiêu đặt ra trong chiến lược kinh doanh giai đoạn 2016-2020. Năm 2017 cũng ghi nhận kết quả vượt trội của hoạt động môi giới với sự tăng trưởng thị phần đạt gần 36% so với 2016.

Kết quả hoạt động môi giới trong năm 2017 như sau:

Tăng trưởng doanh thu

▲ 207,9%

Bảng số liệu giao dịch năm 2017

Đơn vị: 1000 tỷ đồng

GIÁ TRỊ GIAO DỊCH	Năm 2016		Năm 2017		So sánh với cùng kỳ 2016	
	Thị trường	Công ty	Thị trường	Công ty	Thị trường	Công ty
Tại HSX	602,63	42,47	1.043,47	110,21	173.15%	259.50%
Tại HNX	129,65	9,00	161,05	8,98	124.22%	99.74%
Tại Upcom	31,95	3,56	60,47	5,30	189.28%	148.84%
Tổng cộng	**764,22**	**55,03**	**1.264,99**	**124,49**	**165.53%**	**226.20%**

Kết quả hoạt động Môi giới năm 2017

CHỈ TIÊU	Năm 2016	KH năm 2017	Năm 2017	% TH so với cùng kỳ	% TH so với KH 2017
Doanh thu (Tỷ Đồng)	99,89	110	207,67	207,90%	188,79%
Thị phần giao dịch (%)	3,60%	4,2%	4,92%	136,67%	117,14%
Số lượng tài khoản	**50.711**	**51.880**	**55.152**	**108,76%**	**106,31%**

Bảng xếp hạng thị phần CP&CCQ

THỊ PHẦN GIAO DỊCH	QUÝ I		QUÝ II		QUÝ III		QUÝ IV	
	HSX	HNX	HSX	HNX	HSX	HNX	HSX	HNX
Vị trí	4	10	5	N/A	6	N/A	8	N/A
Thị phần (%)	7	3,35	6,5	2,41	5,85	3,03	3,14	2,40

▶ **BVSC quay trở lại bảng xếp hạng TOP 5 thị phần tại HSX sau gần 10 năm vắng bóng**

Bảng xếp hạng thị phần trái phiếu

THỊ PHẦN GIAO DỊCH	QUÝ I		QUÝ II		QUÝ III		QUÝ IV	
	HSX	HNX	HSX	HNX	HSX	HNX	HSX	HNX
Vị trí	4	3	N/A	1	N/A	3	3	3
Thị phần (%)	6,27	Nhóm có thị phần trên 10%	N/A	Nhóm có thị phần trên 10%	N/A	Nhóm có thị phần trên 10%	4,27	Nhóm có thị phần trên 10%

Năm 2017 ghi nhận kết quả vượt trội của hoạt động môi giới với sự tăng trưởng thị phần đạt 36% so với 2016.

Thị phần môi giới CP&CCQ 2015-2017

Đơn vị: %

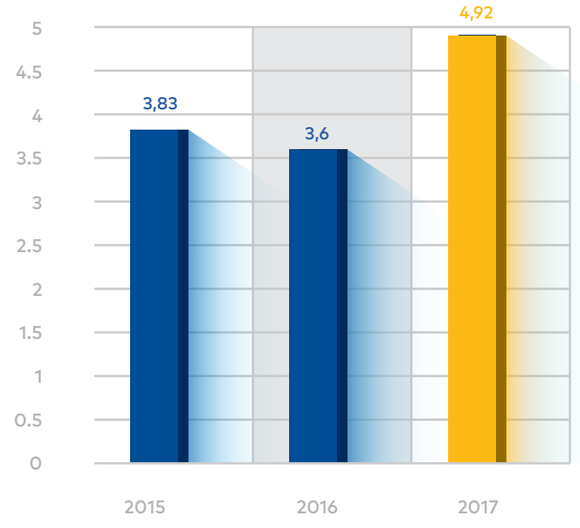

ĐÁNH GIÁ CÁC LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2017 (TIẾP)

Trong năm 2017 Công ty đã nỗ lực triển khai đồng bộ nhiều giải pháp từ đầu tư cơ sở vật chất, công nghệ, con người và tài chính để thúc đẩy hoạt động môi giới của Công ty. Cụ thể:

Tiếp tục mở rộng mạng lưới hoạt động với việc thành lập thêm một phòng giao dịch tại 174 Lê Hồng Phong, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh. Việc mở rộng mạng lưới hoạt động này nằm trong kế hoạch chiến lược phát triển hoạt động môi giới đã được ĐHCĐ và HĐQT thông qua cho giai đoạn 2016-2020 nhằm khai thác mạnh mẽ hơn nữa tiềm năng khu vực thị trường phía Nam.

Cũng trong năm 20107, Công ty đã thực hiện đầu tư mới hoàn toàn cơ sở vật chất cho Trụ sở chính tại 72 Trần Hưng Đạo, Hoàn Kiếm, Hà Nội, trong đó Sàn giao dịch chứng khoán tại Trụ sở chính được xây dựng mới với các trang thiết bị hiện đại, không gian rộng rãi, và nhiều tiện ích nhằm nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng.

Đẩy mạnh đầu tư cho hệ thống CNTT bao gồm: Triển khai hoàn thiện việc đầu tư thiết bị phần cứng cho dự án Front Office; Đầu tư hệ thống máy chủ mới và phần mềm ảo hóa; Ngoài ra, Công ty còn hoàn thiện hồ sơ và triển khai kế hoạch lựa chọn nhà thầu cho 02 gói thầu đầu tư nâng cấp hệ thống thiết bị chuyển mạch lõi và đầu tư máy chủ cơ sở dữ liệu. Việc đầu tư mạnh cho CNTT là một trong những giải pháp trọng tâm để nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng cũng như quản trị tốt các dịch vụ cung cấp ra bên ngoài.

Chính sách lãi suất và phí giao dịch cạnh tranh, ổn định nguồn vốn phục vụ khách hàng.Mặc dù nguồn lực tài chính còn hạn chế, tuy nhiên với việc quản trị tài chính hiệu quả bằng nhiều giải pháp linh hoạt, BVSC đã nỗ lực duy trì nguồn vốn ổn định cho các hoạt động margin, ứng trước, đáp ứng tốt nhu cầu của khách hàng. Bên cạnh đó, BVSC luôn duy trì lãi suất dịch vụ margin và ứng trước tiền bán chứng khoán cạnh tranh và thường xuyên điều chỉnh để phù hợp với diễn biến lãi suất thị trường. Công ty thiết kế các gói dịch vụ tài chính phù hợp với từng đối tượng khách hàng, các tiêu chí phân loại và đánh giá khách hàng cũng được xây dựng nhất quán và đồng bộ, thường xuyên thực hiện rà soát và điều chỉnh để đảm bảo việc cung cấp các gói dịch vụ phù hợp và tối ưu nhất cho khách hàng.

Ngoài ra, chính sách phí giao dịch luôn được BVSC áp dụng một cách linh hoạt và đa dạng theo phương thức và quy mô giao dịch, đặc biệt, đối với phương thức giao dịch trực tuyến tại BVSC luôn có mức phí giao dịch thấp nhất trên toàn thị trường.

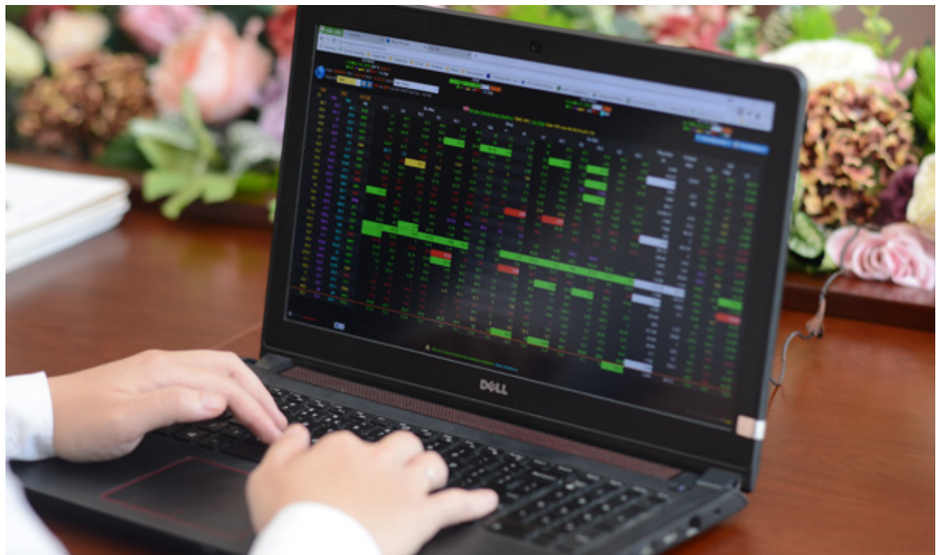

Đẩy mạnh các chương trình khuyến mại hợp lực toàn hệ thống Bảo Việt. Tháng 6 năm 2017, BVSC đã phối hợp cùng Tập đoàn Bảo Việt và các đơn vị thành viên tổ chức thành công chương trình khuyến mại tích hợp "Nắng vàng biến xanh cùng Bảo Viêt", trao tặng gần 1000 quà tặng liền tay cho Khách hàng. Đây là chương trình khuyến mại chào mừng dự án "Bảo Việt One stop shop" – nơi khách hàng có thể trải nghiệm các sản phẩm tài chính tích hợp bao gồm bảo hiểm – ngân hàng – chứng khoán thuộc thương hiệu Bảo Việt tại cùng 1 điểm tiếp xúc mà BVSC cùng Tập đoàn Bảo Việt và các ĐVTV đang phối hợp phát triển. Mô hình này dự kiến sẽ được nhân rộng trên nhiều tỉnh thành của cả nước trong thời gian tới đây.

Cũng trong năm 2017, nhân dịp sinh nhật lần thứ 18, BVSC đã tổ chức riêng chương trình tri ân khách hàng: "Đón mừng sinh nhật – Gửi lời tri ân". Chương trình tri ân khách hàng đã trao tặng gần 1500 quà tặng tới khách hàng tham dự chương trình, gần 200 khách hàng thân thiết của BVSC đã tới dự Lễ tri ân ***"Cảm ơn người đồng hành"*** được tổ chức song song tại Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh vào trung tuần tháng 12/2017.

Đổi mới các chương trình thi đua nội bộ với nhiều phần thưởng hấp dẫn nhằm khuyến khích, tạo động lực cho CBNV. Việc liên tục đổi mới các chương trình thi đua đã thu hút được hàng trăm cán bộ môi giới tham gia và tạo hiệu ứng tích cực trong việc đẩy mạnh hoạt động môi giới. Không chỉ thay đổi về tiêu chí đánh giá và phần thưởng, công tác truyền thông và tôn vinh khen thưởng có nhiều sự cải tiến với 4 đợt tôn vinh hàng quý và 1 đợt tôn vinh cả năm, tôn vinh và trao thưởng cho hơn 20 cá nhân và 3 tập thể có thành tích xuất sắc trong khối môi giới là những nhân tố điển hình đóng góp vào kết quả hoạt động môi giới trong năm 2017.

Hoạt động môi giới khách hàng tổ chức đạt nhiều kết quả tích cực trong năm 2017. Ngoài việc thực hiện các giao dịch cổ phiếu và trái phiếu của khách hàng là các quỹ đầu tư, các định chế tài chính lớn trong và ngoài nước một cách chuyên nghiệp, chính xác, BVSC với tư cách là nhà môi giới, đã liên tục tìm kiếm và thực hiện kết nối các block deal cho các KHTC của BVSC và các tổ chức bên ngoài nhằm tối đa hóa lợi nhuận cho KHTC tại BVSC.

BVSC đẩy mạnh việc tiếp xúc, phát triển mối quan hệ với khách hàng tổ chức, khách hàng lớn trên thị trường và cập nhật các thông tin thị trường, các báo cáo tài chính chuyên sâu phù hợp với đặc thù và nhu cầu của từng tổ chức qua đó tìm kiếm và mở rộng các khách hàng tiềm năng. Trong năm 2017 Công ty đã mở mới 26 tài khoản tổ chức nước ngoài và 4 cá nhân nước ngoài, thường xuyên tổ chức các buổi hội thảo định kỳ với chất lượng chuyên môn cao tại trụ sở của khách hàng (SSIAM, BVF, PTI, PVIAM, SIC, SGI, Lotus...), các buổi tham quan, làm việc nhằm giới thiệu các cơ hội đầu tư hiệu quả cho các khách hàng và kết quả đã nhận được sự đánh giá cao từ thị trường. Bên cạnh đó, xúc tiến các hoạt động hợp tác với các ngân hàng, các định chế tài chính lớn như Bộ Tài Chính, VNPT, Ngân hàng Sumitomo Mitsui Banking Corporatio, Ngân hàng MBB, Ngân hàng Techcombank... để tham gia sâu vào các nghiệp vụ tài chính dưới tư cách là nhà môi giới.

ĐÁNH GIÁ CÁC LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2017 (TIẾP)

Tự doanh

Năm 2017 là một năm thuận lợi đối với hoạt động đầu tư chứng khoán niêm yết, kết hợp với chính sách đầu tư linh hoạt, quản trị rủi ro tốt nên tỷ suất đầu tư của BVSC đạt 24,8%. Song song với việc triển khai đầu tư chứng khoán niêm yết, BVSC cũng chú trọng từng bước đẩy mạnh hoạt động giao dịch hoán đổi đối với chứng chỉ quỹ ETF để tạo thanh khoản với vai trò là nhà tạo lập của thị trường.

Đối với hoạt động đầu tư trái phiếu, BVSC tiếp tục duy trì cơ cấu đầu tư ổn định, không tăng thêm tỷ trọng, góp phần cân đối cơ cấu đầu tư, tạo doanh thu ổn định cho Công ty.

Tỷ suất đầu tư đạt
24.8%

Lưu ký chứng khoán

Là hoạt động đòi hỏi sự chuẩn mực, cẩn trọng, dịch vụ lưu ký chứng khoán được triển khai trên cơ sở tuân thủ chặt chẽ quy định của Trung tâm lưu ký chứng khoán và sự chuyên nghiệp của BVSC.

Trong năm Công ty đã tiếp nhận lưu ký chứng khoán cho các công ty mới niêm yết và đã niêm yết trên HSX, HNX, UPCOM với số lượng trên 350 triệu cổ phần. Thực hiện chốt 2.180 danh sách lưu ký cổ phiếu và trái phiếu để tiến hành trả cổ tức, phát hành thêm cổ phiếu, lấy ý kiến cổ đông, đại hội cổ đông... BVSC phối hợp chặt chẽ cùng với các Ngân hàng đáp ứng tốt các yêu cầu nộp rút tiền của khách hàng, thực hiện 1.868 giao dịch nộp và 6.753 giao dịch rút với tổng số tiền trên 2.486 tỷ đồng. Năm 2017, doanh thu hoạt động lưu ký đạt 5,99 tỷ đồng, đạt 193,1% so với kế hoạch.

Tư vấn và bảo lãnh phát hành

Mặc dù chiếm tỷ trọng nhỏ trong cơ cấu tổng doanh thu, tuy nhiên hoạt động tư vấn là một trong những hoạt động cốt lõi góp phần tạo nên vị thế thương hiệu của BVSC trên thị trường. Không ngừng mở rộng mạng lưới khách hàng, đẩy mạnh triển khai các hoạt động vốn là thế mạnh của BVSC như tư vấn cổ phần hóa, hợp nhất, sáp nhập, tái cấu trúc doanh nghiệp, trong năm 2017 Công ty đã ký mới 110 hợp đồng và hoàn thành 86 hợp đồng, đạt 8,4 tỷ đồng, đạt 75% kế hoạch năm. BVSC đã thực hiên tư vấn thành công cho nhiều thương vụ lớn như SAB, BHN, GENCO2... trong đó nổi bật nhất là thương vụ thoái vốn nhà nước tại Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước giải khát Sài Gòn (SABECO) do BVSC là nhà tư vấn chính được coi là thương vụ điển hình năm 2017 không chỉ trong khuôn khổ TTCK Việt Nam mà còn mang tầm khu vực châu Á.

Năm 2017, BVSC được Diễn đàn M&A Việt Nam bình chọn là “Công ty Chứng khoán tiêu biểu Việt Nam năm 2016 – 2017 hạng mục Tư vấn hợp nhất”.

Năm 2017, BVSC được Diễn đàn M&A Việt Nam bình chọn là “Công ty Chứng khoán tiêu biểu Việt Nam năm 2016 – 2017 hạng mục Tư vấn hợp nhất”.

Các hoạt động cho vay, phải thu và lãi tiền gửi

Cùng với sự tăng trưởng của hoạt động môi giới, hoạt động cho vay và phải thu đóng góp tỷ trọng doanh thu lớn trong kết quả kinh doanh năm 2017. Trong năm, Công ty đã thực hiện các giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động này, như tích cực tìm các nguồn để huy động vốn, vay ngắn hạn tại các ngân hàng TMCP (thế chấp bằng các hợp đồng tiền gửi đang hiệu lực), thực hiện repo trái phiếu nhằm huy động vốn ngắn hạn, tìm kiếm nguồn vốn huy động với mức lãi suất thấp và cho khách hàng vay với mức lãi suất cạnh tranh để nhằm thu hút khách hàng nhưng vẫn đảm bảo tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng. Ngoài ra, việc dịch chuyển nguồn vốn từ nơi có hiệu suất thấp (tiền gửi, các khoản OTC hiệu quả thấp) sang các nghiệp vụ có lãi suất cao hơn (margin, ứng trước) là một trong những giải pháp góp phần ổn định nguồn vốn đáp ứng nhu cầu khách hàng giao dịch, làm tăng thị phần môi giới đồng thời tăng hiệu quả sử dụng vốn của công ty.

Kết quả hoạt động cho vay, phải thu và lãi tiền gửi

Đơn vị: tỷ đồng

STT	CHỈ TIÊU	KH 2017	TH 2017	Tăng trưởng so với KH
1	Lãi TG	37	30,97	-16,30%
2	Margin & ƯT	102,75	122,54	19,26%
3	**Tổng cộng**	**139,75**	**153,51**	**9,85%**

ĐÁNH GIÁ CÁC LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2017 (TIẾP)

Công tác Quản lý và hỗ trợ

Quản lý giao dịch và phát triển sản phẩm

Với sự tăng trưởng ngoạn mục của TTCK trong năm 2017 và khối lượng giao dịch qua BVSC tăng trưởng mạnh so với năm 2016, đảm bảo hệ thống giao dịch thông suốt và an toàn, đáp ứng quy mô hàng triệu lệnh trong năm, trung bình 6.000 lệnh giao dịch/ngày là nhiệm vụ trọng tâm trong công tác quản lý giao dịch.

Song song, xuất phát từ nhu cầu thực tế của khách hàng và thị trường, công tác nghiên cứu phát triển sản phẩm không ngừng được chú trọng. Trong năm công ty đã thực hiện hàng chục đợt cập nhật và chỉnh sửa hệ thống nhằm đổi mới các tiện ích cũng như tạo ra các trải nghiệm mới cho khách hàng giao dịch.

Nghiên cứu phân tích

Với việc phát hành 249 báo cáo phân tích ngành và công ty định kỳ hàng quý và hàng tháng, 250 bản tin thị trường hàng ngày có chất lượng để phục vụ khách hàng, có thể nói các sản phẩm của BVSC đã liên tục được cải thiện và bám sát nhu cầu nhà đầu tư. Hoạt động nghiên cứu phân tích của BVSC đã và đang được đầu tư đúng hướng, khẳng định mục tiêu của Công ty là không ngừng nâng cao chất lượng tư vấn đầu tư phục vụ khách hàng.

Trong năm 2017, BVSC đã triển khai nghiên cứu và hoàn thành các sản phẩm phân tích kinh tế vĩ mô – TTCK và phân tích ngành – công ty định kỳ và theo các chuyên đề chuyên sâu; Tăng cường các hoạt động tư vấn đầu tư cho các khách hàng tổ chức và cá nhân thông qua các buổi hội nghị, tọa đàm gặp mặt trực tiếp hoặc gián tiếp qua bộ phận môi giới; Đẩy mạnh xây dựng thương hiệu Công ty thông qua các kênh truyền thông báo chí.

Công nghệ thông tin

Là hoạt động mũi nhọn nhằm gia tăng lợi thế cạnh tranh cho công ty không chỉ trong việc cung cấp dịch vụ cho khách hàng mà còn hướng tới mục tiêu tối ưu hóa công tác quản trị, trong năm 2017 hoạt động CNTT tập trung triển khai các nhiệm vụ trọng tâm như sau:

- Tiếp tục triển khai phần mềm Front-office và giao dịch trực tuyến mới.
- Xây dựng phần mềm hỗ trợ giao dich ETF đối với nhà tạo lập thị trường.
- Nâng cấp các cơ chế an ninh bảo mật cho toàn công ty thông qua thiết bị bảo mật, và các cơ chế cân bằng tải cao cấp.
- Thực hiện việc nâng cấp bổ sung đường truyền giữa BVSC và TT CNTT tập đoàn Bảo Việt nhằm tối thiểu hóa rủi ro mất kết nối với máy chủ tại tập đoàn.
- Thực hiện việc đặt một phần hạ tầng tại Sở GDCK Hồ Chí Minh nhằm kế thừa môi trường hạ tầng chuẩn hóa của Sở SGCK và tận dụng lợi thế về mạng, an ninh đã được sở thiết lập. Bước đầu sẵn sàng cho việc triển khai một cách hoàn chỉnh các điểm dịch vụ dự phòng và các trung tâm phục hồi sau thảm họa.
- Tích hợp kênh dịch vụ tiền với ngân hàng BaovietBank trong tập đoàn Bảo Việt và một số ngân hàng chủ chốt triển khai hoàn chỉnh các chức năng thu hộ, chi hộ nhằm nâng cao tính hiệu quả và tức thời của dịch vụ BVSC.
- Nâng cấp cơ sở hạ tầng phục vụ họp trực tuyến tại Hà Nội và TP. HCM

ĐÁNH GIÁ CÁC LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2017 (TIẾP)

Công tác Quản lý và hỗ trợ (Tiếp)

Pháp chế và Kiểm soát nội bộ

Năm 2017 là năm cơ quan quản lý nhà nước ban hành mới, sửa đổi và bổ sung nhiều văn bản pháp luật liên quan trong lĩnh vực chứng khoán nói riêng và các văn bản pháp luật liên quan khác nói chung điều chỉnh đến hoạt động kinh doanh của Công ty như: Nghị định 71/2017/NĐ-CP hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng ("Nghị định 71/2017/NĐ-CP"); Thông tư 95/2017/TT-BTC hướng dẫn một số điều của Nghị định 71/2017/NĐ-CP về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng ("Nghị định 95/2017/TT-BTC"); Thông tư 87/2017/TT-BTC quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính, Quyết định 87/QĐ-UBCK về việc ban hành Quy chế hướng dẫn giao dịch ký quỹ chứng khoán...

Với sự thay đổi mạnh mẽ về khung pháp lý cho hoạt động của thị trường đòi hỏi công tác pháp chế hoạt động tích cực trong việc cập nhật, rà soát, chỉnh sửa hệ thống văn bản quy định và quy trình nghiệp vụ của Công ty. Trong năm 2017 Công ty đã ban hành 21 văn bản, quy trình, quy chế nội bộ trong đó tiêu biểu như Điều lệ sửa đổi, bổ sung lần thứ 9 của Công ty, Quy trình giao dịch ký quỹ theo quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Quy chế hoạt động của Hội đồng đầu tư Công ty; Quy trình thực hiện quyền..., ban hành mới 63 biểu mẫu của Công ty để đảm bảo phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành, góp phần hoàn thiện hơn nữa khung pháp lý cho hoạt động của Công ty.

Bên cạnh đó, là một thành viên tích cực của thị trường, BVSC luôn chủ động tham gia đóng góp ý kiến góp phần hoàn thiện khung pháp lý trong lĩnh vực chứng khoán thông qua việc gửi các văn bản góp ý kiến đối với các dự thảo văn bản pháp luật, tham gia trình bày tham luận và phát biểu ý kiến đóng góp với các Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, như góp ý đối với dự thảo Thông tư sửa đổi, bổ sung Thông tư 11/2016/TT-BTC hướng dẫn một số điều của Nghị định 42/2016/NĐ-CP về chứng khoán phái sinh và thị trường chứng khoán phái sinh; Dự thảo Công văn hướng dẫn về chính sách thuế đối với thu nhập từ chuyển nhượng hợp đồng tương lai trên thị trường chứng khoán phái sinh; Văn bản góp ý kiến sửa đổi, bổ sung Luật Chứng khoán...

Là một tuyến phòng thủ quan trọng trong công tác quản trị rủi ro, hoạt động KSNB trong năm 2017 tiếp tục được duy trì tốt thông qua việc đảm bảo nguyên tắc về tính chính trực, đạo đức nghề nghiệp trong các công tác thường ngày của bộ phận. Các khuyến nghị và đánh giá của KSNB thực hiện một cách độc lập trên các khía cạnh như:

- Đảm bảo tính tuân thủ đúng đắn đối với quy trình, quy chế của công ty cũng như quy định của pháp luật.
- Đảm bảo sự tách bạch trong quản lý tiền và tài sản của Khách hàng với tiền và tài sản của Công ty.
- Đảm bảo tính toàn vẹn và an toàn của tài sản công ty.
- Mức độ tin cậy, tính chính xác, trung thực và tính bảo mật của thông tin dữ liệu.

Các kỳ kiểm soát tuân thủ và soát xét báo cáo đã thực hiện trong năm 2017 bao gồm:
Kiểm soát định kì của năm

STT	NỘI DUNG	Mục tiêu kiểm soát chính	Tiến độ thực hiện
1	Kiểm tra hoạt động ủy quyền giao dịch chứng khoán của Khách hàng.	Đảm bảo các hồ sơ ủy quyền được lập hợp pháp tại cơ quan công chứng. Các thông tin về người ủy quyền, thời hạn ủy quyền, các dịch vụ ủy quyền v.v... được khai báo lên hệ thống Flex chính xác. Các giao dịch của người được ủy quyền không vi phạm quy định của pháp luật.	Đã hoàn thành trong năm 2017
2	Kiểm tra tuân thủ Quy trình vận hành hệ thống công nghệ thông tin, Quy trình cập nhật hệ thống phần mềm giao dịch chứng khoán và các Quy định về công tác an ninh bảo mật hệ thống.	Đảm bảo hệ thống CNTT vận hành theo qui trình của công ty cũng như tuân theo các quy định của Sở giao dịch CK về cả cơ sở vật chất hạ tầng lẫn yêu cầu kỹ thuật và các công tác lưu trữ dữ liệu giao dịch của Khách hàng được bảo vệ an toàn trong trường hợp xảy ra sự cố.	Đã hoàn thành trong năm 2017
3	Kiểm tra tuân thủ Quy trình Lưu ký liên quan giao dịch về tiền của Khách hàng.	Kiểm tra các giao dịch chuyển khoản tiền, đối chiếu hồ sơ, sổ phụ ngân hàng, lệnh chuyển khoản, bút toán hạch toán kế toán... để đảm bảo sự chính xác về giá trị, khớp đúng đối tượng khách hàng và thời gian của giao dịch. Kiểm tra để đảm bảo tính chính xác và tách bạch giữa tiền của Khách hàng với tiền của công ty.	Đã hoàn thành trong năm 2017
4	Kiểm tra tuân thủ Quy chế đầu tư tự doanh.	Đảm bảo phòng nghiệp vụ tuân thủ đúng theo quy trình đầu tư nói chung cũng như tuân thủ theo các kế hoạch đầu tư cụ thể đã được phê duyệt trong năm. Đảm bảo tính tuân thủ trong các hạn mức đầu tư, hạn mức rủi ro...	Đã hoàn thành trong năm 2017
5	Kiểm tra tuân thủ Quy chế chi tiêu nội bộ và Quy trình mua sắm quản lý tài sản.	Đảm bảo các khoản chi phí là hợp lý, hợp lệ. Chi phí được hạch toán đúng với các định mức trong qui định nội bộ, chứng từ chi phí đầy đủ, hợp lệ theo qui định của pháp luật hiện hành. Kiểm tra để đảm bảo tài sản của công ty được mua sắm hợp lý, sử dụng và quản lý khoa học an toàn và tiết kiệm.	Đã hoàn thành trong năm 2017
6	Theo dõi và rà soát tiến độ thực hiện các khuyến nghị của KSNB trong các kỳ kiểm soát trước.	Kiểm tra tình hình thực hiện các khuyến nghị của các phòng ban.	Tiếp tục thực hiện trong năm 2018

Soát xét các báo cáo tài chính và hồ sơ giao dịch chứng khoán

Trong năm 2017, bộ phận KSNB đã thực hiện soát xét hơn 130 báo cáo liên quan báo cáo hoạt động tháng, báo cáo tỷ lệ an toàn vốn khả dụng, báo cáo số dư tiền của nhà đầu tư. Tiếp nhận để kiểm tra và lưu trữ gần 40 nghìn lượt hồ sơ và phiếu lệnh giao dịch của khách hàng.

Soát xét hơn
130
báo cáo

Kiểm tra và lưu trữ
40.000
lượt hồ sơ và phiếu lệnh

ĐÁNH GIÁ CÁC LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2017 (TIẾP)

Công tác Quản lý và hỗ trợ (Tiếp)

Truyền thông và phát triển thương hiệu

BVSC là thương hiệu chứng khoán uy tín đồng thời là một doanh nghiệp niêm yết minh bạch tiêu biểu, hoạt động truyền thông trong năm 2017 tiếp tục hướng tới mục tiêu này. Thông qua việc hợp tác chuyên sâu với các kênh truyền thông chuyên ngành tài chính - chứng khoán với phương thức truyền thông đa dang, phong phú, BVSC đã đẩy mạnh việc truyền thông ra công chúng một cách chủ động và hiệu quả về kết quả hoạt động kinh doanh, về chính sách sản phẩm, dịch vụ... Trang tin điện tử của Công ty là cầu nối trong việc truyền thông ra công chúng đồng thời là kênh công bố thông tin chính thức của Công ty, qua đó góp phần minh bạch hóa thông tin, xây dựng hình ảnh một doanh nghiệp niêm yết minh bạch tiêu biểu.

Trong năm 2017, BVSC liên tiếp được tôn vinh bởi các giải thưởng uy tín trong và ngoài nước như: Thương hiệu mạnh Việt Nam do Thời báo KTVN trao tặng, Top 20 thương hiệu phát triển bền vững do Hiệp hội Chống hàng giả và Bảo vệ Thương hiệu Việt Nam cùng Báo Thương hiệu và Công luận trao tặng, Top 10 thành viên tiêu biểu trong hoạt động thanh toán tiền chứng khoán do VSD trao tặng, Công ty Chứng khoán tiêu biểu Việt Nam năm 2016-2017 hạng mục Tư vấn hợp nhất tại Diễn đàn M&A thường niên và hai giải thưởng quốc tế do Global banking and finance review trao tặng: Best Brokerage House Vietnam và Best Equity House Vietnam.

Điểm nhấn trong năm 2017 ngoài việc đẩy mạnh tham gia các dự án hợp lực về thương hiệu theo chủ trương chung toàn Tập đoàn Bảo Việt như Dự án lịch tết, chương trình gặp mặt báo chí, chương trình khuyến mại "Nắng vàng biển xanh cùng Bảo Việt", dự án Bảo Việt One stop shop, BVSC còn tổ chức những đợt khuyến mại, tri ân khách hàng với quy mô lớn tại Trụ sở chính Hà Nội và Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh... Các chương trình khuyến mại trải dài trong suốt năm 2017 đã góp phần gia tăng sức mạnh thương hiệu Bảo Việt nói chung và BVSC nói riêng, giúp BVSC củng cố vị thế là công ty chứng khoán đầu tiên và uy tín trên thị trường.

Nếu như truyền thông ra công chúng hiệu quả giúp BVSC xây dựng và củng cố thương hiệu công ty, thì truyền thông nội bộ góp phần lớn trong việc xây dựng văn hóa doanh nghiệp – điều được xem là nền tảng tạo nên thành công trong hoạt động của bất kỳ doanh nghiệp nào. Trong năm 2017, BVSC đã tập trung mạnh vào công tác truyền thông nội bộ không chỉ thông qua bản tin kinh doanh, bản tin nội bộ với tần suất lớn, mà còn thông qua các chương trình tập huấn văn hóa doanh nghiệp, các chương trình đào tạo định hướng, Công ty thực hiện chuyển tải sâu rộng tới người lao động về tầm nhìn, sứ mệnh, mục tiêu và kế hoạch trong năm 2017, các giá trị cốt lõi của Công ty.... qua đó đã lan tỏa tinh thần, động lực, nhiệt huyết cống hiến trong mỗi mỗi cán bộ BVSC, góp phần quan trọng tạo nên thành công trong năm 2017.

Nếu như truyền thông ra công chúng hiệu quả giúp BVSC xây dựng và củng cố thương hiệu công ty, thì truyền thông nội bộ góp phần lớn trong việc xây dựng văn hóa doanh nghiệp – điều được xem là nền tảng tạo nên thành công trong hoạt động của bất kỳ doanh nghiệp nào.

Phát triển nguồn nhân lực

Xác định đầu tư phát triển nguồn nhân lực sẽ tạo lợi thế cạnh tranh bền vững cho doanh nghiệp, trong nhiều năm qua BVSC luôn đặt mục tiêu phát triển con người là nhiệm vụ trọng tâm và xuyên suốt của mình. Công tác hoạch định nhân sự được xây dựng phù hợp với chiến lược kinh doanh của Công ty, kế hoạch tuyển dụng, đào tạo, chính sách đãi ngộ được thực thi đồng bộ và nhất quán gắn kết chặt chẽ với mục tiêu kinh doanh đặt ra hàng năm.

Tuyển dụng

Với mục tiêu đẩy mạnh môi giới, việc tuyển dụng trong năm 2017 tập trung phát triển đội ngũ môi giới có chất lượng theo định hướng này. Trong năm 2017, tỷ lệ tuyển dụng tại BVSC là 22,8%, trong đó tỷ lệ tuyển mới đội ngũ nhân viên môi giới tại các Phòng Giao dịch chiếm tỷ trọng lớn (67,2%). Các vị trí tuyển dụng mới khác chủ yếu là để bổ sung thay thế nhân sự nghỉ việc hoặc kém hiệu quả và bổ sung để chủ động chuẩn bị nguồn lực cho việc triển khai chứng khoán phái sinh..

Tổng số nhân sự tại BVSC đến 31/12/2017

442 người

Trụ sở chính	Chi nhánh
280 người	**162** người

Biểu đồ cơ cấu phân theo chức năng

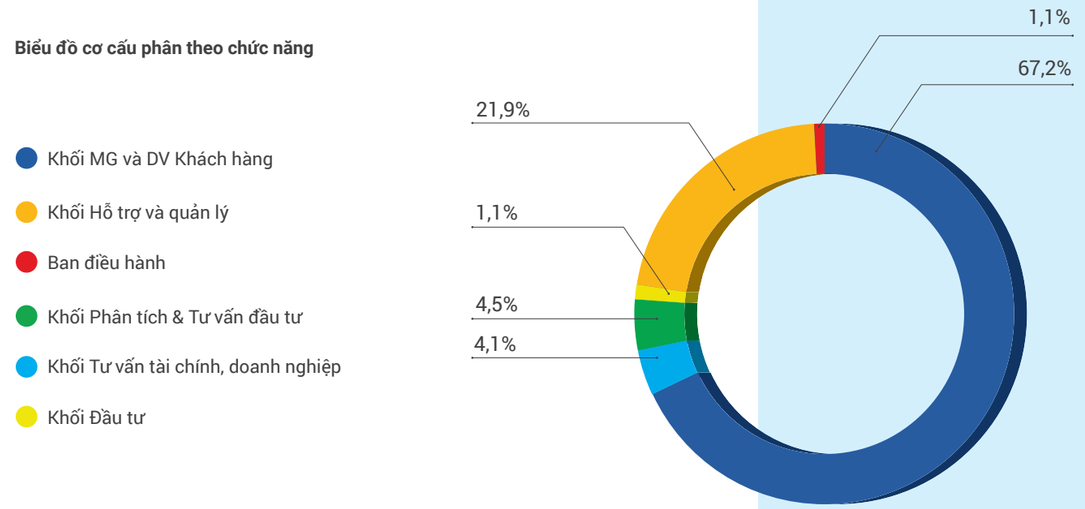

ĐÁNH GIÁ CÁC LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2017 (TIẾP)

Công tác Quản lý và hỗ trợ (Tiếp)

Đào tạo

Với mục tiêu xây dựng đội ngũ nhân sự không chỉ giỏi về chuyên môn nghiệp vụ mà còn còn đề cao đạo đức nghề nghiệp, tận tâm và cống hiến, BVSC đặc biệt chú trọng công tác tạo đào phát triển con người. Do đó, các chương trình và nội dung đào tạo không chỉ giới hạn ở đào tạo về chuyên môn nghiệp vụ, các kỹ năng mềm phục vụ công việc, mà còn chú trọng tới đào tạo về văn hóa, về đạo đức nghề nghiệp, về giá trị cốt lõi của Công ty.

Đào tạo về văn hóa công ty và đạo đức nghề nghiệp

Nội dung đào tạo này được thực hiện từ rất sớm thông qua chương trình "Đào tạo định hướng" dành cho cán bộ mới được tuyển dụng vào công ty. Thông qua chương trình này, cán bộ được đào tạo về tầm nhìn, sứ mệnh, giá trị cốt lõi, lịch sử và các thành tựu của công ty, được phổ biến về nội quy công ty, văn hóa ứng xử và đặc biệt được chia sẻ về bộ quy tắc đạo đức của người hành nghề chứng khoán. Trong năm 2017, Công ty đã tổ chức hàng chục chương trình đào tạo định hướng cho người lao động. Ngoài ra, thông qua các kỳ đánh giá về hiệu quả làm việc trong năm, người lao động tiếp tục được chia sẻ những giá trị mục tiêu và văn hóa công ty để gắn kết sự nghiệp cá nhân với kế hoạch phát triển của Công ty.

Đào tạo chuyên môn và kỹ năng

Do tính chất đặc thù hoạt động của ngành chứng khoán, việc tuân thủ các quy trình nghiệp vụ là đặc biệt quan trọng. Vì vậy, Công ty đã tập trung triển khai đào tạo nội bộ về nghiệp vụ thường xuyên cho đội ngũ môi giới bằng việc xây dựng và thiết kế riêng bản đồ học tập với nội dung các chương trình đào tạo nghiệp vụ và kỹ năng phù hợp và thực tế nhất với công việc. Các nội dung tập trung vào các sản phẩm dịch vụ, hệ thống giao dịch chứng khoán, quy định pháp lý và quy trình nghiệp vụ của Công ty, quản trị rủi ro... Năm 2017 vừa qua, Công ty đã tổ chức 14 khóa đào tạo nội bộ với gần 296 cán bộ tham dự.

Định kỳ hàng năm, Công ty tổ chức một đợt kiểm tra trình độ của nhân viên môi giới nhằm đánh giá chất lượng nhân sự cũng như đánh giá những kiến thức còn hạn chế của môi giới, từ đó xây dựng kế hoạch đào tạo, nội dung đào tạo phù hợp.

Công ty thường xuyên rà soát và khuyến khích cán bộ hoàn thành các chứng chỉ nghiệp vụ chứng khoán để được cấp chứng chỉ hành nghề. Tại BVSC, chứng chỉ hành nghề được xác định là một trong các tiêu chí đánh giá nhân sự cho công tác tuyển dụng, quy hoạch, bổ nhiệm, nâng lương, đánh giá hiệu quả làm việc... nhằm xây dựng đội ngũ nhân sự có trình độ chuyên môn cao. Năm 2017, Công ty đã cử 112 lượt cán bộ tham gia các khóa đào tạo của Trung tâm nghiên cứu khoa học & đào tạo Chứng khoán thuộc UBCKNN tổ chức và tính đến 31/12/2017, tổng số cán bộ có chứng chỉ hành nghề chứng khoán là 117 cán bộ; và số cán bộ có chứng chỉ hành nghề chứng khoán phái sinh là 105 cán bộ

Cơ cấu chứng chỉ hàng nghề

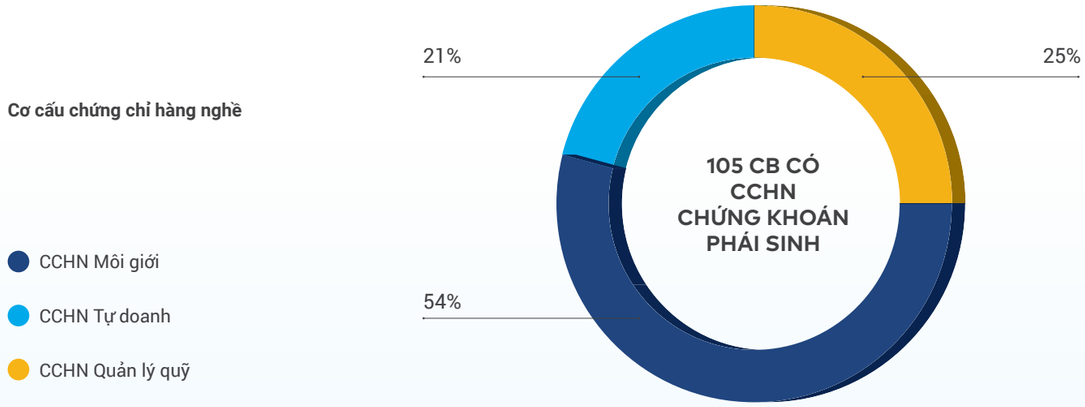

Lộ trình đào tạo nhân viên môi giới tại BVSC

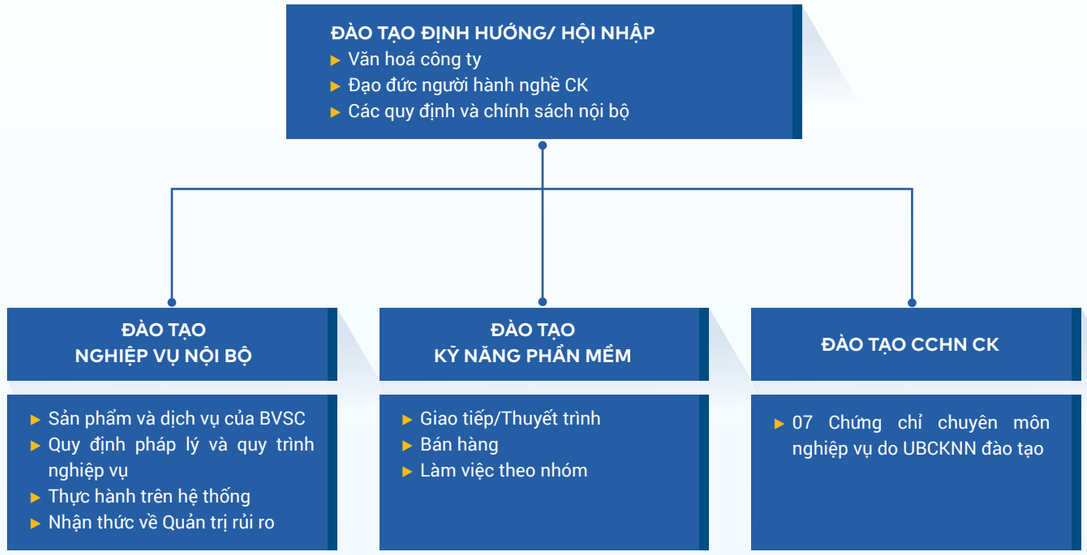

ĐÁNH GIÁ CÁC LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2017 (TIẾP)

Công tác Quản lý và hỗ trợ (Tiếp)

Chính sách đãi ngộ

Chính sách đãi ngộ tổng thể được xây dựng và thực hiện nhất quán, đồng bộ và có tính gắn kết chặt chẽ với mục tiêu kinh doanh.

Đãi ngộ tài chính gắt kết với mục tiêu kinh doanh:

Chính sách trả lương và thưởng của BVSC phản ảnh rõ nhất chiến lược đãi ngộ tài chính gắn kết chặt chẽ với mục tiêu kinh doanh. Đối với lao động tại khối môi giới, Công ty thực hiện trả lương và thưởng trên doanh thu môi giới. Với mục tiêu này, Công ty xây dựng các tiêu chí đánh giá và xét thưởng cụ thể, minh bạch và hướng tới nhiều nhóm đối tượng lao động khác nhau bao gồm chính sách áp dụng đối với cấp nhân viên, cấp trưởng nhóm và cấp quản lý. Chính sách này cũng thường xuyên được rà soát cập nhật để đảm bảo có tính cạnh tranh và thu hút. Đi kèm với chính sách trả lương thưởng dựa trên doanh thu, Công ty thực hiện các chương trình thi đua khuyến khích với các phần thưởng giá trị nhằm tạo động lực cho cán bộ. Các chương trình thi đua được thiết kế nhằm tôn vinh cả cá nhân lẫn tập thể, từ đó lan tỏa tinh thần nhiệt huyết cống hiến trong toàn bộ đội ngũ lao động tại khối môi giới.

Đối với lao động tại khối quản lý và hỗ trợ, Công ty xây dựng chính sách trả lương và thưởng gắn kết với hiệu quả làm việc. Phương thức này đảm bảo tính nhất quán giữa việc sử dụng đòn bẩy lương thưởng để gắn thành tích cá nhân với việc hoàn thành mục tiêu của tổ chức, tạo sự công bằng trong nội bộ. Nhằm đảm bảo tính hiệu quả của phương thức trả lương thưởng gắn với hiệu quả làm việc, việc xây dựng mục tiêu, tiêu chí và phương pháp đánh giá cũng như việc triển khai công tác đánh giá được thực hiện cẩn trọng, áp dụng công cụ đánh giá 360 độ và xây dựng văn hóa phản biện đánh giá trong hội đồng bình xét thi đua nhằm đảm bảo sự khách quan, công bằng và minh bạch.

Thu nhập bình quân/tháng của NLĐ 2015-2017

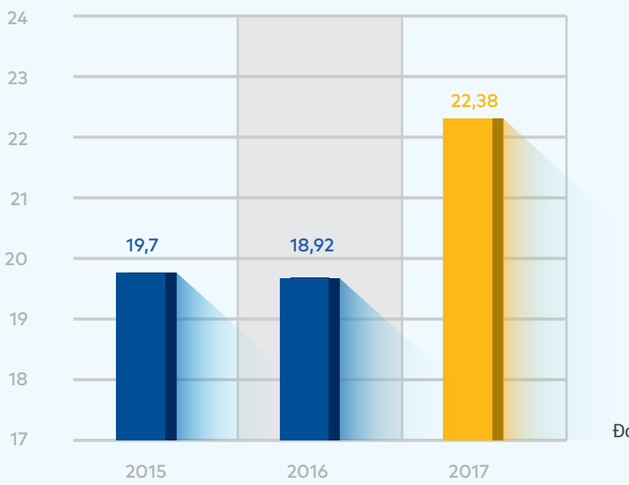

Đơn vị: Triệu đồng/người/tháng

Chính sách phúc lợi tạo sự gắn kết bền vững

Bên cạnh chính sách lương thưởng thì chính sách phúc lợi được xem là nhân tố tạo nên giá trị gắn kết bền vững giữa người lao động với Công ty. Không chỉ dừng ở việc thực hiện đóng các chế độ bảo hiểm bắt buộc theo quy định của pháp luật như Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, BVSC còn trang bị thêm cho người lao động các loại bảo hiểm khác bao gồm:

Bảo hiểm sức khỏe toàn diện (Từ năm 2010)

Việc trang bị thêm cho cán bộ Bảo hiểm sức khỏe toàn diện mang lại cho cán bộ sự quan tâm và đảm bảo về an toàn tính mạng, sức khỏe cũng như những chia sẻ về tài chính trong việc điều trị từ phía Công ty, qua đó tạo cho người lao động sự an tâm và niềm tin vào Công ty. Trong năm 2017, thông qua chương trình bảo hiểm sức khỏe toàn diện đã có 501 lượt cán bộ được khám và điều trị với tổng chi phí chi trả xấp xỉ 1 tỷ đồng.

Bảo hiểm nhân thọ An hưởng điền viên (Từ năm 2015)

Chương trình bảo hiểm nhân thọ An hưởng điền viên là một chính sách phúc lợi mới được Công ty triển khai từ năm 2015 với mục tiêu bảo vệ trước các rủi ro không mong đợi trong suốt quá trình làm việc, đồng thời quyền lợi của người lao động được đảm bảo dài hạn cho tới khi nghỉ hưu, theo đó kế hoạch hưu trí của người lao động sẽ được bổ sung thêm một khoản tài chính ổn định bên cạnh lương hưu được hưởng từ quỹ bảo hiểm xã hội của Nhà nước. Trong năm 2017, chương trình bảo hiểm An hưởng điền viên được tái tục và bổ sung với tổng chi phí 2,8 tỷ đồng.

Bảo hiểm Bệnh Ung thư (bắt đầu triển khai mới trong năm 2017)

Chương trình bảo hiểm Bệnh Ung thư là một loại hình bảo hiểm mới trên thị trường đã được BVSC trang bị cho người lao động nhằm bảo vệ người lao động trước các rủi ro không mong muốn trong bối cảnh nguy cơ các bệnh ung thư ngày một gia tăng trước sức ép về môi trường ô nhiễm ngày một tăng cao.

Thông tin chi tiết về nội dung phát triển nguồn nhân lực vui lòng xem thêm tại Chương Phát triển bền vững, từ trang 148 đến trang 159 báo cáo này.

PHÂN TÍCH TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tình hình tài chính

Tình hình tài chính:

Đơn vị: triệu đồng

CHỈ TIÊU	2016	2017	% TĂNG GIẢM
Tổng giá trị tài sản	1.879.659	2.198.954	17,0%
Doanh thu thuần	327.313	483.681	47,8%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	122.247	153.208	25,3%
Lợi nhuận khác	(760)	(784)	
Lợi nhuận trước thuế	121.487	152.423	25,5%
Lợi nhuận sau thuế	102.174	122.445	19,8%
▶ Lãi cơ bản trên cổ phiếu (NVĐ)	1.339	1.626	21,4%
Tỷ lệ an toàn vốn khả dụng	678%	702%	3,5%

▶ Năm 2017, Công ty áp dụng tính tài sản tài chính theo giá trị hợp lý theo chế độ kế toán tại TT334/2017/TT-BTC, theo đó một số chỉ tiêu trên Báo cáo tình hình tài chính được trình bày lại cho phù hợp với sự thay đổi của chế độ kế toán.

▶ Tổng tài sản năm 2017 đạt 2.198,9 tỷ đồng, tăng 319,3 tỷ đồng, tương ứng tăng 17% so với cùng kỳ năm trước. Chỉ tiêu tăng trưởng này thể hiện sự lớn mạnh về quy mô hoạt động của công ty, tăng trưởng trong các hạng mục tài sản và nguồn vốn.

▶ Các chỉ tiêu về Lợi nhuận được phân tích tại mục đánh giá tình hình thực hiện so với kế hoạch.

▶ Chỉ tiêu tỷ lệ an toàn vốn khả dụng của Công ty luôn đạt mức rất cao qua các năm, gấp khoảng 4 lần so với tỷ lệ quy định (180%) của UBCK. Năm 2017, tỷ lệ anh toàn vốn khả dụng đạt 702% tăng 3,5% so với cùng kỳ năm trước. Đây là con số tăng trưởng ổn định và đạt ở mức cao so với các công ty cùng ngành, thể hiện Công ty có tình hình tài chính lành mạnh, kiểm soát tốt các rủi ro về đầu tư và các rủi ro thanh toán, hoạt động của Công ty.

Tỷ lệ an toàn vốn khả dụng

▲ **3,5%**

so với 2016

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

CHỈ TIÊU	2016	2017	% TĂNG GIẢM
CHỈ TIÊU VỀ KHẢ NĂNG THANH TOÁN			
Hệ số thanh toán tổng quát: Tổng tài sản / Tổng nợ	6,03	4,39	-1,63
Hệ số thanh toán ngắn hạn: Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	4,44	3,55	-0,89
Hệ số thanh toán nhanh (Tiền + Đầu tư ngắn hạn) / Nợ ngắn hạn	4,22	3,48	-0,74
CHỈ TIÊU VỀ CƠ CẤU VỐN			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	16, 6%	22,8%	0,06%
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	19,9%	29,5%	0,10%
CHỈ TIÊU VỀ NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG			
Vòng quay các khoản phải thu (Doanh thu thuần/các khoản phải thu bình quân)	9,24	13,94	4,69
Vòng quay Vốn lưu động (Doanh thu thuần/Vốn Lưu động bình quân)	0,29	0,42	0,12
Vòng quay tổng tài sản (Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân)	0,35	0,24	-0,11
CHỈ TIÊU VỀ KHẢ NĂNG SINH LỜI			
Hệ số Lợi nhuận trước thuế/Doanh thu thuần	37,12%	31,51%	-5,6%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	31,22%	25,32%	-5,9%
Hệ số Lợi nhuận HĐKD/Doanh thu thuần	37,35%	31,68%	
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu ROE	6,52%	7,21%	0,7%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản ROA	5,44%	5,57%	0,1%
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	37,35%	31,68%	-5,7%

PHÂN TÍCH TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (TIẾP)

Tình hình tài chính (Tiếp)

Các chỉ tiêu tài chính của Công ty:

Khả năng thanh toán của Công ty luôn được đảm bảo duy trì ở mức cao (từ 4 đến 6 lần từ hệ số thanh toán nhanh đến thanh toán tổng quát). Vì các khoản nợ phải trả nhỏ hơn nhiều so với tài sản hiện có nên Công ty luôn sẵn sàng nguồn lực cho các khoản nợ phải trả. Tài sản của Công ty được bố trí an toàn và hợp lý, tập trung chủ yếu là các khoản tài sản ngắn hạn, có tính thanh khoản cao và dễ dàng chuyển đổi thành tiền để đáp ứng cho các nhu cầu thanh toán đến hạn và thanh toán khi cần thiết. Đây cũng là một thế mạnh của Công ty, qua nhiều năm, Công ty luôn duy trì được sự ổn định và an toàn trong thanh khoản: nghĩa vụ thanh toán bù trừ cho VSD, nghĩa vụ thanh toán cho khách hàng giao dịch chứng khoán và khách hàng khác của Công ty luôn được thực hiện chính xác và đầy đủ, đúng hạn theo như cam kết. Công ty luôn trú trọng quản lý tốt nguồn vốn và dòng tiền, đảm bảo sự cân đối, ổn định và không xảy ra bất kỳ sự kiện mất thanh khoản nào về dòng tiền hay nguồn vốn. Điều này góp phần vào sự phát triển bền vững của Công ty, cũng như mang lại sự tin tưởng cho đối tác, khách hàng.

Cơ cấu vốn của công ty: Công ty hoạt động chủ yếu là vốn góp của các chủ sở hữu: Vốn chủ sở hữu của công ty chiếm đến 77,2% trong tổng nguồn vốn và Nợ phải trả chỉ chiếm 22,8%. Cũng vì vậy, hệ số nợ trên Tổng tài sản và vốn chủ của Công ty chỉ ở mức thấp 22.8% và 29.5% cho thấy Công ty luôn chủ động nguồn vốn cho hoạt động kinh doanh. Đây cũng là lợi thế trong bối cảnh cạnh tranh gay gắt của thị trường chứng khoán, thị trường vốn khi Công ty duy trì ổn định và thường xuyên nguồn vốn, hạn chế các khoản nợ cũng như hạn chế được rủi ro thanh toán khi đáp ứng cho các hoạt động kinh doanh.

Chỉ tiêu về năng lực hoạt động: các chỉ tiêu về vòng quay các khoản phải thu, vòng qua vốn lưu động, vòng quay tổng tài sản tuy chưa cao nhưng một phần do đặc thù kinh doanh chứng khoán với các khoản phải thu cho vay margin thường có thời hạn 3 tháng và do yếu tố đặc thù của thị trường chứng khoán trong từng thời kỳ quyết định. - Hệ số vòng quay các khoản phải thu khá lớn, đạt 13,9 lần, tăng 4,7% so với cùng kỳ năm trước chứng tỏ các khoản phải thu của Công ty giảm đáng kể so với cùng kỳ năm trước, điều này giúp cho Công ty nâng cao luồng tiền mặt, tạo ra sự chủ động trong kinh doanh.

Vòng quay vốn lưu động đạt 0,4 lần, tăng 0,12% so với cùng kỳ năm trước chứng tỏ hiệu quả sử dụng lưu động của Công ty đạt kết quả cao hơn kỳ trước. Chỉ tiêu này cũng đánh giá đúng sự tăng trưởng lợi nhuận của Công ty trong năm qua.

Vòng quay tổng tài sản của công ty đạt 0, 2 lần giảm 0,11 lần so với cùng kỳ năm trước. Chỉ tiêu này chưa đạt hiệu quả cao do tổng tài sản của Công ty cuối kỳ tăng hơn so với cùng kỳ năm trước.

Các chỉ tiêu về khả năng sinh lời:

Chỉ tiêu về lợi nhuận trước và sau thuế trên doanh thu thuần duy trì ổn định, tuy có giảm so với năm trước, đạt 31,5% đối với hệ số Lợi nhuận trước thuế/Doanh thu thuần và đạt 25,3% đối với Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần. Chỉ tiêu này cho thấy mặc dù doanh thu và lợi nhuận đều tăng trưởng so với cùng kỳ năm trước nhưng tỷ lệ tăng trưởng doanh thu cao hơn tốc độ tăng trưởng lợi nhuận.

Tỷ suất lợi nhuận ròng trên vốn chủ sở hữu ROE đạt 7,2%, tăng 0,7% so với cùng kỳ năm trước và tỷ số lợi nhuận ròng trên tài sản ROA đạt 5,57% tăng 0,1% so với cùng kỳ năm trước đều phản ánh sự tăng trưởng về lợi nhuận của Công ty.

Tỷ suất lợi nhuận ròng trên vốn chủ sở hữu ROE đạt

7,2%

▲0,7%

so với cùng kỳ năm trước

Tỷ suất lợi nhuận ròng trên tài sản ROA đạt

5,6%

▲0,1%

so với cùng kỳ năm trước

Tình hình tài sản

Đơn vị: triệu đồng

CHỈ TIÊU	NĂM 2016	TỶ TRỌNG 2016	NĂM 2017	TỶ TRỌNG 2017	SỐ TĂNG/GIẢM	TỶ LỆ % TĂNG/GIẢM
A. Tài sản ngắn hạn	**1.363.236**	**72,5%**	**1.740.895**	**79,2%**	**377.659**	**27,7%**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	117.958	6,3%	228.383	10,4%	110.425	93,6%
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	1.179.392	62,7%	1.477.949	67,2%	298.557	25,3%
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	62.587	3,3%	33.247	1,5%	(29.340)	-46,9%
IV. Tài sản ngắn hạn khác	3.298	0,2%	1.316	0,1%	(1.982)	-60,1%
B. Tài sản dài hạn	**516.423**	**27,5%**	**458.059**	**20,8%**	**(58.363)**	**-11,3%**
II. Tài sản cố định	5.171	0,3%	14.135	0,6%	8.964	173,4%
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	483.090	25,7%	374.219	17,0%	(108.871)	-22,5%
V. Tài sản dài hạn khác	28.162	1,5%	69.705	3,2%	41.543	147,5%
Tổng cộng tài sản:	**1.879.659**	**100%**	**2.198.954**	**100%**	**319.296**	**17,0%**

Cơ cấu tài sản:

Tài sản năm 2017 của Công ty chủ yếu được hình thành bởi tài sản ngắn hạn, chiếm 79,2% tổng tài sản; tài sản dài hạn chỉ chiếm 20,8% tổng tài sản. Tài sản ngắn hạn của Công ty chủ yếu là các khoản:

- Tiền và tương đương tiền: gồm các khoản tiền gửi của Công ty, tiền đầu tư ngắn hạn (dưới 3 tháng) và khoản cho vay ứng trước tiền bán chứng khoán, chiếm 10,4% trong tổng tài sản.
- Các khoản đầu tư ngắn hạn: gồm các khoản tiền đầu tư ngắn hạn, cho vay và phải thu (cho vay hoạt động margin), đầu tư chứng khoán tự doanh, chiếm 67,2% trong tổng tài sản.
- Các khoản phải thu ngắn hạn và tài sản ngắn hạn khác: chiếm 1,6% trong tổng tài sản.

Tài sản dài hạn của Công ty chủ yếu đến từ các khoản đầu tư tài chính dài hạn chiếm 17% và các khoản tài sản dài hạn khác, chiếm 3,8% trong tổng tài sản.

Tỷ trọng cơ cấu tài sản

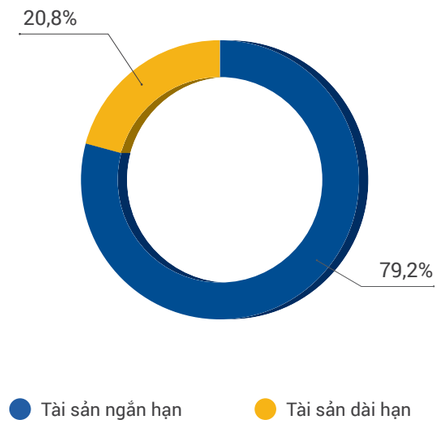

PHÂN TÍCH TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (TIẾP)

Tình hình tài chính (Tiếp)

Biến động của Tài sản:

Tổng tài sản năm 2017 của Công ty đạt

2.198,9 tỷ đồng

Tăng

319,3 tỷ đồng

Tổng tài sản năm 2017 của Công ty đạt đạt 2.198,9 tỷ đồng, tăng 319,3 tỷ đồng, tương ứng mức tăng 17% chủ yếu tăng từ khoản tăng từ tài sản ngắn hạn, cụ thể:

- Các khoản tiền và tương đương tiền tăng 110,4 tỷ đồng tương ứng mức tăng 93,6% so với cùng kỳ năm trước chủ yếu tăng từ khoản cho khách hàng ứng trước tiền bán chứng khoán.
- Khoản đầu tư tài sản tài chính ngắn hạn cũng được gia tăng 298,6 tỷ đồng tương ứng mức tăng 25,3%: do Công ty giảm khoản đầu tư tài sản tài chính (chứng khoán và tiền gửi ngắn hạn) 82,2 tỷ đồng và bổ sung nguồn dư nợ cho vay giao dịch ký quỹ thêm 380,7 tỷ đồng.
- Tài sản dài hạn giảm 58,4 tỷ đồng tương ứng mức giảm 11,3 % so với cùng kỳ năm trước, chủ yếu do Công ty giảm hạn mức đầu tư vào trái phiếu và tiền gửi dài hạn để tập trung nguồn lực cho vay giao dịch kỹ quỹ nhằm thúc đẩy phải triển hoạt động môi giới.

Có thể thấy phần lớn tài sản của Công ty là tài sản ngắn hạn có tính an toàn và thanh khoản cao, các khoản phải thu, cho vay được kiểm soát chặt chẽ theo đúng quy trình để hạn chế rủi ro. Tài sản được sử dụng linh hoạt và hiệu quả nên hiệu suất sử dụng tài sản đạt được khá tốt, góp phần đem lại hiệu quả kinh doanh cao cho Công ty.

Nguồn vốn, tình hình nợ phải trả

Nguồn vốn

Đơn vị: triệu đồng

CHỈ TIÊU	NĂM 2016	TỶ TRỌNG 2016	NĂM 2017	TỶ TRỌNG 2017	SỐ TĂNG/GIẢM	TỶ LỆ % TĂNG/GIẢM
A. Nợ phải trả	**311.974**	**16,6%**	**500.851**	**22,8%**	**188.877**	**60,5%**
Nợ ngắn hạn	307.093	16,3%	490.044	22,3%	182.951	59,6%
Nợ dài hạn	4.881	0,3%	10.807	0,5%		121,4%
B. Vốn chủ sở hữu	**1.567.685**	**83,4%**	**1.698.104**	**77,2%**	**130.419**	**8,3%**
Vốn góp của chủ sở hữu (gồm cả thặng dư)	1.332.096	70,9%	1.332.096	60,6%	-	0,0%
Các quỹ và LN chưa phân phối	235.589	12,5%	366.008	16,6%	130.419	55,4%
Tổng cộng nguồn vốn	**1.879.659**	**100,0%**	**2.198.954**	**100,0%**	**319.296**	**17,0%**

- **Cơ cấu Nguồn vốn**
  Nguồn của Công ty được hình thành chủ yếu từ Nguồn vốn chủ sở hữu, chiếm 77,2% chủ yếu là vốn góp của chủ sở hữu và các quỹ, lợi nhuận để lại. Phần còn lại là các khoản nợ phải trả chiếm 22,8%.

- **Biến động Nguồn vốn**
  Nợ phải trả của Công ty năm 2017 đã tăng thêm 188,8 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước, tương ứng mức tăng 60,5% chủ yếu tăng từ các khoản nợ phải trả ngắn hạn, cụ thể:

  - Các khoản vay thấu chi ngắn hạn giảm 69,7 tỷ đồng do công ty tất toán các vay thấu chi ngắn hạn cuối kỳ
  - Một số khoản phải trả người bán, phải trả người lao động tăng, Thuế và các khoản phải nộp nhà nước tăng khoảng 42 tỷ đồng. Những khoản này đã được Công ty thanh toán cho đối tác và người lao động ngay trong tháng 1 và tháng 2 năm 2017.
  - Khoản phải trả khác tăng 74,7 tỷ đồng, trong đó có khoản Giao dịch phải trả chờ xử lý tại Ngân hàng vào thời điểm cuối ngày, đã được hoàn tất thanh toán vào ngày làm việc tiếp theo.
  - Khoản vay repo trái phiếu tăng 134,7 tỷ đồng, do Công ty repo trái phiếu tự doanh để huy động nguồn vốn ngắn hạn cho hoạt động cho vay margin và ứng trước tiền bán chứng khoán.

  Như vậy các khoản nợ phải trả của Công ty hầu như tăng từ nợ phải trả ngắn hạn và đã được công ty tất toán nợ trong tháng 1 và 2 năm 2018. Công ty luôn kiểm soát các khoản nợ để đảm bảo khả năng thanh toán đúng hạn. Hệ số thanh toán của Công ty luôn đạt mức cao, các khoản tương đương tiền và tài sản ngắn hạn luôn cao hơn Nợ phải trả nhiều lần để sẵn sàng đảm bảo thanh toán cho các khoản nợ đến hạn. Khoản repo trái phiếu được đảm bảo bằng các trái phiếu của Công ty và luôn được thanh toán theo thời hạn quy định. Công ty không có khoản nợ xấu và nợ quá hạn phải trả.

- Vốn chủ sở hữu được tăng **130,4** tỷ đồng, chủ yếu tăng từ khoản lợi nhuận thực hiện trong năm làm cho lợi nhuận để lãi và các quỹ dự trữ tăng lên tương ứng.

Qua phân tích tình hình tài chính năm 2017 cho thấy BVSC có kết quả kinh doanh tăng trưởng tốt. Tình hình tài chính có tính ổn định và bền vững. Công ty luôn đạt mục tiêu phát triển các hoạt động kinh doanh một cách hiệu quả nhưng vẫn trú trọng đến công tác kiểm soát rủi ro và bảo toàn vốn. Các báo cáo tài chính của BVSC luôn thể hiện tính minh bạch, hữu ích cho nhà đầu tư, các cơ quản lý và các đối tượng liên quan.

Đánh giá hoạt động doanh nghiệp theo quy chế Camel

Khi đánh giá tình hình tài chính, tham khảo theo các tiêu chí của hệ thống đánh giá CAMEL (là hệ thống đánh giá tình trạng vững mạnh của một tổ chức tài chính dựa trên 05 yếu tố Vốn – Chất lượng tài sản – Quản lý – Doanh thu – Mức thanh khoản do Cục Quản lý các tổ hợp tín dụng Hoa Kỳ xây dựng và được Quỹ Tiền tệ quốc tế và Ngân hàng Thế giới khuyến nghị sử dụng. Đồng thời, ngày 09/10/2013, Ủy ban chứng khoán Nhà nước Việt Nam cũng đã ban hành quyết định số 617/QĐ-UBCK để ban hành quy chế CAMEL hướng dẫn xếp loại các Công ty Chứng khoán), nhóm chỉ tiêu tài chính của BVSC đạt 91/100 điểm, cho thấy Công ty có một tình trạng tài chính ngày càng vững mạnh

Nhóm chỉ tiêu tài chính của BVSC đạt

91/100 điểm

Tham khảo Phụ lục 2, tại trang 166 báo cáo này.

NHỮNG TIẾN BỘ TRONG NĂM

HOÀN THÀNH VƯỢT KẾ HOẠCH DOANH THU VÀ LỢI NHUẬN, ĐẶC BIỆT HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI TĂNG TRƯỞNG NGOẠN MỤC

Tận dụng tốt cơ hội thị trường, bằng những định hướng đúng đắn từ HĐQT, nỗ lực của Ban điều hành cùng toàn thể CBNV Công ty, năm 2017, BVSC đã hoàn thành tốt kế hoạch kinh doanh 2017, tăng trưởng mạnh so với 2016, theo đó Tổng doanh thu 483,7 tỷ đồng, bằng 149,3% so với kế hoạch và tăng 47,8% so với cùng kỳ năm trước, lợi nhuận thực hiện sau thuế đạt 112,9 tỷ đồng, bằng 110,7% kế hoạch và bằng 127,1% so với cùng kỳ năm trước. Điểm ấn tượng trong năm là hoạt động môi giới đạt mức tăng trưởng ngoạn mục trong năm 2017, theo đó thị phần môi giới của Công ty đạt 4,92%, tăng 37% so với năm 2016, đặc biệt thị phần giao dịch tại Sở HSX tăng trưởng ngoạn mục trong 2 quý liên tiếp đưa BVSC lần đầu tiên quay trở lại TOP 5 Công ty có thị phần lớn nhất tại HSX sau 10 năm vắng bóng.

KHẲNG ĐỊNH THƯƠNG HIỆU BVSC TRÊN THỊ TRƯỜNG TƯ VẤN

Là Công ty chứng khoán uy tín trên thị trường chứng khoán Việt Nam, với đội ngũ chuyên gia giàu kinh nghiệm, am hiểu thị trường, trong nhiều năm qua, BVSC đã được tôn vinh qua rất nhiều giải thưởng uy tín như "Nhà tư vấn M&A tiêu biểu nhất giai đoạn 2009-2014", "Công ty chứng khoán tiêu biểu Việt Nam năm 2016 – 2017 – hạng mục tư vấn hợp nhất" tại Diễn đàn M&A thường niên, "Nhà tư vấn tốt nhất Việt Nam 2016 – 2017" do Tạp chí Global banking & Finance review – Vương quốc Anh bình chọn.

Năm 2017, BVSC tiếp tục ghi dấu ấn trên thị trường với việc đóng vai trò tư vấn chính cho thương vụ Tư vấn thoái vốn Nhà nước tại Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước giải khát Sài Gòn (SABECO). Đây là thương vụ thoái vốn kỷ lục với giá trị đạt gần 5 tỷ USD, được ghi nhận là thương vụ lớn nhất không chỉ trong phạm vi quy mô TTCK Việt Nam mà vươn tầm khu vực. Với việc tư vấn thành công cho thương vụ này, một lần nữa thương hiệu BVSC được tái khẳng định trên thị trường trong nước và vươn tầm ra thị trường khu vực và quốc tế.

NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ TRONG NĂM 2017

Trong năm 2017, Công ty đã mở rộng mạng lưới giao dịch bằng việc thành lập thêm 01 Phòng Giao dịch mới tại TP. Hồ Chí Minh - Phòng Giao dịch Lê Hồng Phong trực thuộc Chi nhánh Công ty tại TP. Hồ Chí Minh. Đây là Phòng Giao dịch thứ 8 của BVSC tại Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh.

Cũng trong năm 2017, Công ty đã thực hiện chuyển trụ sở chính từ Tòa nhà Số 8 Lê Thái Tổ sang Tòa nhà 72 Trần Hưng Đạo, phường Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội. Trụ sở mới của Công ty nằm trong cùng Tòa nhà với Tập đoàn Bảo Việt và các đơn vị thành viên khác, theo đó với định hướng tạo nên mô hình "Siêu thị tài chính", các khách hàng của BVSC sẽ có cơ hội trải nghiệm các dịch vụ tài chính tích hợp bao gồm bảo hiểm, ngân hàng và chứng khoán.
Trong năm 2017, Công ty thực hiện nghiên cứu và sửa đổi các chính sách quản lý đội ngũ môi giới nhằm tăng tính cạnh tranh, thực hiện sửa đổi các chính sách về dịch vụ margin nhằm phù hợp với quy định mới của UBCKNN.

GIẢI TRÌNH CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI Ý KIẾN KIỂM TOÁN

Ý kiến Kiểm toán đối với Báo cáo tài chính của Công ty là chấp nhận toàn bộ. Do đó không có giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến Kiểm toán.

04

KẾ HOẠCH KINH DOANH TRONG NĂM 2018

114 Chiến lược phát triển giai đoạn 2016 – 2020
116 Mục tiêu và cam kết hành động năm 2018

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN GIAI ĐOẠN 2016 – 2020

Chiến lược hoạt động giai đoạn 2016-2020 của BVSC được ĐHĐCĐ thường niên 2016 thông qua ngày 12/5/2016, và được ĐHĐCĐ thường niên 2017 phê duyệt điều chỉnh vào phiên họp ngày 27/6/2017, cụ thể như sau:

TẦM NHÌN VÀ MỤC TIÊU CHIẾN LƯỢC GIAI ĐOẠN 2016-2020:

- **Tầm nhìn 2016:** Giữ vững vị trí công ty chứng khoán hàng đầu, cung cấp các dịch vụ chứng khoán đa dạng và tốt nhất cho khách hàng, mang đến sự hài lòng nhất cho cổ đông.
- **Mục tiêu chiến lược đến năm 2020:**
  - **Doanh thu:** đặt mục tiêu tăng trưởng bình quân giai đoạn 2016-2020 đạt **9%.**
  - **Lợi nhuận sau thuế:** đặt mục tiêu tăng trưởng bình quân giai đoạn 2016-2020 đạt **6,5%.**
  - **Vốn điều lệ đến năm 2020:** Dự kiến tăng lên **1.500 tỷ đồng.**
  - **Tỷ suất LNST/Vốn chủ sở hữu (ROE):** đặt mục tiêu bình quân giai đoạn 2016-2020 đạt khoảng **7%**, tới năm 2020 dự kiến đạt **8%**;
  - **Tỷ suất LNST/Vốn điều lệ (ROCC):** đặt mục tiêu bình quân giai đoạn 2016-2020 đạt khoảng **11%.**
  - **Tỷ trọng doanh thu môi giới/Tổng doanh thu:** đặt mục tiêu đạt từ **40%-50%**.
  - **Thị phần CP&CCQ:** đặt mục tiêu tới năm 2020 đạt vị thế trong **Top 5 CTCK thị phần lớn nhất.**

Định hướng triển khai chiến lược giai đoạn 2016-2020:

Để thực thi chiến lược kinh doanh giai đoạn 2016-2020 hướng tới tầm nhìn và mục tiêu chiến lược nêu trên, BVSC hoạch định các giải pháp triển khai như sau:

Chiến lược khách hàng, sản phẩm, kênh phân phối, địa bàn kinh doanh

- Tập trung phát triển thị trường tại các Trung tâm tài chính trong nước là Hà Nội, TP.Hồ Chí Minh, Đà Nẵng… và triển khai khai thác thị trường nước ngoài thông qua văn phòng đại diện hoặc hợp tác kinh doanh.
- Tập trung phát triển khách hàng tổ chức
- Mở rộng mạng lưới: tăng số lượng các Phòng Giao dịch và tăng cường tuyển dụng nhân viên môi giới.
- Đẩy mạnh dịch vụ tư vấn, giữ vững thương hiệu nhà tư vấn M&A hàng đầu trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

Chiến lược đầu tư

Chiến lược đầu tư tự doanh linh hoạt và phù hợp với từng giai đoạn nhằm tận dụng các cơ hội từ thị trường chứng khoán và phù hợp với nhu cầu triển khai kinh doanh chứng khoán phái sinh, phát hành chứng quyền có bảo đảm để khai thác tối đa hiệu quả sử dụng vốn, nâng cao tỷ suất lợi nhuận/vốn để gia tăng giá trị cho cổ đông của Công ty

Chiến lược vốn:

- Để đáp ứng nhu cầu kinh doanh, BVSC sẽ cần mức vốn điều lệ tối thiểu 1.200 tỷ đồng, tới năm 2020 đặt mục tiêu nâng vốn điều lệ lên 1.500 tỷ đồng nhằm nâng cao năng lực tài chính và khả năng cạnh tranh, trong đó Tập đoàn Bảo Việt sẽ duy trì tỉ lệ sở hữu chi phối tại BVSC.
- BVSC sẽ triển khai phát hành tăng vốn điều lệ, trong đó ưu tiên phát hành cho cổ đông hiện hữu đồng thời tìm kiếm cổ đông chiến lược.
- Cơ cấu sử dụng vốn được ưu tiên cho định hướng kinh doanh nêu trên, tập trung nguồn lực cho hoạt động môi giới, tự doanh, hoạt động IB, và các hoạt động hỗ trợ môi giới như margin, ứng trước, đầu tư công nghệ thông tin và các dịch vụ khác…

Tổ chức và Quản trị doanh nghiệp

- Mô hình Quản trị tập trung đối với xây dựng chiến lược phát triển & chính sách sản phẩm, dịch vụ xuyên suốt; quản trị rủi ro, nguồn nhân lực, công nghệ, thực hiện phân quyền đối với chức năng kinh doanh.
- Tăng cường vai trò giám sát của Kiểm toán nội bộ.
- Kiện toàn tổ chức Đảng.

Chiến lược ngành nghề	Chiến lược Tài chính	Mô hình Quản trị
3 trụ cột chính bao gồm: ▶ Môi giới và dịch vụ tài chính ▶ Tư vấn ▶ Tự doanh	Phát hành thêm cổ phần tăng vốn điều lệ, trong đó ưu tiên phát hành cho cổ đông hiện hữu đồng thời tiem kiếm cổ đông chiến lược để nâng cao năng lực tài chính và khả năng cạnh tranh, trong đó Tập đoàn Bảo Việt sẽ duy trì tỉ lệ sở hữu chi phối tại BVSC	▶ Quản trị tập trung đối với các chức năng: Quản trị tài chính; Quản trị nguồn nhân lực; Quản trị Rủi ro; Phát triển sản phẩm; Công nghệ thông tin; Nghiên cứu phân tích. Thực hiện phân quyền đối với chức năng kinh doanh. ▶ Tăng cường vai trò giám sát của Kiểm toán nội bộ ▶ Kiện toàn tổ chức Đảng đoàn

MỤC TIÊU VÀ CAM KẾT HÀNH ĐỘNG NĂM 2018

DỰ BÁO NỀN KINH TẾ VÀ THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN NĂM 2018

Nền kinh tế

Cơ hội

Tăng trưởng GDP được dự báo ở mức 6,7-7%. Trong bối cảnh năm 2018 được dự báo không có nhiều thiên tai nghiêm trọng cũng như kỳ vọng nền kinh tế tiếp tục nằm trong chu kỳ hồi phục thì nhiều khả năng khu vực nông-lâm-thủy sản và khu vực dịch vụ sẽ giữ được mức tăng trưởng tương đương hoặc nhỉnh hơn một chút so với năm 2017. Trong khi đó, khu vực công nghiệp và xây dựng cũng sẽ tiếp tục khởi sắc nhờ hoạt động mở rộng đầu tư của các doanh nghiệp FDI.

Tăng trưởng tín dụng tiếp tục duy trì ở mức 17-18%. Nếu không có cú sốc nào lớn từ giá dầu dẫn đến CPI tăng vượt dự đoán thì sẽ vẫn còn dư địa để NHNN tiếp tục duy trì định hướng nới lỏng chính sách tiền tệ trong năm 2018 với liều lượng tương đương 2017 nhằm giữ nhịp tăng trưởng. Về cơ cấu, tín dụng được dự báo sẽ tăng trưởng mạnh ở các lĩnh vực xuất khẩu, nông nghiệp-nông thôn, doanh nghiệp vừa và nhỏ.

Xuất khẩu hứa hẹn sẽ tiếp tục tăng trưởng tốt. Xuất khẩu năm 2018 được kỳ vọng sẽ tiếp tục tăng trưởng do thị trường xuất khẩu lớn nhất của nước ta là Mỹ (chiếm khoảng 20%) dự kiến vẫn có mức tăng trưởng kinh tế tốt và là đầu tàu của kinh tế thế giới. Mặc dù Mỹ đã chính thức rút khỏi Hiệp định TPP nhưng nếu khai thác tốt các hiệp định tự do thương mại hiện có thì xuất khẩu của Việt Nam vẫn còn nhiều tiềm năng tăng trưởng trong giai đoạn tới. Dự báo mức tăng trưởng của xuất khẩu trong năm 2018 sẽ ở mức 10-15%.

Thách thức

Rủi ro lạm phát đến từ sự bật tăng của giá hàng hóa thế giới. Rủi ro tiềm ẩn đối với chỉ số lạm phát chung có thể sẽ đến từ xu hướng tăng giá của các loại hàng hóa cơ bản trên thế giới, điển hình nhất là giá xăng dầu và các nguyên vật liệu nhập khẩu để sản xuất hàng hóa phục vụ nhu cầu trong nước. Nếu không có cú sốc hoặc biến cố gì lớn thì giá dầu trung bình trong năm 2018 được dự báo sẽ tiếp tục xu hướng tăng (khoảng 10%) so với mức trung bình của năm 2017. Với mức tăng này, tác động trực tiếp đến nhóm hàng giao thông có thể sẽ không lớn nhưng tác động vòng hai liên đới đến giá các mặt hàng chung trên thị trường, đặc biệt là giá nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống (vốn chiếm tỷ trọng lớn nhất, gần 40%) có thể sẽ khó lường hơn.

Mặt bằng lãi suất có thể sẽ tăng nhẹ tại một số thời điểm do ba nguyên nhân chính. Thứ nhất, tín dụng được dự báo sẽ vẫn duy trì ở mức cao nhằm mục tiêu hỗ trợ cho tăng trưởng. Thứ hai, lạm phát có thể có mức tăng cao hơn kỳ vọng nếu giá hàng hóa thế giới tăng mạnh hơn dự báo. Thứ ba, NHNN cần duy trì một độ rộng hợp lý cho lãi suất VND so với USD trong bối cảnh Fed dự kiến có thêm ba hoặc bốn lần điều chỉnh lãi suất nữa trong năm 2018.

DỰ BÁO TĂNG TRƯỞNG

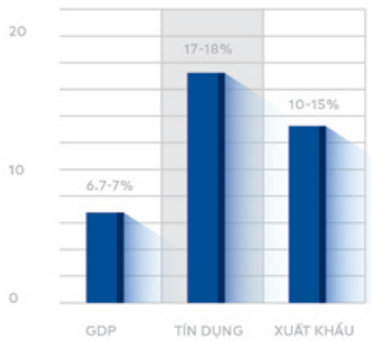

Triển vọng nâng hạng TTCK Việt Nam lên nhóm các thị trường mới nổi sẽ tạo kỳ vọng cho dòng tiền

BVSC dự báo các chỉ tiêu vĩ mô năm 2018

CÁC CHỈ TIÊU CHÍNH	2017	2018	
		MỤC TIÊU CỦA CHÍNH PHỦ	BVSC DỰ BÁO
Tăng trưởng GDP (%)	6,81	6,7	6,7-7
Lạm phát bình quân (%)	3,53	4	3,3 - 3,8
Tăng trưởng tín dụng (%)	18	17	17-18
Biến động tỷ giá USD/VND (%)	-0,2	N/A	1-2
Tăng trưởng xuất khẩu (%)	21	N/A	10 - 15
Tăng trưởng vốn FDI giải ngân (%)	10,8	N/A	5-10

Thị trường chứng khoán

Cơ hội

Tăng trưởng KQKD khối các doanh nghiệp trên sàn sẽ tiếp tục là yếu tố hỗ trợ thị trường trong năm 2018. Tuy nhiên, mức tăng trưởng lợi nhuận đột biến như trong năm 2017 (+27,5%) nhiều khả năng sẽ khó lặp lại. Dựa trên dự báo của Bloomberg và hiệu chỉnh theo dự phóng KQKD 2018 của mẫu các doanh nghiệp lớn, BVSC dự báo tăng trưởng EPS của thị trường là +12%. Dự báo này đồng nghĩa với giả định nếu mức định giá P/E của chỉ số Vnindex không đổi, chỉ số Vnindex sẽ tăng trưởng +12% vào thời điểm cuối năm sau.

Định hướng chính sách tiền tệ của Chính phủ về điều hành cung tiền, tăng trưởng tín dụng và mặt bằng lãi suất sẽ tiếp tục là yếu tố có ảnh hưởng tích cực đến biến động mặt bằng giá cổ phiếu trong năm 2018. Chúng tôi cho rằng nếu không có cú shock nào lớn từ giá hàng hóa nguyên liệu trên thị trường thế giới, dẫn đến CPI tăng vượt dự đoán thì vẫn còn dư địa để NHNN tiếp tục duy trì định hướng nới lỏng chính sách tiền tệ trong năm 2018. Đây sẽ tiếp tục là một yếu tố mang tính hỗ trợ trực tiếp và gián tiếp cho dòng tiền của các kênh đầu tư nói chung trong đó có kênh chứng khoán.

Hoạt động thoái vốn doanh nghiệp nhà nước và lộ trình niêm yết của các doanh nghiệp lớn trên sàn sẽ tiếp tục là yếu tố hỗ trợ thị trường. Với xu hướng IPO, lên sàn niêm yết của các doanh nghiệp lớn dự báo vẫn sẽ sôi động trong năm 2018, giúp tăng tính hấp dẫn của TTCK, đặc biệt ở các doanh nghiệp thuộc ngành ngân hàng, bất động sản, tiện ích…

Triển vọng nâng hạng TTCK Việt Nam lên nhóm các thị trường mới nổi sẽ tạo kỳ vọng cho dòng tiền. Mặc dù quá trình xem xét nâng hạng nhiều khả năng sẽ kéo dài và còn khá nhiều vấn đề cần khắc phục để được MSCI chấp thuận, tuy nhiên triển vọng nâng hạng đối với TTCK Việt Nam là khá rõ nét. Trước mắt (1-2 năm tới), nếu đạt được các bước tiến cụ thể, có thể kỳ vọng MSCI sẽ đưa Việt Nam vào danh sách đánh giá thường niên.

DỰ BÁO NỀN KINH TẾ VÀ THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN NĂM 2018 (TIẾP)

Thị trường chứng khoán (Tiếp)

Thách thức

Tác động từ các chính sách của các NHTW lớn trên thế giới với xu hướng chủ đạo dần thắt chặt tiền tệ sẽ có ảnh hưởng tiêu cực đến sự vận động của dòng tiền. Trong năm 2017, FED đã tăng lãi suất 3 lần, từ mức 0,5%-0,75% giai đoạn đầu năm lên mức 1,25%-1,5% giai đoạn cuối năm. Với diễn biến tích cực của nền kinh tế Mỹ, cùng với nhận định lạc quan của tân chủ tịch FED trong phiên điều trần cuối tháng 2 vừa qua, thị trường đang dự đoán FED sẽ có 4 lần nâng lãi suất trong năm 2018 (thay vì dự đoán 3 lần trước đó). Ngoài ra, các NHTW lớn khác như PBOC, BOJ và ECB... đều được dự đoán sẽ sớm thắt chặt dần chính sách tiền tệ để ngăn ngừa bong bóng tài sản có thể diễn ra do chính sách nới lỏng được duy trì trong khoảng thời gian dài.

Việc IPO, lên sàn niêm yết, tăng vốn ồ ạt dự kiến diễn ra trong năm 2018 có thể khiến nguồn cung thị trường tăng mạnh và cần lượng vốn lớn để hấp thụ. Đứng từ góc độ quản lý danh mục của các quỹ đầu tư, để sẵn sàng nguồn lực tham gia vào các thương vụ IPO, thoái vốn nhà nước, thì ngoài việc cố gắng tăng quy mô hoạt động của quỹ thì ít nhiều họ vẫn phải thực hiện tái cấu trúc danh mục. Hệ quả sẽ có một lượng cổ phiếu rơi xuống top dưới và không còn thuộc diện ưu tiên như trước trong danh mục đầu tư của các quỹ, bị bán ra.

Mặt bằng giá cổ phiếu Việt Nam đã không còn ở mức rẻ tương đối nếu so với quá khứ cũng như trong tương quan so sánh với các nước trong khu vực sau giai đoạn tăng trưởng mạnh từ đầu năm 2016. Mặc dù xu hướng tăng trưởng của chỉ số Vnindex vẫn được bảo lưu trong năm 2018 do có nhiều yếu tố tác động mang tính hỗ trợ mạnh. Tuy nhiên dư địa để tăng trưởng đột biến không còn nhiều và nhiều khả năng sẽ xuất hiện các nhịp điều chỉnh mạnh đan xen.

Thuận lợi – Khó khăn của BVSC trong năm 2018

Thuận lợi

Tiếp tục giữ vững vị thế Công ty chứng khoán hàng đầu, thương hiệu uy tín, hoạt động ổn định cùng với thành quả tích lũy trong năm 2017 là nền tảng tốt đối với BVSC khi bước sang năm 2018. Sau một quá trình triển khai, trong năm 2018 BVSC sẽ sớm ra mắt một số tiện ích giao dịch mới trên nền tảng thiết bị di động nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng, dự kiến sẽ tạo hiệu ứng tích cực lên hoạt động môi giới của Công ty. Mặt khác, sau một thời gian thành lập và ổn định hoạt động, phòng Giao dịch mới dự kiến sẽ sớm đẩy mạnh hoạt động kinh doanh và phát huy hiệu quả.

Khó khăn

Quy mô vốn vẫn ở mức trung bình, kế hoạch bổ sung nguồn vốn kinh doanh có độ trễ sẽ ảnh hưởng tới khả năng đáp ứng nhu cầu đối với các dịch vụ margin và ứng trước phục vụ khách hàng vẫn là một rào cản lớn đối với BVSC trong nỗ lực giữ vững thị phần, hạn chế tiềm năng tăng trưởng của Công ty. Bên cạnh đó, điều này cũng ảnh hưởng tới kế hoạch của Công ty trong việc tham gia thị trường chứng khoán phái sinh.

KẾ HOẠCH VÀ GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM 2018

Các chỉ tiêu kế hoạch 2018

Dựa trên các dự báo về tình hình kinh tế vĩ mô và thị trường chứng khoán Việt Nam trong năm 2018, trên cơ sở đánh giá những yếu tố thuận lợi và khó khăn, BVSC đặt ra mục tiêu kinh doanh dự kiến trình ra ĐHCĐ 2018 như sau:

Đơn vị: tỷ đồng

STT	CHỈ TIÊU	THỰC HIỆN NĂM 2017	KẾ HOẠCH NĂM 2018	% KH SO VỚI TH 2017
A	**TỔNG DOANH THU**	**483,79**	**504**	**104,18%**
I	Doanh thu thực hiện	433,08	454	104,83%
1	Môi giới	207,67	210	101,12%
2	Tự doanh	55,30	60,2	108,86%
3	Tư vấn, BLPH	9,33	12,2	130,80%
4	Lưu ký	5,99	6	100,22%
5	Doanh thu khác	154,79	165,6	106,98%
II	Doanh thu chưa thực hiện	50,71	50	98,59%
B	**TỔNG CHI PHÍ**	**331,37**	**340**	**102,52%**
I	Chi phí thực hiện	292,78	302	103,05%
II	Chi phí chưa thực hiện	38,59	38,00	98,47%
C	**LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ**	**152,42**	**164**	**107,78%**
	Trong đó: LN trước thuế thực hiện	140,30	152	108,55%
D	**LỢI NHUẬN SAU THUẾ**	**122,44**	**134**	**109,44%**
	Trong đó: LN sau thuế thực hiện	112,88	122	108,08%

KẾ HOẠCH VÀ GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM 2018 (TIẾP)

Kế hoạch kinh doanh 2018

Được lập trên cơ sở một số dự báo và giả định sau:

Dự báo về điều kiện thị trường năm 2018:
- VNIndex trung bình chạy quanh mức 1.100 – 1.150 điểm trong năm 2018.
- Thanh khoản trên thị trường cổ phiếu tăng xấp xỉ 40%, ước giá trị giao dịch trung bình/phiên đạt khoảng 7.000 tỷ đồng.

Điều kiện dự kiến về nguồn vốn:
Vốn điều lệ được tăng lên mức **1.083 tỷ đồng**

CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

Hoạt động môi giới

- **Mục tiêu**
  - Doanh thu: 210 tỷ đồng
  - Thị phần môi giới CP&CCQ: Giữ vững vị trí trong TOP 10 tại các Sở giao dịch.
- **Giải pháp**
  - Sản phẩm:
    - Tập trung các nguồn lực để triển khai các sản phẩm CKPS.
    - Đẩy mạnh hoạt động phân tích và tư vấn đầu tư đáp ứng nhu cầu đa dạng của khách hàng.
    - Ra mắt sản phẩm BVSC@Mobile…nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng, ứng dụng này không chỉ đáp ứng các nhu cầu giao dịch như giao dịch mua, bán, hủy, sửa lệnh, … mà còn liên tục cập nhật đầy đủ thông tin từ thị trường, các báo cáo và khuyến nghị, truy vấn thông tin giúp nhà đầu tư dễ dàng đưa ra quyết định kịp thời.
    - Nâng cấp chất lượng dịch vụ thu chi hộ để hỗ trợ nộp rút tiền cho khách hàng.
  - Kênh phân phối:
    - Tập trung phát triển khách hàng tổ chức, các nhóm khách hàng có giá trị giao dịch lớn.
    - Xúc tiến việc khai thác thị trường tại một số nước trong khu vực như Nhật Bản, Indonesia, Malaysia….trên cơ sở nền tảng quan hệ đã thiết lập thông qua việc ký kết MOU trong các năm 2016&2017.
  - Nguồn nhân lực:
    - Tăng cường tuyển dụng Nhân viên môi giới. Tỷ lệ tuyển dụng dự kiến tăng trưởng 30%.
    - Đẩy mạnh công tác đào tạo cho đội ngũ môi giới bao gồm đào tạo cấp chứng chỉ hành nghề môi giới, chứng chỉ về chứng khoán phái sinh, đào tạo nội bộ về sản phẩm, hệ thống...

Doanh thu Môi giới
210 tỷ đồng

Thị phần môi giới CP&CCQ
Giữ vững vị trí trong TOP 10

Tỷ lệ tuyển dụng dự kiến tăng trưởng
30%

Tự doanh

- Tìm kiếm cổ phiếu có nền tảng cơ bản tốt, duy trì được tăng trưởng, ưu tiên các cổ phiếu có tỷ suất cổ tức cao do doanh thu từ cổ tức sẽ không phải chịu thuế. Hoạt động giải ngân sẽ tiến hành khi giá cổ phiếu nằm trong vùng giá vốn kỳ vọng.
- Đối với các cổ phiếu OTC và Upcom sẽ cố gắng đẩy mạnh hơn nữa công tác thoái vốn để thanh hoán sang các khoản đầu tư có tỷ suất lợi nhuận tốt hơn.
- Thực hiện nghiên cứu các sản phẩm phái sinh (Futures, CW) để sớm tham gia vào thị trường ngay từ giai đoạn đầu.
- Tiếp tục xem hoạt động Arbitrage đối với chứng chỉ quỹ ETF và các hoạt động hedging giữa thì trường cơ bản và thì trường phái sinh là hướng đi mới của Tự doanh BVSC trong năm 2018.

Lưu ký

- Triển khai các dịch vụ lưu ký tuân thủ chặt chẽ quy định pháp luật, dịch vụ chuyên nghiệp.
- Tiếp tục triển khai các hợp đồng quản lý sổ cổ đông đã ký kết.

Hoạt động cho vay và phải thu

Là hoạt động trọng tâm chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu doanh thu, đồng thời là mảng hỗ trợ tích cực cho hoạt động môi giới, do đó Công ty đặc biệt chú trọng triển khai trong năm 2018 với một số định hướng chính như sau:

- Tập trung nguồn lực đáp ứng nhu cầu của khách hàng vay ký quỹ và cho vay ứng trước tiền bán chứng khoán.
- Công ty tích cực tìm các nguồn để huy động vốn, bao gồm các giải pháp vay ngắn hạn tại các ngân hàng, repo trái phiếu nhằm huy động vốn ngắn hạn hoặc phát hành trái phiếu kỳ hạn từ 1 năm nhằm khai thác hiệu quả nguồn vốn phục vụ khách hàng

Tư vấn và Bảo lãnh phát hành

Tiếp tục tập trung triển khai hoạt động tư vấn dựa trên các mảng nghiệp vụ vốn là thế mạnh và đã tạo dựng được thương hiệu tốt. Trong năm 2018 định hướng triển khai các hoạt động tư vấn như sau:

- Ưu tiên triển khai tư vấn phát hành trái phiếu và thu xếp vốn trái phiếu. Do lãi suất hiện tại đang duy trì ở mức thấp, rất thuận lợi cho việc phát hành trái phiếu doanh nghiệp, nhất là các doanh nghiệp có nhu cầu vốn lớn.
- Mảng dịch vụ tập trung thứ hai là doanh thu từ tư vấn phát hành cổ phiếu và bảo lãnh phát hành.
- Công ty vẫn tiếp tục thực hiện các hợp đồng tư vấn phát hành, niêm yết, đăng ký Upcom, cổ phần hóa, thoái vốn, bán đấu giá cổ phần...

Công tác Quản lý và Hỗ trợ

Quản lý giao dịch và phát triển sản phẩm:

Năm 2018, bên cạnh việc duy trì hệ thống hỗ trợ giao dịch hàng ngày, Công ty sẽ tập trung hoàn thiện một số các nội dung còn tồn tại như: Thực hiện chỉnh sửa và cập nhật một số chức năng và phân hệ đặt lệnh của hệ thống Bloomberg; Hoàn thiện kết nối trực tuyến theo lộ trình của trung tâm lưu ký chứng khoán; nâng cấp kết nối giữa BVSC với VSD; Chuẩn bị nguồn lực cả về nghiệp vụ và công nghệ thông tin nhằm bám sát kế hoạch nâng cấp hệ thống công nghệ thông tin của các sở giao dịch và Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam đảm bảo giao dịch của khách hàng được thông suốt.

Ngoài ra, trong năm 2018, Công ty cũng sẽ nghiên cứu và dự kiến sẽ cho phát hành Sổ tay hướng dẫn nghiệp vụ dành cho nhân viên môi giới hướng tới chuyên nghiệp hóa đội ngũ để phục vụ khách hàng một cách tốt nhất.

Nghiên cứu phân tích

Hoạt động phân tích được xác định là hoạt động mũi nhọn nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng. Trong năm 2018, ngoài việc duy trì các hạng mục báo cáo định kỳ, khối phân tích của BVSC sẽ tiếp tục cải tiến, nâng cao chất lượng từng loại báo cáo. Một số định hướng trọng tâm bao gồm:

- Nâng cao chất lượng từng loại báo cáo. Tăng tần suất các báo cáo chuyên đề chuyên sâu, tập trung. Tăng cường đi thăm doanh nghiệp, bám sát những chuyển biến mới; tìm kiếm và sàng lọc cơ hội đầu tư.
- Kết hợp với phân tích kỹ thuật để lựa chọn thời điểm giao dịch, gia tăng mức độ cụ thể trong các khuyến nghị đầu tư.

Công nghệ thông tin

Công ty tiếp tục đầu tư hoàn thiện hệ thống CNTT tối ưu hóa về năng lực, an toàn, ổn định nhằm tăng tính cạnh tranh và tạo thêm các giá trị cho dịch vụ. Hệ thống hạ tầng CNTT hiện đại cùng với việc triển khai các hệ thống Front-Office và Phái sinh sẽ được tổ chức đảm bảo tính hiệu quả, linh động an toàn bảo mật với độ ổn định cao. Tuân thủ các yêu cầu của cơ quan quản lý cũng như các tiêu chuẩn ngành liên quan đến hạ tầng CNTTđang được áp dụng rộng rãi trên thế giới:

- Hoàn thiện và go live hệ thống Front-office hoàn toàn mới nhằm cung cấp một cách trực tiếp, chủ động, đầy đủ và hiệu quả nhất dịch vụ của BVSC đến khách hàng thông qua các kênh giao dịch trực tuyến bao gồm web, phiên cài chuyên dụng – dành cho Khách hàng và Nhân viên môi giới trên PC và trên các thiết bị mobile. Hệ thống Front Office mới bên cạnh

KẾ HOẠCH VÀ GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM 2018 (TIẾP)

Công nghệ thông tin (Tiếp)

việc nâng cấp dịch vụ cho khách, sẽ góp phần giúp đội ngũ nghiệp vụ chuyên môn hoạt động và phối hợp hiệu quả hơn trong việc tạo ra giá trị cho khách hàng và Công ty.

- Triển khai hệ thống giao dịch phái sinh: Thực hiện triển khai hệ thống lõi quản lý nghiệp vụ chưng khoán phái sinh tích hợp với hệ thống lõi cơ sở đang hoạt động của BVSC ngay sau khi BVSC đáp ứng đầy đủ các điều kiện. Hệ thống lõi phái sinh sẽ là cơ sở nền tảng để BVSC cung cấp các dịch vụ, nghiệp vụ tổng hợp liên quan đến phái sinh cho khách hàng trong tương lai. Đảm bảo tính cạnh tranh về BVSC trên thị trường.

Công tác tổ chức nhân sự và chính sách tiền lương

Năm 2018, Công ty sẽ tiếp tục hoàn thiện bộ máy tổ chức theo hướng quản trị tập trung, tăng cường công tác tuyển dụng nhân sự cho hoạt động môi giới cũng như liên tục rà soát sửa đổi chính sách khoán môi giới để phù hợp với những thay đổi của thị trường, tăng tính cạnh tranh để thu hút nhân lực và định hướng chiến lược phát triển trong giai đoạn 2016 - 2020.

Song song, Công ty sẽ tiếp tục đẩy mạnh công tác đào tạo và tập trung chủ yếu vào công tác đào tạo nội bộ về sản phẩm, dịch vụ mới của Công ty cho đội ngũ môi giới để từ đó nâng lương chất lượng nhân sự tư vấn đầu tư và dịch vụ khách hàng.

Truyền thông và Phát triển thương hiệu

Tiếp tục đẩy mạnh hợp lực với Tập đoàn Bảo Việt và các đơn vị thành viên nhằm gia tăng sức mạnh thương hiệu Bảo Việt nói chung, BVSC nói riêng cũng như gia tăng các lợi ích cho khách hàng của BVSC thông qua các dự án hợp lực về thương hiệu, truyền thông, marketing tích hợp như Dự án lịch tết, GrandSale.....là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của BVSC trong năm 2018.

Song song, công tác truyền thông trong năm 2018 tiếp tục hướng tới việc xây dựng thương hiệu BVSC là một công ty chứng khoán uy tín và doanh nghiệp niêm yết minh bạch thông qua các kế hoạch truyền thông chủ động trong năm về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó trọng tâm là việc hợp tác với các cơ quan báo chí chuyên ngành dưới nhiều hình thức khác nhau như hợp tác xây dựng chuyên đề, cử chuyên gia phân tích tham gia các tọa đàm, hội thảo....

Mục tiêu trong năm tới là xây dựng các chương trình kiểm soát mới để bên cạnh việc kiểm tra tuân thủ còn phát huy ý thức của cán bộ nhân viên trong công ty về một môi trường kiểm soát minh bạch và hiệu quả.

Pháp chế, kiểm soát nội bộ và quản trị rủi ro

Trong năm 2018, công tác pháp chế, kiểm soát nội bộ & QTRR của BVSC sẽ tập trung thực hiện các giải pháp trọng tâm, cụ thể như sau:

- **Pháp chế**

Trong bối cảnh, Cơ quan Nhà nước ban hành mới, sửa đổi và bổ sung nhiều văn bản pháp luật trong lĩnh vực chứng khoán điều chỉnh hoạt động kinh doanh của Công ty, đồng thời với định hướng Công ty sẽ tiến hành triển khai thêm các nghiệp vụ và sản phẩm mới, do đó công tác pháp chế sẽ tập trung vào tăng cường phối hợp các bộ phận liên quan trong công tác soạn thảo, rà soát, hệ thống hóa các quy trình, quy chế, quy định nội bộ của Công ty nhằm tuân thủ các quy định của pháp luật, tăng tính chủ động và hiệu quả trong hoạt động toàn Công ty như: sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty, Quy chế quản trị công ty, Quy trình giao dịch trái phiếu chính phủ; soạn thảo các quy trình nghiệp vụ và biểu mẫu cho các sản phẩm mới như chứng khoán phái sinh, chứng quyền có bảo đảm...

- **Kiểm soát nội bộ**

Qua các kỳ kiểm soát, những khuyến nghị của KSNB đã giúp Ban điều hành có thêm thông tin để đưa ra các biện pháp quản trị và ngăn ngừa rủi ro tốt hơn. Những ghi nhận từ kết quả công việc này còn là cơ sở để bộ phận KSNB xây dựng kế hoạch hoạt động năm 2018. Mục tiêu trong năm tới là xây dựng các chương trình kiểm soát mới để bên cạnh việc kiểm tra tuân thủ còn phát huy ý thức của cán bộ nhân viên trong công ty về một môi trường kiểm soát minh bạch và hiệu quả. Kiểm soát để giảm thiểu rủi ro hoạt động, từ đó đem lại sự phát triển ổn định và bền vững cho BVSC và giá trị tốt hơn cho cổ đông.

- **Quản trị rủi ro**

Triển khai Chính sách rủi ro và Hạn mức rủi ro đã được HĐQT phê duyệt cho năm hoạt động 2018, tiếp tục thực hiện các hoạt động định kỳ thường xuyên phục vụ công tác điều hành của Ban TGĐ là các nhiệm vụ trọng tâm trong công tác quản trị rủi ro năm 2018. Ngoài ra, việc tham gia các khóa đào tạo và nghiên cứu sản phẩm dịch vụ mới để sớm đánh giá và nhận diện các rủi ro tiềm ẩn, đề xuất xây dựng chốt chặn rủi ro, hạn mức rủi ro cho sản phẩm dịch vụ mới này khi công ty triển khai cũng sẽ là một nhiệm vụ được ưu tiên trong năm 2018.

TĂNG TRƯỞNG VỮNG BỀN

Phát triển bền vững không chỉ là một xu thế tất yếu trong thời kỳ hội nhập, phát triển bền vững còn là triết lý kinh doanh và khát vọng của những doanh nghiệp và doanh nhân chân chính. BVSC hiểu rằng, Công ty sẽ không thể thành công khi chỉ hướng tới các mục tiêu tăng trưởng kinh doanh ngắn hạn mà bỏ quên những mục tiêu phát triển về con người, môi trường và xã hội. Những thành tựu đạt được trong năm 2017 đã tiếp tục nối dài hành trình phát triển bền vững của Công ty xuyên suốt 18 năm qua.

05

PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

129 Thông điệp của Tổng giám đốc về phát triển bền vững
132 GRI 101 - Tổng quan về phát triển bền vững tại BVSC
144 GRI 200 - Hiệu quả hoạt động kinh tế
145 GRI 300 - Môi trường
148 GRI 400 - Xã hội
162 Một số chỉ tiêu cơ bản đánh giá Phát triển bền vững tại BVSC (theo GRI)

THÔNG ĐIỆP CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC VỀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

> “
> Để xây dựng một kế hoạch hành đồng nhằm gắn kết với các bên liên quan, chúng tôi chọn phương pháp “lắng nghe để thấu hiểu”
>
> Các thông tin được BVSC ghi nhận, tập trung vào ba nội dung trọng yếu: Kinh tế - Xã hội - Môi trường, đã được chúng tôi tập hợp lại, thực hiện phân tích và đánh giá với một tinh thần đầy trân trọng.

Năm 2017 đánh dấu 18 năm hình thành và phát triển của BVSC, cũng là 18 năm đồng hành với sự phát triển của TTCK Việt Nam. Với tầm nhìn và mục tiêu giữ vững vị trí công ty chứng khoán hàng đầu trên thị trường, chúng tôi gắn chiến lược phát triển bền vững vào chiến lược phát triển chung của doanh nghiệp. Tại BVSC, chúng tôi hiểu rằng, Công ty sẽ không thể thành công khi chỉ hướng tới các mục tiêu tăng trưởng kinh doanh ngắn hạn mà bỏ quên những mục tiêu phát triển về con người, môi trường và xã hội. Do đó, bằng những kế hoạch và hành động cụ thể, chúng tôi mong muốn đóng góp những thành quả của BVSC vào tiến trình phát triển chung của nền kinh tế Việt Nam, góp phần chung tay xây dựng một xã hội tốt đẹp.

Để xây dựng một kế hoạch hành đồng nhằm gắn kết với các bên liên quan, chúng tôi chọn phương pháp “lắng nghe để thấu hiểu”. Trong năm 2017, thông qua các kênh tiếp cận thông tin nhằm thu nhận ý kiến phản hồi từ các bên liên quan, chúng tôi đã có cơ hội tiếp cận sâu hơn với những ý kiến, thấu hiểu hơn mong đợi của các bên đối với hoạt động của Công ty. Các thông tin được BVSC ghi nhận, tập trung vào ba nội dung trọng yếu: Kinh tế - Xã hội - Môi trường, đã được chúng tôi tập hợp lại, thực hiện phân tích và đánh giá với một tinh thần đầy trân trọng. Với mỗi bên liên quan, chúng tôi sử dụng kênh tiếp cận thông tin phù hợp nhằm ghi nhận các ý kiến phản hồi và đánh giá tầm quan trọng của các vấn đề. Nắm bắt được thông tin, ghi nhận những phản hồi, thấu hiểu để từ đó chúng tôi xây dựng kế hoạch đầu tư phân bổ nguồn lực hợp lý nhằm đáp ứng mong đợi của các bên liên quan cũng như đảm bảo cho sự phát triển bền vững của BVSC.

Năm nay là năm thứ 6 liên tiếp BVSC thực hiện Báo cáo Phát triển bền vững như một tài liệu bổ sung, gắn chặt chẽ với Báo cáo Tài chính và Báo cáo thường niên của Công ty theo hướng dẫn lập Báo cáo Phát triển bền vững của Tổ chức sáng kiến toàn cầu (GRI). Chúng tôi một lần nữa muốn khẳng định định hướng và cam kết của BVSC về mục tiêu phát triển bền vững, không chỉ bằng những tuyên ngôn thuần túy mà bằng những kế hoạch hành động và những tiêu chí đánh giá cụ thể. Chúng tôi hiểu rằng bằng nỗ lực và quyết tâm này là cách để chúng tôi khẳng định uy tín trên thị trường cũng như niềm tin đối với các cổ đông và các bên liên quan của Công ty.

Nhữ Đình Hòa
Tổng Giám Đốc

Cấu trúc của báo cáo phát triển bền vững theo tiêu chuẩn GRI Standards

Trong khuôn khổ báo cáo này, BVSC tham chiếu một số tiêu chí đánh giá phát triển bền vững theo tiêu chuẩn GRI Standards, cụ thể:

Tiêu chuẩn chung

Tổng quan về báo cáo — GRI 101

Thông tin chung — GRI 102

- **GRI 102 - 14** Chiến lược
- **GRI 102 - 40**
- **GRI 102 - 44** Gắn kết với các bên liên quan

Kinh tế

Kinh tế — GRI 200

Kinh tế — GRI 201

- **GRI 201** Hiệu quả hoạt động kinh tế

Môi trường

Môi trường — GRI 300

Môi trường — GRI 302

- **GRI 302** Năng lượng

Môi trường — GRI 306

- **GRI 306** Nước thải và chất thải

Môi trường — GRI 307

- **GRI 307** Tuân thủ về Môi trường

Xã hội

Xã hội — GRI 400

Xã hội — GRI 401

- **GRI 401** Việc làm

Xã hội — GRI 403

- **GRI 403** An toàn và sức khỏe nghề nghiệp

Xã hội — GRI 404

- **GRI 404** Giáo dục và đào tạo

Xã hội — GRI 405

- **GRI 405** Sự đa dạng và cơ hội bình đẳng

Xã hội — GRI 407

- **GRI 405** Quyền tham gia công đoàn và Thương lượng tập thể

Xã hội — GRI 413

- **GRI 413** Cộng đồng địa phương

TỔNG QUAN VỀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG TẠI BVSC – GRI 101

Với tầm nhìn và mục tiêu giữ vững vị trí công ty chứng khoán hàng đầu, cung cấp các dịch vụ chứng khoán đa dạng và tốt nhất cho khách hàng, mang đến sự hài lòng nhất cho cổ đông, tạo môi trường làm việc chuyên nghiệp cho người lao động, đảm bảo lợi ích cho các bên liên quan và đóng góp tích cực cho cộng đồng. Năm 2017, BVSC tiếp cận hoạt động doanh nghiệp liên quan đến phát triển bền vững theo cấu trúc của báo cáo phát bền vững tiêu chuẩn GRI Standards.

GRI 102 - 14: CHIẾN LƯỢC

Chiến lược phát triển bền vững tại BVSC 2016 - 2020: cam kết và mục tiêu hành động

Mô hình quản trị về phát triển bền vững tại BVSC

Là một đơn vị thành viên của Tập đoàn Bảo Việt, BVSC luôn theo sát những định hướng về Phát triển bền vững của Tập đoàn và đồng hành với các hoạt động do Tập đoàn phát động. Do đó, để thực thi chiến lược phát triển bền vững hiệu quả, BVSC xây dựng mô hình quản trị có tính gắn kết chặt chẽ với Tập đoàn.

BVSC gắn chiến lược phát triển bền vững vào chiến lược phát triển chung của doanh nghiệp để đảm bảo tăng trưởng bên vững trong dài hạn, từ đó tạo ra các giá trị đóng góp cho xã hội, môi trường, đáp ứng kỳ vọng và thực hiện đầy đủ quyền lợi của các bên liên quan. Các kế hoạch hành động được xây dựng dựa trên các chia sẻ chủ động và tích cực từ các bên liên quan nhằm nhận diện những vấn đề cần thay đổi và phát triển để xác định chiến lược Phát triển bền vững của BVSC.

TẬP ĐOÀN BẢO VIỆT

- Định hướng, chiến lược chung của Tập đoàn và các Đơn vị Thành viên
- Các chương trình hành động chung

▼

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

- Định hướng, chỉ đạo chung về chiến lược Phát triển bền vững của Công ty
- Phê duyệt mục tiêu và các kế hoạch hành động

▼

CÁC BỘ PHẬN CHỨC NĂNG, TỔ CHỨC ĐOÀN THỂ

- Xây dựng và trình Ban Tổng Giám đốc các mục tiêu và kế hoạch hành động cụ thể
- Chia sẻ chiến lược, mục tiêu và các kế hoạch trong toàn Công ty, chia sẻ lan tỏa những giá trị phát triển bền vững tới cộng đồng
- Triển khai thực thi kế hoạch đạt mục tiêu đề ra

▼

CÁN BỘ NHÂN VIÊN

- Tham gia triển khai thực thi các kế hoạch hành động cụ thể
- Chia sẻ, lan tỏa những giá trị phát triển bền vững của BVSC tới cộng đồng

Mô hình thực thi và đánh giá các kế hoạch phát triển bền vững tại BVSC

ĐỐI TƯỢNG TÁC ĐỘNG	TIÊU CHÍ TÁC ĐỘNG
Trong nội bộ Doanh nghiệp (Cổ đông và người lao động)	▶ Các chỉ tiêu kinh doanh tăng trưởng ổn định ▶ Đảm bảo cam kết với cổ đông ▶ Đảm bảo thu nhập, lợi ích cho người lao động, chăm lo đời sống và đảm bảo phúc lợi tăng trưởng cho người lao động ▶ Phát triển đội ngũ ▶ Tăng động lực phát triển
Bên ngoài Doanh nghiệp (Các bên liên quan và cộng đồng)	▶ Tăng tính minh bạch ra thị trường ▶ Liên tục đổi mới, sáng tạo, nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng ▶ Góp phần xây dựng phát triển TTCK Việt Nam cũng như nền Kinh tế Việt Nam và khu vực. ▶ Xây dựng quan hệ tốt đẹp và đảm bảo lợi ích với các cơ quan truyền thông, các tổ chức Hiệp hội ngành nghề, các tổ chức đoàn thể ▶ Tuân thủ pháp luật và hoàn thành nghĩa vụ thuế với Nhà nước ▶ Tăng cường trách nhiệm với cộng đồng thông qua các chương trình do BVSC sáng lập và/hoặc đồng triển khai ▶ Góp phần bảo vệ môi trường và nâng cao ý thức về bảo vệ môi trường, an sinh xã hội

Thông tin chung
GRI 102

GRI 102 - 40 GRI 102 - 44 | GẮN KẾT VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Để xây dựng một kế hoạch hành đồng nhằm gắn kết với các bên liên quan, BVSC chọn phương pháp "lắng nghe để thấu hiểu". Trong năm 2017, thông qua các kênh tiếp cận thông tin nhằm thu nhận ý kiến phản hồi từ các bên liên quan, chúng tôi đã có cơ hội tiếp cận sâu hơn với những ý kiến của các bên đối với hoạt động của Công ty liên quan đến 3 nội dung chính: Kinh tế - Xã hội - Môi trường. Với mỗi bên liên quan, chúng tôi sử dụng kênh tiếp cận thông tin phù hợp nhằm ghi nhận các ý kiến phản hồi và đánh giá tầm quan trọng của các vấn đề. Nắm bắt được thông tin, thấu hiểu để từ đó chúng tôi xây dựng kế hoạch đầu tư phân bổ nguồn lực hợp lý nhằm đáp ứng kỳ vọng của các bên liên quan cũng như đảm bảo cho sự phát triển bền vững của BVSC.

Kênh tiếp cận thông tin và ghi nhận ý kiến phản hồi với các bên liên quan

Cổ đông/ Nhà đầu tư
- Đại hội đồng cổ đông
- Website BVSC
- Gặp gỡ trực tiếp nhà đầu tư
- Các chương trình giao lưu, hợp tác, giới thiệu nhà đầu tư

Khách hàng
- Đội ngũ nhân viên môi giới/tư vấn
- Tiếp xúc trực tiếp tài sàn giao dịch
- Hội nghị tri ân khách hàng
- Tổng đài chăm sóc KH
- Email/Facebook
- Hội thảo phân tích và khuyến nghị đầu tư

Cơ quan quản lý
- Thông qua Hội nghị, Hội thảo, đào tạo do các cơ quan quản lý tổ chức
- Tiếp xúc trực tiếp

Các Hiệp hội
- Trở thành thành viên Hiệp hội
- Tham gia các hội thảo, diễn đàn

Cơ quan báo chí
- Tổ chức họp báo
- Các chương trình gặp mặt báo chí thường niên
- Các hoạt động giao lưu kết nối

Đối tác, nhà cung cấp
- Thông qua website/hồ sơ năng lực/tài liệu giới thiệu về đối tác/nhà cung cấp
- Gặp gỡ đàm phán trực tiếp

Người lao động
- Hội nghị người lao động, đối thoại định kỳ
- Thông qua vai trò của Công đoàn và Bộ phận Nhân sự
- Thông qua vai trò của người quản lý trực tiếp
- Thông qua Hội nghị Sơ kết và Tổng kết
- Chương trình Tập huấn văn hóa DN
- Tọa đàm và các chương trình đào tạo nội bộ

Cộng đồng địa phương
Tiếp xúc trực tiếp và phối hợp với chính quyền địa phương, cơ quan sở tại

BAOVIET Securities
CHỨNG KHOÁN BẢO VIỆT

Cổ đông/ Nhà đầu tư

Đánh giá tổng quát kết quả hoạt động của BVSC với các bên liên quan

CỔ ĐÔNG/ NHÀ ĐẦU TƯ

Kỳ vọng được ghi nhận
- Kết quả kinh doanh tốt
- Minh bạch thông tin
- Nâng cao năng lực quản trị Công ty, giá trị Công ty tăng trưởng
- Cổ tức

Giải pháp của BVSC
- Hoàn thành tốt kế hoạch kinh doanh năm 2017 đã được ĐHCĐ thông qua
- Chủ động công bố thông tin minh bạch và đối xử bình đẳng với các cổ đông và nhà đầu tư
- Hoàn thiện hệ thống quản trị Công ty, đẩy mạnh và chuyên nghiệp hóa hoạt động IR
- Thực hiện cam kết cổ tức

Kết quả đạt được
- Tổng doanh thu 2017 của Công ty đạt 483,8 tỷ đồng, bằng 149,3% so với kế hoạch, lợi nhuận trước thuế cả năm là 152,4 tỷ đồng, bằng 119,1% kế hoạch, Lợi nhuận sau thuế là 122,4 tỷ đồng, bằng 120% so với kế hoạch
- Thị phần môi giới: 4,92% thị phần, bằng 106,92% kế hoạch.
- ROE đạt: 7.21%, EPS đạt 1,626 đồng/cp
- TOP 30 báo cáo thường niên tốt nhất thị trường
- Đảm bảo khả năng chi trả cổ tức 7% theo nghị quyết ĐHCĐ 2017 đã thông qua

KHÁCH HÀNG

Kỳ vọng được ghi nhận

- Chất lượng dịch vụ tốt và giá thành cạnh tranh.
- Địa điểm giao dịch thuận lợi
- Giao dịch thuận tiện, an toàn và bảo mật
- Nhân viên thân thiện, cởi mở và tận tâm

Giải pháp của BVSC

- Nâng cao trình độ đội ngũ nhân sự và chất lượng báo cáo, khuyến nghị đầu tư.
- Chính sách phí giao dịch, lãi suất margin và ứng trước cạnh tranh và linh hoạt
- Đầu tư cơ sở vật chất, mở rộng mạng lưới giao dịch
- Đầu tư nâng cấp hệ thống CNTT
- Tăng cường đào tạo nội bộ về kỹ năng dịch vụ KH, đào tạo nâng cao nhận thức về đạo đức người hành nghề chứng khoán
- Triển khai các chương trình khuyến mại và sự kiện tri ân nhằm tăng cường sự gắn kết với khách hàng

Kết quả đạt được

- Liên tục tổ chức đào tạo đội ngũ môi giới cả về chuyên môn và kỹ năng mềm.
- Thực hiện 01 đợt đào tạo cán bộ môi giới về quản trị rủi ro và bộ quy tắc đạo đức nghề nghiệp
- Triển khai dự án Front Office nhằm cung cấp cho các khách hàng tiện ích giao dịch trên nền tảng di động.
- Chính sách phí, lãi suất dịch vụ margin, ứng trước cạnh tranh nhất trên thị trường.
- Thiết kế các gói dịch vụ đa dạng và linh hoạt dựa trên quy mô giao dịch và khẩu vị đầu tư của KH
- Thành lập thêm 01 phòng Giao dịch tại Quận 5 TP. Hồ Chí Minh nhằm phục vụ khách hàng tốt hơn
- Đầu tư mới hoàn toàn nội thất và không gian phòng Giao dịch Trụ sở chính tại 72 Trần Hưng Đạo, Hoàn Kiếm, Hà Nội
- Triển khai 01 chương trình khuyến mại hợp lực với các đơn vị thành viên trong Tập đoàn Bảo Việt "Nắng vàng biển xanh cùng Bảo Việt" có quy mô trên 63 tỉnh thành phố, trao gần 1500 quà tặng tới Khách hàng của BVSC.
- Triển khai chương trình khuyến mại "Đón mừng sinh nhật – Gửi lời tri ân" nhân dịp thành lập Công ty và tổ chức lễ tri ân "Cảm ơn người đồng hành".

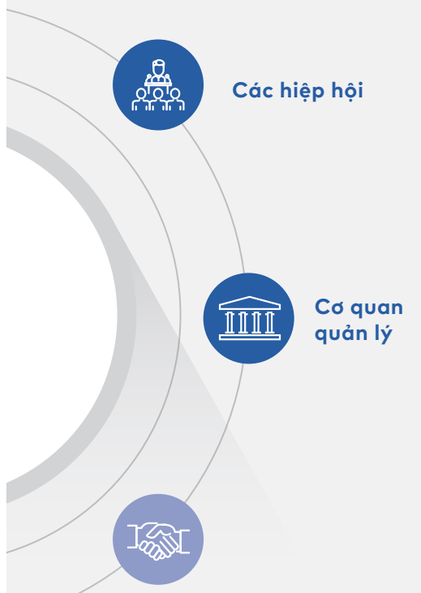

CÁC HIỆP HỘI

Kỳ vọng được ghi nhận

- Trở thành thành viên của các Hiệp hội và tích cực tham gia vào hoạt động
- Đóng góp nghĩa vụ tài chính cho các Hiệp hội

Giải pháp của BVSC

- Là thành viên và tích cực tham gia vào hoạt động của các Hiệp hội bao gồm Hiệp hội kinh doanh trái phiếu, Hiệp hội kinh doanh chứng khoán Việt Nam, Hiệp hội các nhà đầu tư tài chính Việt Nam.
- Thực hiện tốt nghĩa vụ tài chính.

Kết quả đạt được

- Tham gia đầy đủ các sự kiện hoạt động của các Hiệp hội.
- Đóng góp ý kiến xây dựng và phát triển hoạt động của Hiệp hội
- Năm 2017, BVSC thực hiện đóng 167 triệu đồng phí hoạt động tại các Hiệp hội

CƠ QUAN QUẢN LÝ

Kỳ vọng được ghi nhận

- Tuân thủ pháp luật và thực hiện tốt nghĩa vụ thuế với nhà nước.
- Tích cực đóng góp xây dựng phát triển TTCK Việt Nam.

Giải pháp của BVSC

- Tuân thủ tốt các quy định pháp luật.
- Đóng góp tích cực vào ngân sách nhà nước
- Tham gia các diễn đàn, đóng góp ý kiến xây dựng khung pháp lý cho sự phát triển của thị trường.
- Trở thành thành viên tích cực của các Sở giao dịch

Kết quả đạt được

- Luôn tuân thủ tốt các quy định pháp luật và chính sách của Nhà nước
- Năm 2017: Nộp ngân sách nhà nước 27.4 tỷ đồng. Được trao giấy khen vì thành tích nộp thuế năm 2017 do Cục thuế Hà Nội trao tặng.
- Là công ty chứng khoán Thành viên tiêu biểu tại HNX 2017.

CƠ QUAN BÁO CHÍ

Kỳ vọng được ghi nhận

- Khả năng tiếp cận thông tin về hoạt động Công ty kịp thời và thuận lợi
- Phối hợp với các cơ quan báo chí trong công tác truyền thông về thị trường

Giải pháp của BVSC

- Chủ động gửi thông cáo báo chí về kết quả kinh doanh định kỳ mỗi quý/bán niên/thường niên cho cơ quan báo chí
- Thông tin minh bạch, kịp thời về các sự kiện/hoạt động phát sinh trong năm
- Cung cấp thông tin và chia sẻ ý kiến chuyên môn với các cơ quan báo chí để tạo kênh thông tin phong phú phục vụ công chúng đầu tư.

Kết quả đạt được

- Thông tin định kỳ về kết quả hoạt động kinh doanh 4 quý trong năm 2017, công bố thông tin về báo cáo tài chính soát xét và báo cáo kiểm toán năm.
- Chủ động công bố thông tin về các chương trình/sự kiện diễn ra trong năm như khai trương phòng giao dịch 174 Lê Hồng Phong, chuyển trụ sở, các chương trình khuyến mại tri ân khách hàng... diễn ra trong năm.
- Đã tham gia hơn 150 buổi tọa đàm trên truyền hình, hội thảo với tư cách chuyên gia, diễn giả, và hơn 700 báo cáo chuyên ngành được gửi tới cơ quan báo chí truyền thông.
- Thường xuyên hợp tác với các kênh báo chí chuyên ngành trong và ngoài nước như Đầu tư chứng khoán, Thời báo kinh tế VN, CafeF, VTV, VITV, VTC Bloomberg, NHK...

ĐỐI TÁC NHÀ CUNG CẤP

Kỳ vọng được ghi nhận

- Quy trình đánh giá xét chọn đảm bảo công bằng
- Việc ký kết và triển khai hợp đồng tuân thủ pháp luật, đảm bảo tiến độ thanh toán

Giải pháp của BVSC

- Xây dựng quy trình đánh giá lựa chọn nhà cung cấp
- Hợp đồng được pháp chế rà soát đảm bảo tuân thủ pháp luật trước khi ký kết
- Tiến hành kiểm soát nội bộ về quy trình thực hiện Hợp đồng với các nhà cung cấp

Kết quả đạt được

- Quy trình chọn lựa luôn đảm bảo tính minh bạch khi thực hiện đánh giá năng lực, việc chọn lựa trên cơ sở chào giá cạnh tranh công khai và/hoặc thông qua cơ chế đấu thầu theo quy định pháp luật. Quy trình ký kết Hợp đồng yêu cầu bộ phận pháp chế trực tiếp rà soát hiệu chỉnh.
- Bổ sung tiêu chí đánh giá về môi trường và xã hội khi xét chọn nhà thầu trong việc thi công, cải tạo sửa chữa nhằm tăng tính cam kết và trách nhiệm với cộng đồng của nhà cung cấp. Đưa thêm yêu cầu về trách nhiệm với môi trường và xã hội vào điều khoản hợp đồng ký kết với nhà thầu cải tạo, sửa chữa.
- Kiểm soát nội bộ thực hiện kiểm soát lại việc thực hiện Hợp đồng ký kết với các nhà cung cấp trong năm.

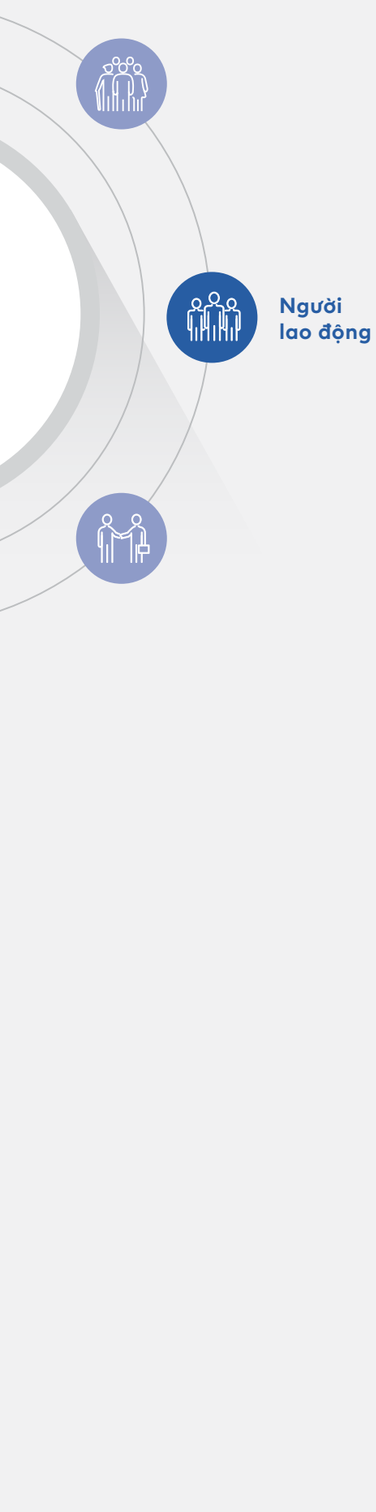

NGƯỜI LAO ĐỘNG

Kỳ vọng được ghi nhận

- Đảm bảo việc làm
- Thu nhập ổn định và có sự tăng trưởng
- Chế độ phúc lợi được đảm bảo
- Được quan tâm về sức khỏe, điều kiện làm việc, an toàn vệ sinh lao động
- Môi trường làm việc tốt, thân thiện, có những cơ hội được học hỏi và phát triển
- Công bằng nội bộ, những đóng góp, thành tích được ghi nhận

Giải pháp của BVSC

- Mở rộng hoạt động kinh doanh tạo cơ hội việc làm ổn định cho người lao động
- Kinh doanh hiệu quả đảm bảo chi trả thu nhập ổn định cho người lao động
- Thường xuyên rà soát điều chỉnh chính sách lương thưởng đãi ngộ cạnh tranh, phù hợp với xu hướng chung của thị trường
- Trang bị cho người lao động các chính sách bảo hiểm sức khỏe, bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm các bệnh ung thư... bên cạnh bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của Nhà nước
- Xây dựng các chương trình thi đua và tôn vinh, cơ chế trả lương dựa trên hiệu quả làm việc tạo sự công bằng nội bộ
- Đầu tư ngân sách cho hoạt động đào tạo, khuyến khích và tạo điều kiện cho người lao động được học tập nâng cao trình độ chuyên môn
- Đầu tư ngân sách và tạo điều kiện để công đoàn, đoàn thanh niên phát huy vai trò nhằm xây dựng môi trường làm việc thân thiện, cởi mở

Kết quả đạt được

- Kinh doanh tăng trưởng trong năm 2017 tạo cơ hội việc làm ổn định cho người lao động, không chỉ thế Công ty còn tạo thêm nhiều cơ hội việc làm trong năm với việc tuyển dụng mới 96 người, tương đương 22.8%.
- Thực hiện trả lương và thưởng dựa trên doanh thu và kết quả đánh giá hiệu quả làm việc. Năm 2017, thu nhập bình quân của lao động tăng 18% so với năm 2016.
- Thực hiện 01 đợt điều chỉnh tăng lương với mức tăng bình quân 4.7 %.
- Đóng đầy đủ các chế độ bảo hiểm bắt buộc bao gồm bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp với tổng chi phí chi trả là 5.1 tỷ đồng.
- Tiếp tục trang bị bảo hiểm sức khỏe và bảo hiểm nhân thọ An hưởng điền viên cho người lao động với tổng chi phí đã chi trả là 3.8 tỷ đồng
- Bổ sung sản phẩm bảo hiểm ung thư (K-Care) cho toàn bộ lao động
- Tổng số giờ đào tạo 5.353 giờ với tổng chi phí đào tạo 289 triệu đồng. Trong đó, tổng số giờ đào tạo nội bộ là 2.387 giờ. Cán bộ tham gia các chương trình đào tạo, hội thảo, hội nghị trong và ngoài nước được hưởng nguyên lương.
- Phát động chương trình thi đua "Cơ hội trong tay, nhận ngay quà lớn" triển khai hàng quý với tổng giá trị giải thưởng 350 triệu đồng, tạo nên không khí thi đua lan rộng trong toàn Công ty.
- Thực hiện tôn vinh khen thưởng 121 danh hiệu lao động tiên tiến và 30 danh hiệu chiến sỹ thi đua cơ sở, trao bằng khen và phần thưởng cho 08 tập thể.
- Tổ chức Hội nghị Người lao động và chương trình Tập huấn văn hóa doanh nghiệp tại Thái Lan.
- Tổ chức các sự kiện chào mừng ngày quốc tế phụ nữ 8/3, Phụ nữ Việt Nam 20/10, mừng sinh nhật CBNV, chương trình gặp mặt CBNV đầu xuân.

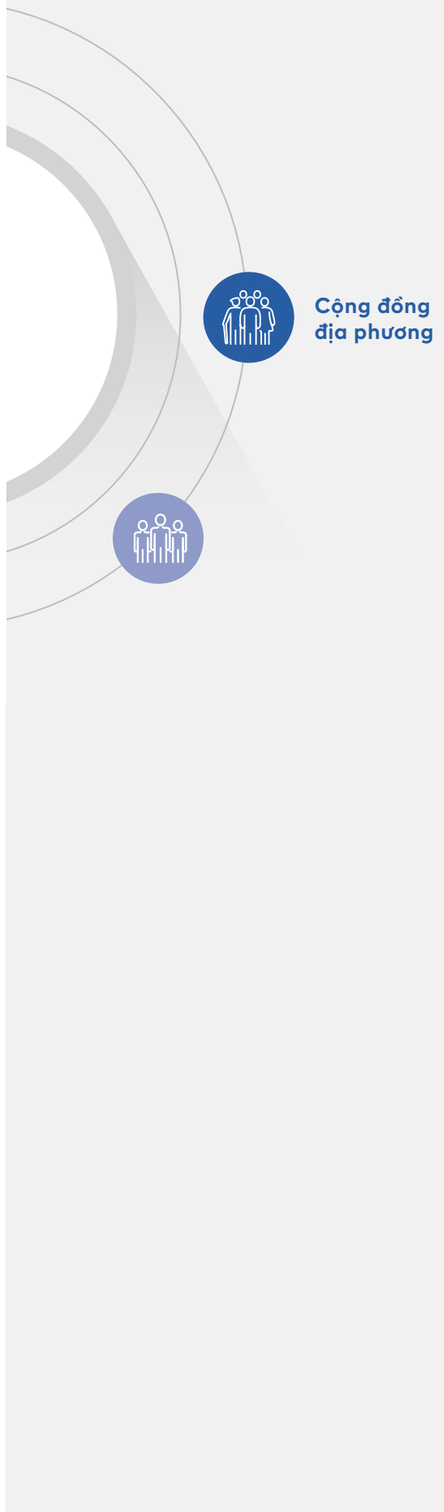

CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

Kỳ vọng được ghi nhận

- Điều kiện sống cơ bản của người dân vùng sâu vùng xa được đảm bảo
- Đầu tư cho giáo dục, thế hệ tương lai
- Địa phương bị thiệt hại do thiên tai lũ lụt cần được hỗ trợ để khắc phục hậu quả
- Thực hiện tốt quy định về bảo vệ môi trường và tiết kiệm năng lượng

Giải pháp của BVSC

- Triển khai các chương trình an sinh xã hội thường niên, đầu tư cho thế hệ trẻ, tri ân người có công và xóa đói giảm nghèo
- Hỗ trợ cộng đồng địa phương thông qua đóng góp xây dựng và ủng hộ các điều kiện sống cơ bản, chăm sóc sức khỏe cho bà con vùng sâu vùng xa
- Phối hợp tích cực với Tập đoàn Bảo Việt trong các chương trình do Tập đoàn phát động.
- Tuân thủ quy định chính quyền sở tại về bảo vệ môi trường
- Thực hiện các giải pháp trong sản xuất kinh doanh nhằm tiết kiệm năng lượng điện, nước

Kết quả đạt được

- Là đầu mối tổ chức và liên kết các đơn vị phối hợp tổ chức chương trình "Mang hơi ấm vùng cao" tại xã Làng Mô, huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu, trao 03 công trình an sinh xã hội, máy tính, máy in, sách vở, đồ dùng học tập, áo ấm, chăn bông, chiếu, lương thực, thực phẩm, mũ bảo hiểm và 15 suất học bổng cho các em học sinh của 03 nhà trường Mầm non, Tiểu học và Trung học xã Làng Mô; khám chữa bệnh và phát thuốc miễn phí cho 496 người dân xã Làng Mô Tổng giá trị quyên góp để triển khai chương trình được hơn 350 triệu đồng.
- Tổ chức và trao tặng gần 1000 suất cơm trong chương trình "Suất cơm từ thiện" tại Bệnh viện Huyết học và truyền máu TW.
- Hơn 20 cán bộ tham gia hiến máu.
- Tổ chức truyền thông nội bộ chương trình "Tiết kiệm điện năng – Tăng thêm thu nhập" và "Giữ môi trường sạch đẹp – Vì bạn, vì chính chúng ta"
- Năm 2017, tổng ngân sách chi cho hoạt động cộng đồng là 474 triệu đồng.

GRI 102

XÁC ĐỊNH CÁC LĨNH VỰC TRỌNG YẾU

Thông qua việc đánh giá tầm quan trọng của các vấn đề dựa trên mối tương quan giữa mức độ quan tâm của các bên và mức độ ảnh hưởng tới hoạt động của doanh nghiệp, BVSC xác định các vấn đề liên quan đến phát triển bền vững và phân loại các vấn đề trọng yếu theo 3 nội dung như sau:

GRI 201
Hiệu quả hoạt động kinh tế

Kinh tế

GRI 302 - Năng lượng

GRI 306 - Nước thải và chất thải

GRI 307 - Tuân thủ về môi trường

Môi trường

GRI 401 - Việc làm

GRI 403 - An toàn và sức khỏe nghề nghiệp

GRI 404 - Giáo dục và đào tạo

GRI 405 - Sự đa dạng và cơ hội bình đẳng

GRI 407 - Quyền tham gia công đoàn và Thương lượng tập thể

GRI 413 - Cộng đồng địa phương

Xã hội

Kinh tế GRI 200

Kinh tế GRI 201

GRI 201 - HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH TẾ CỦA BVSC

Năm 2017, BVSC đã nỗ lực phát huy mọi nguồn lực, triển khai đồng bộ các giải pháp kinh doanh nhằm đạt được mục tiêu đã được ĐHCĐ thông qua, là nhân tố có tính nền tảng để BVSC thực hiện trách nhiệm với các bên liên quan hướng tới mục tiêu phát triển bền vững.

Tổng doanh thu trong năm đạt 483,8 tỷ đồng, tương đương 149,3% kế hoạch và 147,8% so với năm 2016. Lợi nhuận sau thuế đạt 122,4 tỷ đồng, bằng 120% so với kế hoạch và bằng 119,8% so với cùng kỳ năm trước.

Tổng tài sản năm 2017 của Công ty đạt đạt 2.198,9 tỷ đồng, tăng 319,3 tỷ đồng, tương ứng tăng 17% so với năm 2016. Mức tăng trưởng này thể hiện sự lớn mạnh về quy mô hoạt động của BVSC.

Chỉ tiêu tỷ lệ an toàn vốn khả dụng của Công ty luôn đạt mức rất cao qua các năm, gấp khoảng 4 lần so với tỷ lệ quy định (180%) của UBCK. Năm 2017, tỷ lệ an toàn vốn khả dụng đạt 702% tăng 3,5% so với cùng kỳ năm trước. Đây là con số tăng trưởng ổn định và đạt ở mức cao so với các công ty cùng ngành, thể hiện Công ty có tình hình tài chính lành mạnh, kiểm soát tốt các rủi ro về đầu tư và các rủi ro thanh toán, hoạt động của Công ty.

Không chỉ là hoàn thành các chỉ tiêu tài chính, BVSC liên tục củng cố hoạt động, nâng cao công tác quản trị, tăng cường minh bạch thông tin nhằm gia tăng giá trị công ty. Năm 2017 BVSC tiếp tục được ghi danh trong TOP 30 doanh nghiệp niêm yết có báo cáo thường niên tốt nhất thị trường.

Tổng doanh thu năm 2017 đạt

483,8 tỷ đồng

147,8% so với 2016

Tỷ lệ an toàn vốn khả dụng đạt

702%

▲ **3,5%** so với 2016

Môi trường GRI 300

Môi trường GRI 302

Môi trường GRI 306

Môi trường GRI 307

GRI 302 - NĂNG LƯỢNG

Với đặc thù là doanh nghiệp trong ngành cung cấp dịch vụ tài chính, các hoạt động kinh doanh của BVSC không gây tác động trực tiếp đến môi trường nhưng BVSC luôn cố gắng gắn kết mục tiêu môi trường trong hoạt động nội bộ bằng việc nâng cao nhận thức của cán bộ nhân viên về bảo vệ môi trường và sử dụng tiết kiệm năng lượng để ứng phó với vấn đề biến đổi khí hậu, góp phần giảm thiểu cường độ phát thải khí nhà kính và các tác động đến môi trường.

Chương trình tiết kiệm năng lượng: Trong năm 2017, cùng với việc chuyển văn phòng mới, không chỉ đưa ra các quy định tại Nội quy lao động của Công ty, BVSC đã tích cực truyền thông về chương trình tiết kiệm năng lượng ***"Tiết kiệm điện năng – Tăng thêm thu nhập"***, nhằm mục tiêu chung tay giảm lượng khí thải nhà kính. Thông qua các bản tin nội bộ, poster tại các khu văn phòng, phòng giao dịch, CBNV công ty đã tích cực hưởng ứng đồng thời ghi nhận những kết quả đáng kể.

CHƯƠNG TRÌNH TIẾT KIỆM NĂNG LƯỢNG

HỆ THỐNG ĐIỀU HÒA KHÔNG KHÍ

- Định kì bảo trì, bảo dưỡng máy móc thiết bị 6 tháng một lần để duy trì công suất của máy.
- Duy trì mức nhiệt độ 25-26 độ C, tránh chênh lệch quá nhiều với nhiệt độ bên ngoài.
- Tắt toàn bộ hệ thống điều hòa sau 17:30.

HỆ THỐNG CHIẾU SÁNG

- Tại trụ sở mới, với chủ trương tiết kiệm điện năng, giảm hiệu ứng khí thải nhà kính, BVSC cho lắp đặt toàn bộ hệ thống chiếu sáng bằng các thiết bị chiếu sáng tiết kiệm điện: bóng compact tiết kiệm điện.
- Tận dụng ánh sáng tự nhiên thay vì sử dụng hệ thống chiếu sáng tại các phòng có khu vực cửa sổ.
- Hạn chế sử dụng một cách tối đa hệ thống chiếu sáng tại khu vực sảnh và lối đi.
- Tắt toàn bộ hệ thống điện sau khi tan làm.

TIẾT KIỆM NƯỚC

- Thường xuyên kiểm tra rò rỉ nước, tránh thất thoát nước tại tất cả khu vực sử dụng vệ sinh cũng như nước uống.
- Tái sử dụng nước sạch để chăm sóc cây cỏ văn phòng.
- Không sử dụng nước bòn cầu vào mục đích xả rác.

Môi trường GRI 300

Môi trường GRI 302 | Môi trường GRI 306 | Môi trường GRI 307

GRI 306 - NƯỚC THẢI VÀ CHẤT THẢI

Chung tay góp phần thực hiện Đề án bảo vệ môi trường của Tập đoàn Bảo Việt trong việc giảm thiểu ô nhiễm, BVSC duy trì hoạt động đánh giá tác động tới môi trường thông qua việc kiểm soát phát thải và chất thải từ hoạt động vận hành của tòa nhà trụ sở, chi nhánh và các phòng giao dịch của Công ty. Các biện pháp xử lý nguồn chất thải có khả năng gây hại tới môi trường được BVSC tích cực và chủ động thực hiện trong năm 2017

Quy trình xử lý rác thải.
BVSC áp dụng quy trình phân loại rác, chất thải từ hoạt động văn phòng: rác hữu cơ, rác tái chế và chất thải nguy hiểm để thuận tiện trong quá trình xử lý và thông qua ban quản lý tòa nhà thực hiện bàn giao rác thải cho Công ty môi trường.

Rác hữu cơ thông thường

- Chất thải chủ yếu phát sinh từ hoạt động văn phòng của CBCNV
- Tại mỗi phòng ban của Công ty và các PGD đều được trang bị thùng rác để thu gom rác thải phát sinh hàng ngày
- Nhân viên vệ sinh tòa nhà sẽ thu gom ngay trong ngày làm việc, tập kết và bàn giao cho công ty môi trường để xử lý

Rác có thể tái chế

- Các loại giấy, thùng, bìa carton.
- Sau khi được phân loại, các loại giấy, bìa, thùng carton được thu gom riêng và tái sử dụng.
- Truyền thông nội bộ, nâng cao nhận thức trong việc in ấn tài liệu nhằm giảm thiểu lượng giấy in, tái sử dụng giấy in 1 mặt cho mục đích sử dụng nội bộ.
- Tái sử dụng các văn phòng phẩm và đồ dùng văn phòng bằng nhựa.

Chất thải nguy hại

- Chất thải nguy hại chủ yếu là bóng đèn huỳnh quang, mực in và các loại pin.
- Thu gom để xử lý riêng, có thùng rác riêng, lưu trữ riêng và có dán nhãn cảnh báo chất thải nguy hại.
- Tuy lượng chất thải này phát sinh không đáng kể nhưng BVSC tiến hành lưu giữ, phân loại và thu gom theo đúng quy định của Nhà nước và bản quản lý tòa nhà Bảo Việt.

GRI 307 – TUÂN THỦ VỀ MÔI TRƯỜNG

- Trong năm 2017, BVSC không ghi nhận các biên bản/ thông báo nào liên quan đến việc vi phạm các điều Luật và Quy định về môi trường.
- Nối tiếp thành công của cuộc thi "Bàn làm việc sạch đẹp – Góc làm việc hiệu quả" ở quy mô toàn Công ty, năm 2017, BVSC tiếp tục khuyến khích CBNV thường xuyên dọn dẹp góc làm việc gọn gàng, sạch sẽ, sắp xếp tài liệu một cách khoa học, đảm bảo tiêu chí mà cuộc thi đưa ra. Ngoài ra, cùng với công tác chuyển văn phòng trong năm 2017, BVSC phát động 2 chương trình nội bộ liên quan đến Tiết kiệm năng lượng và Bảo vệ môi trường. Thông điệp của các chương trình đều được lan tỏa rộng rãi và nhận được những phản hồi tiwch cực từ 100% CBNV Công ty.
- Bên cạnh đó, BVSC đặt các chậu cảnh cảnh để làm xanh môi trường làm việc trong các tòa nhà và phòng giao dịch.

Xã hội GRI 400 | Xã hội GRI 401 | Xã hội GRI 403 | Xã hội GRI 404 | Xã hội GRI 405 | Xã hội GRI 407 | Xã hội GRI 413

GRI 401 - VIỆC LÀM

Nguồn nhân lực tại BVSC

Tổng số lao động tại BVSC trong năm 2017 là 442 người, tăng 8% so với 2016. Lực lượng lao động tại BVSC đa phần là lao động trẻ, có trình độ chuyên môn cao, phù hợp với đặc thù hoạt động lĩnh vực dịch vụ tài chính. Cơ cấu lao động theo giới tính cân bằng, lao động nữ chiếm tỷ trọng 51%, lao động nam chiếm 49%. Tỷ lệ lao động có trình độ đại học và trên đại học ở mức gần 93% và tập trung chủ yếu trong độ tuổi "vàng" về năng lực cống hiến (tuổi từ 25 – 40). Cơ cấu lao động theo thâm niên công tác tại BVSC được duy trì tỷ lệ hợp lý, vừa đảm bảo tính kế thừa và chuyển giao những giá trị cốt lõi vừa thu hút được năng lực đổi mới và sáng tạo.

Năm 2017, tổng số cán bộ quản lý của BVSC là 45 người, chiếm 10% tổng số lao động, trong đó cán bộ quản lý cấp cao là 03 người, cán bộ quản lý cấp trung là 42 người.

CƠ CẤU LAO ĐỘNG THEO CÁC TIÊU CHÍ	SỐ LƯỢNG CÁN BỘ	TỶ LỆ TRÊN TỔNG SỐ CÁN BỘ CÔNG TY
Quốc gia		
Việt Nam	440	99.5%
Nước Ngoài	2	0.5%
Khu vực		
Miền bắc	280	63%
Miền trung		0%
Miền nam	162	37%
Giới tính		
Nam	216	49%
Nữ	226	51%
Nhóm tuổi		
Dưới 25 tuổi	18	4%
Từ 25 - (<30) tuổi	75	17%
Từ 30 - (<40) tuổi	262	59%
Từ >= 40 tuổi	87	20%
Trình độ đào tạo		
Trên đại học	95	22%
Đại học+ cao đẳng	315	71%
Trung cấp + khác	32	7%
Cấp quản lý		
Cấp cao	3	1%
Cấp trung	42	9%
Nhân viên	397	90%

Biểu đồ cơ cấu lao động phân theo giới tính năm 2017

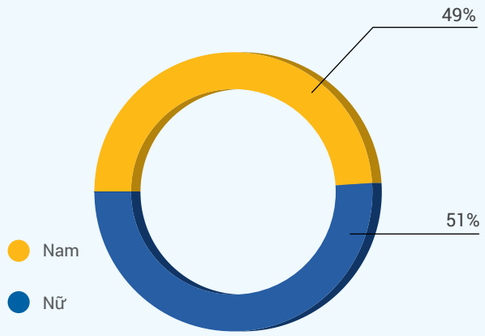

Biểu đồ cơ cấu lao động phân theo độ tuổi

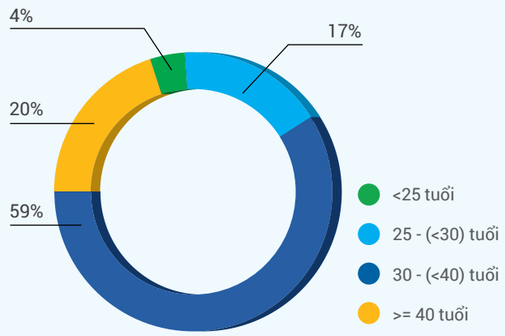

Biểu đồ cơ cấu lao động phân theo trình độ học vấn của CBNV BVSC năm 2017

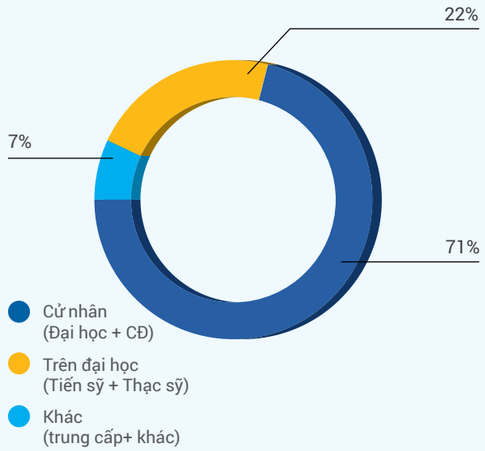

Biểu đồ cơ cấu lao động phân theo thâm niên công tác tại BVSC

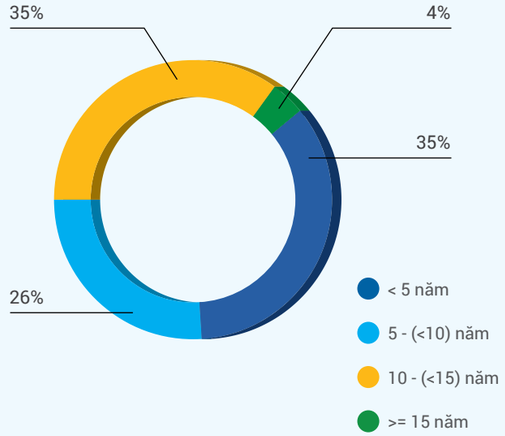

Xã hội GRI 400 | Xã hội GRI 401 | Xã hội GRI 403 | Xã hội GRI 404 | Xã hội GRI 405 | Xã hội GRI 407 | Xã hội GRI 413

GRI 401 - VIỆC LÀM (TIẾP)

Tuyển dụng nhân sự tài năng và đam mê cống hiến

Đẩy mạnh các hoạt động kinh doanh, mở rộng quy mô hoạt động là cơ hội để Công ty tạo ra nhiều cơ hội việc làm trên thị trường. Năm 2017, tỷ lệ tuyển dụng mới tại Công ty là 22.8%, nâng tổng số lao động lên 442 người, bằng 108% so với năm 2016. Với định hướng kinh doanh đẩy mạnh hoạt động môi giới, do đó cơ cấu lao động của Công ty tập trung chủ yếu là cán bộ môi giới tại các phòng Giao dịch (chiếm 67.2%).

Để thu hút các nhân sự tài năng trên thị trường, một loạt các giải pháp đã được thực hiện trong năm 2017 bao gồm từ việc rà soát điều chỉnh các chính sách đãi ngộ, đẩy mạnh xây dựng thương hiệu nhà tuyển dụng và đa dạng hóa các kênh tuyển dụng cũng như thay đổi phương thức tiếp cận nguồn nhân lực tài năng trên thị trường. Trong năm 2017, ngoài các cách tiếp cận truyền thống, BVSC đã khá thành công khi phối hợp với Viện CFA tổ chức Career Talk ... để chia sẻ về định hướng nghề nghiệp và các cơ hội phát triển cho các ứng viên tiềm năng. Thông qua hoạt động này, BVSC không chỉ quảng bá thương hiệu và mở ra các cơ hội tới các ứng viên mà còn góp phần phát triển cộng đồng nhân lực trong ngành dịch vụ tài chính hướng tới sự chuyên nghiệp và chuẩn mực.

Cơ cấu tuyển dụng theo vùng miền

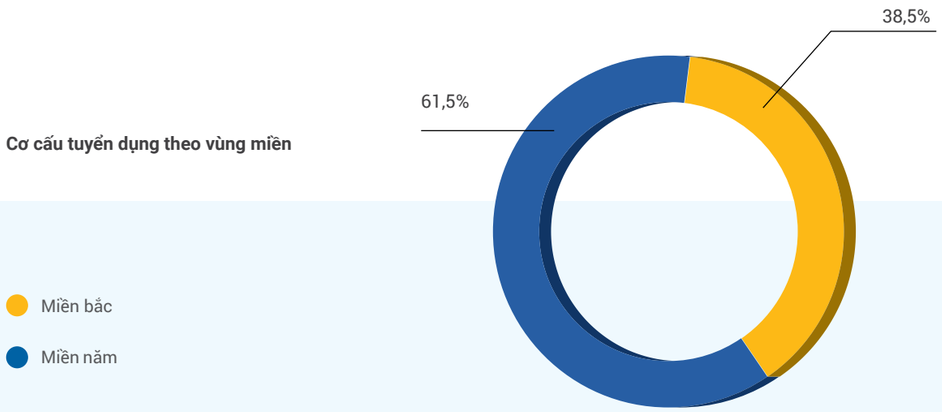

Cơ cấu tuyển dụng theo đơn vị (Trụ sở và Chi nhánh)

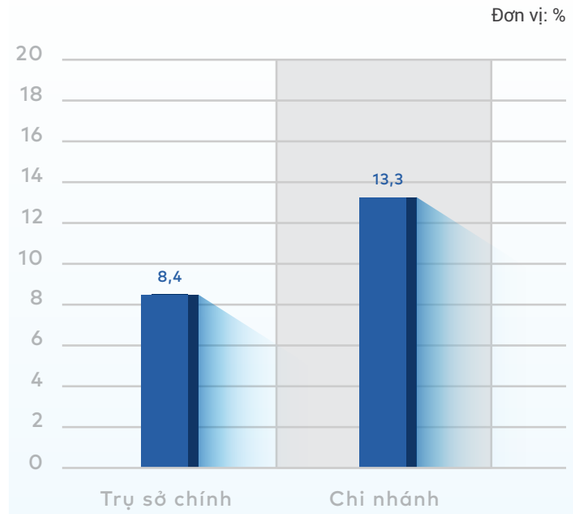

Thông qua các hội thảo tư vấn nghề nghiệp, BVSC không chỉ quảng bá thương hiệu và mở ra các cơ hội tới các ứng viên mà còn góp phần phát triển cộng đồng nhân lực trong ngành dịch vụ tài chính hướng tới sự chuyên nghiệp và chuẩn mực.

Xã hội GRI 400 | Xã hội GRI 401 | Xã hội GRI 403 | Xã hội GRI 404 | Xã hội GRI 405 | Xã hội GRI 407 | Xã hội GRI 413

GRI 403 - AN TOÀN VÀ SỨC KHỎE NGHỀ NGHIỆP

Song song với đảm bảo cơ hội việc làm thì an toàn và sức khỏe nghề nghiệp của người lao động là nội dung được BVSC đặc biệt quan tâm. Các chính sách phúc lợi, đặc biệt là chế độ bảo hiểm cho người lao động, được đánh giá là yếu tố tạo sự gắn kết và lòng trung thành của người lao động, cũng là nhân tố cạnh tranh của BVSC trên thị trường lao động.

Chế độ cho lao động nữ, chế độ thai sản, ốm đau

Lao động nữ tại Công ty được nghỉ thai sản theo chế độ 6 tháng và khi đi làm trở lại được nghỉ 01 tiếng/ ngày trong thời gian nuôi con dưới 12 tháng; Lao động nam tại Công ty được nghỉ thai sản theo chế độ từ 05 đến 14 ngày khi vợ sinh con. Trong năm 2017, BVSC đã thực hiện giải quyết chế độ thai sản cho 20 người, trong đó lao động nam có vợ sinh con được nghỉ thai sản là 07 người, bằng 2.9% tổng số lao động nam; lao động nữ nghỉ sinh con là 13 người, bằng 6.6% tổng số lao động nữ. 100% người lao động sau khi nghỉ thai sản quay trở lại làm việc và luôn được đảm bảo công việc tại vị trí cũ sau khi kết thúc nghỉ thai sản. Với chính sách này, người lao động có thể yên tâm nghỉ ngơi chăm sóc con cái, phục hồi sức khỏe sau khi sinh. Các chế độ khác như nghỉ ốm, nghỉ dưỡng sức ... được Công ty thực hiện đầy đủ, nhanh chóng, đảm bảo tối đa quyền lợi cho người lao động.

Các chính sách bảo hiểm ưu việt

Ngoài việc thực hiện các chế độ bảo hiểm bắt buộc theo quy định pháp luật, Công ty đã bổ sung thêm các chính sách bảo hiểm ưu việt khác nhằm mang lại quyền lợi tốt nhất cho người lao động. Cụ thể:

- Bảo hiểm sức khỏe toàn diện (từ năm 2010): Việc trang bị thêm cho cán bộ Bảo hiểm sức khỏe toàn diện mang lại cho cán bộ sự quan tâm và đảm bảo về an toàn tính mạng, sức khỏe cũng như những chia sẻ về tài chính trong việc điều trị từ phía Công ty, qua đó tạo cho người lao động sự an tâm và niềm tin vào Công ty. Trong năm 2017, thông qua chương trình bảo hiểm sức khỏe toàn diện đã có 501 lượt cán bộ được khám và điều trị với tổng chi phí chi trả xấp xỉ 1 tỷ đồng.
- Bảo hiểm nhân thọ An hưởng điền viên (từ năm 2015): Chương trình bảo hiểm nhân thọ An hưởng điền viên là một chính sách phúc lợi mới được Công ty triển khai từ năm 2015 với mục tiêu bảo vệ trước các rủi ro không mong đợi trong suốt quá trình làm việc, đồng thời quyền lợi của người lao động được đảm bảo dài hạn cho tới khi nghỉ hưu, theo đó kế hoạch hưu trí của người lao động sẽ được bổ sung thêm một khoản tài chính ổn định bên cạnh lương hưu được hưởng từ quỹ bảo hiểm xã hội của Nhà nước. Trong năm 2017, chương trình bảo hiểm An hưởng điền viên được tái tục và bổ sung với tổng chi phí 2.8 tỷ đồng.
- Bảo hiểm Bệnh Ung thư (bắt đầu triển khai mới trong năm 2017): Chương trình bảo hiểm Bệnh Ung thư là một loại hình bảo hiểm mới trên thị trường đã được BVSC trang bị cho người lao động nhằm bảo vệ người lao động trước các rủi ro không mong muốn trong bối cảnh nguy cơ các bệnh ung thư ngày một gia tăng trước sức ép về môi trường ô nhiễm ngày một tăng cao.

Các chính sách bảo hiểm bổ sung này đã nhận được sự phản hồi rất tích cực từ người lao động và được xem là một chương trình phúc lợi trọng tâm và dài hạn của BVSC.

Bên cạnh đó, định kỳ hàng năm, Công ty triển khai khám sức khỏe tổng quát cho người lao động tại bệnh viện uy tín và có chất lượng cao với hạn mức 2.000.000 đồng/ người. Các danh mục khám sức khỏe được thực hiện đầy đủ đảm bảo theo đúng quy định và tầm soát được tối ưu các loại bệnh cơ bản.

Bên cạnh đó, BVSC luôn khuyến khích người lao động tham gia các phong trào thể dục thể thao, rèn luyện sức khỏe như: tổ chức các lớp tập yoga, zumba; câu lạc bộ bóng đá, câu lạc bộ bóng bàn, tổ chức các giải đấu bóng đá, tham gia các giải đấu thể thao khác do Tập đoàn Bảo Việt, UBCK, Sở GDCK, VSD, Bộ Tài chính ... tổ chức.

Hội nghị Người lao động tại Thái Lan tháng 8/2017

Biểu đồ phúc lợi năm 2017

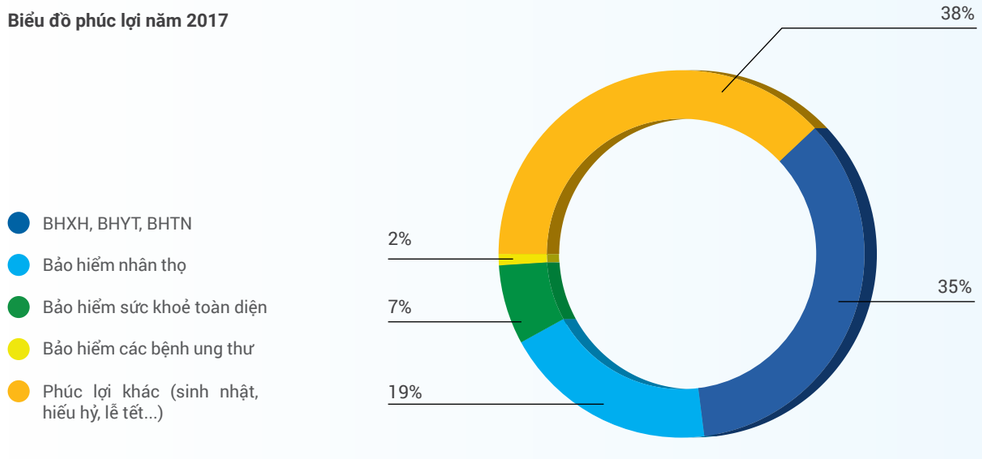

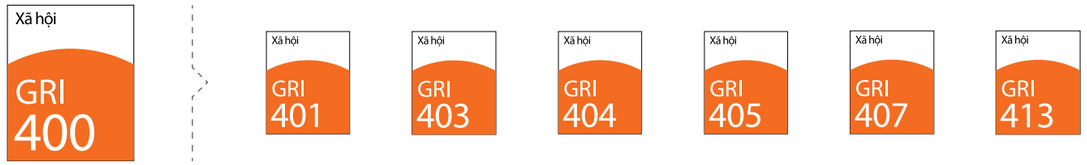

GRI 404 - GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Với mục tiêu xây dựng đội ngũ nhân sự không chỉ giỏi về chuyên môn nghiệp vụ mà còn còn đề cao đạo đức nghề nghiệp, tận tâm và cống hiến, BVSC đặc biệt chú trọng công tác tạo đào phát triển con người. Do đó, các chương trình và nội dung đào tạo không chỉ giới hạn ở đào tạo về chuyên môn nghiệp vụ, các kỹ năng mềm phục vụ công việc, mà còn chú trọng tới đào tạo về văn hóa, về đạo đức nghề nghiệp, về giá trị cốt lõi của Công ty.

Đào tạo về văn hóa công ty và đạo đức nghề nghiệp
Nội dung đào tạo này được thực hiện từ rất sớm thông qua chương trình "Đào tạo định hướng" dành cho cán bộ mới được tuyển dụng vào công ty. Thông qua chương trình này, cán bộ được đào tạo về tầm nhìn, sứ mệnh, giá trị cốt lõi, lịch sử và các thành tựu của công ty, được phổ biến về nội quy công ty, văn hóa ứng xử và đặc biệt được chia sẻ về bộ quy tắc đạo đức của người hành nghề chứng khoán. Trong năm 2017, Công ty đã tổ chức hàng chục chương trình đào tạo định hướng cho người lao động. Ngoài ra, thông qua các kỳ đánh giá về hiệu quả làm việc trong năm, người lao động tiếp tục được chia sẻ những giá trị mục tiêu và văn hóa công ty để gắn kết sự nghiệp cá nhân với kế hoạch phát triển của Công ty.

Đào tạo chuyên môn và kỹ năng
Do tính chất đặc thù hoạt động của ngành chứng khoán, việc tuân thủ các quy trình nghiệp vụ là đặc biệt quan trọng. Vì vậy, Công ty đã tập trung triển khai đào tạo nội bộ về nghiệp vụ thường xuyên cho đội ngũ môi giới bằng việc xây dựng và thiết kế riêng bản đồ học tập với nội dung các chương trình đào tạo nghiệp vụ và kỹ năng phù hợp và thực tế nhất với công việc. Các nội dung tập trung vào các sản phẩm dịch vụ, hệ thống giao dịch chứng khoán, quy định pháp lý và quy trình nghiệp vụ của Công ty, quản trị rủi ro... Năm 2017 vừa qua, Công ty đã tổ chức 14 khóa đào tạo nội bộ với gần 296 cán bộ tham dự.

Định kỳ hàng năm, Công ty tổ chức một đợt kiểm tra trình độ của nhân viên môi giới nhằm đánh giá chất lượng nhân sự cũng như đánh giá những kiến thức còn hạn chế của môi giới, từ đó xây dựng kế hoạch đào tạo, nội dung đào tạo phù hợp.

Công ty thường xuyên rà soát và khuyến khích cán bộ hoàn thành các chứng chỉ nghiệp vụ chứng khoán để được cấp chứng chỉ hành nghề. Tại BVSC, chứng chỉ hành nghề được xác định là một trong các tiêu chí đánh giá nhân sự cho công tác tuyển dụng, quy hoạch, bổ nhiệm, nâng lương, đánh giá hiệu quả làm việc... nhằm xây dựng đội ngũ nhân sự có trình độ chuyên môn cao. Năm 2017, Công ty đã cử 112 lượt cán bộ tham gia các khóa đào tạo của Trung tâm nghiên cứu khoa học & đào tạo Chứng khoán thuộc UBCKNN tổ chức và tính đến 31/12/2017, tổng số cán bộ có chứng chỉ hành nghề chứng khoán là 117 cán bộ; và số cán bộ có chứng chỉ hành nghề chứng khoán phái sinh là 105 cán bộ.

Đào tạo năng lực lãnh đạo cho cán bộ quản lý trung và cao cấp
Công ty đã bước đầu xây dựng khung năng lực quản trị đối với các vị trí chức danh quản lý trung và cao cấp. Để hoàn thiện các năng lực này, Công ty thường xuyên cử cán bộ tham gia các khóa đào tạo để nâng cao trình độ quản lý, kỹ năng lãnh đạo như chương trình "Quản trị nhân sự quốc tế", "Kỹ năng kèm cặp và Huấn luyện", "Xây dựng KPIs hiệu quả"...

Trong năm 2017, tổng số lượt người tham gia đào tạo 794 lượt, tổng số giờ đào tạo 5.353 giờ; trong đó, tổng số giờ đào tạo nội bộ là 2.387 giờ.

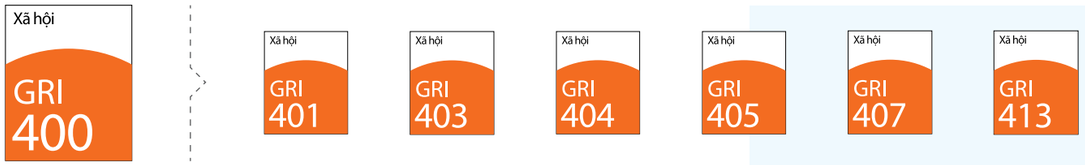

GRI 405 - SỰ ĐA DẠNG VÀ CƠ HỘI BÌNH ĐẲNG

Không phân biệt đối xử

Tại BVSC mọi người lao động được đối xử bình đẳng, không có sự phân biệt về giới tính, dân tộc, màu da, thành phần xã hội, tình trạng hôn nhân, tín ngưỡng, tôn giáo, tình trạng sức khỏe. BVSC cũng luôn tuân thủ nguyên tắc bình đẳng nam nữ trong tuyển dụng, giao việc, thời gian làm việc, thời gian nghỉ ngơi, nâng lương, quy hoạch, bổ nhiệm... Việc chăm lo cho lao động nữ từ lâu đã được lãnh đạo Công ty, tổ chức công đoàn quan tâm và tạo điều kiện tối đa để cán bộ có thể phát triển nghề nghiệp và ổn định cuộc sống. Vai trò của lao động nữ trong đóng góp vào sự phát triển của doanh nghiệp được xem trọng và đánh giá cao. Tại BVSC, tỷ lệ lao động nữ chiếm 51% tổng số lao động, trong đó tỷ lệ nữ giữ các vị trí quản lý chủ chốt trung và cao cấp chiếm 52% trong tổng số lãnh đạo từ cấp trung trở lên. Có thể khẳng định, bình đẳng giới là một trong những cam kết của Công ty trong chiến lược phát triển nguồn nhân lực cũng như các kế hoạch nhân sự hàng năm.

Công bằng trong đánh giá, trả lương và khen thưởng dựa trên thành tích và hiệu quả làm việc

Công ty nhận thức rằng, việc đối xử công bằng với người lao động giúp tạo động lực cho họ phát huy khả năng và gắn bó lâu dài với Công ty. Sự công bằng này được thể hiện trên nhiều khía cạnh, trong đó trọng tâm thông qua chính sách trả lương và tôn vinh khen thưởng, chính sách quy hoạch và bổ nhiệm cán bộ.

Việc giao kế hoạch kinh doanh và mục tiêu công việc được thực hiện hàng năm trên cơ sở thảo luận về kế hoạch giữa Ban Lãnh đạo Công ty với Lãnh đạo các Phòng ban, và giữa Lãnh đạo các Phòng ban với từng cán bộ nhân viên trong phòng. Công tác truyền thông về xây dựng kế hoạch và mục tiêu công việc được thực hiện đồng bộ, nhất quán và trên cơ sở thảo thảo luận hai chiều nhằm đảm bảo tính khách quan và khả thi khi lập kế hoạch. Mục tiêu được hoạch định tới từng cấp nhân viên, từ đó công tác đánh giá kết quả được thực hiện khách quan và minh bạch.

Định kỳ 6 tháng, Công ty thực hiện triển khai việc đánh giá hiệu quả làm việc của từng người lao động dựa trên kế hoạch kinh doanh cũng như mục tiêu công việc đã đưa ra. Đối với các phòng kinh doanh trực tiếp, Công ty thực hiện đánh giá hiệu quả làm việc của cán bộ dựa trên mức độ hoàn thành các chỉ tiêu kinh doanh (chỉ tiêu về doanh thu, về số tài khoản mở mới, về giao dịch trực tuyến...) với trọng số chiếm tỷ lệ 80% tổng điểm đánh giá, 20% còn lại là đánh giá các tiêu chí nhằm khuyến khích tinh thần học hỏi và phát triển, khả năng thích nghi và hội nhập với văn hóa tổ chức (tiêu chí về tham gia đào tạo, tuân thủ nội quy, tính đoàn kết và hỗ trợ...). Đối với lao động tại các phòng có tính chất công việc quản lý và hỗ trợ, 80% tổng điểm đánh giá được xét trên tiêu chí mức độ hoàn thành các nhiệm vụ được giao trong kỳ đánh giá, và tương tự như lao động tại phòng kinh doanh, 20% tổng điểm còn lại là đánh giá các tiêu chí nhằm khuyến khích tinh thần học hỏi và phát triển, khả năng thích nghi và hội nhập với văn hóa tổ chức (tiêu chí về tham gia đào tạo, tuân thủ nội quy, tính đoàn kết và hỗ trợ...). Việc xây dựng các tiêu chí đánh giá này cho thấy Công ty không chỉ hướng tới các mục tiêu trước mắt mà còn gắn kết mục tiêu phát triển của từng cá nhân với sự phát triển bền vững của tổ chức.

Kết quả đánh giá hiệu quả làm việc sẽ là cơ sở cho công tác trả lương hàng tháng, thưởng hiệu quả làm việc vào cuối năm, là cơ sở để xem xét tăng lương hàng năm và đồng thời cũng là cơ sở để xây dựng chương trình đào tạo nhằm nâng cao năng lực và kỹ năng để cán bộ hoàn thành mục tiêu được tốt hơn. Kết quả đánh giá hiệu quả làm việc của từng cán bộ cũng được ghi nhận và bảo lưu để làm cơ sở xem xét đề xuất các danh hiệu khen cao từ Bộ Tài Chính. Trong năm 2017, BVSC đã biểu dương và chọn lựa 04 tập thể và 11 cá nhân để đề xuất lên Bộ Tài chính trao các danh hiệu khen cao cấp Bộ và cấp Chính Phủ. Bên cạnh đó, thành tích công việc của các cá nhân được ghi nhận thông qua kết quả đánh giá hàng năm được bảo lưu để làm cơ sở cho việc quy hoạch và bổ nhiệm các chức danh quản lý trong tương lai. Điều này tạo cơ hội bình đẳng cho mọi cá nhân trong tổ chức trong quá trình làm việc và phát triển sự nghiệp tại BVSC.

Tổng thu nhập đã chi trả trong năm 2017 cho người lao động là 113.2 tỷ đồng, tương đương thu nhập bình quân đạt 22.4 triệu đồng/ người/ tháng, tăng 18% so với năm 2016.

Cơ cấu thu nhập của người lao động trong năm 2017 bao gồm:

Tiền lương:
- Lương theo công việc và các khoản phụ cấp lương
- Lương cho các ngày nghỉ hàng năm mà người lao động chưa nghỉ
- Lương tháng thứ 13

Tiền thưởng:
- Thưởng kinh doanh (áp dụng đối với các Phòng kinh doanh)
- Thưởng hiệu quả làm việc (áp dụng đối với khối quản lý & hỗ trợ)
- Các khoản chi bổ sung bằng tiền khác

Tổng quan đãi ngộ tài chính năm 2017

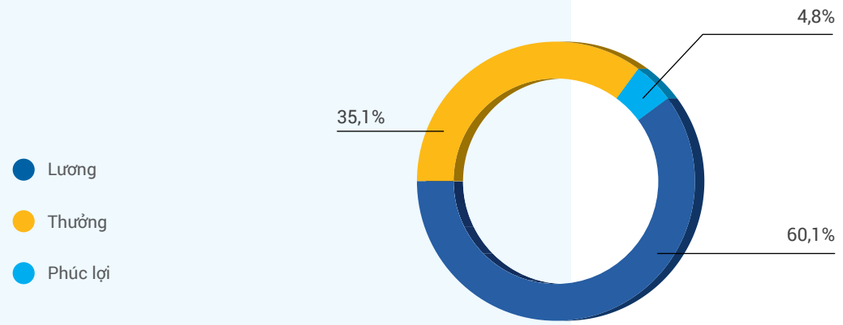

Biểu đồ thu nhập bình quân/tháng của NLĐ 2015 - 2017

Đơn vị tính: Triệu đồng/người/tháng

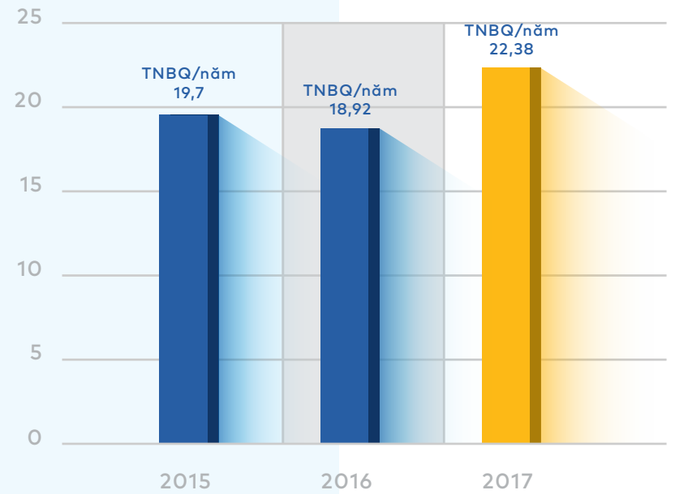

Các vụ việc phân biệt đối xử và các hành động khắc phục đã thực hiện:

Năm 2017, BVSC không có khiếu nại hay vụ việc liên quan đến hành động phân biệt đối xử nào được xác nhận.

Xã hội GRI 400 | Xã hội GRI 401 | Xã hội GRI 403 | Xã hội GRI 404 | Xã hội GRI 405 | Xã hội GRI 407 | Xã hội GRI 413

GRI 407 - QUYỀN THAM GIA CÔNG ĐOÀN VÀ THƯƠNG LƯỢNG TẬP THỂ

Môi trường làm việc chuyên nghiệp, văn hóa doanh nghiệp đề cao sự chia sẻ và gắn kết

BVSC luôn chú trọng tạo ra một môi trường làm việc chuyên nghiệp, hiệu quả, bình đẳng, thân thiện, cởi mở, đề cao các giá trị cá nhân, đề cao sự chia sẻ và gắn kết trong nội bộ. Công đoàn của BVSC trong những năm qua đã thể hiện rõ vai trò đại diện, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của đoàn viên công đoàn, người lao động; ghi nhận và tập hợp ý kiến của người lao động quá trình thương lượng tập thể; là đại diện tập thể lao động trực tiếp thương lượng ký kết thỏa ước lao động tập thể. Việc tham gia công đoàn của người lao động được thực hiện trên cơ sở tự nguyện theo đúng quy định của Luật công đoàn. Người lao động có thể đưa ra những đề xuất, các ý kiến đóng góp vào hoạt động của Công ty cũng như kiến nghị về các giải pháp, cơ chế chính sách với Công ty thông qua các Hội nghị sơ kết kết quả 6 tháng, Hội nghị triển khai kế hoạch kinh doanh, và đặc biệt tại Hội nghị người lao động tổ chức hàng năm và các buổi Đối thoại lao động định kỳ hàng quý.

Tháng 07/2017, Công ty đã tổ chức Hội nghị người lao động kết hợp với chương trình tập huấn Văn hóa doanh nghiệp tại Pattaya - Thái Lan. Hội nghị được triển khai trên tinh thần dân chủ, phát huy quyền của người lao động tại Công ty, tạo cơ hội để người lao động có thể đưa ra các kiến nghị chính đáng nhằm hoàn thiện và thúc đẩy hoạt động kinh doanh chung của Công ty. Trong khuôn khổ Hội nghị người lao động và chương trình tập huấn văn hóa doanh nghiệp, các chương trình thi đua văn nghệ, các chương trình teambuilding đã thể hiện sự đoàn kết, gắn bó giữa các thành viên trong cùng một tập thể, từ đó xây dựng văn hóa doanh nghiệp phù hợp với định hướng phát triển bền vững của Công ty.

Người lao động đồng hành trong các hoạt động của Doanh nghiệp

Đối với hoạt động kinh doanh
Vai trò của người lao động luôn được gắn kết chặt chẽ với hoạt động kinh doanh của Công ty. Mỗi người lao động đều đóng vai trò là cầu nối giữa Công ty với đối tác, khách hàng, với cơ quan quản lý. Vì vậy, mỗi người lao động sẽ là đại diện cho hình ảnh của Công ty khi tiếp xúc với các bên có liên quan. Kết quả kinh doanh đạt được trong năm 2017 phản ánh rõ nét vai trò và những nỗ lực đóng góp của toàn thể CBNV Công ty.

Đối với hoạt động cộng đồng
Hoạt động vì cộng đồng của BVSC nhận được sự ủng hộ rất lớn từ người lao động trong nhiều năm qua. Nhiều chương trình có ý nghĩa lớn được BVSC duy trì hàng năm đã trở thành truyền thống của BVSC như chương trình "Suất cơm từ thiện" và chương trình "Mang hơi ấm tới vùng cao".
Ngoài ra, người lao động tại BVSC còn tích cực tham gia các công tác xã hội do Tập đoàn Bảo Việt phát động như "Bảo Việt với Biển đảo quê hương", tham gia chuyến công tác cứu trợ tại Sơn La hay các chương trình hiến máu tình nguyện hàng năm.
Tại Chi nhánh TP. HCM, năm 2017, đông đảo cán bộ và người nhà cán bộ BVSC đã tham dự chương trình TERRY FOX RUN, một chương trình chạy với mục đích gây quỹ phòng chống ung thư do Tổng lãnh sự quán Canada tổ chức với thông điệp "Đi cùng nhau và Về đích cùng nhau".

Đối với hoạt động bảo vệ môi trường
100% cán bộ công ty hưởng ứng và tham gia tất cả các chương trình về Tiết kiệm năng lượng và Bảo vệ môi trường do BVSC cũng như Tập đoàn Bảo Việt phát động.

Chi tiết vui lòng xem tại chuyên mục GRI 300 từ trang 145 đến trang 147 và chuyên mục GRI - 413 từ trang 160đến trang 161

Mang hơi ấm tới vùng cao

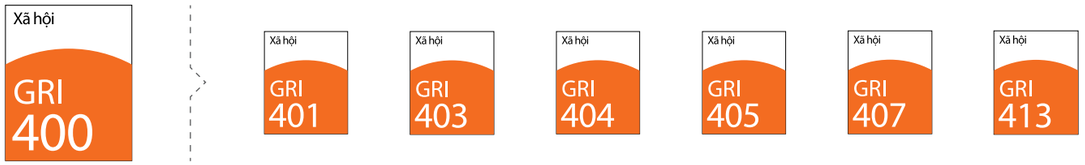

GRI 413 - CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

> "Trong năm vừa qua, chúng tôi không chỉ trao đi gần 1000 suất cơm, hàng trăm khăn áo ấm, và cả những giọt máu... chúng tôi trao đi giá trị của niềm tin và sự gắn kết giữa những con người BVSC và giữa BVSC với cộng đồng".

Đầu tư vào thế hệ tương lai

Trong năm 2017, BVSC đã viết tiếp chặng đường hướng đến cộng đồng của mình bằng việc chung tay xây dựng các hoạt động thiện nguyện, đặc biệt chú trọng tới sự phát triển của thế hệ trẻ tương lai. Ở BVSC, chúng tôi tin tưởng rằng mọi trẻ em trên đất nước Việt Nam đều có quyền được hưởng một nền giáo dục tốt để phát triển. Chương trình "Mang hơi ấm vùng cao" bước sang năm thứ 6 với sự chung tay của Tập đoàn Bảo Việt và các đơn vị thành viên đã đến với làng Mô, huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu. BVSC với vai cho cầu nối, liên kết các đơn vị tham gia đã trao tặng máy tính, máy in và sách vở cho 3 trường mầm non, tiểu học và trung học xã Làng Mô. 15 suất học bổng cũng được trao cho các em học sinh xuất sắc để khuyến khích các em tiếp tục cố gắng. Số máy tính, máy in được trao tặng cho các em học sinh và nhà trường với mong muốn các em sẽ có được cơ hội được tiếp cận sử dung công nghệ thông tin cũng như nâng cao khả năng học tập.

1.000

Suất cơm từ thiện

CBNV Chi nhánh tham gia giải chạy bộ từ thiện Terry Fox

Hoạt động an sinh xã hội, xóa đói giảm nghèo

Bên cạnh hoạt động đầu tư cho thế hệ tương lai, hoạt động thiện nguyện, an sinh xã hội cũng được BVSC chú trọng như một lời hứa cam kết với cộng đồng của doanh nghiệp. Kết hợp với chương trình "Mang hơi ấm đến vùng cao năm 2017", BVSC cùng với Tập đoàn Bảo Việt đã tặng 3 công trình an sinh xã hội, trao tặng áo ấm, chăn bông, lương thực thực phẩm, mũ bảo hiểm cho các em học sinh và người dân với giá trị hơn 350 triệu đồng. Hành trình năm nay cùng với sự giúp sức của Bệnh viện Hữu Nghị, Công ty Bảo Việt và Bảo việt Nhân thọ tỉnh Lai Châu, chương trình khám chữa bệnh và phát thuốc miễn phí đã được triển khai cho 496 người dân xã Làng Mô, huyện Sìn Hồ.

Cùng với đó, chương trình "Suất cơm từ thiện" do BVSC sáng lập và triển khai, đã có chặng đường trải dài trong 5 năm. Trong năm 2017, chúng tôi đã trao tặng 948 suất cơm tại Viện huyết học và truyền máu TW với trị giá hơn 20 triệu VND, với mong muốn mang đến sự quan tâm, sẻ chia với những bệnh nhân Nhi mắc bệnh hiểm nghèo, thắp lên những tia sáng trong cuộc sống cho các em nhỏ.

Tiếp nối các hoạt động ý nghĩa hướng đến cộng đồng, CBNV chi nhánh Hồ Chí Minh đã tham gia giải chạy bộ từ thiện Terry Fox và đóng góp 16,8 triệu đồng vì bệnh nhân ung thư được tổ chức bởi Hiệp hội Doanh nghiệp Canada kết hợp với Lãnh sự quán Canada. Giải chạy Terry Fox hiện được tổ chức thường niên ở hơn 30 quốc gia; trong năm 2017, quy mô tham dự ở TP. Hồ Chí Minh là gần 20 nghìn người tham dự với số tiền quyên góp lên đến 2 tỉ đồng, BVSC tự hào vì đã đóng góp một phần nhỏ trong việc thắp lửa hi vọng cho cộng đồng bệnh nhân đang chữa bệnh ung thư trên đất nước Việt Nam cũng như trên toàn Thế giới.

Trong năm BVSC cũng tích cực tham gia hoạt động thường niên "Ngày hội hiến máu" được tổ chức bởi Tập đoàn Bảo Việt với sự tham gia nhiệt tình của cán bộ nhân viên ở cả 2 đầu Hà Nội và chi nhánh Hồ Chí Minh.

Tri ân gia đình có công với cách mạng và hành trình tiến về biển đảo quê hương

BVSC đã tổ chức kỷ niệm ngày Thương binh Liệt sĩ 27/7 thông qua các hoạt động tri ân đối với các gia đình CBNV có người có công với Cách mạng. Trong năm 2017, BVSC đã gửi quà tặng và thăm hỏi đến 15 đối tượng chính sách là người thân của CBNV hiện đang công tác tại Trụ sở chính, các phòng giao dịch và chi nhánh với tinh thần biết ơn, uống nước nhớ nguồn tới những người đã cống hiến cho thắng lợi vẻ vang của dân tộc.

Bảo vệ chủ quyền biển đảo là nhiệm vụ trọng yếu của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân, để hưởng ứng chương trình hướng về biển đảo quê hương do Tập đoàn phát động, BVSC đã cử Công đoàn viên tham gia chuyến công tác tới Trường Sa nhằm thể hiện tinh thần ủng hộ các chiến sỹ không quản ngại khó khăn, gian khổ ngày đêm bảo vệ chủ quyền biển đảo của Tổ quốc. Trong 10 ngày, đoàn công tác đã đến thăm hỏi và tặng quà cho các chiến sĩ, cán bộ và nhân dân trên 09 điểm đảo và giàn khoan DK1. BVSC đã gửi món quà gồm 200 thẻ điện thoại trị giá 10 triệu đồng, qua đó, đã động viên toàn quân và dân trên đảo yên tâm, vượt qua mọi khó khăn, trụ vững nơi đảo xa, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ bảo vệ vững chắc chủ quyền biển, đảo, thềm lục địa thiêng liêng của Tổ quốc.

MỘT SỐ CHỈ TIÊU CƠ BẢN ĐÁNH GIÁ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG TẠI BVSC (THEO GRI)

CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	SỐ LIỆU 2017
Số lượng chi nhánh, phòng giao dịch	phòng	7
Tổng số CBNV	người	442
Kinh tế		
Tổng doanh thu và thu nhập khác	tỷ đồng	483,8
Lợi nhuận trước thuế	tỷ đồng	152,4
Tổng thuế nộp ngân sách nhà nước	tỷ đồng	27,4
Tổng các khoản chi trả cho người lao động (bao gồm tiền lương và các khoản an sinh khác)	tỷ đồng	115,8
Tổng chi phí điện, nước	**Tỷ đồng**	**1,6**
Tổng chi phí đóng góp cho các Hiệp hội ngành nghề	triệu đồng	167
Xã hội		
Cán bộ nhân viên		
Tỷ lệ cán bộ nữ	%	51
Tỷ lệ cán bộ nữ giữ vai trò quản lý trong tổng số cán bộ nhân viên	%	5.2
Cơ cấu theo độ tuổi lao động		
Dưới 25 tuổi	%	4
25-<30 tuổi	%	17
30-<40 tuổi	%	59
>=40 tuổi	%	20
Quỹ bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, BH Healthcare, BH Nhân thọ	tỷ đồng	9,1
Đầu tư cho hoạt động cộng đồng		
Tổng chi phí thực hiện	triệu đồng	474,1
Xóa đói giảm nghèo	triệu đồng	47,2
Đầu tư cho giáo dục, thế hệ trẻ	triệu đồng	350,4
Tri ân các anh hùng liệt sỹ	triệu đồng	14,5
Hoạt động ASXH khác	triệu đồng	62

PHỤ LỤC

164 Phụ lục I – bảng chỉ tiêu quản trị theo quy chế Camel
166 Phụ lục II - bảng chỉ tiêu tài chính theo quy chế Camel
167 Phụ lục III - bảng tuân thủ báo cáo theo gri

PHỤ LỤC I – BẢNG CHỈ TIÊU QUẢN TRỊ THEO QUY CHẾ CAMEL

STT	TÊN CHỈ TIÊU	GIÁ TRỊ	ĐIỂM SỐ 2016	ĐIỂM SỐ 2017	TRỌNG SỐ
1	Số năm làm lãnh đạo (thuộc Ban Giám đốc/ Tổng Giám đốc) trong lĩnh vực tài chính/ chứng khoán của Chủ tịch HĐQT	Trên 5 năm	100	100	4%
2	Số năm làm lãnh đạo (thuộc Ban Giám đốc/ Tổng Giám đốc) trong lĩnh vực tài chính/ chứng khoán của Giám đốc/ Tổng giám đốc	Trên 5 năm	100	100	6%
3	Số năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính/ chứng khoán của Chủ tịch HĐQT	Trên 7 năm	100	100	4%
4	Số năm kinh nghiệm trong lĩnh vực chứng khoán của Giám đốc/ Tổng giám đốc	Trên 7 năm	100	100	6%
5	Tính ổn định của các vị trí lãnh đạo chủ chốt (Giám đốc (CEO, CFO), Phó giám đốc, Trưởng các bộ phận nghiệp vụ) trong 3 năm gần đây. Tính bằng tổng số thay đổi nhân sự các vị trí này (rời khỏi công ty)/tổng số các vị trí này	Xấp xỉ 6%	30	30	4%
6	Sự đầy đủ các Quy trình nghiệp vụ theo quy định của pháp luật chứng khoán và quy chế của Sở giao dịch, Trung tâm lưu ký chứng khoán	Đã ban hành đầy đủ, đáp ứng tốt nhu cầu thực tế.	100	100	5%
7	Chính sách quản lý rủi ro đối với tất cả các hoạt động	Đã thành lập bộ phận QTRR độc lập, các chính sách được ban hành đầy đủ, đáp ứng tốt yêu cầu thực tế.	100	100	5%
8	Đánh giá năng lực hoạt động của bộ phận kiểm tra, kiểm soát nội bộ	Đã được thiết lập, đáp ứng đầy đủ các yêu cầu để hoạt động hiệu quả.	100	100	5%
9	Đánh giá chất lượng kiểm soát các khoản tiền gửi của nhà đầu tư để giao dịch chứng khoán	Công ty có quy trình quản lý tiền gửi của nhà đầu tư và các khoản tiền gửi của nhà đầu tư được kiểm soát và quản lý chặt chẽ	100	100	5%
10	Mức độ minh bạch của thông tin tài chính	Thông tin tài chính được công bố công khai, đầy đủ và kịp thời trên các phương tiện thông tin đại chúng và không có các sửa chữa trọng yếu sau ngày công bố	100	100	6%
11	Số năm hoạt động	Lớn hơn 7 năm	100	100	6%
12	Tỷ trọng doanh số giao dịch cổ phiếu thực hiện qua công ty (trên hai sở)/ Tổng doanh số giao dịch của thị trường (tổng cộng doanh số giao dịch của hai sở)	4.92%	80	80	8%
13	Tính hiện đại của hệ thống công nghệ thông tin	Có hệ thống giao dịch trực tuyến, có hệ thống thông tin quản lý nội bộ MIS hiệu quả	80	80	5%
14	Quy mô vốn chủ sở hữu của công ty so với mặt bằng chung	(So sánh quy mô VCSH của BVSC theo bảng số 14 - Top 10)	100	100	5%
15	Tính ổn định và khả năng tăng trưởng (hoặc giảm) vốn chủ sở hữu trong 2 năm tới. (Có kế hoạch tăng vốn, có lợi nhuận hoặc có lỗ)	Có kế hoạch và triển vọng tăng vốn rõ ràng, tính khả thi cao	100	100	4%
16	Tính ổn định, bền vững của tăng trưởng, thể hiện qua tỉ lệ tăng trưởng doanh thu trung bình trong 3 kỳ báo cáo (6 tháng) gần nhất	Trên 20%	0	100	6%
17	Sử dụng quỹ hỗ trợ thanh toán của Trung tâm lưu ký chứng khoán do thiếu tiền thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán	Không sử dụng	100	100	5%
18	Tình hình tuân thủ (vi phạm) các quy định pháp luật trong lĩnh vực chứng khoán và TTCK trong 6 tháng gần nhất	Không có vi phạm	100	100	6%
19	Số lượng nghiệp vụ được cấp phép của Công ty	4 nghiệp vụ	100	100	5%
	Tổng điểm số		88.6	94.6	

PHỤ LỤC II - BẢNG CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH THEO QUY CHẾ CAMEL

CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH THEO CAMEL			ÁP ĐIỂM		TRỌNG SỐ
	NĂM 2016	NĂM 2017	NĂM 2016	NĂM 2017	
C1 = VCSH/TTS	83.4%	77.2%	100	100	10%
C2 = VCSH/VPĐ	516.1%	566.0%	100	100	10%
C3= TL vốn khả dụng	608%	702%	100	100	10%
A1 = Tỉ lệ giá trị TTS sau khi điều chỉnh RR/TTS (không bao gồm TSCĐ)	88.8%	89.8%	80	80	5%
A2 = Tỉ lệ dự phòng/(Đầu tư ngắn hạn + đầu tư dài hạn + khoản phải thu)	6.8%	5.6%	50	50	10%
A3= Tỉ lệ các khoản phải thu/TTS	3.4%	1.5%	100	100	10%
E1= LNST/Tổng doanh thu	34.6%	25.3%	100	100	10%
E2= LNST/VCSH bình quân	6.6^	7.5%	70	70	10%
L1= Tỉ lệ TSNH/Nợ NH	437.1%	355.3%	100	100	15%
L2=tỉ lệ tiền và tương đương tiền/Nợ ngắn hạn	38.4%	44.5%	100	100	10%
Điểm cho yếu tố TC			91	91	70%
Điểm cho yếu tố QT			88.6	94.6	30%
Tổng			90.28	92.08	

PHỤ LỤC III - BẢNG TUÂN THỦ BÁO CÁO THEO GRI

Báo cáo này bao gồm các công bố thông tin dựa theo tiêu chuẩn Hướng dẫn lập báo cáo phát triển bền vững của GRI

GRI	THÔNG TIN CÔNG BỐ	NỘI DUNG TRONG BÁO CÁO	TRANG
CÁC NỘI DUNG TỔNG QUAN			
G4-1	Tuyên bố của Lãnh đạo cấp cao của doanh nghiệp	Thông điệp Chủ tịch Hội đồng Quản trị	09
G4-2	Mô tả tác động, rủi ro và cơ hội chính	Quản trị rủi ro	56
G4-3	Tên của doanh nghiệp	Tầm nhìn, Sứ mệnh, Giá trị cốt lõi - Thông tin chung về Công ty	10
G4-4	Sản phẩm, dịch vụ chính	Các lĩnh vực hoạt động – Thông tin chung về Công ty	14
G4-5	Địa chỉ Trụ sở chính	Tầm nhìn, Sứ mệnh, Giá trị cốt lõi - Thông tin chung về Công ty	10
G4-6	Số quốc gia nơi doanh nghiệp hoạt động, tên các quốc gia mà doanh nghiệp có hoạt động chính hoặc các quốc gia liên quan	Tầm nhìn, Sứ mệnh, Giá trị cốt lõi - Thông tin chung về Công ty	10
G4-7	Loại hình sở hữu, mô hình pháp lý	Tầm nhìn, Sứ mệnh, Giá trị cốt lõi - Thông tin chung về Công ty	10
G4-8	Thị trường phục vụ	Mạng lưới hoạt động	16-17
G4-9	Quy mô doanh nghiệp	Tầm nhìn, Sứ mệnh, Giá trị cốt lõi - Thông tin chung về Công ty	10
G4-10	Thống kê về lực lượng lao động	GRI 401	148-151
G4-11	Tỷ lệ phần trăm người lao động được hưởng thỏa ước lao động tập thể	100%, xem thêm tại mục GRI 405	156
G4-12	Mô tả chuỗi cung ứng của doanh nghiệp	Các lĩnh vực hoạt động – Thông tin chung về Công ty	14
G4-13	Thay đổi trong quá trình báo cáo liên quan đến quy mô, cấu trúc, sở hữu và chuỗi cung ứng của doanh nghiệp	BVSC không có những thay đổi liên quan đến các nội dung này	
G4-14	Báo cáo về việc doanh nghiệp có hay không cảnh báo trước về các vấn đề tiềm tang gây ảnh hưởng đến môi trường	Quản trị rủi ro	56
G4-15	Liệt kê các quy định, điều lệ, hoặc các hoạt động liên quan đến vấn đề kinh tế, xã hội, môi trường mà doanh nghiệp đã xây dựng	Mô hình quản trị về Phát triển bền vững tại BVSC	133
G4-16	Hội viên các Hiệp hội	Hiệp hội kinh doanh chứng khoán Việt Nam	
G4-19	Liệt kê các vấn đề trọng yếu trong quá trình xây dựng nội dung báo cáo	Mục lục của báo cáo	
G4-22	Giải thích về ảnh hưởng của việc điều chỉnh thông tin được cung cấp trong các báo cáo trước và lý do điều chỉnh	Báo cáo không có thay đổi gì lớn liên quan đến nội dung yêu cầu	

PHỤ LỤC III - BẢNG TUÂN THỦ BÁO CÁO THEO GRI (TIẾP THEO)

GRI	THÔNG TIN CÔNG BỐ	NỘI DUNG TRONG BÁO CÁO	TRANG
CÁC NỘI DUNG TỔNG QUAN			
G4-23	Thay đổi lớn so với kỳ báo cáo trước (về phạm vi và các vấn đề liên quan)	Báo cáo không có thay đổi gì lớn liên quan đến nội dung yêu cầu	
G4-34	Sơ bộ bộ máy quản trị bao gồm ban lãnh đạo cấp cao nhất. Nêu rõ các bộ phận chịu trách nhiệm về các quyết định đối với các vấn đề kinh tế, môi trường và xã hội	Cơ cấu tổ chức, Nhân sự chủ chốt Mô hình quản trị về PTBV tại BVSC	30-33 133
G4-35	Phân quyền đối với các vấn đề kinh tế, môi trường và xã hội	Mô hình quản trị về PTBV tại BVSC	133
G4-36	Doanh nghiệp có bổ nhiệm vị trí chuyên trách về các vấn đề kinh tế, môi trường và xã hội	Mô hình quản trị về PTBV tại BVSC	133
G4-37	Quá trình tham gia tư vấn, phản hồi của các bên liên quan với cấp cao nhất liên quan đến các vấn đề kinh tế, môi trường và xã hội	Mô hình quản trị về PTBV tại BVSC	133
G4-38	Báo cáo về thành phần lãnh đạo cấp cao nhất và cac ủy ban liên quan	Nhân sự chủ chốt – Quản trị doanh nghiệp	30-33
G4-39	Nêu rõ nếu Chủ tịch HĐQT cũng là Tổng Giám đốc doanh nghiệp	Nhân sự chủ chốt – Quản trị doanh nghiệp	30-33
G4-40	Quá trình bầu chọn Hội đồng quản trị và các ủy ban trực thuộc, tiêu chuẩn áp dụng cho việc đề cử và lựa chọn thành viên HĐQT	Các nội dung quan trọng được ĐHĐCĐ 2017 thông qua ngày 27/06/2017 – Quan hệ cổ đông	37
VAI TRÒ CỦA HĐQT TRONG VIỆC THIẾT LẬP MỤC TIÊU, GIÁ TRỊ VÀ CHIẾN LƯỢC			
G4-44	Quá trình đánh giá hiệu quả hoạt động củ HĐQT. Hành động tiếp theo sau khi đánh giá hiệu quả hoạt động bao gồm thay đổi thành viên hay quá trình thực thi của Doanh nghiệp	Hội đồng Quản trị - Quản trị Công ty	42
G4-45	Vai trò của HĐQT trong việc nhận diện, quản trị các ảnh thưởng, rủi ro và cơ hội liên quan đến KT-MT-XH	Kiểm soát nội bộ	54
THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH			
G4-52	Cơ chế chi trả thù lao cho HĐQT và Ban lãnh đaoh	Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, Ban TGĐ và Ban Kiểm soát – Quản trị doanh nghiệp	62-63
G4-54	Tỷ lệ so sánh giữa cá nhân có mức thù lao cao nhết trong năm với mức thù lao trung bình cho CBNV	Biểu đồ thu nhập bình quân NLĐ - GRI 405	157
G4-55	Tỷ lệ % tăng trưởng giữa cá nhân có mức thù lao cao nhất trong năm với mức thù lao trung bình cho CBNV	GRI 405	157

CÁC NỘI DUNG CỤ THỂ			
Mục tiêu kinh tế - hiệu quả kinh tế			
G4-EC1	Các giá trị kinh tế được tạo ra và phân bổ	Đánh giá tình hình thực hiện 2017 – Báo cáo của Ban TGĐ	80
FS	Chú thích thêm về các giá trị các chương trình đầu tư cộng đồng và phân bổ khoản đầu tư cộng đồng theo từng chủ điểm	GRI 413	160
G4-EC2	Phạm vi trách nhiệm của doanh nghiệp với quỹ hưu trí	GRI 403	152
G4-EC4	Các hỗ trợ tài chính đáng kể của Chính phủ	Không có	
Năng lượng			
G4-EN3	Năng lượng tiêu thụ của doanh nghiệp	GRI 300	145-147
Mục tiêu xã hội			
G4-LA1	Tổng số lực lượng lao động, tỷ lệ tuyển dụng mới, tỷ lệ thôi việc phân loại theo độ tuổi, giới tính và khu vực	GRI 401	150
G4-LA2	Các trợ cấp cho nhân viên làm việc toàn thời gian mà không dành cho người lao động tạm thời hoặc bán thời gian	GRI 401	150
G4-LA8	Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm	GRI 404	154
G4-LA9	Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập	GRI 404	154
G4-LA12	Thành phần của bộ máy quản lý và phân loại nhân viên theo giới tính, nhóm tuổi, thành viên nhóm dân tộc thiểu số và các chỉ số phản ánh mức độ đa dạng khác	GRI 401	148
Trách nhiệm sản phẩm			
FS15	Chính sách về thiết kế và bán các sản phẩm và dịch vụ	Quản lý Giao dịch và phát triển sản phẩm – Báo cáo của Ban TGĐ	94

06

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

172 Thông tin chung
173 Báo cáo của Hội đồng quản trị
174 Báo cáo kiểm toán độc lập
176 Báo cáo tình hình tài chính tổng hợp
182 Báo cáo kết quả hoạt động tổng hợp
184 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp
188 Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu tổng hợp
190 Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp
252 Thông tin chung
253 Báo cáo của ban Tổng giám đốc
254 Báo cáo kiểm toán độc lập
256 Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính
258 Thuyết minh báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt ("Công ty", "BVSC") là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép thành lập số 4640/GP-UB do Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội cấp ngày 01 tháng 10 năm 1999, Giấy phép Hoạt động Kinh doanh số 01/GPHĐKD ngày 26 tháng 11 năm 1999 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp và Quyết định số 36/GPĐC-UBCK của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 02 tháng 8 năm 2017 điều chỉnh Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 01/GPHĐKD.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty có trụ sở chính tại tầng 2 và 3, tòa nhà số 72 Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội và Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh tại Tòa nhà Tập đoàn Bảo Việt – số 233 Đồng Khởi, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Đậu Minh Lâm	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 12 tháng 5 năm 2016
Ông Lê Văn Bình	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 4 năm 2015
Ông Phạm Ngọc Tú	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 27 tháng 6 năm 2017
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 12 tháng 5 năm 2016
Ông Nhữ Đình Hòa	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 4 năm 2015
Ông Nguyễn Hồng Tuấn	Thành viên	Bổ nghiệm ngày 27 tháng 6 năm 2017
Ông Nguyễn Quang Hưng	Thành viên	Bổ nghiệm ngày 27 tháng 6 năm 2017

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Xuân Hòa	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 4 năm 2015
Ông Hoàng Giang Bình	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 4 năm 2015
Bà Nguyễn Thị Thanh Vân	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 4 năm 2015

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nhữ Đình Hòa	Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 05 tháng 5 năm 2017
Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy	Phó Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 14 tháng 7 năm 2016
Ông Võ Hữu Tuấn	Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh	Tái bổ nhiệm ngày 05 tháng 5 năm 2017

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là ông Nhữ Đình Hòa, chức danh Tổng Giám đốc.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty (bao gồm Trụ sở chính Công ty và chi nhánh tại thành phố Hồ Chí Minh) tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính tổng hợp cho từng năm tài chính của Công ty phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tổng hợp, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp và tình hình biến động vốn chủ sở hữu tổng hợp của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính tổng hợp này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính tổng hợp; và
- lập báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính tổng hợp của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ Kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính tổng hợp tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Chúng tôi phê duyệt báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo. Báo cáo tài chính tổng hợp này đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tổng hợp của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp và tình hình biến động vốn chủ sở hữu tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Hội đồng Quản trị:

Ông Đậu Minh Lâm
Chủ tịch

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 26 tháng 03 năm 2018

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

SỐ THAM CHIẾU: 60758149/19544708

Kính gửi: **Các cổ đông**
Công ty cổ phần chứng khoán bảo việt

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt ("Công ty") được lập ngày 26 tháng 03 năm 2018 và được trình bày từ trang 05 đến trang 76, bao gồm báo cáo tình hình tài chính tổng hợp tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, báo cáo kết quả hoạt động tổng hợp, báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp và báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho các công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính tổng hợp do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính tổng hợp.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính tổng hợp của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp và tình hình biến động vốn chủ sở hữu tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho các công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 4.1 – Các thay đổi trong các chính sách kế toán và Thuyết minh số 30.6 – Trình bày lại dữ liệu tương ứng. Ngày 20 tháng 11 năm 2015, Quốc hội đã thông qua Luật Kế toán số 88/2015/QH13 ("Luật Kế toán 2015") với hiệu lực áp dụng từ ngày 01 tháng 01 năm 2017. Luật Kế toán 2015 đưa ra quy định về việc áp dụng nguyên tắc giá trị hợp lý đối với một số loại tài sản và nợ phải trả mà giá trị của chúng biến động thường xuyên theo giá thị trường và có thể xác định một cách đáng tin cậy. Công ty đã áp dụng nguyên tắc giá trị hợp lý trên cơ sở hồi tố và đã trình bày lại dữ liệu tương ứng trong báo cáo tài chính.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam

CHI NHÁNH CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN ERNST & YOUNG TẠI HÀ NỘI

Trịnh Hoàng Anh
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN Kiểm toán: 2071-2018-004-1

Lương Thị Phương Dung
Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN Kiểm toán: 3054-2014-004-1

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 26 tháng 03 năm 2018

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2017
B01-CTCK
Đơn vị tính: VND

MÃ SỐ	CHỈ TIÊU	THUYẾT MINH	NGÀY 31/12 /2017	NGÀY 31/12/ 2016 (Trình bày lại)
100	**A. TÀI SẢN NGẮN HẠN**		**1.740.895.200.763**	**1.363.236.064.741**
110	**I. Tài sản tài chính**	**5**	**1.739.579.063.830**	**1.359.937.686.907**
111	1. Tiền và các khoản tương đương tiền		228.383.433.703	117.958.400.723
111.1	1.1. Tiền		10.261.178.967	7.450.071.427
111.2	1.2. Các khoản tương đương tiền		218.122.254.736	110.508.329.296
112	2. Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	7.1	181.752.087.610	113.823.071.320
113	3. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	7.3	136.889.897.791	270.317.549.562
114	4. Các khoản cho vay	7.4	1.116.594.118.657	735.872.635.238
115	5. Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	7.2	110.657.452.497	119.091.744.477
116	6. Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp	7.6	(67.944.728.883)	(59.712.739.629)
117	7. Các khoản phải thu	8	10.486.522.115	11.910.433.601
117.2	7.1. Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính		10.486.522.115	11.910.433.601
117.4	7.2. Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận		10.486.522.115	11.910.433.601
118	8. Trả trước cho người bán	8	6.821.181.789	43.439.389.731
119	9. Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	8	4.377.685.224	4.647.585.392
122	10. Các khoản phải thu khác	8	27.462.643.026	18.490.846.191
129	11. Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu	8	(15.901.229.699)	(15.901.229.699)
130	**II. Tài sản ngắn hạn khác**		**1.316.136.933**	**3.298.377.834**
131	1. Tạm ứng	9	514.547.275	585.158.321
132	2. Vật tư văn phòng, công cụ, dụng cụ		212.376.870	643.803.564
133	3. Chi phí trả trước ngắn hạn		571.512.788	2.069.415.949
134	4. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn		17.700.000	-

NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2017
B01-CTCK
Đơn vị tính: VND

MÃ SỐ	CHỈ TIÊU	THUYẾT MINH	NGÀY 31/12 /2017	NGÀY 31/12/ 2016 (Trình bày lại)
200	**B. TÀI SẢN DÀI HẠN**		**458.059.245.909**	**516.422.608.674**
210	**I. Tài sản tài chính dài hạn**		374.219.253.495	483.089.981.859
212	1. Các khoản đầu tư		402.029.253.495	513.089.981.859
212.1	1.1. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	7.3	212.817.544.895	328.525.852.859
212.4	1.2. Đầu tư dài hạn khác	7.2	189.211.708.600	184.564.129.000
213	2. Dự phòng suy giảm tài sản tài chính dài hạn	7.6	(27.810.000.000)	(30.000.000.000)
220	**II. Tài sản cố định**		**14.135.215.848**	**5.170.777.810**
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	11.280.768.544	4.744.127.379
222	1.1. Nguyên giá		34.689.380.288	31.215.559.419
223a	1.2. Giá trị hao mòn lũy kế		(23.408.611.744)	(26.471.432.040)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	2.854.447.304	426.650.431
228	2.1. Nguyên giá		13.542.101.090	10.944.836.440
229a	2.2. Giá trị hao mòn lũy kế		(10.687.653.786)	(10.518.186.009)
240	**III. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**		**-**	**299.200.000**
250	**IV. Tài sản dài hạn khác**		**69.704.776.566**	**27.862.649.005**
251	1. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn		1.152.476.115	910.476.115
252	2. Chi phí trả trước dài hạn	12	47.393.820.391	5.804.553.803
254	3. Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	13	21.158.480.060	21.147.619.087
270	**TỔNG CỘNG TÀI SẢN**		2.198.954.446.672	1.879.658.673.415

NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2017
B01-CTCK
Đơn vị tính: VND

MÃ SỐ	CHỈ TIÊU	THUYẾT MINH	NGÀY 31/12 /2017	NGÀY 31/12/ 2016 (Trình bày lại)
300	**C. NỢ PHẢI TRẢ**		**500.850.839.962**	**311.973.787.920**
310	**I. Nợ phải trả ngắn hạn**		490.044.251.418	307.093.147.441
311	1. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn		89.985.675.489	159.677.448.472
312	1.1. Vay ngắn hạn	14	89.985.675.489	159.677.448.472
318	2. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	15	3.786.996.811	2.626.052.705
320	3. Phải trả người bán ngắn hạn	16	10.713.515.474	1.164.460.710
321	4. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		2.961.300.000	2.174.300.000
322	5. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	14.357.264.044	5.975.905.431
323	6. Phải trả người lao động		48.317.200.787	27.576.248.485
324	7. Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên		909.202.166	1.059.403.485
325	8. Chi phí phải trả ngắn hạn	18	3.348.624.774	1.910.464.843
329	9. Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn	19	95.975.685.774	21.186.218.824
331	10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		5.893.515.403	4.616.514.149
332	11. Giao dịch mua bán lại trái phiếu	20	213.795.270.696	79.126.130.337
340	**XII. Nợ phải trả dài hạn**		**10.806.588.544**	**4.880.640.479**
356	1. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	27.2	10.806.588.544	4.880.640.479

NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2017
B01-CTCK
Đơn vị tính: VND

MÃ SỐ	CHỈ TIÊU	THUYẾT MINH	NGÀY 31/12 /2017	NGÀY 31/12/ 2016 (Trình bày lại)
400	**D. VỐN CHỦ SỞ HỮU**		**1.698.103.606.710**	**1.567.684.885.495**
410	**I. Vốn chủ sở hữu**	21	**1.698.103.606.710**	**1.567.684.885.495**
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		1.332.095.854.220	1.332.095.854.220
411.1	1.1. Vốn góp của chủ sở hữu		722.339.370.000	722.339.370.000
411.1a	1.1.1 Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		722.339.370.000	722.339.370.000
411.2	1.2. Thặng dư vốn cổ phần		610.253.166.720	610.253.166.720
411.5	1.3. Cổ phiếu quỹ		(496.682.500)	(496.682.500)
412	2. Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý		25.455.682.334	11.988.698.654
414	3. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ		29.538.463.475	23.894.449.402
415	4. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ		29.538.463.475	23.894.449.402
417	5. Lợi nhuận chưa phân phối		281.475.143.206	175.811.433.817
417.1	5.1. Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện		282.922.223.792	168.277.570.560
417.2	5.2. (Lỗ)/Lợi nhuận chưa thực hiện		(1.447.080.586)	7.533.863.257
440	**TỔNG CỘNG NỢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU**		**2.198.954.446.672**	**1.879.658.673.415**

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

B01-CTCK

Đơn vị tính: VND

MÃ SỐ	CHỈ TIÊU	THUYẾT MINH	NGÀY 31/12 /2017	NGÀY 31/12/ 2016 (Trình bày lại)
	A. TÀI SẢN CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN (CTCK) VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT			
004	1. Nợ khó đòi đã xử lý (VND)		390.400.000	390.400.000
006	2. Cổ phiếu đang lưu hành (cổ phiếu)		72.200.145	72.200.145
007	3. Cổ phiếu quỹ (cổ phiếu)		33.792	33.792
008	4. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán ("VSD") của CTCK (VND)	22.1	140.592.400.000	115.205.940.000
009	5. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của CTCK (VND)	22.2	3.000.000.000	3.000.000.000
010	6. Tài sản tài chính chờ về của CTCK (VND)	22.3	3.291.200.000	1.577.100.000
012	7. Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của CTCK (VND)	22.4	184.357.310.000	356.553.980.000
	B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG			
021	1. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của Nhà đầu tư (VND)	22.5	30.439.112.740.000	29.375.393.580.000
021.1	a. Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng (VND)		29.358.257.520.000	28.622.801.930.000
021.2	b. Tài sản tài chính hạn chế chuyển nhượng (VND)		285.180.700.000	206.691.910.000
021.3	c. Tài sản tài chính giao dịch cầm cố (VND)		614.951.120.000	470.168.980.000
021.5	d. Tài sản tài chính chờ thanh toán (VND)		180.723.400.000	75.730.760.000
022	2. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của Nhà đầu tư (VND)	22.6	38.277.500.000	15.151.330.000
022.1	a. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng (VND)		14.209.440.000	13.742.840.000
022.2	b. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng (VND)		24.068.060.000	1.408.490.000

B01-CTCK

Đơn vị tính: vVND

MÃ SỐ	CHỈ TIÊU	THUYẾT MINH	NGÀY 31/12 /2017	NGÀY 31/12/ 2016 (Trình bày lại)
023	3. Tài sản tài chính chờ về của Nhà đầu tư (VND)		266.557.800.000	124.511.530.000
024b	4. Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của Nhà đầu tư (VND)		2.149.322.700.000	1.989.322.700.000
026	5. Tiền gửi của khách hàng (VND)		737.314.588.699	482.807.490.320
027	5.1. Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý (VND)	22.7	415.638.533.838	160.686.058.057
028	5.2. Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng (VND)	22.7	318.869.139.597	308.360.826.219
030	5.3. Tiền gửi của Tổ chức phát hành chứng khoán (VND)		2.806.915.264	13.760.606.044
031	6. Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý (VND)	22.8	725.721.558.367	468.093.752.442
031.1	a. Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý (VND)		724.601.017.157	466.819.169.926
031.2	b. Phải trả Nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý (VND)		1.120.541.210	1.274.582.516
021.2	7. Phải trả Tổ chức phát hành chứng khoán (VND)		3.158.667.760	6.277.306.478
021.3	8. Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu (VND)		8.434.362.572	8.436.431.400

Bà Vũ Thị Thùy Linh
Người lập
Phó phòng Tài chính Kế toán

Bà Nguyễn Hồng Thủy
Người phê duyệt
Trưởng phòng Tài chính Kế toán

Ông Nhữ Đình Hòa
Người phê duyệt
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 26 tháng 03 năm 2018

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG TỔNG HỢP

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2017
B02-CTCK

Đơn vị tính: VND

MÃ SỐ	CHỈ TIÊU	THUYẾT MINH	CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2017	CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2016 (Trình bày lại)
	I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG			
01	1. Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)		81.779.493.880	51.711.177.581
01.1	1.1. Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL	23.1	25.057.335.332	15.193.937.255
01.2	1.2. Chênh lệch tăng đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL	23.2	50.713.577.870	33.157.240.357
01.3	1.3. Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL	23.3	6.008.580.678	3.359.999.969
02	2. Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	23.3	29.880.397.299	31.170.368.395
03	3. Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	23.3	122.540.135.817	98.486.397.721
04	4. Lãi từ tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)	23.3	3.697.793.500	7.805.501.100
06	5. Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	23.4	207.668.059.443	99.886.761.357
07	6. Doanh thu nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	23.4	925.710.277	272.264.577
09	7. Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	23.4	5.986.672.222	4.377.884.402
10	8. Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	23.4	8.401.798.160	9.547.556.363
11	9. Thu nhập hoạt động khác	23.4	1.164.102.440	5.638.608.312
20	**Cộng doanh thu hoạt động**	**22.6**	**462.044.163.038**	**308.896.519.808**
	II. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG			
21	1. Lỗ từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)		(44.082.827.092)	(31.737.188.331)
21.1	1.1. Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL	23.1	(5.492.786.321)	(13.631.600.256)
21.2	1.2. Chênh lệch giảm đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL	23.2	(38.590.040.771)	(18.105.588.075)
24	2. Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay	24	(6.041.989.254)	9.843.641.898
26	3. Chi phí hoạt động tự doanh		(2.295.554.458)	(1.643.725.612)
27	4. Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán		(160.302.053.435)	(84.798.521.554)
28	5. Chi phí nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán		-	(19.502.727)
30	6. Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán		(12.631.941.177)	(10.569.303.357)
31	7. Chi phí hoạt động tư vấn tài chính		(7.279.724.951)	(6.999.594.128)
32	8. Chi phí các dịch vụ khác		(7.848.857.899)	(7.618.224.162)
40	**Cộng chi phí hoạt động**		(240.482.948.266)	(133.542.417.973)

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2017
B02-CTCK

Đơn vị tính: VND

MÃ SỐ	CHỈ TIÊU	THUYẾT MINH	CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2017	CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2016 (Trình bày lại)
	III. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
42	1. Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi không cố định		21.636.398.678	18.416.392.178
50	**Cộng doanh thu hoạt động tài chính**		**21.636.398.678**	**18.416.392.178**
	IV. CHI PHÍ TÀI CHÍNH			
51	1. Chênh lệch lỗ tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện		(2.886.781)	(538.982)
52	2. Chi phí lãi vay		(8.407.790.912)	(6.678.986.795)
60	**Cộng chi phí tài chính**		**(8.410.677.693)**	**(6.679.525.777)**
62	**V. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN**	25	**(81.579.373.558)**	**(64.843.820.398)**
70	**VI. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG**		**153.207.562.199**	**122.247.147.838**
	VII. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC			
71	1. Thu nhập khác	**26**	111.862.727	9.563.637
72	2. Chi phí khác	26	(895.933.297)	(769.772.345)
80	**Cộng kết quả hoạt động khác**		**(784.070.570)**	**(760.208.708)**
90	**VIII. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ**		**152.423.491.629**	**121.486.939.130**
91	1. Lợi nhuận đã thực hiện		140.299.954.530	106.435.286.848
92	2. Lợi nhuận chưa thực hiện		12.123.537.099	15.051.652.282
100	**IX. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (TNDN)**	**27**	**(29.978.875.208)**	**(19.313.004.422)**
100.1	1. Chi phí thuế TNDN hiện hành		(27.419.673.063)	(17.591.785.884)
100.2	2. Chi phí thuế TNDN hoãn lại		(2.559.202.145)	(1.721.218.538)
200	**X. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN**		**122.444.616.421**	**102.173.934.708**
300	**XI. THU NHẬP TOÀN DIỆN KHÁC SAU THUẾ TNDN**	**29**	**13.466.983.680**	**6.254.270.695**
301	Lãi từ đánh giá lại các tài sản tài chính sẵn sàng để bán		13.466.983.680	6.254.270.695
400	**Tổng thu nhập toàn diện**		**13.466.983.680**	**6.254.270.695**
500	**XII. THU NHẬP THUẦN TRÊN CỔ PHIẾU PHỔ THÔNG**			
501	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	30.2	1.626	1.339

Bà Vũ Thị Thùy Linh
Người lập
Phó phòng Tài chính Kế toán

Bà Nguyễn Hồng Thủy
Người phê duyệt
Trưởng phòng Tài chính Kế toán

Ông Nhữ Đình Hòa
Người phê duyệt
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 26 tháng 03 năm 2018

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2017
B03a-CTCK

Đơn vị tính: VND

MÃ SỐ	CHỈ TIÊU	THUYẾT MINH	CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2017	CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2016
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Tiền đã chi mua các tài sản tài chính		(11.042.281.906.400)	(9.514.256.067.435)
02	2. Tiền đã thu từ bán các tài sản tài chính		10.914.742.257.082	9.194.636.435.641
04	3. Cổ tức đã nhận		13.402.684.888	3.061.482.000
05	4. Tiền lãi đã thu		154.239.650.373	124.270.331.381
06	5. Tiền chi trả lãi vay cho hoạt động của CTCK		(1.276.683.886)	(750.419.430)
07	6. Tiền chi trả Tổ chức cung cấp dịch vụ cho CTCK		(47.030.695.911)	(24.360.327.157)
08	7. Tiền chi trả cho người lao động		(106.283.397.041)	(81.860.970.601)
09	8. Tiền chi nộp thuế liên quan đến hoạt động CTCK		(97.061.294.276)	(53.780.395.649)
11	9. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		11.166.217.014.082	8.495.232.760.192
12	10. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(10.909.230.957.718)	(8.600.492.415.467)
20	**Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng vào) hoạt động kinh doanh**		**45.436.671.193**	**(458.299.586.525)**
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ, BĐSĐT và các tài sản khác		(2.479.974.321)	(3.025.718.310)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ, BĐSĐT và các tài sản khác		32.909.091	-
30	**Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng vào) hoạt động đầu tư**		**(2.447.065.230)**	**(3.025.718.310)**

Đơn vị tính: VND

MÃ SỐ	CHỈ TIÊU	THUYẾT MINH	CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2017	CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2016
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	1. Tiền vay gốc		3.993.961.173.141	3.264.046.926.787
33.2	1.1. Tiền vay khác		3.993.961.173.141	3.264.046.926.787
34	2. Tiền chi trả nợ gốc vay		(3.926.525.746.124)	(3.133.520.318.232)
34.3	2.1. Tiền chi trả gốc vay khác		(3.926.525.746.124)	(3.133.520.318.232)
40	**Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính**		**67.435.427.017**	**130.526.608.555**
50	**IV. TĂNG/(GIẢM) TIỀN THUẦN TRONG NĂM**		**110.425.032.980**	**(330.798.696.280)**
60	**V. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU NĂM**		**117.958.400.723**	**448.757.097.003**
61	Tiền		7.450.071.427	7.429.510.896
62	Các khoản tương đương tiền		110.508.329.296	441.327.586.107
70	**III. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU NĂM**		**228.383.433.703**	**117.958.400.723**
71	Tiền		10.261.178.967	7.450.071.427
72	Các khoản tương đương tiền		218.122.254.736	110.508.329.296

PHẦN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2017
B03a-CTCK

Đơn vị tính: VND

MÃ SỐ	CHỈ TIÊU	THUYẾT MINH	CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2017	CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2016
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng		90.926.025.235.726	54.306.797.912.705
02	2. Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng		(87.383.343.088.287)	(49.912.516.856.704)
07	3. Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng		39.642.796.695.878	26.761.480.031.473
09	4. Chi trả phí lưu ký chứng khoán của khách hàng		(5.315.848.846)	(3.265.972.882)
12	5. Tiền thu của Tổ chức phát hành chứng khoán		3.932.486.212.957	3.682.685.837.137
13	6. Tiền chi trả Tổ chức phát hành chứng khoán		(3.929.650.140.015)	(3.686.580.690.412)
	7. Thu khác từ hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng		85.619.788.341.071	40.807.752.116.930
09	8. Chi khác từ hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng		(128.548.280.310.105)	(71.914.009.121.763)
20	**Tăng tiền thuần trong năm**		**254.507.098.379**	**42.343.256.484**
30	**II. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU NĂM CỦA KHÁCH HÀNG**			
31	Tiền gửi ngân hàng đầu năm:		482.807.490.320	440.464.233.836
32	▸ Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	22.7	160.686.058.057	415.569.063.793
33	▸ Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	22.7	-	24.771.814.200
34	▸ Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng		308.360.826.219	-
35	▸ Tiền gửi của Tổ chức phát hành		13.760.606.044	123.355.843

Đơn vị tính: VND

MÃ SỐ	CHỈ TIÊU	THUYẾT MINH	CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2017	CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2016
	III. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM CỦA KHÁCH HÀNG			
40	Tiền gửi ngân hàng cuối năm:		737.314.588.699	482.807.490.320
41	▸ Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	22.7	415.638.533.838	160.686.058.057
42	▸ Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	22.7	318.869.139.597	308.360.826.219
43	▸ Tiền gửi của Tổ chức phát hành		2.806.915.264	13.760.606.044

Bà Vũ Thị Thùy Linh
Người lập
Phó phòng Tài chính Kế toán

Bà Nguyễn Hồng Thủy
Người phê duyệt
Trưởng phòng Tài chính Kế toán

Ông Nhữ Đình Hòa
Người phê duyệt
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 26 tháng 03 năm 2018

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU TỔNG HỢP

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2017
B04-CTCK

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	THUYẾT MINH	SỐ ĐẦU NĂM		SỐ TĂNG/ (GIẢM)				SỐ CUỐI NĂM	
		NGÀY 31/12 /2016	NGÀY 31/12/ 2017 (Trình bày lại)	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016		Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017		Ngày 31/12/2016	Ngày 31/12/2017
				Tăng	Giảm	Tăng	Giảm		
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8
I. BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU									
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	21	1.332.364.536.720	1.332.095.854.220	-	(268.682.500)	-	-	1.332.095.854.220	1.332.095.854.220
1.1. Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		722.339.370.000	722.339.370.000	-	-	-	-	722.339.370.000	722.339.370.000
1.2. Thặng dư vốn cổ phần		610.253.166.720	610.253.166.720	-	-	-	-	610.253.166.720	610.253.166.720
1.3. Cổ phiếu quỹ		496.682.500	(496.682.500)	-	(268.682.500)	-	-	(496.682.500)	(496.682.500)
2. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ		18.808.728.387	23.894.449.402	5.085.721.015	-	5.644.014.073	-	23.894.449.402	29.538.463.475
3. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ		18.808.728.387	23.894.449.402	5.085.721.015	-	5.644.014.073	-	23.894.449.402	29.538.463.475
4. Chênh lệch đánh giá lại tài sản theo giá trị hợp lý	29	5.734.427.959	11.988.698.654	13.507.605.949	(7.253.335.254)	21.815.503.680	(8.348.520.000)	11.988.698.654	25.455.682.334
5. Lợi nhuận chưa phân phối		87.832.236.055	175.811.433.817	115.059.453.494	(27.080.255.732)	140.989.895.218	(35.326.185.829)	175.811.433.817	281.475.143.206
5.1. Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện		80.757.887.200	168.277.570.560	101.729.019.750	(14.209.336.390)	131.425.560.264	(16.780.907.032)	168.277.570.560	282.922.223.792
5.2. Lợi nhuận sau thuế chưa thực hiện		7.074.348.855	7.533.863.257	13.330.433.744	(12.870.919.342)	9.564.334.954	(18.545.278.797)	7.533.863.257	(1.447.080.586)
TỔNG CỘNG		**1.463.548.657.508**	**1.567.684.885.495**	**138.738.501.473**	**(34.602.273.486)**	**174.093.427.044**	**(43.674.705.829)**	**1.567.684.885.495**	**1.698.103.606.710**
II. THU NHẬP TOÀN DIỆN KHÁC									
Lãi từ đánh giá lại các TSTC sẵn sàng để bán	29	5.734.427.959	11.988.698.654	13.507.605.949	(7.253.335.254)	21.815.503.680	(8.348.520.000)	11.988.698.654	25.455.682.334
TỔNG CỘNG		**5.734.427.959**	**11.988.698.654**	**13.507.605.949**	**(7.253.335.254)**	**21.815.503.680**	**(8.348.520.000)**	**11.988.698.654**	**25.455.682.334**

Bà Vũ Thị Thùy Linh
Người lập
Phó phòng Tài chính Kế toán

Bà Nguyễn Hồng Thủy
Người phê duyệt
Trưởng phòng Tài chính Kế toán

Ông Nhữ Đình Hòa
Người phê duyệt
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 26 tháng 03 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2017
B09-CTCK

THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt ("Công ty", "BVSC") là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép thành lập số 4640/GP-UB do Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội cấp ngày 01 tháng 10 năm 1999, Giấy phép Hoạt động Kinh doanh số 01/GPHĐKD ngày 26 tháng 11 năm 1999 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp và Quyết định số 36/GPĐC-UBCK của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 02 tháng 8 năm 2017 điều chỉnh Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 01/GPHĐKD.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty bao gồm cung cấp các dịch vụ môi giới chứng khoán, lưu ký chứng khoán, tự doanh và bảo lãnh phát hành chứng khoán, tư vấn tài chính, đầu tư chứng khoán và giao dịch ký quỹ chứng khoán.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty có trụ sở chính tại tầng 2 và 3, tòa nhà số 72 Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội và Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh tại Tòa nhà Tập đoàn Bảo Việt – số 233 Đồng Khởi, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

TÊN GIAO DỊCH	ĐỊA CHỈ
Phòng giao dịch Trụ sở chính (Hà Nội)	Từ 01/01/2017 – 01/8/2017: 8 Lê Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội Từ 02/8/2017 – nay: 72 Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
Phòng giao dịch số 1 (Hà Nội)	94 Bà Triệu, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
Phòng giao dịch Kim Mã (Hà Nội)	Tầng 2, tòa nhà VIT, 519 Kim Mã, Ba Đình, Hà Nội
Phòng giao dịch Láng Hạ (Hà Nội)	Tầng 12, tòa nhà 14 Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội
Phòng giao dịch Cao Thắng (TP Hồ Chí Minh)	90 Cao Thắng, Quận 3, TP Hồ Chí Minh
Phòng giao dịch 11 Nguyễn Công Trứ (TP Hồ Chí Minh)	11 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, TP Hồ Chí Minh
Phòng giao dịch 233 Đồng Khởi (TP Hồ Chí Minh)	33 Đồng Khởi, Quận 1, TP Hồ Chí Minh
Phòng giao dịch Lê Hồng Phong (TP Hồ Chí Minh)	Tầng 1 & 2 số 174 Lê Hồng Phong, Phường 3, Quận 5, TP Hồ Chí Minh

Những đặc điểm chính về hoạt động của Công ty

Quy mô vốn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Tổng vốn điều lệ của Công ty
722.339.370.000 VND

Vốn chủ sở hữu là
1.698.103.606.710 VND

Tổng tài sản
2.198.954.446.672 VND

Mục tiêu đầu tư

Là công ty chứng khoán niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam với hoạt động chính bao gồm môi giới chứng khoán; tự doanh chứng khoán; bảo lãnh phát hành chứng khoán; tư vấn tài chính; đầu tư chứng khoán và giao dịch ký quỹ chứng khoán. Công ty hoạt động với mục tiêu là đóng góp cho sự phát triển của thị trường chứng khoán, đem lại lợi ích cho khách hàng, các nhà đầu tư và cổ đông của Công ty.

Hạn chế đầu tư

Công ty tuân thủ quy định tại Điều 44, Thông tư số 210/2012/TT-BTC ngày 30 tháng 11 năm 2012 hướng dẫn về thành lập và hoạt động công ty chứng khoán và Thông tư số 07/2016/TT-BTC ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Bộ Tài Chính sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 210/2012/TT-BTC và các quy định hiện hành về hạn chế đầu tư. Một số quy định hiện hành về hạn chế đầu tư như sau:

- Công ty chứng khoán không được mua, góp vốn mua bất động sản trừ trường hợp để sử dụng làm trụ sở chính, chi nhánh, phòng giao dịch phục vụ trực tiếp cho các hoạt động nghiệp vụ của công ty chứng khoán.
- Công ty chứng khoán mua, đầu tư vào bất động sản và tài sản cố định theo nguyên tắc giá trị còn lại của tài sản cố định và bất động sản không được vượt quá năm mươi phần trăm (50%) giá trị tổng tài sản của công ty chứng khoán.
- Tổng giá trị đầu tư vào các trái phiếu doanh nghiệp của công ty chứng khoán không được vượt quá 70% vốn chủ sở hữu. Công ty chứng khoán được cấp phép thực hiện nghiệp vụ tự doanh chứng khoán được phép mua bán lại trái phiếu niêm yết theo quy định có liên quan về mua bán lại trái phiếu chính phủ.
- Công ty chứng khoán không được trực tiếp hoặc ủy thác thực hiện các nghiệp vụ sau: Đầu tư vào cổ phiếu hoặc phần vốn góp của công ty có sở hữu trên năm mươi phần trăm (50%) vốn điều lệ của công ty chứng khoán, trừ trường hợp mua cổ phiếu lô lẻ theo yêu cầu của khách hàng; Cùng với người có liên quan đầu tư từ năm phần trăm (5%) trở lên vốn điều lệ của công ty chứng khoán khác; Đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức niêm yết; Đầu tư quá 15% tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức chưa niêm yết, quy định này không áp dụng đối với chứng chỉ quỹ thành viên, quỹ hoán đổi danh mục và quỹ mở; Đầu tư hoặc góp vốn quá 15% vốn chủ sở hữu tổng số vốn góp của một công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc dự án kinh doanh; Đầu tư hoặc góp vốn quá 15% vốn chủ sở hữu vào một tổ chức hoặc dự án kinh doanh; Đầu tư quá 70% vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu, phần vốn góp và dự án kinh doanh, trong đó không được đầu tư quá 20% vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu chưa niêm yết, phần vốn góp và dự án kinh doanh.

CƠ SỞ TRÌNH BÀY

Chuẩn mực kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("đồng" hoặc "VND") phù hợp với Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, các quy định và hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán được quy định tại Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và 04 của Thông tư số 210/2014/TT-BTC, Thông tư số 146/2014/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2014 hướng dẫn chế độ tài chính đối với công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 02 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là Nhật ký chung. Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là Nhật ký chung.

Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.
Công ty cũng lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 hàng năm và báo cáo tài chính tổng hợp quý cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc lần lượt tại ngày 31 tháng 3, 30 tháng 6, 30 tháng 9 và 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính tổng hợp

Công ty thực hiện lập báo cáo tài chính tổng hợp của Trụ sở chính Công ty và chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 để nộp cho các cơ quan chức năng theo yêu cầu của Thông tư số 155/2015/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 10 năm 2015. Công ty cũng lập báo cáo tài chính của riêng Trụ sở chính Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính tổng hợp được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VND.

TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN VIỆT NAM

Ban Tổng giám đốc Công ty cam kết đã lập báo cáo tài chính tổng hợp tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam.

Theo đó, báo cáo tài chính tổng hợp được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính tổng hợp, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, lưu chuyển tiền tệ tổng hợp và biến động vốn chủ sở hữu tổng hợp theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Các thay đổi trong các chính sách kế toán

Ngày 20 tháng 11 năm 2015, Quốc hội đã thông qua Luật Kế toán số 88/2015/QH13 ("Luật Kế toán 2015"). Luật Kế toán mới đưa ra quy định về việc áp dụng nguyên tắc giá trị hợp lý đối với một số loại tài sản và nợ phải trả mà giá trị của chúng biến động thường xuyên theo giá thị trường và có thể xác định một cách đáng tin cậy. Luật Kế toán mới có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017.

Theo đó, một số tài sản tài chính được ghi nhận như sau:

- Tài sản tài chính thông qua lãi/lỗ (FVTPL): được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận theo giá trị hợp lý. Mọi khoản (lãi hoặc lỗ) phát sinh từ việc thay đổi giá trị do đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động tổng hợp.
- Các tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS): được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính AFS được ghi nhận theo giá trị hợp lý. Chênh lệch phát sinh từ thay đổi giá trị do đánh giá lại các tài sản tài chính AFS (thu nhập toàn diện khác) được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu – chỉ tiêu "Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý" của báo cáo tình hình tài chính tổng hợp và báo cáo tình biến động vốn chủ sở hữu tổng hợp, ngoại trừ các khoản lỗ do suy giảm giá trị tài sản tài chính AFS được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động tổng hợp.

Công ty áp dụng nguyên tắc giá trị hợp lý theo Luật Kế toán 2015 trên cơ sở hồi tố và đã trình bày lại dữ liệu tương ứng đối với một số chỉ tiêu như tại Thuyết minh số 30.6.

Các thay đổi trong các chính sách kế toán

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng của công ty chứng khoán, các khoản đầu tư ngắn hạn, các khoản cho vay ứng trước tiền bán chứng khoán có thời hạn thu hồi không quá ba tháng kể từ ngày mua, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán và tiền gửi của tổ chức phát hành được phản ánh tại các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính tổng hợp.

TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)

Các tài sản tài chính FVTPL là tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

a) Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại/mua lại trong thời gian ngắn;
- Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

b) Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính xác định sẽ được trình bày hợp lý hơn nếu phân loại vào tài sản tài chính FVTPL vì một trong các lý do sau đây:

- Việc phân loại vào tài sản tài chính FVTPL loại trừ hoặc làm giảm đáng kể sự không thống nhất trong ghi nhận hoặc xác định giá trị tài sản tài chính theo các cơ sở khác nhau.
- Tài sản tài chính thuộc một nhóm các tài sản tài chính được quản lý và kết quả quản lý được đánh giá dựa trên cơ sở giá trị đồng thời phù hợp với chính sách quản lý rủi ro hoặc chiến lược đầu tư của Công ty chứng khoán.

Các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận ban đầu theo giá gốc (giá mua của tài sản không bao gồm chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này) và được tiếp tục ghi nhận sau ghi nhận ban đầu theo giá trị hợp lý.

Khoản chênh lệch tăng do đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL theo giá trị hợp lý so với kỳ trước được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động tổng hợp trên khoản mục "Chênh lệch tăng về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL". Khoản chênh lệch giảm do đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL theo giá trị hợp lý so với kỳ trước được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động tổng hợp trên khoản mục "Chênh lệch giảm về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL".

Chi phí mua các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận vào chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính của báo cáo kết quả hoạt động tổng hợp ngay khi phát sinh.

Tài sản tài chính giữ đến ngày đáo hạn (HTM)

Các tài sản tài chính HTM là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- Các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/lỗ;
- Các tài sản tài chính đã được xếp vào nhóm sẵn sàng để bán;
- Các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các tài sản tài chính HTM được ghi nhận ban đầu theo giá gốc (giá mua của tài sản cộng (+) các chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này như phí môi giới, phí giao dịch, phí đại lý phát hành và phí ngân hàng). Sau ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính HTM được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.

Giá trị phân bổ của tài sản tài chính HTM được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của tài sản tài chính trừ đi (-) các khoản hoàn trả gốc cộng (+) hoặc trừ (-) các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ dự phòng do suy giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi (nếu có).

Phương pháp lãi suất thực là một phương pháp tính toán chi phí phân bổ về thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong năm liên quan của một tài sản tài chính hoặc một nhóm các tài sản tài chính HTM.

Lãi suất thực là lãi suất chiết khấu chính xác các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc trong kỳ hạn ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại ròng của tài sản hoặc nợ tài chính.

Các khoản đầu tư được xem xét khả năng suy giảm giá trị tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính tổng hợp. Dự phòng được trích lập cho các khoản đầu tư HTM khi có bằng chứng khách quan cho thấy có khả năng không thu hồi được hoặc không chắc chắn thu hồi được của khoản đầu tư xuất phát từ một hoặc nhiều sự kiện tổn thất xảy ra ảnh hưởng xấu lên luồng tiền tương lai dự kiến của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn. Bằng chứng khách quan của việc suy giảm giá trị có thể bao gồm giá trị thị trường/giá trị hợp lý (nếu có) của khoản nợ bị suy giảm, các dấu hiệu về bên nợ hoặc nhóm các bên nợ đang gặp khó khăn về tài chính đáng kể, vỡ nợ hoặc trả nợ không đúng kỳ hạn các khoản lãi hoặc gốc, khả năng bên nợ bị phá sản hoặc có sự tái cơ cấu tài chính và các dữ liệu có thể quan sát cho thấy rằng có sự suy giảm có thể lượng hóa được các luồng tiền dự kiến trong tương lai, chẳng hạn như sự thay đổi về điều kiện trả nợ, tình hình tài chính gắn liền với khả năng vỡ nợ. Khi có bằng chứng về việc giảm giá trị hoặc số dư dự phòng được trích lập được xác định trên sự khác biệt giữa giá trị phân bổ và giá trị hợp lý tại thời điểm đánh giá. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động tổng hợp trên khoản mục "Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay".

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay là các tài sản tài chính phi phái sinh có các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường hoàn hảo, ngoại trừ:

- Các khoản mà Công ty có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và cũng như các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Công ty xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/lỗ;
- Các khoản được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- Các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Các khoản cho vay được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản cho vay được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.

Giá trị phân bổ của các khoản cho vay được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của tài sản tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ dự phòng do suy giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi (nếu có).

Cho vay margin

Cho vay margin là việc nhà đầu tư mua cổ phiếu có sử dụng hạn mức tín dụng do Công ty cấp. Nó được đảm bảo bằng khoản ứng trước bằng tiền hoặc thế chấp bằng chính cổ phiếu được mua. Cho vay margin được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản cho vay margin tiếp tục được ghi nhận theo giá gốc và định kỳ được đánh giá suy giảm giá trị (nếu có).

Các khoản cho vay được xem xét khả năng suy giảm giá trị tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính tổng hợp. Dự phòng cho các khoản cho vay được trích lập dựa trên mức tổn thất ước tính, được tính bằng phần chênh lệch giữa giá trị thị trường của chứng khoán được dùng làm tài sản đảm bảo cho khoản cho vay và số dư của khoản cho vay đó. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động tổng hợp trên khoản mục "Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay".

TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

a) Các khoản cho vay và phải thu;
b) Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn;
c) Các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/lỗ.

Các tài sản tài chính AFS được ghi nhận ban đầu theo giá gốc (giá mua cộng các chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này). Sau ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính AFS được ghi nhận theo giá trị hợp lý.

Chênh lệch do đánh giá lại tài sản tài chính AFS theo giá trị hợp lý so với kỳ trước được thể hiện trên khoản mục "Lãi/(lỗ) từ đánh giá lại các tài sản tài chính AFS" thuộc phần Thu nhập toàn diện khác trên báo cáo kết quả hoạt động tổng hợp.

Tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính tổng hợp, Công ty cũng đánh giá liệu có hay không bằng chứng khách quan rằng tài sản tài chính AFS bị suy giảm giá trị. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động tổng hợp trên khoản mục "Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay".

- Trong trường hợp các công cụ vốn được phân loại là sẵn sàng để bán, bằng chứng khách quan bao gồm sự giảm giá trị hợp lý đáng kể hoặc kéo dài của khoản đầu tư dưới giá trị ghi sổ. "Đáng kể" dùng để đánh giá so với giá gốc của khoản đầu tư và "kéo dài" được dùng để chỉ giai đoạn mà giá trị hợp lý thấp hơn giá gốc. Khi có bằng chứng về việc giảm giá trị, số dư dự phòng được trích lập được xác định trên sự khác biệt giữa giá gốc và giá trị hợp lý tại thời điểm đánh giá.
- Trong trường hợp các công cụ nợ được phân loại sẵn sàng để bán, việc đánh giá suy giảm giá trị được thực hiện dựa trên các tiêu chí giống với các tiêu chí đánh giá các khoản đầu tư HTM. Khi có bằng chứng về việc giảm giá trị, số dư dự phòng được trích lập được xác định trên sự khác biệt giữa giá trị phân bổ và giá trị hợp lý tại thời điểm đánh giá.

Xác định giá trị hợp lý

Giá trị thị trường/hợp lý của chứng khoán được xác định theo các cơ sở sau:

- Giá trị thị trường của chứng khoán niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá giá trị chứng khoán.
- Đối với các chứng khoán của các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá trị thị trường được xác định là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá giá trị chứng khoán.
- Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy hoặc bị đình chỉ giao dịch hoặc bị ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi, giá chứng khoán thực tế là giá trị sổ sách tại ngày lập Báo cáo tình hình tài chính tổng hợp gần nhất.
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá chứng khoán thực tế trên thị trường là giá trung bình của các mức giá giao dịch thực tế theo báo giá của ba (03) công ty chứng khoán có giao dịch tại thời điểm gần nhất nhưng không quá một tháng tính đến thời điểm đánh giá giá trị chứng khoán.

Cho mục đích lập dự phòng giảm giá chứng khoán, giá thị trường của chứng khoán được xác định theo quy định của Thông tư số 146/2014/TT-BTC.

Các chứng khoán không có giá tham khảo từ các nguồn trên sẽ được đánh giá giá trị hợp lý dựa trên việc xem xét tình hình tài chính và giá trị sổ sách của tổ chức phát hành tại ngày đánh giá giá trị chứng khoán.

Ngừng ghi nhận tài sản tài chính

Tài sản tài chính (hoặc một phần của một nhóm tài sản tài chính tương tự) được ngừng ghi nhận khi:

- Công ty không còn quyền thu tiền phát sinh từ các tài sản tài chính; hoặc
- Công ty chuyển giao quyền thu tiền phát sinh từ tài sản tài chính hoặc đồng thời phát sinh nghĩa vụ thanh toán gần như lập tức toàn bộ số tiền thu được cho bên thứ ba thông qua hợp đồng chuyển giao; và:
  - Công ty chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn với tài sản, hoặc
  - Công ty không chuyển giao hay giữ lại toàn bộ rủi ro và lợi ích gắn với tài sản đó nhưng đã chuyển giao quyền kiểm soát tài sản

Khi Công ty chuyển giao quyền thu tiền phát sinh từ tài sản hoặc đã ký hợp đồng chuyển giao với bên thứ ba nhưng vẫn chưa chuyển giao phần lớn mọi rủi ro và lợi ích gắn liền với tài sản hoặc chuyển giao quyền kiểm soát đối với tài sản, tài sản vẫn được ghi nhận là tài sản của Công ty. Trong trường hợp đó, Công ty cũng ghi nhận một khoản nợ phải trả tương ứng. Tài sản được chuyển giao và nợ phải trả tương ứng được ghi nhận trên cơ sở phản ánh quyền và nghĩa vụ mà Công ty giữ lại.

Trường hợp khoản nợ ghi nhận có hình thức bảo lãnh các tài sản chuyển nhượng sẽ được ghi nhận theo giá trị nhỏ hơn giữa giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản và số tiền tối đa mà Công ty được yêu cầu phải thanh toán.

Phân loại lại tài sản tài chính

Phân loại lại khi bán tài sản tài chính không thuộc nhóm FVTPL

Công ty chứng khoán khi bán các tài sản tài chính không thuộc loại tài sản tài chính FVTPL phải thực hiện phân loại lại các tài sản tài chính từ các loại tài sản khác có liên quan về tài sản tài chính FVTPL. Các chênh lệch đánh giá lại tài sản tài chinh AFS hiện đang theo dõi trên khoản mục "Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý" sẽ được ghi nhận vào tài khoản doanh thu hoặc chi phí tương ứng tại ngày phân loại lại các tài sản tài chính AFS khi bán.

Phân loại lại do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ

Công ty chứng khoán được phân loại lại các tài sản tài chính vào nhóm tài sản tài chính khác phù hợp do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ, theo đó:

- Tài sản tài chính FVTPL phi phái sinh và không bị yêu cầu phân loại vào nhóm tài sản tài chính FVTPL vào lúc ghi nhận ban đầu có thể được phân loại lại vào nhóm cho vay và phải thu trong một số trường hợp đặc biệt hoặc vào nhóm tiền và tương đương tiền nếu thỏa mãn các điều kiện được phân loại vào nhóm này. Các khoản lãi, lỗ đã ghi nhận do đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL trước thời điểm phân loại lại sẽ không được hoàn nhập.
- Nếu do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ, việc phân loại một khoản đầu tư vào nhóm nắm giữ đến khi đáo hạn không còn phù hợp thì khoản đầu tư đó phải được chuyển sang nhóm tài sản tài chính AFS và phải định giá lại theo giá trị hợp lý. Chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý sẽ được ghi nhận vào Khoản mục "Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý" thuộc Vốn chủ sở hữu.

TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

Nguyên tắc kế toán ghi nhận các khoản đầu tư đem đi thế chấp

Trong năm, Công ty có các khoản đầu tư được đem đi thế chấp/cầm cố để thực hiện các nghĩa vụ tài chính của Công ty.

Theo các điều kiện và điều khoản của hợp đồng thế chấp/cầm cố, trong thời gian hiệu lực của hợp đồng, Công ty không được sử dụng các tài sản thế chấp/cầm cố để bán, chuyển nhượng, tham gia vào các hợp đồng bán và cam kết mua lại, hợp đồng hoán đổi với bất kỳ bên thứ ba nào khác.

Trong trường hợp Công ty không thực hiện nghĩa vụ phải trả, bên nhận thế chấp/cầm cố sẽ được sử dụng tài sản thế chấp/cầm cố để thanh toán các nghĩa vụ của Công ty sau khoảng thời gian xác định trong hợp đồng thế chấp/cầm cố kể từ ngày nghĩa vụ thanh toán của Công ty bắt đầu quá hạn.

Các tài sản được đem đi thế chấp/cầm cố được theo dõi trên báo cáo tình hình tài chính tổng hợp theo nguyên tắc phù hợp với loại tài sản mà tài sản đó được phân loại.

Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và luôn được phản ánh theo giá gốc trong thời gian tiếp theo.

Các khoản phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo tổn thất dự kiến có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đã chết. Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động tổng hợp trên khoản mục "Chi phí quản lý doanh nghiệp" trong năm.

Mức trích lập dự phòng đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 như sau:

THỜI GIAN QUÁ HẠN	MỨC TRÍCH DỰ PHÒNG
Từ trên sáu (6) tháng đến dưới một (1) năm	30%
Từ một (1) năm đến dưới hai (2) năm	50%
Từ hai (2) năm đến dưới ba (3) năm	70%
Từ ba (3) năm trở lên	100%

Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản. Các chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động tổng hợp khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động tổng hợp.

Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động tổng hợp khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động tổng hợp.

Khấu hao và hao mòn

Khấu hao và hao mòn tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Máy móc thiết bị	3 - 8 năm
Phương tiện vận tải	6 - 8 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 5 năm
Phần mềm máy tính	3 - 5 năm
Tài sản khác	3 - 5 năm

TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó vào thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động tổng hợp theo phương pháp đường thẳng dựa theo thời hạn của hợp đồng thuê.

Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên báo cáo tình hình tài chính tổng hợp và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần từ một (1) đến năm (5) năm vào báo cáo kết quả hoạt động tổng hợp:

- Chi phí cải tạo văn phòng;
- Chi phí thuê văn phòng; và
- Chi phí vật dụng văn phòng.

Các hợp đồng bán và cam kết mua lại

Những tài sản được bán đồng thời cam kết sẽ mua lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai (các hợp đồng mua lại) không được ghi giảm trên báo cáo tình hình tài chính tổng hợp. Khoản tiền nhận được theo các hợp đồng mua lại này được ghi nhận là khoản nợ phải trả trên báo cáo tình hình tài chính tổng hợp và phần chênh lệch giữa giá bán và giá cam kết mua lại trong tương lai được xem như là chi phí lãi và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng vào kết quả hoạt động tổng hợp trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng mua lại.

Các khoản vay

Các khoản vay của Công ty được được công bố và trình bày theo số dư gốc tại thời điểm kết thúc năm tài chính.

Các khoản phải trả và chi phí trả trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến lãi trái phiếu chuyển đổi, hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

Lợi ích của nhân viên

Trợ cấp nghỉ hưu

Nhân viên Công ty khi nghỉ hưu sẽ được nhận trợ cấp về hưu từ Bảo hiểm Xã hội thuộc Bộ Lao động và Thương binh Xã hội. Công ty đóng góp vào trợ cấp hưu trí này bằng việc đóng bảo hiểm xã hội cho mỗi nhân viên bằng 17.5% lương cơ bản hàng tháng của họ. Ngoài ra, Công ty không phải có một nghĩa vụ nào khác về trợ cấp nghỉ hưu của nhân viên, ngoài nghĩa vụ đóng tiền cho Bảo hiểm Xã hội hàng tháng.

Trợ cấp thôi việc

Trợ cấp thôi việc tự nguyện

Theo quy định tại Điều 42, Bộ Luật Lao động sửa đổi ngày 02 tháng 4 năm 2002, Công ty có nghĩa vụ chi trả trợ cấp thôi việc tự nguyện, với mức tương đương là nửa tháng lương cơ bản cho mỗi năm làm việc cộng với các khoản thù lao khác (nếu có) tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008. Từ ngày 01 tháng 01 năm 2009, mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi năm tài chính theo mức lương bình quân của 6 tháng gần nhất tính đến thời điểm kết thúc năm tài chính.

Trợ cấp mất việc

Theo quy định tại Điều 42, Bộ Luật Lao động sửa đổi ngày 02 tháng 4 năm 2002, Công ty có nghĩa vụ chi trả trợ cấp thôi việc tự nguyện, với mức tương đương là nửa tháng lương cơ bản cho mỗi năm làm việc cộng với các khoản thù lao khác (nếu có) tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008. Từ ngày 01 tháng 01 năm 2009, mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi năm tài chính theo mức lương bình quân của 6 tháng gần nhất tính đến thời điểm kết thúc năm tài chính.

Bảo hiểm thất nghiệp

Theo quy định hiện hành, Công ty có nghĩa vụ đóng bảo hiểm thất nghiệp với mức bằng 1% quỹ tiền lương, tiền công đóng bảo hiểm thất nghiệp của những người tham gia bảo hiểm thất nghiệp và trích 1% tiền lương, tiền công tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp của từng người lao động để đóng cùng lúc vào Quỹ Bảo hiểm Thất nghiệp.

Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch của ngân hàng thương mại tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại như sau:

- Các khoản mục tài sản được đánh giá lại sử dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Các khoản mục nợ phải trả được đánh giá lại sử dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động tổng hợp.

Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Trong trường hợp không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán được xác định dựa trên mức chênh lệch giá bán và giá vốn bình quân của chứng khoán.

Thu nhập khác

Các khoản thu nhập khác bao gồm các khoản thu từ các hoạt động xảy ra không thường xuyên, ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu, gồm: các khoản thu về thanh lý tài sản cố định ("TSCĐ"), nhượng bán TSCĐ; thu tiền phạt khách hàng do vi phạm hợp đồng; thu tiền bảo hiểm được bồi thường; thu được các khoản nợ phải thu đã xóa sổ tính vào chi phí năm trước; khoản nợ phải trả nay mất chủ được ghi tăng thu nhập; thu các khoản thuế được giảm, được hoàn lại; và các khoản thu khác được ghi nhận là thu nhập khác theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 14 - Doanh thu và thu nhập khác.

Thu nhập lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập, ngoại trừ cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ được cập nhật và theo dõi số lượng cổ phiếu nắm giữ mà không được ghi nhận là doanh thu.

Doanh thu cung cấp dịch vụ khác

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm.

Phương pháp tính giá vốn chứng khoán tự doanh bán ra

Công ty áp dụng phương pháp bình quân gia quyền vào cuối ngày giao dịch trước để tính giá vốn chứng khoán tự doanh và phương pháp đích danh để tính giá vốn trái phiếu.

Phương pháp tính giá vốn chứng khoán tự doanh bán ra

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho/hoặc được thu hồi từ cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc năm tài chính giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại tại ngày kết thúc năm tài chính và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại tại ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính mà tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động tổng hợp ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp từ phát hành cổ phiếu được ghi vào tài khoản vốn điều lệ theo mệnh giá.

Lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận chưa phân phối bao gồm lợi nhuận đã thực hiện và chưa thực hiện.

- Lợi nhuận chưa thực hiện của năm là số chênh lệch giữa tổng giá trị lãi, lỗ đánh giá lại của các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ hoặc tài sản tài chính khác tính vào lãi/lỗ của Báo cáo kết quả hoạt động tổng hợp thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty.
- Lợi nhuận đã thực hiện của năm là số chênh lệch giữa tổng doanh thu, thu nhập với tổng các khoản chi phí tính vào Báo cáo kết quả hoạt động tổng hợp của Công ty ngoài các khoản lãi, lỗ do đánh giá lại tài sản tài chính đã được ghi nhận vào loại nhuận chưa thực hiện.

Các quỹ

Công ty sử dụng lợi nhuận sau thuế hàng năm để trích lập các quỹ theo quy định tại Thông tư số 146/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 10 năm 2014 như sau:

	MỨC TRÍCH LẬP TỪ LỢI NHUẬN SAU THUẾ	MỨC TRÍCH LẬP TỐI ĐA
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5%	10% vốn điều lệ
Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	5%	10% vốn điều lệ

Các quỹ khác được trích lập theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông tại cuộc họp thường niên toàn Công ty.

Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên toàn Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Các khoản mục không có số dư

Các khoản mục không được trình bày trên báo cáo tài chính tổng hợp này theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2016 và Thông tư số 146/2014/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành là các khoản mục không có số dư.

TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	NGÀY 31/12/2017 (VND)	NGÀY 31 /12 /2016 (VND)
Tiền	**10.261.178.967**	**7.450.071.427**
Tiền mặt tại quỹ	520.283.114	68.111.127
Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động CTCK	9.740.895.853	7.381.960.300
Các khoản tương đương tiền	218.122.254.736	110.508.329.296
Cho vay ứng trước tiền bán chứng khoán	218.122.254.736	110.508.329.296
TỔNG CỘNG	**228.383.433.703**	**117.958.400.723**

GIÁ TRỊ VÀ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH THỰC HIỆN TRONG NĂM

	NGÀY 31/12/2017 (VND)	NGÀY 31 /12 /2016 (VND)
Của Công ty		
Cổ phiếu	54.599.996	1.062.278.480.786
Trái phiếu	3.890.000	396.816.138.328
Chứng khoán khác	300.000	3.707.000.000
	58.789.996	**1.462.801.619.114**
Của nhà đầu tư		
Cổ phiếu	5.523.496.795	123.391.884.778.740
Trái phiếu	704.862.145	80.456.356.398.461
Chứng khoán khác	2.183.650	27.467.963.500
	6.230.542.590	**203.875.709.140.701**

CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH

Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)

	NGÀY 31/12/2017		NGÀY 31/12/2016	
	Giá trị hợp lý VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị hợp lý VND
Cổ phiếu niêm yết	**147.823.875.539**	**147.524.716.510**	**95.625.192.416**	**91.566.608.020**
TIX	27.645.724.730	32.021.615.000	26.803.284.730	34.077.223.850
TCD	34.000.000.000	35.400.000.000	-	-
VTV	21.710.000.000	20.800.000.000	-	-
Khác	64.468.150.809	59.303.101.510	68.821.907.686	57.489.384.170
Cổ phiếu chưa niêm yết	**10.495.991.445**	**5.187.371.100**	**7.901.854.100**	**2.086.463.300**
PVO	6.600.000.000	2.400.000.000	6.600.000.000	1.900.000.000
Khác	3.895.991.445	2.787.371.100	1.301.854.100	186.463.300
Chứng chỉ quỹ	**20.436.633.252**	**29.040.000.000**	**19.423.974.529**	**20.170.000.000**
FUESSV50	10.000.000.000	12.860.000.000	-	-
E1VFVN30	10.436.633.252	16.180.000.000	9.423.974.529	10.170.000.000
Khác	-	-	10.000.000.000	10.000.000.000
TỔNG CỘNG	**178.756.500.236**	**181.752.087.610**	**122.951.021.045**	**113.823.071.320**

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)

	NGÀY 31/12/2017			NGÀY 31/12/2016		
	Giá trị hợp lý VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý/ Giá trị thuần (*) VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý/ Giá trị thuần (*) VND
NGẮN HẠN						
Ghi nhận theo giá trị hợp lý	**16.576.432.682**	**40.334.810.000**	**40.334.810.000**	**16.576.432.682**	**28.148.660.000**	**28.148.660.000**
Chứng chỉ quỹ	**16.576.432.682**	**40.334.810.000**	**40.334.810.000**	**16.576.432.682**	**28.148.660.000**	**28.148.660.000**
VFMVF1	16.576.432.682	40.334.810.000	40.334.810.000	16.576.432.682	28.148.660.000	28.148.660.000
Ghi nhận theo giá gốc	**70.322.642.497**	**70.322.642.497**	**17.269.360.485**	**90.943.084.477**	**90.943.084.477**	**36.810.586.782**
Đầu tư tự doanh khác	**18.892.314.253**	**18.892.314.253**	**-**	**18.976.314.253**	**18.976.314.253**	**-**
Cổ phiếu	**51.430.328.244**	**51.430.328.244**	**17.269.360.485**	**71.966.770.224**	**71.966.770.224**	**36.810.586.782**
Công ty Cổ phần Thủy sản Cà Mau	24.000.000.000	24.000.000.000	1.271.400.000	24.000.000.000	24.000.000.000	842.400.000
Khác	27.430.328.244	27.430.328.244	15.997.960.485	47.966.770.224	47.966.770.224	35.968.186.782
TỔNG CỘNG	**86.899.075.179**	**110.657.452.497**	**57.604.170.485**	**107.519.517.159**	**119.091.744.477**	**64.959.246.782**

CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH (TIẾP)

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS) (Tiếp)

	NGÀY 31/12/2017			NGÀY 31/12/2016		
	Giá trị hợp lý VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý/ Giá trị thuần (*) VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý/ Giá trị thuần (*) VND
DÀI HẠN						
Ghi nhận theo giá trị hợp lý	**106.150.483.000**	**114.211.708.600**	**114.211.708.600**	**106.150.483.000**	**109.564.129.000**	**109.564.129.000**
Cổ phiếu	**14.150.483.000**	**14.953.228.600**	**14.953.228.600**	**14.150.483.000**	**14.673.729.000**	**14.673.729.000**
Công ty Cổ phần đầu tư dầu khí toàn cầu (GPINVEST)	14.150.483.000	14.953.228.600	14.953.228.600	14.150.483.000	14.673.729.000	14.673.729.000
Chứng chỉ quỹ	**92.000.000.000**	**99.258.480.000**	**99.258.480.000**	**92.000.000.000**	**94.890.400.000**	**94.890.400.000**
Quỹ đầu tư giá trị Bảo Việt	80.000.000.000	85.315.680.000	85.315.680.000	80.000.000.000	82.888.000.000	82.888.000.000
Quỹ đầu tư triển vọng Bảo Việt	12.000.000.000	13.942.800.000	13.942.800.000	12.000.000.000	12.002.400.000	12.002.400.000
Ghi nhận theo giá gốc	**75.000.000.000**	**75.000.000.000**	**47.190.000.000**	**75.000.000.000**	**75.000.000.000**	**45.000.000.000**
Cổ phiếu	**75.000.000.000**	**75.000.000.000**	**47.190.000.000**	**75.000.000.000**	**75.000.000.000**	**45.000.000.000**
Công ty Cổ phần Thủy điện Bắc Hà	**75.000.000.000**	**75.000.000.000**	**47.190.000.000**	**75.000.000.000**	**75.000.000.000**	**45.000.000.000**
TỔNG CỘNG	**181.150.483.000**	**189.211.708.600**	**161.401.708.600**	**181.150.483.000**	**184.564.129.000**	**154.564.129.000**

(*): Đối với các tài sản tài chính AFS ghi nhận theo giá gốc, giá trị thuần là giá trị ghi sổ trừ dự phòng suy giảm giá trị.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)

	NGÀY 31/12/2017 VND	NGÀY 31/12/2016 VND
NGẮN HẠN		
Tiền gửi có kỳ hạn	**115.709.683.337**	**270.317.549.562**
Các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn (*)	115.709.683.337	270.317.549.562
Trái phiếu niêm yết	**21.180.214.454**	**-**
Trái phiếu Chính phủ	21.180.214.454	-
TỔNG CỘNG	**136.889.897.791**	**270.317.549.562**
DÀI HẠN		
Tiền gửi có kỳ hạn	**-**	**94.527.294.444**
Các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn	-	**94.527.294.444**
Trái phiếu niêm yết	**52.506.267.789**	**73.707.723.293**
Trái phiếu Chính phủ	52.506.267.789	73.707.723.293
Trái phiếu chưa niêm yết	**160.311.277.106**	**160.290.835.122**
Trái phiếu Tổ chức Tín dụng	90.261.587.034	90.272.071.233
Trái phiếu Doanh nghiệp	70.049.690.072	70.018.763.889
TỔNG CỘNG	**212.817.544.895**	**328.525.852.859**

(*) trong đó, hợp đồng tiền gửi trị giá 14.000.000.000 VND đang được cầm cố tại ngân hàng cho mục đích phát hành bảo lãnh thực hiện hợp đồng.

Các khoản cho vay

	NGÀY 31/12/2017 VND	NGÀY 31/12/2016 VND
Cho vay margin	**1.116.594.118.657**	**735.872.635.238**
TỔNG CỘNG	**1.116.594.118.657**	**735.872.635.238**

CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH (TIẾP)

Tình hình biến động giá trị thị trường của các tài sản tài chính

CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH	NGÀY 31/12/2017				NGÀY 31/12/2016			
	CL ĐÁNH GIÁ NĂM NAY				CL ĐÁNH GIÁ NĂM TRƯỚC			
	Giá mua VND	Chênh lệch tăng VND	Chênh lệch giảm VND	Giá trị đánh giá lại VND	Giá mua VND	Chênh lệch tăng VND	Chênh lệch giảm VND	Giá trị đánh giá lại VND
TÀI SẢN TÀI CHÍNH FVTPL								
Ngắn hạn	**178.756.500.236**	**22.213.339.800**	**(19.217.752.426)**	**181.752.087.610**	**122.951.021.045**	**9.417.329.072**	**(18.545.278.797)**	113.823.071.320
Cổ phiếu niêm yết	**147.823.875.539**	**13.560.399.501**	**(13.859.558.530)**	**147.524.716.510**	**95.625.192.416**	**8.671.292.401**	**(12.729.876.797)**	91.566.608.020
Cổ phiếu chưa niêm yết	10.495.991.445	49.573.551	(5.358.193.896)	5.187.371.100	7.901.854.100	11.200	(5.815.402.000)	2.086.463.300
Chứng chỉ quỹ niêm yết	20.436.633.252	8.603.366.748	-	29.040.000.000	19.423.974.529	746.025.471	-	20.170.000.000
TỔNG CỘNG	**178.756.500.236**	**22.213.339.800**	**(19.217.752.426)**	**181.752.087.610**	**122.951.021.045**	**9.417.329.072**	**(18.545.278.797)**	**113.823.071.320**
TÀI SẢN TÀI CHÍNH AFS GHI NHẬN THEO GIÁ TRỊ HỢP LÝ								
Ngắn hạn	**16.576.432.682**	**23.758.377.318**	**-**	**40.334.810.000**	**16.576.432.682**	**11.572.227.318**	**-**	**28.148.660.000**
Chứng chỉ quỹ chưa niêm yết	16.576.432.682	23.758.377.318	-	40.334.810.000	16.576.432.682	11.572.227.318	-	28.148.660.000
Dài hạn	**106.150.483.000**	**8.061.225.600**	**-**	**114.211.708.600**	**106.150.483.000**	**3.413.646.000**	**-**	**109.564.129.000**
Chứng chỉ quỹ niêm yết	14.150.483.000	802.745.600	-	14.953.228.600	14.150.483.000	523.246.000	-	14.673.729.000
Chứng chỉ quỹ chưa niêm yết	**92.000.000.000**	**7.258.480.000**	**-**	**99.258.480.000**	**92.000.000.000**	**2.890.400.000**	**-**	**94.890.400.000**
TỔNG CỘNG	**122.726.915.682**	**31.819.602.918**	**-**	**154.546.518.600**	**122.726.915.682**	**14.985.873.318**	**-**	**137.712.789.000**

CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH (TIẾP)

Dự phòng suy giảm giá trị tài sản tài chính và tài sản nhận thế chấp

	NGÀY 31/12/2017 VND	NGÀY 31/12/ 2016 VND
NGẮN HẠN	**67.944.728.883**	**59.712.739.629**
Các khoản cho vay	14.891.446.871	5.580.241.934
► Cho vay margin	14.891.446.871	5.580.241.934
Các tài sản tài chính AFS	53.053.282.012	54.132.497.695
► Cổ phiếu	34.160.967.759	35.156.183.442
► Đầu tư tự doanh khác	18.892.314.253	18.976.314.253
DÀI HẠN	**27.810.000.000**	**30.000.000.000**
Các tài sản tài chính AFS	27.810.000.000	30.000.000.000
► Cổ phiếu	27.810.000.000	30.000.000.000
TỔNG CỘNG	**95.754.728.883**	**89.712.739.629**

Tình hình lập dự phòng giảm giá các tài sản tài chính

		CƠ SỞ LẬP DỰ PHÒNG NĂM NAY					
STT	LOẠI TSTC	Số lượng	Giá sổ sách kế toán (VND)	Giá thị trường tại thời điểm lập BCTC (VND)	Giá trị lập dự phòng năm nay (VND)	Giá trị lập dự phòng năm trước (VND)	Mức (trích lập) /hoàn nhập năm nay (VND)
I	**HTM**		**349.707.442.686**	**367.402.566.033**	**-**	-	-
1	**Trái phiếu**	**1.600.070**	**233.997.759.349**	**251.484.856.704**	**-**	**-**	**-**
	Trái phiếu chính phủ	700.000	73.686.482.243	85.490.648.713	-	-	-
	Trái phiếu Tổ chức Tín dụng	900.000	90.261.587.034	94.801.909.300	-	-	-
	Trái phiếu Doanh nghiệp	70	70.049.690.072	71.192.298.691	-	-	-
2	**Các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn**		**115.709.683.337**	**115.917.709.329**	**-**	**-**	**-**
II	**Các khoản cho vay**		**1.116.594.118.657**	**1.101.702.671.786**	**(14.891.446.871)**	**(5.580.241.934)**	**(9.311.204.937)**
	Cho vay margin		1.116.594.118.657	1.101.702.671.786	(14.891.446.871)	(5.580.241.934)	(9.311.204.937)
III	**AFS**		**145.322.642.497**	**64.459.360.485**	**(80.863.282.012)**	**(84.132.497.695)**	**3.269.215.683**
	Công ty Cổ phần Thủy điện Bắc Hà	6.000.000	75.000.000.000	47.190.000.000	(27.810.000.000)	(30.000.000.000)	2.190.000.000
	Công ty Cổ phần Thủy sản Cà Mau	975.000	24.000.000.000	1.271.400.000	(22.728.600.000)	(23.157.600.000)	429.000.000
	Đầu tư tự doanh khác	-	18.892.314.253	-	(18.892.314.253)	(18.976.314.253)	84.000.000
	Khác	1.543.124	27.430.328.244	15.997.960.485	(11.432.367.759)	(11.998.583.442)	566.215.683
	TỔNG CỘNG		**1.611.624.203.840**	**1.533.564.598.304**	**(95.754.728.883)**	**(89.712.739.629)**	**(6.041.989.254)**

CÁC KHOẢN PHẢI THU VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	NGÀY 31/12/2017 VND	NGÀY 31/12/ 2016 VND
Các khoản phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư	10.486.522.115	11.910.433.601
► Cổ tức	353.779.300	4.050.125.350
► Dự thu lãi tiền gửi	2.193.622.705	702.953.079
► Dự thu lãi margin	7.939.120.110	7.157.355.172
Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	4.377.685.224	4.647.585.392
Phải thu khác	27.462.643.026	18.490.846.191
Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu (*)	(15.901.229.699)	(15.901.229.699)
	26.425.620.666	**19.147.635.485**
Trả trước cho người bán	6.821.181.789	43.439.389.731
► Công ty TNHH Thủ Đô II (trả trước 5 năm tiền thuê văn phòng)	-	37.718.826.600
► Công ty TNHH kỹ thuật sáng tạo (Innotech)	1.404.480.000	800.000.000
► Công ty TNHH Nam Nhất	2.800.000.000	2.800.000.000
► Công ty TNHH Religare Technova Global Solutions VN	1.447.875.000	1.447.875.000
► Khác	1.168.826.789	672.688.131
TỔNG CỘNG	**33.246.802.455**	**62.587.025.216**

(*) Chi tiết dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu

LOẠI PHẢI THU KHÓ ĐÒI	Giá trị phải thu khó đòi lại 31/12/2017	Số dự phòng đầu năm	Số trích lập Trong năm	Số hoàn nhập trong năm	Số dự phòng cuối năm
Dự phòng nợ phải thu khác khó đòi	15.901.229.699	15.901.229.699	-	-	15.901.229.699
Nguyễn Mạnh Giao	1.780.000.000	1.780.000.000	-	-	1.780.000.000
Hà Thanh Hải	1.685.000.000	1.685.000.000	-	-	1.685.000.000
Nguyễn Phương Nam	4.000.000.000	4.000.000.000	-	-	4.000.000.000
Công ty TNHH Nam Nhất	2.800.000.000	2.800.000.000	-	-	2.800.000.000
Khác	5.636.229.699	5.636.229.699	-	-	5.636.229.699
TỔNG CỘNG	**15.901.229.699**	**15.901.229.699**	-	-	**15.901.229.699**

CÁC KHOẢN PHẢI THU VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	NGÀY 31/12/2017 VND	NGÀY 31/12/ 2016 VND
Tạm ứng	514.547.275	585.158.321
Vật tư văn phòng, công cụ, dụng cụ	212.376.870	643.803.564
Chi phí trả trước ngắn hạn	571.512.788	2.069.415.949
Ký quỹ ngắn hạn	17.700.000	-
TỔNG CỘNG	**1.316.136.933**	**3.298.377.834**

TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Máy móc thiết bị (VND)	Phương tiện vận tải (VND)	Thiết bị dụng cụ quản lý (VND)	Tài sản cố định khác (VND)	TỔNG CỘNG (VND)
Nguyên giá					
Ngày 01 tháng 01 năm 2017	26.183.590.421	4.264.275.167	710.923.271	56.770.560	31.215.559.419
Mua trong năm	8.293.556.070	-	-	-	8.293.556.070
Thanh lý, nhượng bán	(4.281.440.430)	-	(538.294.771)	-	(4.819.735.201)
Ngày 31 tháng 12 năm 2017	30.195.706.061	4.264.275.167	172.628.500	56.770.560	34.689.380.288
Giá trị khấu hao lũy kế					
Ngày 01 tháng 01 năm 2017	22.467.760.792	3.305.063.366	693.088.522	5.519.360	26.471.432.040
Khấu hao trong năm	1.434.083.877	286.072.764	17.834.749	18.923.515	1.756.914.905
Thanh lý, nhượng bán	(4.281.440.430)	-	(538.294.771)	-	(4.819.735.201)
Ngày 31 tháng 12 năm 2017	19.620.404.239	3.591.136.130	172.628.500	24.442.875	23.408.611.744
Giá trị còn lại					
Ngày 01 tháng 01 năm 2017	3.715.829.629	959.211.801	17.834.749	51.251.200	4.744.127.379
Ngày 31 tháng 12 năm 2017	10.575.301.822	673.139.037	-	32.327.685	11.280.768.544

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 19.651.380.466 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2016: 24.262.497.167 VND).

TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm (VND)	Tài sản vô hình khác (VND)	TỔNG CỘNG (VND)
Nguyên giá			
Ngày 01 tháng 01 năm 2017	7.977.048.184	2.967.788.256	10.944.836.440
Tăng trong năm	2.597.264.650	-	2.597.264.650
Ngày 31 tháng 12 năm 2017	10.574.312.834	2.967.788.256	13.542.101.090
Giá trị hao mòn lũy kế			
Ngày 01 tháng 01 năm 2017	7.550.397.753	2.967.788.256	10.518.186.009
Hao mòn trong năm	169.467.777	-	169.467.777
Ngày 31 tháng 12 năm 2017	7.719.865.530	2.967.788.256	10.687.653.786
Giá trị còn lại			
Ngày 01 tháng 01 năm 2017	¬¬ 426.650.431	-	426.650.431
Ngày 31 tháng 12 năm 2017	2.854.447.304	-	2.854.447.304

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 10.470.716.440 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2016: 10.470.716.440 VND).

CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	NGÀY 31/12/2017 VND	NGÀY 31/12/ 2016 VND
Chi phí thuê tòa nhà	37.718.826.594	-
Chi phí vật dụng văn phòng	1.806.552.345	1.722.798.071
Chi phí cải tạo văn phòng	7.728.558.581	3.302.798.564
Khác	139.882.871	778.957.168
TỔNG CỘNG	**47.393.820.391**	**5.804.553.803**

TIỀN NỘP QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

Biến động tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán trong năm như sau:

	VND
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2016	21.181.760.379
Tiền lãi đã nhận trong năm	(1.181.760.379)
Tiền lãi phân bổ trong năm	1.147.619.087
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016	**21.147.619.087**
Tiền lãi đã nhận trong năm	(1.147.619.087)
Tiền lãi phân bổ trong năm	1.158.480.060
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017	**21.158.480.060**

VAY NGẮN HẠN

	Lãi suất %	Số dư đầu năm VND	Số vay trong năm VND	Số đã trả trong năm VND	Số dư cuối năm VND
Vay thấu chi	6.0%	159.677.448.472	1.692.424.307.268	1.852.101.755.740	-
Vay thấu chi	6.8%	-	1.842.829.965.873	1.752.844.290.384	89.985.675.489
TỔNG CỘNG		**159.677.448.472**	**3.535.254.273.141**	**3.604.946.046.124**	**89.985.675.489**

PHẢI TRẢ HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

	NGÀY 31/12/2017 VND	NGÀY 31/12/ 2016 VND
Phải trả Sở Giao dịch Chứng khoán	3.178.869.703	2.153.949.582
Phải trả Trung tâm Lưu ký Chứng khoán	608.127.108	472.103.123
TỔNG CỘNG	**3.786.996.811**	**2.626.052.705**

PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	NGÀY 31/12/2017 VND	NGÀY 31/12/ 2016 VND
Phải trả các bên liên quan (thuyết minh 30.1)	1.735.158.530	331.239.720
Công ty CP truyền thông ABC Việt Nam	-	306.120.000
Công ty CP Tư Vấn Và Thẩm Định Giá Đông Nam	-	153.000.000
Công ty TNHH Hệ thống Thông tin FPT	7.769.377.283	20.000.000
Đối tượng khác	1.208.979.661	354.100.990
TỔNG CỘNG	**10.713.515.474**	**1.164.460.710**

THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

STT	CHỈ TIÊU	Số dư đầu năm VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp trong năm VND	Số dư cuối năm VND
1	Thuế thu nhập cá nhân	3.477.909.072	72.936.005.655	(70.863.860.049)	5.550.054.678
	Của nhân viên Công ty	816.964.148	12.724.365.127	(11.950.502.584)	1.590.826.691
	Của nhà đầu tư cá nhân	2.660.944.924	60.211.640.528	(58.913.357.465)	3.959.227.987
2	Thuế thu nhập doanh nghiệp (Thuyết minh 27.1)	2.064.688.154	27.419.673.063	(21.457.285.457)	8.027.075.760
3	Thuế giá trị gia tăng hàng bán nội địa	241.891.782	992.662.055	(1.048.530.395)	186.023.442
4	Các loại thuế khác	191.416.423	4.094.312.116	(3.691.618.375)	594.110.164
	TỔNG CỘNG	**5.975.905.431**	**105.442.652.889**	**(97.061.294.276)**	**14.357.264.044**

CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	NGÀY 31/12/2017 VND	NGÀY 31/12/2016 VND
Trích trước chi phí giới thiệu khách hàng	572.808.886	844.733.609
Trích trước chi phí dịch vụ mua ngoài	2.775.815.888	1.065.731.234
	3.348.624.774	**1.910.464.843**

CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP KHÁC NGẮN HẠN

	NGÀY 31/12/2017 VND	NGÀY 31/12/2016 VND
Giao dịch phải trả chờ xử lý tại Ngân hàng vào thời điểm cuối ngày	94.769.031.070	-
Phải trả mua cổ phiếu tự doanh	-	20.000.000.000
Phải trả khác	1.206.654.704	1.186.218.824
	95.975.685.774	**21.186.218.824**

CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP KHÁC NGẮN HẠN

GIAO DỊCH REPO (*)	Tại ngày 01/01/2017 VND	Bán trong năm VND	Mua lại trong năm VND	Chi phí repo đã phân bổ trong năm VND	Tại ngày 31/12/2017 VND	Mệnh giá trái phiếu repo tại ngày 31/12/2017 VND
Giao dịch mua bán lại trái phiếu với các Tổ chức Tín dụng	79.126.130.337	368.706.900.000	(331.168.866.667)	6.888.463.070	123.552.626.740	120.000.000.000
Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ với doanh nghiệp khác	-	90.000.000.000	-	242.643.956	90.242.643.956	90.000.000.000
	79.126.130.337	**458.706.900.000**	**(331.168.866.667)**	**7.131.107.026**	**213.795.270.696**	**210.000.000.000**

(*) Bao gồm các khoản phải trả repo đối với các trái phiếu mà Công ty đã bán và cam kết sẽ mua lại trong thời gian dưới 12 tháng và chịu lãi suất từ 5,4%/năm đến 7,6%/năm.

VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	Chênh lệch đánh giá lại tài sản theo giá trị hợp lý	Lợi nhuận chưa phân phối	TỔNG CỘNG
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm (trình bày lại)	**722.339.370.000**	**610.253.166.720**	**(496.682.500)**	**23.894.449.402**	**23.894.449.402**	**11.988.698.654**	**175.811.433.817**	**1.567.684.885.495**
Trích quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ và quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	-	-	-	**5.644.014.073**	5.644.014.073	-	**(11.288.028.146)**	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2016 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông	-	-	-	-	-	-	(5.492.878.886)	(5.492.878.886)
Đánh giá lại tài sản theo giá trị hợp lý	-	-	-	-	-	13.466.983.680	-	13.466.983.680
Lợi nhuận sau thuế trong năm	-	-	-	-	-	-	122.444.616.421	122.444.616.421
Số dư cuối năm	**722.339.370.000**	**610.253.166.720**	**(496.682.500)**	**29.538.463.475**	**29.538.463.475**	**25.455.682.334**	**281.475.143.206**	**1.698.103.606.710**

Chi tiết vốn điều lệ của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 như sau:

	Số lượng cổ phần (*)	Giá trị (*)	Tỷ lệ sở hữu
	Đơn vị	VND	%
Tập đoàn Bảo Việt	43.281.193	432.811.930.000	59,9%
Các cổ đông khác	28.918.952	289.189.520.000	40,1%
	72.200.145	**722.001.450.000**	**100,0%**

(*) Không bao gồm cổ phiếu quỹ.

Chi tiết số lượng cổ phần của Công ty như sau

	NGÀY 31/12/2017	NGÀY 31/12/2016
	VND	VND
Số lượng cổ phần được phép phát hành	72.233.937	72.233.937
Cổ phiếu thường	72.233.937	72.233.937
Số lượng cổ phần đã phát hành và thanh toán đầy đủ	72.233.937	72.233.937
Cổ phiếu thường	72.233.937	72.233.937
Số lượng cổ phần mua lại (cổ phiếu quỹ)	33.792	33.792
Cổ phiếu thường	33.792	33.792
Số lượng cổ phần đang lưu hành	72.200.145	72.200.145
Cổ phiếu thường	72.200.145	72.200.145

THUYẾT MINH VỀ CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của CTCK

	NGÀY 31/12/2017	NGÀY 31/12/2016
	VND	VND
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	134.937.600.000	113.684.440.000
Tài sản tài chính giao dịch hạn chế chuyển nhượng	152.000.000	-
Tài sản tài chính chờ thanh toán	5.502.800.000	1.521.500.000
TỔNG CỘNG	**140.592.400.000**	**115.205.940.000**

Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của CTCK

	NGÀY 31/12/2017	NGÀY 31/12/2016
	VND	VND
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch tự do chuyển nhượng	3.000.000.000	3.000.000.000
TỔNG CỘNG	**3.000.000.000**	**3.000.000.000**

Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của CTCK

	NGÀY 31/12/2017	NGÀY 31/12/2016
	VND	VND
Cổ phiếu	3.291.200.000	1.577.100.000
	3.291.200.000	**1.577.100.000**

Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của CTCK

	NGÀY 31/12/2017	NGÀY 31/12/2016
	VND	VND
Cổ phiếu	82.357.310.000	94.553.980.000
Trái phiếu	-	160.000.000.000
Chứng chỉ quỹ	102.000.000.000	102.000.000.000
TỔNG CỘNG	**184.357.310.000**	**356.553.980.000**

Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của CTCK

	NGÀY 31/12/2017	NGÀY 31/12/2016
	VND	VND
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	29.358.257.520.000	28.622.801.930.000
Tài sản tài chính hạn chế chuyển nhượng	285.180.700.000	206.691.910.000
Tài sản tài chính giao dịch cầm cố	614.951.120.000	470.168.980.000
Tài sản tài chính chờ thanh toán	180.723.400.000	75.730.760.000
TỔNG CỘNG	**30.439.112.740.000**	**29.375.393.580.000**

Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của CTCK

	NGÀY 31/12/2017	NGÀY 31/12/2016
	VND	VND
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	14.209.440.000	13.742.840.000
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng	24.068.060.000	1.408.490.000
TỔNG CỘNG	**38.277.500.000**	**15.151.330.000**

THUYẾT MINH VỀ CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

Tiền của Nhà đầu tư

	NGÀY 31/12/2017	NGÀY 31/12/2016
	VND	VND
Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý	415.638.533.838	160.686.058.057
► Của Nhà đầu tư trong nước	403.740.663.376	143.772.358.678
► Của Nhà đầu tư nước ngoài	11.897.870.462	16.913.699.379
Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán của khách hàng	318.869.139.597	308.360.826.219
TỔNG CỘNG	**734.507.673.435**	**469.046.884.276**

Phải trả Nhà đầu tư

	NGÀY 31/12/2017	NGÀY 31/12/2016
	VND	VND
Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý		
► Của Nhà đầu tư trong nước	724.601.017.157	466.819.169.926
► Của Nhà đầu tư nước ngoài	1.120.541.210	1.274.582.516
TỔNG CỘNG	**725.721.558.367**	**468.093.752.442**

Phải trả Nhà đầu tư

	NGÀY 31/12/2017	NGÀY 31/12/2016
	VND	VND
Phải trả phí giao dịch chứng khoán	1.273.400.340	1.993.622.518
Phải trả phí lưu ký chứng khoán	348.854.663	252.064.415
TỔNG CỘNG	**1.622.255.003**	**2.245.686.933**

DOANH THU HOẠT ĐỘNG

Lãi, lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL

STT	DANH MỤC CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ	Số lượng bán	Giá bán bình quân	Tổng giá trị bán	Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch	Lãi/(lỗ) bán chứng khoán năm nay	Lãi/(lỗ) bán chứng khoán năm trước
		Đơn vị	VND	VND	VND	VND	VND
I	**LÃI BÁN**						
1	**Cổ phiếu niêm yết**	**17.658.307**		**369.207.899.786**	**347.412.632.428**	**21.795.267.358**	**5.609.543.545**
	REE	50.000	27.865	1.393.250.000	1.337.817.239	55.432.761	1.094.921.347
	VCG	2.462.100	21.192	52.177.538.338	49.444.086.950	2.733.451.388	408.063.700
	PVS	2.664.200	16.614	44.262.094.497	43.369.984.899	892.109.598	-
	Khác	12.482.007		271.375.016.951	253.260.743.340	18.114.273.611	4.106.558.498
2	**Cổ phiếu chưa niêm yết**	**1.303.305**		**36.821.747.586**	**34.689.984.790**	**2.131.762.796**	**35.781.964**
	HNF	275.000	44.150	12.141.250.000	12.100.000.000	41.250.000	-
	GEX	918.300	24.302	22.316.148.586	20.732.371.810	1.583.776.776	-
	Khác	110.005		2.364.349.000	1.857.612.980	506.736.020	35.781.964
3	**Chứng chỉ quỹ**	**300.000**		**3.887.000.000**	**2.993.543.491**	**893.456.509**	**9.351.261.746**
	E1VFVN30	300.000	12.957	3.887.000.000	2.993.543.491	893.456.509	229.124.429
	VFMVF1	-		-	-	-	9.122.137.317
4	**Trái phiếu niêm yết**	**-**		**-**	**-**	**-**	**122.350.000**
	Trái phiếu Tổ chức Tín dụng	-		-	-	-	122.350.000
5	**Trái phiếu chưa niêm yết**	**1.945.000**		**198.526.494.850**	**198.289.646.181**	**236.848.669**	**75.000.000**
	Trái phiếu Doanh nghiệp	**1.945.000**		**198.526.494.850**	**198.289.646.181**	**236.848.669**	**-**
	Trái phiếu Tổ chức Tín dụng	**-**		**-**	**-**	**-**	**75.000.000**
		21.206.612		**608.443.142.222**	**583.385.806.890**	**25.057.335.332**	**15.193.937.255**

DOANH THU HOẠT ĐỘNG (TIẾP)

Lãi, lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL (Tiếp)

STT	DANH MỤC CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ	Số lượng bán	Giá bán bình quân	Tổng giá trị bán	Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch	Lãi/(lỗ) bán chứng khoán năm nay	Lãi/(lỗ) bán chứng khoán năm trước
		Đơn vị	VND	VND	VND	VND	VND
II	**LỖ BÁN**						
1	**Cổ phiếu niêm yết**	**8.534.350**		**109.552.431.176**	**114.986.770.072**	**(5.434.338.896)**	**(8.316.431.324)**
	HAG	374.970	5.914	2.217.432.027	2.415.505.069	(198.073.042)	(637.448.488)
	SHB	2.350.000	5.115	12.019.253.575	12.324.349.364	(305.095.789)	(598.151.316)
	PVS	613.300	16.277	9.982.640.200	10.107.679.682	(125.039.482)	(712.624.300)
	Khác	5.196.080		85.333.105.374	90.139.235.957	(4.806.130.583)	(6.368.207.220)
2	**Cổ phiếu chưa niêm yết**	**80.057**		**2.403.241.720**	**2.461.689.145**	**(58.447.425)**	**(2.714.643.132)**
	ACV	10.000	51.600	516.000.000	528.000.000	(12.000.000)	-
	HVN	20.000	37.900	758.000.000	798.000.000	(40.000.000)	-
	GEX	49.900	22.628	1.129.130.120	1.134.023.645	(4.893.525)	-
	Khác	157		111.600	1.665.500	(1.553.900)	(2.714.643.132)
3	**Chứng chỉ quỹ**	**-**		**-**	**-**	**-**	**(2.600.525.800)**
		8.614.407		**111.955.672.896**	**117.448.459.217**	**(5.492.786.321)**	**(13.631.600.256)**

Chênh lệch đánh giá lại các tài sản tài chính

STT	DANH MỤC CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Số dư chênh lệch đánh giá lại cuối năm	Số dư chênh lệch đánh giá lại đầu năm	Chênh lệch thuần điều chỉnh sổ kế toán trong năm	Chênh lệch tăng	Chênh lệch giảm
		Đơn vị	VND	VND	VND	VND	VND	VND
I	**LOẠI FVTPL**							
1	**Cổ phiếu niêm yết**	**147.823.875.539**	**147.524.716.510**	**(299.159.029)**	**(4.058.584.396)**	**3.759.425.367**	**39.414.941.778**	**(35.655.516.411)**
	C32	3.298.361.617	3.343.283.600	44.921.983	143.200	44.778.783	1.022.891.395	(978.112.612)
	DP3	3.663.729.922	11.040.198.000	7.376.468.078	1.247.275.600	6.129.192.478	6.755.140.872	(625.948.394)
	HVX	10.304.249.630	3.244.460.800	(7.059.788.830)	(5.958.989.630)	(1.100.799.200)	420.041.800	(1.520.841.000)
	TIX	27.645.724.730	32.021.615.000	4.375.890.270	7.273.939.120	(2.898.048.850)	8.363.439.450	(11.261.488.300)
	Khác	102.911.809.640	97.875.159.110	(5.036.650.530)	(6.620.952.686)	1.584.302.156	22.853.428.261	(21.269.126.105)
2	**Cổ phiếu UPCoM**	**10.495.991.445**	**5.187.371.100**	**(5.308.620.345)**	**(5.815.390.800)**	**506.770.455**	**2.967.166.521**	**(2.460.396.066)**
	PVO	6.600.000.000	2.400.000.000	(4.200.000.000)	(4.700.000.000)	500.000.000	2.450.000.000	(1.950.000.000)
	Khác	3.895.991.445	2.787.371.100	(1.108.620.345)	(1.115.390.800)	6.770.455	517.166.521	(510.396.066)
3	**Chứng chỉ quỹ**	**20.436.633.252**	**29.040.000.000**	**8.603.366.748**	**746.025.471**	**7.857.341.277**	**8.331.469.571**	**(474.128.294)**
	E1VFVN30	10.436.633.252	16.180.000.000	5.743.366.748	746.025.471	4.997.341.277	5.471.469.571	(474.128.294)
	E1SSHN30	10.000.000.000	12.860.000.000	2.860.000.000	-	2.860.000.000	2.860.000.000	-
TỔNG CỘNG		**178.756.500.236**	**181.752.087.610**	**2.995.587.374**	**(9.127.949.725)**	**12.123.537.099**	**50.713.577.870**	**(38.590.040.771)**

DOANH THU HOẠT ĐỘNG (TIẾP)

Chênh lệch đánh giá lại các tài sản tài chính (Tiếp)

STT	DANH MỤC CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Số dư chênh lệch đánh giá lại cuối năm	Số dư chênh lệch đánh giá lại đầu năm	Chênh lệch thuần điều chỉnh sổ kế toán trong năm	Chênh lệch tăng	Chênh lệch giảm
		Đơn vị	VND	VND	VND	VND	VND	VND
II	**LOẠI AFS**							
	Ngắn hạn	**16.576.432.682**	**40.334.810.000**	**23.758.377.318**	**11.572.227.318**	**12.186.150.000**	**17.865.880.000**	**(5.679.730.000)**
1	**Cổ phiếu niêm yết**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**4.625.000.000**	**(4.625.000.000)**
	FTM	-	-	-	-	-	4.625.000.000	(4.625.000.000)
2	**Cổ phiếu UPCoM**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**990.000.000**	**(990.000.000)**
	HLB	-	-	-	-	-	990.000.000	(990.000.000)
3	**Chứng chỉ quỹ chưa niêm yết**	**16.576.432.682**	**40.334.810.000**	**23.758.377.318**	**11.572.227.318**	**12.186.150.000**	**12.250.880.000**	**(64.730.000)**
	VFMVF1	16.576.432.682	40.334.810.000	23.758.377.318	11.572.227.318	12.186.150.000	12.250.880.000	(64.730.000)
	Dài hạn	**106.150.483.000**	**114.211.708.600**	**8.061.225.600**	**3.413.646.000**	**4.647.579.600**	**9.363.499.600**	**(4.715.920.000)**
1	**Cổ phiếu OTC**	**14.150.483.000**	**14.953.228.600**	**802.745.600**	**523.246.000**	**279.499.600**	**279.499.600**	**-**
	GPINVEST	14.150.483.000	14.953.228.600	802.745.600	523.246.000	279.499.600	279.499.600	-
2	**Cổ phiếu UPCoM**	**92.000.000.000**	**99.258.480.000**	**7.258.480.000**	**2.890.400.000**	**4.368.080.000**	**9.084.000.000**	**(4.715.920.000)**
	HLB	80.000.000.000	85.315.680.000	5.315.680.000	2.888.000.000	2.427.680.000	6.936.000.000	(4.508.320.000)
	HLB	12.000.000.000	13.942.800.000	1.942.800.000	2.400.000	1.940.400.000	2.148.000.000	(207.600.000)
		122.726.915.682	**154.546.518.600**	**31.819.602.918**	**14.985.873.318**	**16.833.729.600**	**27.229.379.600**	**(10.395.650.000)**

Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL, HTM, các khoản cho vay và AFS

	CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2017	CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2016
	VND	VND
Từ tài sản tài chính FVTPL	6.008.580.678	3.359.999.969
► Cổ phiếu	6.008.580.678	3.359.999.969
Từ tài sản tài chính HTM	29.880.397.299	31.170.368.395
► Trái phiếu	20.538.695.379	11.098.238.776
► Hợp đồng tiền gửi	9.341.701.920	20.072.129.619
Từ các khoản cho vay	122.540.135.817	98.486.397.721
Cho vay margin	87.015.073.397	83.276.506.746
Ứng trước tiền bán chứng khoán cho khách hàng	35.525.062.420	15.209.890.975
Từ tài sản tài chính AFS	3.697.793.500	7.805.501.100
► Cổ phiếu	3.697.793.500	7.782.982.000
► Khác	-	22.519.100
TỔNG CỘNG	**162.126.907.294**	**140.822.267.185**

Doanh thu ngoài thu nhập từ các tài sản tài chính

	CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2017	CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2016
	VND	VND
Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	207.668.059.443	99.886.761.357
Doanh thu bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	925.710.277	272.264.577
Doanh thu lưu ký chứng khoán	5.986.672.222	4.377.884.402
Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	8.401.798.160	9.547.556.363
Thu nhập hoạt động khác	1.164.102.440	5.638.608.312
► Doanh thu hoạt động nhận ủy thác, đấu giá	171.363.304	225.393.640
► Doanh thu quản lý tài khoản giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư	161.699.954	3.920.030.732
► Doanh thu khác	831.039.182	1.493.183.940
TỔNG CỘNG	**224.146.342.542**	**119.723.075.011**

CHI PHÍ DỰ PHÒNG TÀI SẢN TÀI CHÍNH, XỬ LÝ TỔN THẤT CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÓ ĐÒI VÀ LỖ SUY GIẢM TÀI SẢN TÀI CHÍNH

	CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2017	CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2016
	VND	VND
Chi phí dự phòng suy giảm giá trị các khoản cho vay ký quỹ	9.311.204.937	1.106.883.917
Hoàn nhập dự phòng tài sản tài chính AFS	(3.269.215.683)	(10.950.525.815)
TỔNG CỘNG	**6.041.989.254**	**(9.843.641.898)**

CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

	CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2017	CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2016
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	43.213.085.039	36.725.029.115
► Lương và các khoản phúc lợi	41.808.061.999	35.286.425.902
► BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN	1.405.023.040	1.438.603.213
Chi phí bảo hiểm sức khỏe cho nhân viên	1.644.113.884	1.764.904.759
Chi phí vật tư văn phòng	301.700.749	412.546.227
Chi phí công cụ, dụng cụ	649.183.869	791.886.067
Chi phí khấu hao TSCĐ,BĐSĐT	1.742.425.509	1.590.474.459
Chi phí thuế, phí và lệ phí	4.789.241.102	3.644.269.254
Chi phí dịch vụ mua ngoài	24.409.563.314	16.853.276.661
Chi phí khác	4.830.060.092	3.061.433.856
TỔNG CỘNG	**81.579.373.558**	**64.843.820.398**

THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2017	CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2016
	VND	VND
Thu nhập khác	**111.862.727**	**9.563.637**
Thu về nhượng bán, thanh lý TSCĐ, CCDC	111.862.727	7.363.637
Thu nhập khác	-	2.200.000
Chi phí khác	**(895.933.297)**	**(769.772.345)**
Chi phí phạt vi phạm thuế	(82.068.402)	(76.000.000)
Chi về nhượng bán, thanh lý TSCĐ, CCDC	(357.398.259)	(111.339.820)
Chi phí khác	(456.466.636)	(582.432.525)
TỔNG CỘNG	**(784.070.570)**	**(760.208.708)**

THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc năm tài chính.

Bảng ước tính mức thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của Công ty được trình bày dưới đây:

	NGÀY 31/12/2017	NGÀY 31/12/2016 (Trình bày lại)
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	**152.423.491.629**	**121.486.939.130**
Các khoản điều chỉnh tăng lợi nhuận		
Chi phí không được khấu trừ khi xác định lợi nhuận tính thuế	10.232.771.979	1.876.656.262
Các khoản điều chỉnh giảm lợi nhuận		
Thu nhập từ cổ tức	(9.706.374.178)	(11.142.981.969)
Các khoản hoàn nhập dự phòng sử dụng phương pháp đánh giá nội bộ	(3.055.513.392)	(22.080.951.064)
Biến động chênh lệch đánh giá lại các tài sản tài chính không chịu thuế trong năm	(12.796.010.723)	(2.180.732.940)
Thu nhập chịu thuế ước tính năm hiện hành	**137.098.365.315**	**87.958.929.419**
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	**27.419.673.063**	**17.591.785.884**
Thuế TNDN phải trả đầu năm	2.064.688.154	946.200.687
Thuế TNDN đã trả trong năm	(21.457.285.457)	(16.476.510.295)
Thuế TNDN phải trả do vi phạm được thu hồi từ bên thứ ba	-	3.211.878
Thuế TNDN phải trả cuối năm	**8.027.075.760**	**2.064.688.154**

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Công ty đã ghi nhận một số khoản thuế thu nhập hoãn lại phải trả với các biến động trong năm như sau:

	BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH TỔNG HỢP		BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG TỔNG HỢP	
	NGÀY 31/12/2017	NGÀY 31/12/2016	CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2017	CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2016
	VND	VND	VND	VND
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả ghi nhận vào lãi/lỗ	4.442.667.960	1.883.465.815	2.559.202.145	1.721.218.538
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả ghi nhận vào thu nhập toàn diện khác	6.363.920.584	2.997.174.664	3.366.745.920	(42.772.263)
TỔNG CỘNG	**10.806.588.544**	**4.880.640.479**	**5.925.948.065**	**1.678.446.275**

	NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2017	NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016
	VND	VND
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị thuế thu nhập hoãn lại phải trả	20%	20%
Các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế	54.032.942.718	24.403.202.395
Trong đó:		
▸ Chênh lệch đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL	22.213.339.800	9.417.329.077
▸ Chênh lệch đánh giá lại tài sản tài chính AFS	31.819.602.918	14.985.873.318
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	**10.806.588.544**	**4.880.640.479**

LŨY KẾ THU NHẬP TOÀN DIỆN KHÁC

CHỈ TIÊU	SỐ ĐẦU NĂM	SỐ PHÁT SINH TRONG NĂM	THAY ĐỔI TỪ VỐN CHỦ SỞ HỮU VÀ GHI NHẬN VÀO KẾT QUẢ KINH DOANH	SỐ DƯ CUỐI NĂM
	VND	VND	VND	VND
Chênh lệch đánh giá lại các tài sản tài chính sẵn sàng để bán	14.985.873.318	17.843.729.600	(1.010.000.000)	31.819.602.918
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	(2.997.174.664)	(3.564.745.920)	198.000.000	(6.363.920.584)
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	400.000.000	(400.000.000)	-
	11.988.698.654	**14.678.983.680**	**(1.212.000.000)**	**25.455.682.334**

THÔNG TIN BỔ SUNG CHO BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thu nhập và chi phí, lãi hoặc lỗ hạch toán trực tiếp vào nguồn vốn chủ sở hữu như sau:

	NGÀY 31/12/2017	NGÀY 31/12/2016
	VND	VND
Thu nhập hạch toán trực tiếp vào nguồn vốn chủ sở hữu	21.815.503.680	13.507.605.949
▶ Lãi từ đánh giá lại tài sản tài chính AFS	21.815.503.680	13.507.605.949
Chi phí hạch toán trực tiếp vào nguồn vốn chủ sở hữu	(8.348.520.000)	(7.253.335.254)
▶ Lỗ từ đánh giá lại tài sản tài chính AFS	(8.348.520.000)	(7.253.335.254)
TỔNG CỘNG	**13.466.983.680**	**6.254.270.695**

NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

Nghiệp vụ với các bên liên quan

BÊN LIÊN QUAN	MỐI QUAN HỆ
Tập đoàn Bảo Việt	Công ty mẹ
Tổng Công ty Bảo Việt Nhân Thọ (BVNT)	Công ty cùng Tập đoàn
Bảo hiểm Nhân Thọ Hà Nội	Công ty thành viên (BVNT)
Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt (BHBV)	Công ty cùng Tập đoàn
Bảo hiểm Bảo Việt Hà Nội	Công ty thành viên (BHBV)
Công ty Quản lý Quỹ Bảo Việt	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty CP Đầu tư Bảo Việt	Công ty cùng Tập đoàn
Quỹ Đầu tư giá trị Bảo Việt	Đơn vị cùng Tập đoàn

NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

Nghiệp vụ với các bên liên quan (Tiếp)

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 bao gồm:

Đơn vị: VND

BÊN LIÊN QUAN	Nội dung nghiệp vụ	THU NHẬP/(CHI PHÍ) Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016
Tập đoàn Bảo Việt	Phí lưu ký	99.924.769	87.892.741
	Phí giao dịch chứng khoán	274.018.900	205.804.128
	Phí cung cấp báo cáo biến động cổ phiếu	87.500.000	70.000.000
	Phí tư vấn	150.000.000	210.000.000
	Phí chi trả cổ tức, quản lý sổ cổ đông	88.000.000	88.000.000
	Thuê văn phòng	(3.583.004.335)	(7.500.437.246)
	Phí công nghệ thông tin	(3.139.140.806)	(3.535.223.997)
Tổng Công ty Bảo Việt Nhân Thọ	Phí lưu ký	628.823.566	629.241.796
	Phí giao dịch chứng khoán	12.205.805.529	10.487.830.206
	Thuê văn phòng	(3.008.016.000)	(3.008.016.000)
Bảo hiểm Nhân Thọ Hà Nội	Thuê văn phòng	(498.000.000)	(498.000.000)
	Phí bảo hiểm An hưởng điền viên	(2.792.692.000)	(2.840.544.400)
Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt	Phí lưu ký	28.183.542	27.437.566
	Phí giao dịch chứng khoán	1.466.496.052	1.176.713.587
Bảo hiểm Bảo Việt Hà Nội	Phí bảo hiểm sức khỏe cho nhân viên	(1.002.777.090)	(993.719.160)
Công ty Quản lý Quỹ Bảo Việt	Phí lưu ký	232.673.443	229.515.324
	Phí giao dịch chứng khoán	79.266.231	140.517.808
Công ty CP Đầu tư Bảo Việt	Thuê văn phòng	(6.108.273.798)	(6.107.456.949)
	Phí dịch vụ quản lý tòa nhà	(916.178.162)	(1.724.581.365)
Quỹ đầu tư giá trị Bảo Việt	Cổ tức được nhận	-	4.000.000.000
	Phí giao dịch chứng khoán	917.858.486	222.396.900

Tại ngày 31/12/2017, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

Đơn vị: VND

BÊN LIÊN QUAN	Các giao dịch	PHẢI THU/(PHẢI TRẢ) Ngày 31/12/2017	Ngày 31/12/2016
Tập đoàn Bảo Việt	Phí cung cấp báo cáo biến động cổ phiếu	52.500.000	-
	Phí chi trả cổ tức và quản lý sổ cổ đông	88.000.000	88.000.000
	Dịch vụ CNTT	(1.606.898.379)	(821.215.545)
Quỹ đầu tư giá trị Bảo Việt	Phải thu cổ tức	-	4.000.000.000
Bảo hiểm Bảo Việt Hà Nội	Phí bảo hiểm sức khỏe cho nhân viên	(334.259.030)	(331.239.720)
Công ty Quản lý Quỹ Bảo Việt	Phí lưu ký chứng khoán	229.005.033	225.717.294
Công ty CP Đầu tư Bảo Việt	Thuê văn phòng	(1.400.899.500)	-
	Đặt cọc thuê nhà	462.596.640	462.596.640

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc

	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 VND	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 VND
Lương và thưởng của Ban Tổng Giám đốc Công ty (*)	5.245.825.000	5.283.266.750
Thù lao, thưởng của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát (**)	1.561.000.002	1.632.983.446
	6.806.825.002	**6.916.250.196**

(*) Lương, thưởng của Ban Tổng Giám đốc trong năm bao gồm (i) số phát sinh trong năm, (ii) thưởng hiệu quả của năm 2016 được chi trả trong năm 2017.
(**) Thù lao, thưởng của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát năm nay là số phát sinh trong năm, bao gồm (i) số phát sinh trong năm, (ii) thưởng hiệu quả của năm 2016 được chi trả trong năm 2017.

NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản.

	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 (trình bày lại(*))
Lợi nhuận sau thuế - VND	122.444.616.421	102.173.934.708
Điều chỉnh giảm do trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (**) – VND	(5.079.612.666)	(5.492.878.886)
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	72.200.145	72.209.441
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu – VND	1.626	1.339

(*) Số liệu so sánh được trình bày lại do tính đến ảnh hưởng của việc trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế năm trước.
(**) Giá trị điều chỉnh giảm do trích quỹ khen thưởng, phúc lợi được Công ty ước tính bằng 5% lợi nhuận sau thuế đã thực hiện.

Cam kết thuê hoạt động

Công ty hiện đang thuê văn phòng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau :

	Ngày 31/12/2017 VND	Ngày 31/12/2016 VND
Đến 1 năm	11.609.186.445	22.152.736.391
Trên 1 - 5 năm	16.107.656.142	22.988.775.223
TỔNG CỘNG	**27.716.842.587**	**45.141.511.614**

Thông tin báo cáo bộ phận

	Môi giới và dịch vụ khách hàng VND	Đầu tư tài sản tài chính VND	Tư vấn và các bộ phận khác VND	Không phân bổ VND	TỔNG CỘNG VND
Năm nay					
1. Doanh thu bộ phận	357.992.966.114	115.357.684.679	10.329.910.923	-	483.680.561.716
2. Chi phí bộ phận	188.786.820.622	52.420.370.804	7.686.434.533	81.579.373.558	330.472.999.517
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thuế	**169.206.145.492**	**62.937.313.875**	**2.643.476.390**	**(81.579.373.558)**	**153.207.562.199**
Năm ngoái					
1. Doanh thu bộ phận	225.087.466.390	90.687.047.076	11.538.398.520	-	327.312.911.986
2. Chi phí bộ phận	109.330.277.065	23.537.272.045	7.354.394.640	64.843.820.398	205.065.764.148
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thuế	**115.757.189.325**	**67.149.775.031**	**4.184.003.880**	**(64.843.820.398)**	**122.247.147.838**

(*) Công ty chưa trình bày các khoản mục tài sản và nợ phân bổ do hiện tại chưa có hướng dẫn cụ thể về cách thức và tiêu chí phân bổ.

Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính

Hệ thống quản lý rủi ro (QLRR) tại Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt (BVSC) được thực hiện nhằm mục đích giảm thiểu các sự kiện rủi ro có thể xảy ra đồng thời tạo điều kiện để BVSC đạt được các mục tiêu kinh doanh và lợi nhuận một cách ổn định, an toàn và hiệu quả.

Công tác QTRR tại BVSC được tổ chức thực hiện thống nhất từ Hội đồng quản trị (HĐQT), Ban Tổng giám đốc, các lãnh đạo bộ phận nghiệp vụ tới từng cán bộ nhân viên trong Công ty.

Bộ phận QTRR chịu trách nhiệm theo dõi, tổng hợp và báo cáo rủi ro tháng Định kỳ hàng quý, BVSC tiến hành họp HĐ QLRR để rà soát các rủi ro phát sinh trong năm, nhận diện và đánh giá mức độ của các rủi ro trọng yếu tác động tới hoạt động kinh doanh của công ty nói chung cũng như rủi ro tác động tới công cụ tài chính nói riêng.

Các công cụ tài chính tại Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt chịu sự tác động của 3 loại rủi ro chính là: rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính (Tiếp)

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của thị trường. Rủi ro thị trường ảnh hưởng tới Công ty bao gồm hai loại rủi ro: rủi ro lãi suất, và rủi ro về giá các công cụ tài chính. Công ty không có rủi ro về thay đổi tỷ giá ngoại tệ do Công ty không nắm giữ ngoại tệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2017. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi, các khoản đầu tư sẵn sàng để bán và các khoản cho vay và phải thu.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn, trái phiếu, các khoản vay ngắn hạn, các khoản repo và hoạt động giao dịch ký quỹ (margin). Với đầu tư trái phiếu, rủi ro lãi suất được đánh giá ở mức thấp do trái phiếu của Công ty là trái phiếu có lãi suất cố định.Các khoản đầu tư tiền gửi có kỳ hạn được đánh giá là chịu mức rủi ro trung bình. Tuy nhiên, Ban Điều hành BVSC cho rằng rủi ro này là chấp nhận được, cân nhắc tới sự cân bằng giữa các mục tiêu thanh khoản, lợi nhuận từ đầu tư tiền gửi và việc sẵn sàng tận dụng các cơ hội đầu tư trên thị trường chứng khoán.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách theo dõi chặt chẽ tình hình thị trường có liên quan để thu thập các lãi suất có lợi cho các mục đích quản lý giới hạn rủi ro của Công ty.

Rủi ro về giá cổ phiếu đối với danh mục tự doanh

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của chứng khoán đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá chứng khoán niêm yết bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các hạn mức đầu tư theo Quy chế đầu tư số 01/2015/QĐ/HĐQT-BVSC ban hành ngày 20 tháng 01 năm 2015.Qua từng năm, Hội đồng Quản trị điều chỉnh, bổ sung các hạn mức này cho phù hợp với thị trường và chiến lược của công ty. Phụ lục mới nhất về Phân cấp quyết định đầu tư và Hạn mức đầu tư được Hội đồng Quản trị ban hành vào ngày 17 tháng 03 năm 2017.

Danh mục các cổ phiếu niêm yết chịu ảnh hưởng trực tiếp của biến động giá trên sàn giao dịch hàng ngày. Khi giá cổ phiếu giảm xuống dưới giá vốn thì sẽ phát sinh rủi ro phải trích lập dự phòng cho danh mục cổ phiếu. Danh mục cổ phiếu chưa niêm yết lại có xu hướng xấu đi nếu thị trường cổ phiếu niêm yết trong điều kiện xấu. Do vậy, nếu thị trường cổ phiếu giảm mạnh thì hai danh mục cùng có sự tương quan đồng biến làm gia tăng mức rủi ro. Rủi ro này ảnh hưởng trực tiếp tới kết quả kinh doanh của Công ty thông qua việc trích lập dự phòng.

Với mục đích giảm sự tác động của rủi ro thị trường mà cụ thể là rủi ro giá cổ phiếu tới kết quả kinh doanh của công ty, trong một vài năm gần đây, BVSC đã chủ trương tái cơ cấu danh mục theo hướng giảm tỷ trọng đầu tư cổ phiếu. Tính tới ngày 31 tháng 12 năm 2017, danh mục cổ phiếu (niêm yết và chưa niêm yết) chiếm tỷ trọng 13,7%/vốn chủ sở hữu.

Công cụ đánh giá rủi ro mà BVSC sử dụng là phương pháp phân tích kịch bản (scenario analysis) được sử dụng để đánh giá mức độ ảnh hưởng của biến động giá trị hợp lý danh mục cổ phiếu lên kết quả kinh doanh khi đưa ra các kịch bản thị trường khác nhau. Phân tích dưới đây cho thấy mức độ ảnh hưởng của biến động danh mục cổ phiếu niêm yết lên kết quả kinh doanh khi chỉ số thị trường hai sàn chứng khoán biến động +/-10%:

	Biến động của giá thị trường	Ảnh hưởng lên lợi nhuận trước thuế (VND)
31 tháng 12 năm 2017		
1. Kịch bản 1	+10%	3.785.346.670
2. Kịch bản 2	-10%	(3.785.346.670)
31 tháng 12 năm 2016		
3. Kịch bản 1	+10%	4.342.614.532
4. Kịch bản 2	-10%	(4.342.614.532)

Đối với cổ phiếu nằm trong danh mục giao dịch ký quỹ: khi mức giá chứng khoán biến động quá lớn có thể khiến cho tổng giá trị tài sản đảm bảo thấp hơn giá trị khoản vay khiến cho BVSC chịu rủi ro thanh toán từ phía khách hàng (Xem phần quản lý rủi ro tín dụng đối với hoạt động giao dịch ký quỹ ở phần sau của Thuyết minh này).

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà đối tác sẽ không thực hiện các nghĩa vụ của mình theo quy định của một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng, dẫn đến tổn thất về tài chính. BVSC phải đối mặt với những rủi ro thanh toán khi tham gia ký kết vào những khoản đầu tư tiền gửi có kỳ hạn, mua trái phiếu doanh nghiệp, và những hợp đồng cho khách hàng vay ký quỹ.

Tiền gửi ngân hàng

Để quản trị rủi ro tín dụng, BVSC chỉ thực hiện gửi tiền có kỳ hạn tại các ngân hàng được xếp hạng tín dụng tốt thuộc nhóm 1 và 2 theo đánh giá của Khối Quản lý Rủi ro Công ty Mẹ Tập đoàn Bảo Việt. Hạn mức đầu tư vào tiền gửi ngân hàng cũng được thực hiện tuân thủ theo hạn mức rủi ro mà HĐQT đã phê duyệt vào đầu các năm tài chính. Thực tế cho thấy BVSC không gặp phải tình trạng chậm thanh toán hay buộc phải gia hạn thêm với các khoản đầu tư tiền gửi. Rủi ro tín dụng với công cụ đầu tư này được đánh giá là thấp.

Đầu tư trái phiếu

BVSC đầu tư vào cả trái phiếu Chính phủ và trái phiếu Doanh nghiệp trên nguyên tắc tuân thủ các hạn mức đầu tư đề ra của Hội đồng quản trị BVSC. Mỗi quyết định đầu tư đều được đưa ra sau khi thực hiện Quy trình đầu tư của Công ty, theo đó mức độ tín nhiệm và rủi ro về khả năng thanh toán của Tổ chức phát hành sẽ được đánh giá một cách cụ thể. Rủi ro chính của hoạt động đầu tư trái phiếu Doanh nghiệp là khả năng thanh toán của Tổ chức phát hành tại thời điểm thanh toán lãi trái tức và gốc trái phiếu và việc xử lý tài sản đảm bảo (nếu có) trong trường hợp Tổ chức phát hành mất khả năng thanh toán. Trái phiếu Chính phủ ít rủi ro hơn do việc thanh toán đã được Chính phủ bảo lãnh.

NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính (Tiếp)

Hoạt động giao dịch ký quỹ

Để quản trị rủi ro tín dụng trong dịch vụ cho vay ký quỹ, Công ty đã xây dựng chính sách đánh giá tín nhiệm và xếp loại khách hàng. Các thông tin về mức độ tín nhiệm, lịch sử giao dịch và tài sản của khách hàng là những tiêu chí chính để xếp loại. Thêm vào đó, Công ty thực hiện việc đánh giá và điều chỉnh xếp loại khách hàng hàng tháng, đảm bảo tính cập nhật.

Công ty cũng đưa ra chính sách về quản lý danh mục chứng khoán được phép vay ký quỹ cũng như hạn mức của từng mã cổ phiếu được nhận làm tài sản đảm bảo. Danh mục này được xây dựng từ việc phân tích, đánh giá các yếu tố như: sự biến động về giá, tính thanh khoản của từng cổ phiếu trong tháng, v.v. Danh mục này cũng đảm bảo tuân thủ quy định của UBCK theo như Quyết định số 87/QĐ-UBCK ngày 25 tháng 01 năm 2017 về việc ban hành quy chế hướng dẫn giao dịch ký quỹ chứng khoán.

Rủi ro tín dụng còn được quản trị qua việc xây dựng bộ tỷ lệ ký quỹ và các điều kiện xử lý bán tài sản đảm bảo, nhằm thu hồi vốn vay khi Công ty đối mặt với việc khách hàng giảm, mất độ tín nhiệm và không thực hiện được việc bổ sung tài sản đảm bảo hoặc không tất toán món vay khi đến hạn. Bằng việc thực hiện các chính sách quản trị rủi ro đồng bộ, hoạt động giao dịch ký quỹ đang được đánh giá là có mức rủi ro tín dụng trung bình.

Chi tiết về phân loại chất lượng tín dụng toàn bộ tài sản tài chính (theo giá trị thuần sau khi trích lập dự phòng) có liên quan đến rủi ro tín dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 như sau:

Đơn vị: VND

	Không quá hạn và không bị suy giảm giá trị	Quá hạn nhưng không bị suy giảm giá trị				Tài sản tài chính bị suy giảm giá trị	TỔNG CỘNG
		Dưới 3 tháng	3 – 6 tháng	6 – 12 tháng	Trên 1 năm		
31 tháng 12 năm 2017							
Các khoản đầu tư kỳ hạn cố định	**349.707.442.686**	-	-	-	-	-	**349.707.442.686**
Trái phiếu	233.997.759.349	-	-	-	-	-	233.997.759.349
Hợp đồng tiền gửi	115.709.683.337	-	-	-	-	-	115.709.683.337
Tài sản tài chính khác	**1.144.994.693.855**	-	-	-	**438.657.967**	**2.812.274.100**	**1.148.245.625.922**
Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	21.158.480.060	-	-	-	-	-	21.158.480.060
Phải thu cổ tức	353.779.300	-	-	-	-	-	353.779.300
Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	1.108.142.878.039	-	-	-	20.810.097	2.812.274.100	1.110.975.962.236
Khác	15.339.556.456	-	-	-	417.847.870	-	15.757.404.326
Tiền và các khoản tương đương tiền	**228.383.433.703**	-	-	-	-	-	**228.383.433.703**
TỔNG CỘNG	**1.723.085.570.244**	-	-	-	**438.657.967**	**2.812.274.100**	**1.726.336.502.311**

Chi tiết về phân loại chất lượng tín dụng toàn bộ tài sản tài chính (theo giá trị thuần sau khi trích lập dự phòng) có liên quan đến rủi ro tín dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 như sau:

Đơn vị: VND

	Không quá hạn và không bị suy giảm giá trị	Quá hạn nhưng không bị suy giảm giá trị				Tài sản tài chính bị suy giảm giá trị	TỔNG CỘNG
		Dưới 3 tháng	3 – 6 tháng	6 – 12 tháng	Trên 1 năm		
31 tháng 12 năm 2016							
Các khoản đầu tư kỳ hạn cố định	**598.843.402.421**	-	-	-	-	-	**598.843.402.421**
Trái phiếu	233.998.558.415	-	-	-	-	-	233.998.558.415
Hợp đồng tiền gửi	364.844.844.006	-	-	-	-	-	364.844.844.006
Tài sản tài chính khác	**771.498.123.991**	-	-	-	-	-	**771.498.123.991**
Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	21.147.619.087	-	-	-	-	-	21.147.619.087
Phải thu cổ tức	4.050.125.350	-	-	-	-	-	4.050.125.350
Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	739.443.370.994	-	-	-	-	-	739.443.370.994
Khác	6.857.008.560	-	-	-	-	-	6.857.008.560
Tiền và các khoản tương đương tiền	**117.958.400.723**	-	-	-	-	-	**117.958.400.723**
TỔNG CỘNG	**1.488.299.927.135**	-	-	-	-	-	**1.488.299.927.135**

Không quá hạn và không bị suy giảm giá trị: các tài sản tài chính hoặc các khoản cho vay có lãi và gốc không bị quá hạn và không có bằng chứng về giảm giá trị.

Quá hạn nhưng không bị suy giảm giá trị: tài sản tài chính có lãi hoặc gốc quá hạn nhưng Công ty cho rằng các tài sản này không bị giảm giá trị do có tài sản đảm bảo, và tin tưởng vào mức độ tin cậy tín dụng của khách hàng và các yếu tố tích cực khác.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro không thực hiện được các cam kết tài chính do mất cân đối giữa tài sản và công nợ trong ngắn hạn. Mục tiêu quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty là nhằm đảm bảo cân đối giữa các luồng tiền và các cam kết tài chính khi đến hạn. Rủi ro thanh khoản xuất hiện khi BVSC tham gia vào các hoạt động kinh doanh trong đó có tồn tại về các cam kết tài chính trong ngắn hạn như hoạt động thanh toán bù trừ các nghĩa vụ thanh toán cho VSD, các Sở Giao dịch Chứng khoán và các khách hàng giao dịch chứng khoán.

Chính sách của BVSC là luôn tuân thủ chặt chẽ các quy định của cơ quan quản lý, tuân thủ chính sách nội bộ về cân đối dòng tiền và thanh khoản. Tại BVSC chưa từng xảy ra trường hợp mất thanh khoản nào trong việc thanh toán bù trừ cũng như các nghĩa vụ thanh toán khác. Tỷ lệ vốn khả dụng của BVSC luôn duy trì ở trên 700%, cao hơn nhiều so với tỷ lệ quy định 180%.

NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính (Tiếp)

Rủi ro thanh khoản (Tiếp)

Bảng sau đây tóm tắt thời gian đáo hạn theo hợp đồng của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính trên cơ sở chưa chiết khấu tại ngày 31 tháng 12 năm 2017:

Đơn vị: triệu đồng

	Quá hạn	Không có ngày đáo hạn xác định	Đến 01 năm	Từ 01 – 03 năm	Từ 03 – 05 năm	Từ 05 – 15 năm	Trên 15 năm	TỔNG CỘNG
31 tháng 12 năm 2017								
TÀI SẢN TÀI CHÍNH								
Các khoản đầu tư tài chính	**-**	**427.914**	**223.816**	**24.000**	**106.350**	**58.700**	**-**	**840.780**
Trái phiếu	-	-	107.123	24.000	106.350	58.700	-	296.173
Hợp đồng tiền gửi	-	-	116.693	-	-	-	-	116.693
Cổ phiếu	-	427.914	-	-	-	-	-	427.914
Tài sản tài chính khác	**439**	**20.000**	**1.127.806**	**-**	**-**	**-**	**-**	**1.148.245**
Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	-	20.000	1.158	-	-	-	-	21.158
Phải thu cổ tức	-	-	354	-	-	-	-	354
Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	21	-	1.110.955	-	-	-	-	1.110.976
Khác	418	-	15.339	-	-	-	-	15.757
Tiền và các khoản tương đương tiền	**-**	**-**	**228.383**	**-**	**-**	**-**	**-**	**228.383**
TỔNG CỘNG	**439**	**447.914**	**1.580.005**	**24.000**	**106.350**	**58.700**	**-**	**2.217.408**
NỢ TÀI CHÍNH								
Vay và nợ ngắn hạn	-	-	89.986	-	-	-	-	89.986
Chi phí phải trả	-	-	3.349	-	-	-	-	3.349
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	-	-	3.787	-	-	-	-	3.787
Khác	-	-	320.484	-	-	-	-	320.484
TỔNG CỘNG	**-**	**-**	**417.606**	**-**	**-**	**-**	**-**	**417.606**

Bảng sau đây tóm tắt thời gian đáo hạn theo hợp đồng của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính trên cơ sở chưa chiết khấu tại ngày 31 tháng 12 năm 2016:

Đơn vị: VND

	Quá hạn	Không có ngày đáo hạn xác định	Đến 01 năm	Từ 01 – 03 năm	Từ 03 – 05 năm	Từ 05 – 15 năm	Trên 15 năm	TỔNG CỘNG
31 tháng 12 năm 2016								
TÀI SẢN TÀI CHÍNH								
Các khoản đầu tư tài chính	**-**	**308.943**	**359.575**	**150.056**	**24.000**	**160.700**	**-**	**1.003.274**
Trái phiếu	-	-	87.058	45.680	24.000	160.700	-	317.438
Hợp đồng tiền gửi	-	-	272.517	104.376	-	-	-	376.893
Cổ phiếu	-	308.943	-	-	-	-	-	308.943
Tài sản tài chính khác	**-**	**20.000**	**751.498**	**-**	**-**	**-**	**-**	**771.498**
Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	-	20.000	1.148	-	-	-	-	21.148
Phải thu cổ tức	-	-	4.050	-	-	-	-	4.050
Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	-	-	739.443	-	-	-	-	739.443
Khác	-	-	6.857	-	-	-	-	6.857
Tiền và các khoản tương đương tiền	**-**	**-**	**117.958**	**-**	**-**	**-**	**-**	**117.958**
TỔNG CỘNG	**-**	**328.943**	**1.229.031**	**150.056**	**24.000**	**160.700**	**-**	**1.892.730**
NỢ TÀI CHÍNH								
Vay và nợ ngắn hạn	-	-	159.677	-	-	-	-	159.677
Chi phí phải trả	-	-	1.910	-	-	-	-	1.910
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	-	-	2.626	-	-	-	-	2.626
Khác	-	-	101.477	-	-	-	-	101.477
TỔNG CỘNG	**-**	**-**	**265.690**	**-**	**-**	**-**	**-**	**265.690**

Công ty đã đánh giá mức độ rủi ro tập trung đối với việc thanh toán các khoản nợ ở mức thấp.

NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

Trình bày lại dữ liệu tương ứng

Trong năm, do ảnh hưởng của việc thay đổi chính sách kế toán theo Luật Kế toán mới, một số khoản mục tương ứng trên báo cáo tài chính tổng hợp năm trước đã được trình bày lại cho phù hợp với cách ghi nhận của báo cáo tài chính tổng hợp năm nay.

a. *Trích từ báo cáo tình hình tài chính tổng hợp*

CHỈ TIÊU	Diễn giải	Ngày 31/12/2016 (đã trình bày trước đây) VND	Trình bày lại VND	Ngày 31/12/2016 (trình bày lại) VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		**1.342.246.508.351**	**20.989.556.390**	**1.363.236.064.741**
I. Tài sản tài chính		**1.338.948.130.517**	**20.989.556.390**	**1.359.937.686.907**
1. Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ (FVTPL)	[1]	122.951.021.045	(9.127.949.725)	113.823.071.320
2. Các tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)	[2]	107.519.517.159	11.572.227.318	119.091.744.477
3. Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp	[3]	(78.258.018.426)	18.545.278.797	(59.712.739.629)
B. TÀI SẢN DÀI HẠN		**513.008.962.674**	**3.413.646.000**	**516.422.608.674**
I. Tài sản tài chính dài hạn		**479.676.335.859**	**3.413.646.000**	**483.089.981.859**
1. Các khoản đầu tư		509.676.335.859	3.413.646.000	513.089.981.859
1.1. Đầu tư dài hạn khác	[2]	181.150.483.000	3.413.646.000	184.564.129.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN		**1.855.255.471.025**	**24.403.202.390**	**1.879.658.673.415**
C. NỢ PHẢI TRẢ		**307.093.147.441**	**4.880.640.479**	**311.973.787.920**
II. Nợ phải trả dài hạn		**-**	**4.880.640.479**	**4.880.640.479**
1. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	[4]	-	4.880.640.479	4.880.640.479
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		**1.548.162.323.584**	**19.522.561.911**	**1.567.684.885.495**
I. Vốn chủ sở hữu		**1.548.162.323.584**	**19.522.561.911**	**1.567.684.885.495**
1. Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý	[2]	-	11.988.698.654	11.988.698.654
2. Lợi nhuận chưa phân phối		168.277.570.560	7.533.863.257	175.811.433.817
2.1. Lợi nhuận chưa thực hiện	[1]	-	7.533.863.257	7.533.863.257
TỔNG CỘNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		**1.855.255.471.025**	**24.403.202.390**	**1.879.658.673.415**

b. *Trích từ báo cáo kết quả hoạt động tổng hợp*

CHỈ TIÊU	Diễn giải	Ngày 31/12/2016 (đã trình bày trước đây) VND	Trình bày lại VND	Ngày 31/12/2016 (trình bày lại) VND
I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG				
1. Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)		18.553.937.224	33.157.240.357	51.711.177.581
b. Chênh lệch tăng đánh giá lại các TSTC FVTPL	[1]	-	33.157.240.357	33.157.240.357
Cộng doanh thu hoạt động		**275.739.279.451**	**33.157.240.357**	**308.896.519.808**
II. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG				
1. Lỗ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ (FVTPL)		(13.631.600.256)	(18.105.588.075)	(31.737.188.331)
b. Chênh lệch giảm đánh giá lại các TSTC FVTPL	[1]	-	(18.105.588.075)	(18.105.588.075)
2. Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay	[3]	22.714.561.240	(12.870.919.342)	9.843.641.898
Cộng chi phí hoạt động		**(102.565.910.556)**	**(30.976.507.417)**	**(133.542.417.973)**
VI. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG		**120.066.414.898**	**2.180.732.940**	**122.247.147.838**
VIII. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ		**119.306.206.190**	**2.180.732.940**	**121.486.939.130**
Lợi nhuận đã thực hiện	[3]	119.306.206.190	(12.870.919.342)	106.435.286.848
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	[1]	-	15.051.652.282	15.051.652.282
IX. CHI PHÍ THUẾ TNDN		**(17.591.785.884)**	**(1.721.218.538)**	**(19.313.004.422)**
2. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	[4]	**-**	**(1.721.218.538)**	**(1.721.218.538)**
X. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN		**101.714.420.306**	**459.514.402**	**102.173.934.708**
XI. THU NHẬP (LỖ) TOÀN DIỆN KHÁC SAU THUẾ TNDN		**-**	**6.254.270.695**	**6.254.270.695**
Lãi từ đánh giá lại các tài sản tài chính sẵn sàng để bán	[2]	-	6.254.270.695	6.254.270.695
Tổng thu nhập toàn diện		**-**	**6.254.270.695**	**6.254.270.695**
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (Đồng/1 cổ phiếu)		1.345	(6)	1.339

[1] Điều chỉnh các tài sản tài chính FVTPL ghi nhận theo giá trị hợp lý
[2] Điều chỉnh các tài sản tài chính AFS ghi nhận theo giá trị hợp lý
[3] Điều chỉnh dự phòng của các tài sản tài chính FVTPL và AFS ghi nhận theo giá trị hợp lý
[4] Điều chỉnh thuế thu nhập hoãn lại do ảnh hưởng của việc ghi nhận theo giá trị hợp lý các tài sản tài chính FVTPL và AFS

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Vào ngày lập báo cáo tài chính tổng hợp này, không có sự kiện nào trọng yếu nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2017 yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trên báo cáo tài chính tổng hợp tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Bà Vũ Thị Thùy Linh	**Bà Nguyễn Hồng Thủy**	**Ông Nhữ Đình Hòa**
Người lập	**Người phê duyệt**	**Người phê duyệt**
Phó phòng Tài chính Kế toán	Công ty thành viên (BVNT)	Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 26 tháng 03 năm 2018

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt ("Công ty", "BVSC") là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép thành lập số 4640/GP-UB do Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội cấp ngày 01 tháng 10 năm 1999, Giấy phép Hoạt động Kinh doanh số 01/GPHĐKD ngày 26 tháng 11 năm 1999 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp và Quyết định số 36/GPĐC-UBCK của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 02 tháng 8 năm 2017 điều chỉnh Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 01/GPHĐKD.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty có trụ sở chính tại tầng 2 và 3, tòa nhà số 72 Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội và Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh tại Tòa nhà Tập đoàn Bảo Việt – số 233 Đồng Khởi, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Đậu Minh Lâm	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 12 tháng 5 năm 2016
Ông Lê Văn Bình	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 4 năm 2015
Ông Phạm Ngọc Tú	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 27 tháng 6 năm 2017
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 12 tháng 5 năm 2016
Ông Nhữ Đình Hòa	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 4 năm 2015
Ông Nguyễn Hồng Tuấn	Thành viên	Bổ nghiệm ngày 27 tháng 6 năm 2017
Ông Nguyễn Quang Hưng	Thành viên	Bổ nghiệm ngày 27 tháng 6 năm 2017

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Xuân Hòa	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 4 năm 2015
Ông Hoàng Giang Bình	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 4 năm 2015
Bà Nguyễn Thị Thanh Vân	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 4 năm 2015

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nhữ Đình Hòa	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 4 năm 2015
Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 4 năm 2015
Ông Võ Hữu Tuấn	Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 4 năm 2015

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là ông Nhữ Đình Hòa, chức danh Tổng Giám đốc.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ những yêu cầu của Thông tư số 87/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2017.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty, báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính kèm theo được lập và trình bày phù hợp với Thông tư số 87/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:

Ông Nhữ Đình Hòa
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 26 tháng 03 năm 2018

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

SỐ THAM CHIẾU: 60758149/19544708/ATTC

KÍNH GỬI: **CÁC CỔ ĐÔNG**
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢO VIỆT

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính kèm theo tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt ("Công ty") được lập ngày 26 tháng 3 năm 2018 và được trình bày từ trang 05 đến trang 28. Báo cáo này đã được Ban Tổng Giám đốc Công ty lập theo các quy định của Thông tư số 87/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính (sau đây gọi là "các quy định về lập báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính") và Thuyết minh số 2.1 của báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính phù hợp với các quy định về lập báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính và Thuyết minh số 2.1 của báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách lập báo cáo được áp dụng cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Công ty đã được lập và trình bày, trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với các quy định về lập báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính và Thuyết minh số 2.1 của báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính.

Chính sách lập báo cáo và giới hạn về sử dụng báo cáo kiểm toán

Không phủ nhận ý kiến nêu trên, chúng tôi xin lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 2.1 và Thuyết minh số 3 mô tả các quy định áp dụng, các diễn giải và các chính sách lập báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính. Đồng thời như trình bày trong Thuyết minh số 2.2, báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính được lập nhằm tuân thủ các quy định về lập và công bố thông tin về báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty. Do đó, báo cáo này có thể không phù hợp để sử dụng cho các mục đích khác.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam

CHI NHÁNH CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN ERNST & YOUNG TẠI HÀ NỘI

Trịnh Hoàng Anh
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN Kiểm toán: 2071-2018-004-1

Lương Thị Phương Dung
Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN Kiểm toán: 3054-2014-004-1

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 26 tháng 03 năm 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢO VIỆT
Số Công văn: .../2018/ BVSC-TCKT

V/v: báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 26 tháng 3 năm 2018

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại thời điểm: 31 tháng 12 năm 2017

Kính gửi: Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước

Chúng tôi cam đoan rằng:

(1) Báo cáo được xây dựng trên cơ sở số liệu được cập nhật tại ngày lập báo cáo theo đúng quy định tại Thông tư số 87/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính;

(2) Đối với những vấn đề có thể ảnh hưởng đến tình hình tài chính của Công ty phát sinh sau ngày lập báo cáo này, chúng tôi sẽ cập nhật trong kỳ báo cáo tiếp theo;

(3) Chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước Pháp luật về tính chính xác và trung thực của nội dung báo cáo.

Bà Vũ Thị Thùy Linh
Người lập
Phó phòng Tài chính Kế toán

Bà Nguyễn Hồng Thủy
Người phê duyệt
Trưởng phòng Tài chính Kế toán

Ông Nhữ Đình Hòa
Người phê duyệt
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 26 tháng 03 năm 2018

TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2017

STT	CÁC CHỈ TIÊU	THUYẾT MINH	GIÁ TRỊ RỦI RO/ VỐN KHẢ DỤNG
		VND	VND
1	Tổng giá trị rủi ro thị trường	4	105.478.784.216
2	Tổng giá trị rủi ro thanh toán	5	37.695.229.236
3	Tổng giá trị rủi ro hoạt động	6	78.697.348.829
4	**Tổng giá trị rủi ro (4=1+2+3)**		**221.871.362.281**
5	**Vốn khả dụng**	**7**	**1.557.349.252.782**
6	**Tỷ lệ an toàn Vốn khả dụng (6=5/4) (%)**		**702%**

Bà Vũ Thị Thùy Linh
Người lập
Phó phòng Tài chính Kế toán

Bà Nguyễn Hồng Thủy
Người phê duyệt
Trưởng phòng Tài chính Kế toán

Ông Nhữ Đình Hòa
Người phê duyệt
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 26 tháng 03 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2017

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt ("Công ty", "BVSC") là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép thành lập số 4640/GP-UB do Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội cấp ngày 01 tháng 10 năm 1999, Giấy phép Hoạt động Kinh doanh số 01/GPHĐKD ngày 26 tháng 11 năm 1999 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp và Quyết định số 36/GPĐC-UBCK của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 02 tháng 8 năm 2017 điều chỉnh Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 01/GPHĐKD.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty bao gồm cung cấp các dịch vụ môi giới chứng khoán, lưu ký chứng khoán, tự doanh và bảo lãnh phát hành chứng khoán, tư vấn tài chính, đầu tư chứng khoán và giao dịch ký quỹ chứng khoán.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty có trụ sở chính tại tầng 2 và 3, tòa nhà số 72 Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội và Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh tại Tòa nhà Tập đoàn Bảo Việt – số 233 Đồng Khởi, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Công ty có các phòng giao dịch sau:

TÊN PHÒNG GIAO DỊCH	ĐỊA CHỈ
Phòng giao dịch Trụ sở chính (Hà Nội)	Từ 01/01/2017 – 01/8/2017: 8 Lê Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
	Từ 02/8/2017 – nay: 72 Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
Phòng giao dịch số 1 (Hà Nội)	94 Bà Triệu, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
Phòng giao dịch Kim Mã (Hà Nội)	Tầng 2, tòa nhà VIT, 519 Kim Mã, Ba Đình, Hà Nội
Phòng giao dịch Láng Hạ (Hà Nội)	Tầng 12, tòa nhà 14 Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội
Phòng giao dịch Cao Thắng (TP Hồ Chí Minh)	90 Cao Thắng, Quận 3, TP Hồ Chí Minh
Phòng giao dịch 11 Nguyễn Công Trứ (TP Hồ Chí Minh)	11 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, TP Hồ Chí Minh
Phòng giao dịch 233 Đồng Khởi (TP Hồ Chí Minh)	233 Đồng Khởi, Quận 1, TP Hồ Chí Minh
Phòng giao dịch Lê Hồng Phong (TP Hồ Chí Minh)	Tầng 1 & 2 số 174 Lê Hồng Phong, Phường 3, Quận 5, TP Hồ Chí Minh

Những đặc điểm chính về hoạt động của Công ty

Quy mô vốn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, tổng vốn điều lệ của Công ty là: 722.339.370.000 VND. Vốn chủ sở hữu là: 1.698.103.606.710 VND. Tổng tài sản là: 2.198.954.446.672 VND.

Mục tiêu đầu tư

Là công ty chứng khoán niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam với hoạt động chính bao gồm môi giới chứng khoán; tự doanh chứng khoán; bảo lãnh phát hành chứng khoán; tư vấn tài chính; đầu tư chứng khoán và giao dịch ký quỹ chứng khoán. Công ty hoạt động với mục tiêu là đóng góp cho sự phát triển của thị trường chứng khoán, đem lại lợi ích cho khách hàng, các nhà đầu tư và cổ đông của Công ty.

Hạn chế đầu tư

Công ty tuân thủ quy định tại Điều 44, Thông tư số 210/2012/TT-BTC ngày 30 tháng 11 năm 2012 hướng dẫn về thành lập và hoạt động công ty chứng khoán và Thông tư số 07/2016/TT-BTC ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Bộ Tài Chính sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 210/2012/TT-BTC và các quy định hiện hành về hạn chế đầu tư. Một số quy định hiện hành về hạn chế đầu tư như sau:

- Công ty chứng khoán không được mua, góp vốn mua bất động sản trừ trường hợp để sử dụng làm trụ sở chính, chi nhánh, phòng giao dịch phục vụ trực tiếp cho các hoạt động nghiệp vụ của công ty chứng khoán.

- Công ty chứng khoán mua, đầu tư vào bất động sản và tài sản cố định theo nguyên tắc giá trị còn lại của tài sản cố định và bất động sản không được vượt quá năm mươi phần trăm (50%) giá trị tổng tài sản của công ty chứng khoán.

- Tổng giá trị đầu tư vào các trái phiếu doanh nghiệp của công ty chứng khoán không được vượt quá 70% vốn chủ sở hữu. Công ty chứng khoán được cấp phép thực hiện nghiệp vụ tự doanh chứng khoán được phép mua bán lại trái phiếu niêm yết theo quy định có liên quan về mua bán lại trái phiếu chính phủ.

- Công ty chứng khoán không được trực tiếp hoặc ủy thác thực hiện các nghiệp vụ sau: Đầu tư vào cổ phiếu hoặc phần vốn góp của công ty có sở hữu trên năm mươi phần trăm (50%) vốn điều lệ của công ty chứng khoán, trừ trường hợp mua cổ phiếu lô lẻ theo yêu cầu của khách hàng; Cùng với người có liên quan đầu tư từ năm phần trăm (5%) trở lên vốn điều lệ của công ty chứng khoán khác; Đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức niêm yết; Đầu tư quá 15% tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức chưa niêm yết, quy định này không áp dụng đối với chứng chỉ quỹ thành viên, quỹ hoán đổi danh mục và quỹ mở; Đầu tư hoặc góp vốn quá 15% vốn chủ sở hữu tổng số vốn góp của một công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc dự án kinh doanh; Đầu tư hoặc góp vốn quá 15% vốn chủ sở hữu vào một tổ chức hoặc dự án kinh doanh; Đầu tư quá 70% vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu, phần vốn góp và dự án kinh doanh, trong đó không được đầu tư quá 20% vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu chưa niêm yết, phần vốn góp và dự án kinh doanh.

CƠ SỞ TRÌNH BÀY

Các văn bản pháp quy áp dụng

Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty được lập và trình bày phù hợp với quy định trong Thông tư số 87/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính ("Thông tư 87"). Thông tư 87 có hiệu lực thi hành từ ngày 10 tháng 10 năm 2017 và thay thế Thông tư số 226/2010/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính và Thông tư số 165/2012/TT-BTC ngày 09 tháng 10 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 226/2010/TT-BTC. Một số điểm mới của Thông tư 87 bao gồm:

- Bổ sung cách tính toán rủi ro thị trường cho chứng khoán phái sinh và chứng quyền có đảm bảo niêm yết.
- Sửa đổi, làm rõ cách xác định giá trị của một số chỉ tiêu trên bảng tính rủi ro thị trường, rủi ro thanh toán và vốn khả dụng.

Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính này được lập trên cơ sở số liệu tài chính của Công ty tại ngày lập báo cáo.

Các cách thức diễn giải được áp dụng trong trường hợp không có hướng dẫn cụ thể trong Thông tư 87

Trong quá trình lập và trình bày báo cáo này, do Thông tư 87 chưa có hướng dẫn cụ thể nên Công ty đã áp dụng các diễn giải dưới đây cho một số khoản mục dựa trên hiểu biết và đánh giá của Công ty. Cụ thể như sau:

STT	KHOẢN MỤC	CÁCH THỨC DIỄN GIẢI CỦA CÔNG TY
1	Chỉ tiêu **"Các khoản giảm trừ khỏi tổng chi phí"** (Khoản 2, Điều 8 – Giá trị rủi ro hoạt động, Thông tư 87/2017/TT-BTC)	Để xác định chính xác chỉ tiêu chi phí duy trì hoạt động của tổ chức kinh doanh chứng khoán trong vòng mười hai (12) tháng liền kề tính tới thời điểm tính toán chỉ tiêu an toàn tài chính, các chi phí phi tiền tệ phát sinh trong kỳ cần được trừ đi khỏi tổng chi phí. Theo đó, các khoản giảm trừ khỏi tổng chi phí bao gồm các chi phí sau: - Chi phí khấu hao; - Chi phí hoặc hoàn nhập dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính ngắn hạn, tài sản tài chính dài hạn và tài sản thế chấp; - Chi phí hoặc hoàn nhập dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu; - Chi phí hoặc hoàn nhập dự phòng suy giảm giá trị các tài sản ngắn hạn khác; - Chênh lệch đánh giá giảm giá trị tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ ("FVTPL").
2	Chỉ tiêu **"Rủi ro tăng thêm"** (Khoản 5, Điều 9 – Giá trị rủi ro thị trường, Thông tư 87/2017/TT-BTC)	Giá trị rủi ro thị trường điều chỉnh tăng thêm được tính bằng: Giá trị rủi ro thị trường của tài sản tiềm ẩn rủi ro thị trường (chưa bao gồm phần rủi ro tăng thêm) x Hệ số rủi ro tăng thêm.
3	Chỉ tiêu **"Rủi ro tăng thêm"** (Khoản 8, Điều 10 – Giá trị rủi ro thanh toán, Thông tư 87/2017/TT-BTC)	Giá trị rủi ro thanh toán điều chỉnh tăng thêm được tính bằng: Giá trị rủi ro thanh toán của tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán (chưa bao gồm phần rủi ro tăng thêm) x Hệ số rủi ro tăng thêm.

Mục đích lập báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính

Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính được lập nhằm tuân thủ các quy định về lập và công bố thông tin về báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty và không phù hợp để sử dụng cho các mục đích khác.

Đồng tiền trên báo cáo

Công ty thực hiện lập báo cáo bằng đồng Việt Nam (VND).

CÁC CHÍNH SÁCH LẬP BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

Tỷ lệ vốn khả dụng

Tỷ lệ vốn khả dụng của Công ty được xác định theo công thức quy định trong Thông tư số 87/2017/TT-BTC như sau:

$$\text{Tỷ lệ vốn khả dụng} = \frac{\text{Vốn khả dụng x 100\%}}{\text{Tổng giá trị rủi ro}}$$

Trong đó, tổng giá trị rủi ro là tổng các giá trị rủi ro thị trường, giá trị rủi ro thanh toán và giá trị rủi ro hoạt động.

Vốn khả dụng

Theo quy định của Thông tư số 87/2017/TT-BTC, vốn khả dụng là vốn chủ sở hữu có thể chuyển đổi thành tiền trong vòng 90 ngày, cụ thể như sau:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu, không bao gồm vốn cổ phần ưu đãi hoàn lại (nếu có);
- Thặng dư vốn cổ phần, không bao gồm vốn cổ phần ưu đãi hoàn lại (nếu có);
- Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu – Cấu phần vốn (đối với công ty chứng khoán có phát hành trái phiếu chuyển đổi)
- Vốn khác của chủ sở hữu;
- Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý;
- Chênh lệch tỷ giá hối đoái;
- Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ;
- Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ;
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập phù hợp với quy định của pháp luật;
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối;
- Số dư các khoản dự phòng suy giảm giá trị tài sản;
- Năm mươi phần trăm (50%) phần giá trị tăng thêm của tài sản cố định được định giá lại theo quy định của pháp luật (trong trường hợp định giá tăng), hoặc trừ đi toàn bộ phần giá trị giảm đi (trong trường hợp định giá giảm);
- Các khoản giảm trừ (Thuyết minh 3.2.1);
- Các khoản tăng thêm (Thuyết minh 3.2.2); và
- Vốn khác (nếu có).

Các khoản giảm trừ

Vốn khả dụng của Công ty được điều chỉnh giảm bởi giá trị của các khoản mục sau:

- Cổ phiếu quỹ (nếu có);
- Toàn bộ phần giá trị giảm đi của các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị ghi sổ trên cơ sở chênh lệch giữa giá trị thị trường và giá trị ghi sổ của tài sản, không bao gồm các chứng khoán được phát hành bởi các tổ chức có liên quan với Công ty và chứng khoán có thời gian bị hạn chế chuyển nhượng còn lại trên 90 ngày kể từ ngày tính toán tỷ lệ an toàn tài chính;
- Giá trị ký quỹ trong trường hợp Công ty ký quỹ tài sản đảm bảo để ngân hàng thực hiện bảo lãnh thanh toán khi phát hành chứng quyền có bảo đảm, được xác định là giá trị nhỏ nhất của các giá trị: giá trị bảo lãnh thanh toán của ngân hàng và giá trị tài đảm bảo (được xác định bằng giá trị thị trường của tài sản đảm bảo * (1 – Hệ số rủi ro thị trường);
- Giá trị tài sản của Công ty được dùng để đảm bảo cho các nghĩa vụ của các tổ chức, cá nhân khác có thời hạn còn lại trên 90 ngày, được tính bằng khối lượng tài sản * Giá tài sản * (1 – Hệ số rủi ro thị trường);
- Các tài sản ngắn hạn bao gồm: các khoản trả trước, các khoản phải thu và tạm ứng có thời hạn thu hồi hoặc thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày, và các tài sản ngắn hạn khác;
- Các tài sản dài hạn;
- Các khoản ngoại trừ, có ý kiến trái ngược hoặc từ chối đưa ra ý kiến trên báo cáo tài chính đã được kiểm toán, soát xét (nếu có);
- Chứng khoán phát hành bởi các tổ chức có liên quan với Công ty trong các trường hợp dưới đây:
  - Là công ty mẹ, công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết của Công ty;
  - Là công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết của công ty mẹ của Công ty;
- Chứng khoán có thời gian bị hạn chế chuyển nhượng còn lại trên 90 ngày kể từ ngày tính toán tỷ lệ an toàn tài chính;

CÁC CHÍNH SÁCH LẬP BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH CHỦ YẾU (TIẾP)

- Các khoản thiệt hại tính theo giá trị hợp đồng trong trường hợp đối tác đối tác đã hoàn toàn mất khả năng thanh toán.

Khi xác định các chỉ tiêu tài sản giảm trừ khỏi vốn khả dụng, Công ty điều chỉnh giảm bớt phần giá trị giảm trừ như sau:

- Đối với chỉ tiêu tài sản dùng để đảm bảo cho nghĩa vụ của Công ty, khi tính giảm trừ được giảm đi giá trị nhỏ nhất của các giá trị sau: giá trị thị trường của tài sản đó, giá trị sổ sách, giá trị còn lại của nghĩa vụ;

- Đối với tài sản được đảm bảo bằng tài sản của tổ chức, cá nhân khác, khi tính giảm trừ được giảm đi giá trị nhỏ nhất của các giá trị sau: giá trị thị trường của tài sản bảo đảm, giá trị sổ sách.

Theo đó, giá trị thị trường của tài sản khi tính khoản điều chỉnh giảm phần giảm trừ khỏi vốn khả dụng được xác định bằng khối lượng tài sản đảm bảo * Giá tài sản * (1 – Hệ số rủi ro thị trường) phù hợp với quy định của Thông tư số 87/2017/TT-BTC.

Công ty không tính giá trị các loại rủi ro đối với các chỉ tiêu tài sản đã giảm trừ khỏi vốn khả dụng.

Các khoản tăng thêm

Vốn khả dụng của Công ty được điều chỉnh tăng thêm bởi các khoản mục sau:

- Toàn bộ phần giá trị tăng thêm của các khoản đầu tư, tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị ghi sổ trên cơ sở chênh lệch giữa giá trị thị trường và giá trị ghi sổ, không bao gồm các chứng khoán được phát hành bởi các tổ chức có liên quan với Công ty và các chứng khoán có thời gian bị hạn chế chuyển nhượng còn lại trên 90 ngày kể từ ngày tính toán tỷ lệ an toàn tài chính.

- Các khoản nợ có thể chuyển đổi thành vốn chủ sở hữu, bao gồm: trái phiếu chuyển đổi, cổ phiếu ưu đãi và các công cụ nợ khác đã được đăng ký bổ sung vốn khả dụng với Ủy ban chứng khoán nhà nước và thỏa mãn tất cả các quy định tại Khoản 2 Điều 7 của Thông tư 87/2017/TT-BTC;

Tổng giá trị các khoản nợ được sử dụng để bổ sung vốn khả dụng tối đa bằng 50% phần vốn chủ sở hữu. Đối với các khoản nợ có thể chuyển đổi thành vốn chủ sở hữu và các khoản nợ đã đăng ký bổ sung vào vốn khả dụng với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Công ty khấu trừ 20% giá trị ban đầu mỗi năm trong thời gian năm (05) cuối cùng trước khi đến hạn thanh toán/chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông và khấu trừ 25% giá trị còn lại mỗi quý trong thời hạn bốn (04) quý cuối cùng trước khi đến hạn thanh toán/chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông.

Giá trị rủi ro thị trường

Giá trị rủi ro thị trường là giá trị tương ứng với mức độ tổn thất có thể xảy ra khi giá thị trường của tài sản đang sở hữu và dự kiến sẽ sở hữu theo cam kết bảo lãnh phát hành biến động theo chiều hướng bất lợi. Giá trị rủi ro thị trường đối với các tài sản là: tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ, trái phiếu, cổ phiếu, quỹ/cổ phiếu của công ty đầu tư chứng khoán; được Công ty xác định khi kết thúc ngày giao dịch theo công thức sau:

Giá trị rủi ro thị trường = Vị thế ròng x Giá tài sản x Hệ số rủi ro thị trường

Trong đó, vị thế ròng của chứng khoán là số lượng chứng khoán đang nắm giữ của Công ty tại thời điểm tính toán, sau khi đã điều chỉnh giảm bớt số chứng khoán cho vay và tăng thêm số chứng khoán đi vay phù hợp với quy định của pháp luật.

Các tài sản không được xác định giá trị rủi ro thị trường bao gồm:

- Cổ phiếu quỹ;
- Chứng khoán phát hành bởi các tổ chức có liên quan với Công ty trong các trường hợp dưới đây:
  - Là công ty mẹ, công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết của Công ty;
  - Là công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết của công ty mẹ của Công ty;
- Chứng khoán có thời gian bị hạn chế chuyển nhượng còn lại trên chín mươi (90) ngày kể từ ngày tính toán;
- Trái phiếu, các công cụ nợ, giấy tờ có giá trên thị trường tiền tệ đã đáo hạn;
- Chứng khoán đã được phòng ngừa rủi ro bởi chứng quyền bán hoặc hợp đồng tương lai; chứng quyền bán và hợp đồng quyền bán được dùng để phòng ngừa rủi ro cho chứng khoán cơ sở.

Hệ số rủi ro thị trường

Hệ số rủi ro thị trường được xác định cho từng khoản mục tài sản theo quy định trong Thông tư số 87/2017/TT-BTC.

Giá tài sản

a. Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ

Giá trị của tiền bằng VND là số dư tài khoản tiền mặt tại ngày tính toán. Giá trị của tiền bằng ngoại tệ là giá trị quy đổi ra VND theo tỷ giá tại các tổ chức tín dụng ("TCTD") được phép kinh doanh ngoại hối tại ngày tính toán.

Giá trị của tiền gửi kỳ hạn và các công cụ thị trường tiền tệ bằng giá trị tiền gửi/giá mua cộng lãi lũy kế chưa được thanh toán tới ngày tính toán.

b. Trái phiếu

Giá trị của trái phiếu niêm yết là giá yết bình quân trên hệ thống giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán tại ngày giao dịch gần nhất cộng lãi lũy kế. Trong trường hợp trái phiếu không có giao dịch trong vòng nhiều hơn hai tuần tính đến ngày tính toán, là giá trị lớn nhất trong các giá trị đã bao gồm lãi lũy kế sau: Giá mua; Mệnh giá; Giá xác định theo phương pháp nội bộ.

Giá trị của trái phiếu chưa niêm yết là giá trị lớn nhất trong các giá trị đã bao gồm cả lãi lũy kế sau: Giá yết trên các hệ thống báo giá do Công ty lựa chọn (nếu có); Giá mua; Mệnh giá; Giá xác định theo phương pháp nội bộ.

c. Cổ phiếu

Giá trị của cổ phiếu niêm yết là giá đóng cửa tại ngày giao dịch gần nhất trước thời điểm tính toán đối với cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.
Giá trị của cổ phiếu của công ty đại chúng đăng ký giao dịch trên hệ thống UpCom là giá đóng cửa tại ngày giao dịch gần nhất trước thời điểm tính toán.

Trường hợp cổ phiếu niêm yết hoặc cổ phiếu đăng ký giao dịch trên sàn UpCom không có giao dịch trong vòng nhiều hơn hai (02) tuần tính đến ngày tính toán, giá trị của cổ phiếu là giá trị lớn nhất trong các giá trị sau: Giá trị sổ sách; Giá mua; Giá theo phương pháp nội bộ của Công ty.

Trường hợp cổ phiếu bị đình chỉ giao dịch, hủy niêm yết hoặc hủy đăng ký giao dịch, giá trị của cổ phiếu là giá trị lớn nhất trong các giá trị sau: Giá trị sổ sách; Mệnh giá; Giá theo phương pháp nội bộ của Công ty.

Giá trị của cổ phiếu đã đăng ký, lưu ký nhưng chưa niêm yết, chưa đăng ký giao dịch là giá trị trung bình dựa trên báo giá của tối thiểu ba (03) công ty chứng khoán không liên quan đến Công ty tại ngày giao dịch gần nhất trước thời điểm tính toán. Trường hợp cổ phiếu không có đủ báo giá từ tối thiểu ba (03) công ty chứng khoán, giá trị của cổ phiếu là giá trị lớn nhất trong các giá trị sau: Giá từ các báo giá; Giá của kỳ báo cáo gần nhất; Giá trị sổ sách; Giá mua; Giá theo quy định nội bộ của Công ty.

Giá trị cổ phiếu của tổ chức trong tình trạng giải thể, phá sản bằng 80% giá trị thanh lý của cổ phiếu đó tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất, hoặc giá theo quy định nội bộ của Công ty. Giá trị cổ phần, phần vốn góp khác là giá trị lớn nhất trong các giá trị sau: giá trị sổ sách; giá mua/giá trị vốn góp; giá theo quy định nội bộ của Công ty.

d. Quỹ/Cổ phiếu của Công ty đầu tư chứng khoán

Giá trị quỹ đóng đại chúng, quỹ ETF là giá đóng cửa của ngày giao dịch gần nhất trước ngày tính toán.Trường hợp quỹ đóng đại chúng không có giao dịch nhiều hơn hai (02) tuần tính đến ngày tính toán, giá trị quỹ được tính bằng (Giá trị tài sản ròng của quỹ ("NAV")/1 Chứng chỉ quỹ) tại kỳ báo cáo gần nhất trước ngày tính toán.

Giá trị Quỹ thành viên/Quỹ mở/Cổ phiếu của Công ty đầu tư chứng khoán phát hành riêng lẻ bằng NAV trên một đơn vị phần vốn góp/đơn vị chứng chỉ quỹ/cổ phiếu tại kỳ báo cáo gần nhất trước ngày tính toán.

Giá trị của các quỹ/cổ phiếu khác là giá trị theo quy định nội bộ của Công ty.

Giá trị rủi ro thị trường tăng thêm

Giá trị rủi ro thị trường của các tài sản sẽ được điều chỉnh tăng thêm trong trường hợp Công ty đầu tư quá nhiều vào tài sản đó, ngoại trừ chứng khoán đang trong thời gian bảo lãnh phát hành theo hình thức cam kết chắc chắn, trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh. Giá trị rủi ro được điều chỉnh tăng theo nguyên tắc sau:

- Tăng thêm 10% trong trường hợp giá trị của khoản đầu tư này chiếm từ 10% tới 15% Vốn chủ sở hữu của Công ty;

- Tăng thêm 20% trong trường hợp giá trị của khoản đầu tư này chiếm từ 15% tới 25% Vốn chủ sở hữu của Công ty;

- Tăng thêm 30% trong trường hợp giá trị của khoản đầu tư này chiếm từ 25% trở lên Vốn chủ sở hữu của Công ty.

Các khoản cổ tức, trái tức, giá trị quyền ưu đãi của chứng khoán (nếu có) hoặc lãi của tiền gửi, các khoản tương đương tiền, công cụ chuyển nhượng, giấy tờ có giá được điều chỉnh tăng thêm vào giá trị tài sản khi xác định giá trị rủi ro thị trường.

CÁC CHÍNH SÁCH LẬP BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH CHỦ YẾU (TIẾP)

Giá trị rủi ro thanh toán

Giá trị rủi ro thanh toán là giá trị tương ứng với mức độ tổn thất có thể xảy ra khi đối tác không thể thanh toán đúng hạn hoặc chuyển giao tài sản đúng hạn như cam kết. Giá trị rủi ro thanh toán được xác định khi kết thúc ngày giao dịch của các hợp đồng, giao dịch như sau:

- Đối với hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn tại các tổ chức tín dụng; các khoản cho vay đối với các tổ chức, cá nhân khác; hợp đồng vay, mượn chứng khoán phù hợp với quy định của pháp luật; hợp đồng bán có cam kết mua lại chứng khoán phù hợp với quy định của pháp luật; hợp đồng mua có cam kết bán lại chứng khoán phù hợp với quy định của pháp luật; hợp đồng cho vay mua ký quỹ chứng khoán phù hợp với quy định của pháp luật; các khoản phải thu, các khoản phải thu khác và tài sản có khác tiềm ẩn rủi ro thanh toán, giá trị rủi ro thanh toán trước thời hạn nhận chuyển giao chứng khoán, tiền và thanh lý hợp đồng, được xác định theo công thức:
  Giá trị rủi ro thanh toán = Hệ số rủi ro thanh toán theo đối tác x Giá trị tiềm ẩn rủi ro

- Đối với hợp đồng bảo lãnh phát hành ký với các tổ chức khác trong tổ hợp bảo lãnh phát hành theo hình thức cam kết chắc chắn mà Công ty là tổ chức bảo lãnh phát hành chính, giá trị rủi ro thanh toán được xác định bằng 30% giá trị còn lại của các hợp đồng bảo lãnh phát hành chưa được thanh toán.

- Đối với các khoản phải thu, các khoản phải thu khác và tài sản có khác quá hạn, chứng khoán chưa nhận chuyển giao đúng hạn, kể cả chứng khoán, tiền chưa nhận được từ các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn tại các tổ chức tín dụng; các khoản cho vay đối với các tổ chức, cá nhân khác; hợp đồng vay, mượn chứng khoán phù hợp với quy định của pháp luật; hợp đồng bán có cam kết mua lại chứng khoán phù hợp với quy định của pháp luật; hợp đồng mua có cam kết bán lại chứng khoán phù hợp với quy định của pháp luật; hợp đồng cho vay mua ký quỹ chứng khoán phù hợp với quy định của pháp luật đã đáo hạn, giá trị rủi ro thanh toán được xác định theo nguyên tắc sau:

Giá trị rủi ro thanh toán = Hệ số rủi ro thanh toán theo thời gian x Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán

Hệ số rủi ro thanh toán

Hệ số rủi ro thanh toán được xác định theo đối tác và theo thời gian theo quy định trong Thông tư số 87/2017/TT-BTC.

Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán

a. Hoạt động vay, cho vay chứng khoán, giao dịch ký quỹ, giao dịch mua bán lại cho khách hàng hoặc cho bản thân Công ty
Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán là giá trị thị trường của hợp đồng tính theo nguyên tắc như sau:
- Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán như sau:

STT	LOẠI HÌNH GIAO DỊCH	GIÁ TRỊ TÀI SẢN TIỀM ẨN RỦI RO THANH TOÁN
1	Tiền gửi có kỳ hạn, khoản tiền cho vay không có tài sản bảo đảm	Toàn bộ giá trị khoản cho vay
2	Cho vay chứng khoán	Max{(Giá trị thị trường của hợp đồng - Giá trị tài sản đảm bảo (nếu có)),0}
3	Vay chứng khoán	Max{(Giá trị tài sản đảm bảo - Giá trị thị trường của hợp đồng),0}
4	Hợp đồng mua chứng khoán có cam kết bán lại	Max{(Giá trị hợp đồng tính theo giá mua - Giá trị thị trường của hợp đồng x (1- Hệ số rủi ro thị trường)),0}
5	Hợp đồng bán chứng khoán có cam kết mua lại	Max{(Giá trị thị trường của hợp đồng x (1 - Hệ số rủi ro thị trường)-Giá trị hợp đồng tính theo giá bán),0}
6	Hợp đồng cho vay mua ký quỹ (cho khách hàng vay mua chứng khoán)/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất	Max{(Số dư nợ - Giá trị tài sản đảm bảo),0}

Số dư nợ là giá trị khoản vay, lãi vay và các loại phí.

Giá trị tài sản bảo đảm của khách hàng được xác định theo Thuyết minh số 3.2.1. Trong trường hợp tài sản bảo đảm của khách hàng không có giá tham khảo theo thị trường, thì được xác định theo quy định nội bộ của Công ty.

Giá trị của các tài sản được xác định theo Thuyết minh 3.3.2.

b. Hoạt động giao dịch chứng khoán

Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro trong hoạt động giao dịch chứng khoán được xác định theo nguyên tắc sau:

STT	THỜI GIAN	GIÁ TRỊ TÀI SẢN TIỀM ẨN RỦI RO
A – Đối với các giao dịch bán chứng khoán (bên bán là Công ty hoặc khách hàng của Công ty trong hoạt động môi giới)		
1.	Trước thời hạn nhận thanh toán	0
2.	Sau thời hạn nhận thanh toán	Giá trị thị trường của hợp đồng (trong trường hợp Giá thị trường thấp hơn Giá giao dịch)
		0 (trong trường hợp Giá thị trường cao hơn Giá giao dịch)
B – Đối với các giao dịch mua chứng khoán (bên mua là Công ty hoặc khách hàng của Công ty)		
1.	Trước thời hạn nhận chuyển giao chứng khoán	0
2.	Sau thời hạn nhận chuyển giao chứng khoán	Giá trị thị trường của hợp đồng (trong trường hợp Giá thị trường thấp hơn Giá giao dịch)
		0 (trong trường hợp Giá thị trường cao hơn Giá giao dịch)

Thời hạn thanh toán/nhận chuyển giao chứng khoán là T+2 (đối với cổ phiếu niêm yết), T+1 (đối với trái phiếu niêm yết; hoặc T+n (đối với các giao dịch thỏa thuận ngoài hệ thống giao dịch trong n ngày theo thỏa thuận của hai bên).

c. Các khoản phải thu, trái phiếu đã đáo hạn, các công cụ nợ đã đáo hạn

Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán là giá trị khoản phải thu tính theo mệnh giá, cộng thêm các khoản lãi chưa được thanh toán, chi phí có liên quan và trừ đi khoản thanh toán đã thực nhận trước đó (nếu có).

Giảm trừ giá trị tài sản đảm bảo

Công ty điều chỉnh giảm trừ phần giá trị tài sản bảo đảm của đối tác, khách hàng khi xác định giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán trong trường hợp các hợp đồng, giao dịch này đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:
- Đối tác, khách hàng có tài sản bảo đảm thực hiện nghĩa vụ của mình và tài sản bảo đảm là tiền, các khoản tương đương tiền, giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng trên thị trường tiền tệ, chứng khoán niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở Giao dịch Chứng khoán, trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Bộ Tài chính bảo lãnh phát hành;
- Công ty có quyền định đoạt, quản lý, sử dụng, chuyển nhượng tài sản bảo đảm trong trường hợp đối tác không thực hiện nghĩa vụ thanh toán đầy đủ và đúng thời hạn đã thoả thuận tại các hợp đồng.

Giá trị tài sản giảm trừ được xác định như sau:

Giá trị tài sản đảm bảo = Khối lượng tài sản x Giá tài sản x (1 – Hệ số rủi ro thị trường)

Giá tài sản được xác định theo thuyết minh 3.3.2

CÁC CHÍNH SÁCH LẬP BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH CHỦ YẾU (TIẾP)

Giá trị rủi ro thanh toán (Tiếp)

Giá trị rủi ro thanh toán tăng thêm

Giá trị rủi ro thanh toán phải được điều chỉnh tăng thêm trong các trường hợp sau:

- Tăng thêm 10% trong trường hợp giá trị hợp đồng tiền gửi, khoản cho vay, khoản phải thu trong hạn, hợp đồng mua có cam kết bán lại chứng khoán, hợp đồng bán có cam kết mua lại chứng khoán, tổng giá trị các khoản vay đối với một tổ chức, cá nhân và nhóm tổ chức, cá nhân liên quan (nếu có), chiếm từ trên 10% đến 15% Vốn chủ sở hữu;
- Tăng thêm 20% trong trường hợp giá trị hợp đồng tiền gửi, khoản cho vay, khoản phải thu trong hạn, hợp đồng mua có cam kết bán lại chứng khoán, hợp đồng bán có cam kết mua lại chứng khoán, tổng giá trị các khoản vay đối với một tổ chức, cá nhân và nhóm tổ chức, cá nhân liên quan (nếu có), trong hạn chiếm từ trên 15% đến 25% Vốn chủ sở hữu;
- Tăng thêm 30% trong trường hợp giá trị hợp đồng tiền gửi, khoản cho vay, khoản phải thu trong hạn, hợp đồng mua có cam kết bán lại chứng khoán, hợp đồng bán có cam kết mua lại chứng khoán, tổng giá trị các khoản vay đối với một tổ chức, cá nhân và nhóm tổ chức, cá nhân liên quan (nếu có), hoặc một cá nhân và các bên liên quan tới cá nhân đó (nếu có), chiếm từ trên 25% Vốn chủ sở hữu trở lên.

Bù trừ song phương giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán

Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán được bù trừ song phương khi:

- Rủi ro thanh toán liên quan tới cùng một đối tác;
- Rủi ro thanh toán phát sinh đối với cùng một loại hình giao dịch;
- Việc bù trừ ròng song phương đã được các bên thống nhất trước bằng văn bản.

Giá trị rủi ro hoạt động

Giá trị rủi ro hoạt động là giá trị tương ứng với mức độ tổn thất có thể xảy ra do lỗi kỹ thuật, lỗi hệ thống và quy trình nghiệp vụ, lỗi con người trong quá trình tác nghiệp, hoặc do thiếu vốn kinh doanh phát sinh từ các khoản chi phí, lỗ từ hoạt động đầu tư, hoặc do các nguyên nhân khách quan khác.

Giá trị rủi ro hoạt động của Công ty được xác định bằng 25% chi phí duy trì hoạt động của Công ty trong vòng mười hai (12) tháng liền kề tính tới thời điểm tính toán, hoặc 20% vốn pháp định theo quy định của pháp luật, tuỳ thuộc vào giá trị nào lớn hơn.

Chi phí duy trì hoạt động của Công ty được xác định bằng tổng chi phí phát sinh trong kỳ, trừ đi: chi phí khấu hao; chi phí/hoàn nhập dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính ngắn hạn, dài hạn và tài sản thế chấp; chi phí/hoàn nhập dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu, chi phí/hoàn nhập dự phòng suy giảm giá trị các tài sản ngắn hạn khác và phần chênh lệch đánh giá giảm giá trị tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ ("FVTPL") đã ghi nhận vào chi phí trong kỳ.

GIÁ TRỊ RỦI RO THỊ TRƯỜNG

	CÁC HẠNG MỤC ĐẦU TƯ	HỆ SỐ RỦI RO %	QUY MÔ RỦI RO VND	GIÁ TRỊ RỦI RO VND
		(1)	(2)	(3) = (1) x (2)
I.	**Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ**			
1.	Tiền mặt (VND)	0	10.261.178.967	-
2.	Các khoản tương đương tiền	0	218.122.254.736	-
3.	Giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng trên thị trường tiền tệ, chứng chỉ tiền gửi	0	-	-
II.	**Trái phiếu Chính phủ**			
4.	Trái phiếu Chính phủ không trả lãi	0	-	-
5.	Trái phiếu Chính phủ trả lãi suất cuống phiếu			
5.1	Trái phiếu Chính phủ (bao gồm công trái và trái phiếu công trình đã phát hành trước đây), trái phiếu Chính phủ các nước thuộc khối OECD hoặc được bảo lãnh bởi Chính phủ hoặc Ngân hàng Trung ương của các nước thuộc khối này, trái phiếu được phát hành bởi các tổ chức quốc tế IBRD, ADB, IADB, AFDB, EIB và EBRD	3	85.490.648.713	2.564.719.461
III.	**Trái phiếu doanh nghiệp**			
6.	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại dưới 1 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	8	-	-
	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại từ 1 năm đến dưới 3 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	10	-	-
	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại từ 3 năm đến dưới 5 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	15	-	-
	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại từ 5 năm trở lên, kể cả trái phiếu chuyển đổi	20	-	-
7.	Trái phiếu không niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại dưới 1 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	25	-	-
	Trái phiếu không niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại từ 1 năm đến dưới 3 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	30	-	-
	Trái phiếu không niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại từ 3 năm đến dưới 5 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	35	71.192.298.691	24.917.304.542
	Trái phiếu không niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại từ 5 năm trở lên, kể cả trái phiếu chuyển đổi	40	-	-

GIÁ TRỊ RỦI RO THỊ TRƯỜNG

	CÁC HẠNG MỤC ĐẦU TƯ	HỆ SỐ RỦI RO %	QUY MÔ RỦI RO VND	GIÁ TRỊ RỦI RO VND
		(1)	(2)	(3) = (1) x (2)
IV. Cổ phiếu				
8.	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các tổ chức niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh; chứng chỉ quỹ mở	10	134.162.877.110	13.416.287.711
9.	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các tổ chức niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội	15	42.754.303.600	6.413.145.540
10.	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các công ty đại chúng chưa niêm yết, đăng ký giao dịch qua hệ thống UpCom	20	105.199.281.100	21.039.856.220
11.	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các công ty đại chúng đã đăng ký lưu ký, nhưng chưa niêm yết hoặc đăng ký giao dịch; cổ phiếu đang trong đợt phát hành lần đầu (IPO)	30	-	-
12.	Cổ phiếu của các công ty đại chúng khác	50	63.398.654.044	31.699.327.022
V. Chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán				
13.	Quỹ đại chúng, bao gồm cả công ty đầu tư chứng khoán đại chúng	10	54.277.610.000	5.427.761.000
14.	Quỹ thành viên, công ty đầu tư chứng khoán riêng lẻ	30	-	-
VI. Chứng khoán bị hạn chế giao dịch				
15.	Chứng khoán bị tạm ngừng giao dịch	40	781.800	312.720
16.	Chứng khoán bị huỷ niêm yết, huỷ giao dịch	50	140.000	70.000
VII. Chứng khoán phái sinh				
17.	Hợp đồng tương lai chỉ số	8	-	-
	Cách tính: Giá trị rủi ro = (Giá trị thanh toán cuối ngày – giá trị chứng khoán mua vào để đảm bảo cho nghĩa vụ thanh toán hợp đồng tương lai) x hệ số rủi ro của hợp đồng tương lai – Giá trị ký quỹ (phần đóng góp vào quỹ bù trừ đối với vị thế mở của công ty chứng khoán) Giá trị thanh toán cuối ngày = Giá thanh toán cuối ngày x Khối lượng mở			
18.	Hợp đồng tương lai trái phiếu chính phủ	3	-	-
	Cách tính: Giá trị rủi ro = (Giá trị thanh toán cuối ngày – giá trị chứng khoán mua vào để đảm bảo cho nghĩa vụ thanh toán hợp đồng tương lai) x hệ số rủi ro của hợp đồng tương lai – Giá trị ký quỹ (phần đóng góp vào quỹ bù trừ đối với vị thế mở của công ty chứng khoán) Giá trị thanh toán cuối ngày = Giá thanh toán cuối ngày x Khối lượng mở			

	CÁC HẠNG MỤC ĐẦU TƯ	HỆ SỐ RỦI RO %	QUY MÔ RỦI RO VND	GIÁ TRỊ RỦI RO VND
		(1)	(2)	(3) = (1) x (2)
VIII. Chứng khoán khác				
19.	Cổ phần, phần vốn góp và các loại chứng khoán khác	80	-	-
20.	Cổ phiếu niêm yết trên các thị trường nước ngoài thuộc các chỉ số đạt chuẩn	25	-	-
21.	Cổ phiếu niêm yết trên các thị trường nước ngoài không thuộc các chỉ số đạt chuẩn	100	-	-
22.	Chứng quyền có bảo đảm niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh	8	-	-
23.	Chứng quyền có bảo đảm niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội	10	-	-
24.	Chứng quyền có bảo đảm do Công ty phát hành		-	-
	Cách tính: Giá trị rủi ro = (P0 x Q0 x k – P1 x Q1) x R – MD			
25.	Chứng khoán hình thành từ hoạt động phòng ngừa rủi ro cho chứng quyền có bảo đảm do Công ty phát hành (trường hợp chứng quyền có bảo đảm không có lãi)		-	-
26.	Phần chênh lệch giữa giá trị chứng khoán cơ sở dùng để phòng ngừa rủi ro và giá trị chứng khoán cơ sở cần thiết để phòng ngừa rủi ro cho chứng quyền có bảo đảm		-	-
TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO THỊ TRƯỜNG (I+II+III+IV+V+VI+VII+VIII+IX)				**105.478.784.216**

GIÁ TRỊ RỦI RO THANH TOÁN

	GIÁ TRỊ RỦI RO VND
Rủi ro trước thời hạn thanh toán (Thuyết minh 5.1)	6.902.552.667
Rủi ro quá thời hạn thanh toán (Thuyết minh 5.2)	30.792.676.569
Rủi ro tăng thêm	-
Tổng giá trị rủi ro thanh toán	**37.695.229.236**

Rủi ro trước thời hạn thanh toán

	Loại hình giao dịch	Hệ số rủi ro (%) / Giá trị rủi ro (VND) 0%	0,8%	3,2%	4,8%	6%	8%	Tổng giá trị rủi ro VND
		(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	
1.	Tiền gửi có kỳ hạn, các khoản tiền cho vay không có tài sản bảo đảm, các khoản phải thu từ hoạt động giao dịch và nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán và các khoản mục tiềm ẩn rủi ro thanh toán khác	-	-	-	-	6.902.552.667	-	6.902.552.667
2.	Cho vay tài sản tài chính/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất	-	-	-	-	-	-	-
3.	Vay tài sản tài chính/ Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất	-	-	-	-	-	-	-
4.	Hợp đồng mua tài sản tài chính có cam kết bán lại/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất	-	-	-	-	-	-	-
5.	Hợp đồng bán tài sản tài chính có cam kết mua lại/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất	-	-	-	-	-	-	-
	TỔNG RỦI RO TRƯỚC THỜI HẠN THANH TOÁN							**6.902.552.667**

Chi tiết hệ số rủi ro thanh toán theo đối tác được Công ty xác định như sau:

STT	ĐỐI TÁC THANH TOÁN CHO CÔNG TY	HỆ SỐ RỦI RO
(1)	Chính phủ, các tổ chức phát hành được Chính phủ bảo lãnh, Chính phủ và Ngân hàng Trung ương các nước thuộc khối OECD; Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;	0%
(2)	Sở Giao dịch Chứng khoán, Trung tâm Lưu ký Chứng khoán	0,80%
(3)	Tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính, tổ chức kinh doanh chứng khoán thành lập ở các nước thuộc khối OECD và có hệ số tín nhiệm đáp ứng các điều kiện khác theo quy định nội bộ của tổ chức kinh doanh chứng khoán	3,20%
(4)	Tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính, tổ chức kinh doanh chứng khoán thành lập ngoài các nước OECD; hoặc thành lập tại các nước thuộc khối OECD và không đáp ứng các điều kiện khác theo quy định nội bộ của Công ty	4,80%
(5)	Tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính, tổ chức kinh doanh chứng khoán thành lập và hoạt động tại Việt Nam	6%
(6)	Các tổ chức, cá nhân khác	8%

Rủi ro quá thời hạn thanh toán

STT	THỜI GIAN QUÁ HẠN	HỆ SỐ RỦI RO %	QUY MÔ RỦI RO VND	GIÁ TRỊ RỦI RO VND
1.	0 - 15 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán	16	-	-
2.	16 - 30 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán	32	-	-
3.	31 - 60 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán	48	-	-
4.	Từ 60 ngày trở đi	100	30.792.676.569	30.792.676.569
	TỔNG RỦI RO QUÁ THỜI HẠN THANH TOÁN			**30.792.676.569**

GIÁ TRỊ RỦI RO HOẠT ĐỘNG

	CHỈ TIÊU	GIÁ TRỊ VND
I.	Tổng chi phí hoạt động phát sinh trong vòng 12 tháng tính tới tháng 12 năm 2017	361.347.808.022
II.	Các khoản giảm trừ khỏi tổng chi phí (Thuyết minh 6.1)	46.558.412.707
III.	Tổng chi phí sau khi giảm trừ (III = I – II)	314.789.395.315
IV.	25% Tổng chi phí sau khi giảm trừ (IV = 25% III)	78.697.348.829
V.	20% Vốn pháp định của Công ty	60.000.000.000
TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO HOẠT ĐỘNG		**78.697.348.829**

Các khoản giảm trừ khỏi tổng chi phí

	GIÁ TRỊ VND
Chi phí khấu hao	1.926.382.682
Chi phí dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính ngắn hạn và tài sản thế chấp	8.231.989.254
Hoàn nhập dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính dài hạn	(2.190.000.000)
Chênh lệch đánh giá giảm tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	38.590.040.771
	46.558.412.707

VỐN KHẢ DỤNG

STT	NỘI DUNG	Vốn khả dụng		
		VỐN KHẢ DỤNG VND	KHOẢN GIẢM TRỪ VND	KHOẢN TĂNG THÊM VND
		(1)	(2)	(3)
A	**VỐN CHỦ SỞ HỮU**			
1	Vốn đầu tư của chủ sở hữu không bao gồm cổ phần ưu đãi hoàn lại (nếu có)	722.339.370.000		
2	Thặng dư vốn cổ phần không bao gồm cổ phần ưu đãi hoàn lại (nếu có)	610.253.166.720		
3	Cổ phiếu quỹ	(496.682.500)		
4	Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu – Cấu phần vốn	-		
5	Vốn khác của chủ sở hữu	-		
6	Chênh lệch đánh giá lại tài sản theo giá trị hợp lý	25.455.682.334		
7	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	29.538.463.475		
8	Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	29.538.463.475		
9	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-		
10	Lợi nhuận chưa phân phối	281.475.143.206		
11	Số dư dự phòng suy giảm giá trị tài sản	95.754.728.883		
12	Chênh lệch đánh giá lại tài sản cố định	-		
13	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-		
14	Các khoản nợ có thể chuyển đổi			-
15	Toàn bộ phần giảm đi hoặc tăng thêm của các chứng khoán tại chỉ tiêu đầu tư tài chính		1.972.655.800	36.947.359.889
16	Vốn khác (nếu có)	-		
1A	**TỔNG**			**1.828.833.039.682**

VỐN KHẢ DỤNG (TIẾP)

STT	NỘI DUNG	VỐN KHẢ DỤNG		
		Vốn khả dụng VND	Khoản giảm trừ VND	Khoản tăng thêm VND
		(1)	(2)	(3)
B	**TÀI SẢN NGẮN HẠN**			
I	**Tài sản chính**			
1	Tiền và các khoản tương đương tiền			
	Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)			
2	▶ Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường			
	▶ Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng		1.044.800	
	Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)			
3	▶ Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường			
	▶ Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng		-	
4	Các khoản cho vay			
	Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)			
5	▶ Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường			
	▶ Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng		-	
6	Dự phòng suy giảm giá trị tài sản tài chính và tài sản thế chấp			
7	Các khoản phải thu (phải thu bán các tài sản tài chính, phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi từ các tài sản tài chính)			
	▶ Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	▶ Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày		4.442.711.205	
8	Chứng quyền có bảo đảm chưa phát hành hết			
9	Chứng khoán cơ sở phục vụ mục đích phòng ngừa rủi ro khi phát hành chứng quyền có bảo đảm		-	
	Phải thu các dịch vụ Công ty cung cấp			
10	▶ Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	▶ Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày		-	
	Phải thu nội bộ			
11	▶ Phải thu nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	▶ Phải thu nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày		-	
	Phải thu về lỗi giao dịch chứng khoán			
12	▶ Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	▶ Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày		-	
	Các khoản phải thu khác			
13	▶ Phải thu khác có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	▶ Phải thu khác có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày		6.821.181.789	
14	Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu			

STT	NỘI DUNG	VỐN KHẢ DỤNG		
		Vốn khả dụng VND	Khoản giảm trừ VND	Khoản tăng thêm VND
		(1)	(2)	(3)
B	**TÀI SẢN NGẮN HẠN**			
I	**Tài sản ngắn hạn khác**			
	Tạm ứng			
1	▶ Tạm ứng có thời hạn hoàn ứng còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	▶ Tạm ứng có thời hạn hoàn ứng còn lại trên 90 ngày		-	
2	Vật tư văn phòng, công cụ dụng cụ		212.376.870	
3	Chi phí trả trước ngắn hạn		571.512.788	
4	Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn		17.700.000	
5	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		-	
6	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		-	
7	Tài sản ngắn hạn khác		-	
8	Dự phòng suy giảm giá trị tài sản ngắn hạn khác			
1B	**TỔNG**			**12.066.527.452**
C	**TÀI SẢN DÀI HẠN**			
I	**Tài sản tài chính dài hạn**			
1.	Các khoản phải thu dài hạn		-	
2.	Các khoản đầu tư			
	Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn			
2.1	▶ Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường			
	▶ Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng		90.261.587.034	
2.2	Đầu tư vào công ty con		-	
2.3	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		-	
2.4	Đầu tư dài hạn khác		85.315.680.000	
II	**Tài sản cố định**		14.135.215.848	
III	**Bất động sản đầu tư**		-	
IV	**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**		-	
V	**Tài sản dài hạn khác**			
1.	Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn		1.152.476.115	
2.	Chi phí trả trước dài hạn		47.393.820.391	
3.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		-	
4.	Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán		21.158.480.060	
5.	Tài sản dài hạn khác		-	
VI	**Dự phòng suy giảm giá trị tài sản dài hạn**			
	Các chỉ tiêu tài sản bị coi là khoản ngoại trừ, có ý kiến trái ngược hoặc từ chối đưa ra ý kiến tại báo cáo tài chính đã được kiểm toán, soát xét mà không bị tính giảm trừ theo quy định tại Điều 5, Thông tư 87/2017/TT-BTC			
1C	**TỔNG**			**259.417.259.448**

VỐN KHẢ DỤNG (TIẾP)

STT	NỘI DUNG	VỐN KHẢ DỤNG		
		Vốn khả dụng VND	Khoản giảm trừ VND	Khoản tăng thêm VND
		(1)	(2)	(3)
D	**Các khoản ký quỹ, đảm bảo**			
1	Giá trị ký quỹ			
1.1	Giá trị đóng góp vào quỹ hỗ trợ thanh toán của Trung tâm Lưu ký chứng khoán (đối với thị trường chứng khoán phái sinh)		-	
1.2	Giá trị đóng góp vào quỹ bù trừ của đối tác thanh toán trung tâm đối với vị thế mở của chính thành viên bù trừ (đối với thị trường chứng khoán phái sinh)		-	
1.3	Khoản ký quỹ bằng tiền và giá trị bảo lãnh thanh toán của ngân hàng khi phát hành chứng quyền có bảo đảm		-	
2	Giá trị tài sản đảm bảo cho các nghĩa vụ phải trả có thời hạn còn lại trên 90 ngày		-	
1D	**TỔNG**			**-**
	VỐN KHẢ DỤNG = 1A-1B-1C-1D			**1.557.349.252.782**

Ghi chú:

Không áp dụng cho mục đích lập Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện quan trọng nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay thuyết minh trong báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Bà Nguyễn Hồng Thủy	**Bà Vũ Thu Hòa**	**Ông Nhữ Đình Hòa**
Trưởng phòng Tài chính Kế toán	Phó phòng pháp chế & Kiểm soát Nội bộ	Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 26 tháng 03 năm 2018